

Trần Văn Giang

Ruột Đau Chín Chiều

2010

*... để luôn luôn ghi nhớ ngày chia ly - 30 tháng 4 năm 1975...
và để kính dâng bố mẹ đã suốt đời hy sinh cho các con.*

Trần Văn Giang

Mục Lục

	Trang
01 - Lời tựa	1
02 - Kha Tư Giáo – Người chiến sĩ bất khuất của tự do	5
03 - Đi thăm chồng.....	15
04 - Nhớ lời Bác dạy	21
05 - Trí thức thiên tả	29
06 - Tự hào dân tộc?.....	39
07 - Đọc bài thơ Nguyên Tiêu của Hồ Chí Minh.....	51
08 - Nói láo như vẹt.....	61
09 - Cấm đài bậy!	69
10 - Quốc ca và các tác dụng phụ	77
11 - Rớt mồng tơi	81
12 - Giả hay thật?.....	93
13 - Nói dối	99
14 - Thói hư tật xấu của người mình	107
15 - Thử bàn lại một vài vấn đề Khổng giáo	121
16 - Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi	127
17 - Hèn hay hùa?	141
18 - Chửi mất gà	149
19 - Văn hóa cạn chén	155
20 - Năm Chó nói chuyện Chó	165
21 - Năm Hợi nói chuyện thịt heo	171
22 - Ngụ ngôn năm Chuột	179
23 - Như Trâu	189
24 - Cao Hồ cốt	197
25 - Sến và Mari Sến	209
26 - Con số 13.....	217
27 - Nguồn gốc danh từ Sài gòn	221
28 - Cười ra nước mắt	227
29 - Bảng đối chiếu từ ngữ	241
30 - Phụ đính 1: Ngày về thăm quê hương (thơ TVG)	251
31 - Phụ đính 2: Giấy chứng nhận người	253
32 - Phụ đính 3: Lưng em sau làn áo mỏng	259
34 - Phụ đính 4: Đẳng ta đang loay hoay	269
35 - Phụ đính 5: Tổng cự nghinh tân	273

Lời tựa

*“Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều...”*
(Ca dao)

Tôi sinh ra tại miền Bắc Việt Nam. Năm 1954, gia đình tôi đã vội vã di cư vào Nam, bỏ lại tất cả tài sản, ruộng vườn, mồ mả tổ tiên, ông bà. Cả gia đình gồm cha mẹ và 4 con thơ chỉ có đem theo vốn vẹn một cái va-li quần áo cũ; Rồi lại một lần nữa, năm 1975, chính bản thân tôi lại phải bỏ lại bố mẹ, anh em, tương lai... vượt biển đến Phi luật tân với duy nhất một bộ quần áo đang mặc trên người – Cả hai lần “chạy lấy người” cũng chỉ vì một lý do: *không chấp nhận cộng sản / không thể sống dưới chế độ cộng sản.*

Hôm nay, đã vào tuổi lục tuần, khi tóc đã bắt đầu điểm muối tiêu, tôi vẫn thường hay đứng ở sân sau nhà mỗi chiều chiều, nhìn về quê hương Việt Nam xa xôi để ôn lại các kỷ niệm đầy nước mắt của quá khứ; rồi nhìn vào hoàn cảnh tị nạn cộng sản, nhìn vào hiện trạng của quê hương mà không khỏi bùi ngùi, nuối tiếc, oán hận và mơ ước...

Những bài viết trong quyển sách này là một góp nhặt nho nhỏ, qua thời gian, ghi lại những bùi ngùi, nuối tiếc, oán hận và mơ ước... này.

Mong rằng quý vị đọc giả tìm thấy ở đây, qua lời văn mộc mạc, thực tế - nói như thế nào viết ra y như vậy! - một chút ít gì gọi là “tương lân” trong suốt giai đoạn oan trái của bản thân, biến chuyển tang thương của đất nước và rồi cùng nhau hy vọng:

*“Còn trời còn đất còn non nước
Có lẽ ta đâu mãi thế này...”*
(Quân tử cố cùng – Nguyễn Công Trứ)

Riêng đối với kinh nghiệm sống với chủ nghĩa cộng sản, theo tôi, qua thời gian, đã có một chân lý rõ rệt như ban ngày là:

Chính sách cộng sản là một tai hoạ vô tiền khoáng hậu đã xảy đến cho nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử 4000 năm lập quốc.

Nói về tai hoạ cộng sản không thì có cơ man nào để kể cho hết. Tôi thấy không có gì cụ thể và đích thực hơn là đọc lại những nhận xét của chính con người cộng sản.

Sau đây mời quý vị độc giả đọc một nhận định mà tôi có lẽ chỉ dùng nó để thay cho lời tựa của quyển sách này là đầy đủ rồi. Đó là lời nói của ông Boris Yeltsin, cựu đảng viên cao cấp của đảng cộng sản Liên xô, cựu Tổng thống của Cộng hoà Liên xô (sau khi Liên bang Xô viết giải thể đảng cộng sản Liên xô năm - 1991) mà tôi xin mượn ở đây như là một bằng chứng sống:

(nguyên văn)

“Our country has not been lucky. Indeed, it was decided to carry out this Marxist experiment on us – fate pushed us in precisely this direction. Instead of some country in Africa, they began this experiment with us. In the end we proved that there is no place for this idea. It simply pushed us off the path the world’s civilized countries have taken. This is reflected today, when 40 percent of the people are living below the poverty level and, moreover, in constant humiliation when they receive produce upon presentation on ration cards. This is a constant humiliation, a reminder every hour that you are a slave in this country.”

Boris Yeltsin

(In a speech to a meeting of Democratic Russia, June 1, 1991)

Tôi tạm lược dịch:

“Đất nước của chúng ta thật kém may mắn. Thực ra, đất nước này đã thử nghiệm thuyết cộng sản – và định mệnh đã đưa đầy đất nước chúng ta vào đúng cái chiều hướng (oan nghiệt) này. Đáng lẽ ra thuyết cộng sản phải được dùng cho các quốc gia (kém mở mang) ở Phi châu (?), thì (ngược lại) nó lại được đem áp dụng cho đất nước của chúng ta. Đến ngày hôm nay, chúng ta đã chứng minh rõ ràng là đất nước chúng ta không bao giờ nên có cái lý thuyết (cộng sản tai hại) này. Thuyết cộng sản đã đẩy chúng ta ra ngoài con đường tiến hóa mà các quốc gia văn minh trên thế giới đang đi. Ngày hôm nay nhìn lại, khi 40 phần trăm dân chúng (Liên xô) đang sống ở mức độ bần cùng, hơn thế nữa, hàng ngày họ đã phải giơ tay xin nhận tem phiếu (của đảng và nhà nước) cho tất cả các vật dụng (và thực phẩm) trong sự nhục nhã triền miên. Sự nhục nhã vô cùng tận này, nhắc nhở cho chúng ta biết từng giờ từng phút: chúng ta là những nô lệ trong chính đất nước của chúng ta.”

Boris Yeltsin

(Trích trong diễn văn đọc tại một buổi “mít tinh” của Cộng hoà Liên xô vào ngày 1 tháng 6 năm 1991).

Bây giờ chúng ta chỉ thay thế hai chữ “our country,” hay hai chữ “*this country*,” bằng hai chữ “*Việt Nam*” thì còn có gì thích đáng hơn! Sự mô tả và so sánh phải đúng đến 100 phần trăm.

Thân mến,

Trần văn Giang

(Orange County - Tháng Giêng năm 2010)

Kha Tư Giáo

Người chiến sĩ bất khuất của tự do.

Lời mở đầu:

Gần đây truyền thông và báo chí của người Việt hải ngoại đã tốn rất nhiều thời giờ, công sức, dài dòng về sự vô liêm sỉ, bất xứng, trở cờ của một số cỏ đuôi chó sống đời tị nạn ở hải ngoại. Các ngọn cỏ đuôi chó này đang uốn lười theo ngọn gió phình gạt mới của cộng sản: ồn ào hô hào “hoà hợp hoà giải” với cộng sản, “quên đi quá khứ, hướng về tương lai... (sic)” Trong số đó, buồn thay, có cả những người đã từng nắm vai trò lãnh đạo của miền Nam Việt Nam trước 30/4/1975. Những tên tuổi này đã từng (bị cộng đồng lật tẩy) có thành tích lừa thầy, phản bạn và đâm sau lưng chiến sĩ, đồng đội. Đã đến lúc chúng ta nên quên họ đi... Hãy để mặc cho họ tha hồ múa may theo nhịp trống bịp bợm mà mafia CS đang đập, trước khi họ lại được chính bọn CS cho học một bài học lừng gạt (cũ rích) của CS. Các bài học lịch sử của sự “liên minh” với vẹm năm 1945, của sự ký hiệp ước với CS (Paris Accord – Hiệp định Ba-lê) năm 1973 vẫn còn rành rành, chắc chắn sẽ cơ hội tái diễn...

Thay vì cất công bận tâm đến họ, chúng ta hãy dành chút ít thời giờ quý báu để nhắc nhở, tưởng nhớ các chiến sĩ (hầu như vô danh) của tự do đã sống bất khuất, cuối cùng đã chọn cái chết (vinh) hơn sự sống nhục. Các chiến sĩ VNCH bất khuất như Ngô Nghĩa (Pháo binh SĐ21BB), Nguyễn Hưng Quốc (KQ), Tiền Quốc Quyền (Trinh sát SĐ5BB), Trần văn Hoà (Biệt Kích 81), Kha Tư Giáo (Cục Quân Nhu)...

Riêng bài này viết về chiến sĩ Kha Tư Giáo theo lời thuật lại của một đồng môn của tôi. Anh ta đã là bạn tù của Kha Tư Giáo kể từ ngày cùng đi trình diện (để đi gọi là “học tập cải tạo !”) tại trường Đại học Kiến Trúc Sài Gòn ngày 28 tháng 5 năm 1975 cho đến khi Kha Tư Giáo chết ở Long Giao, Long Khánh và khoảng tháng 6 năm 1976.

TVG

*

Kha Tư Giáo tốt nghiệp trường Khóa I Chính Trị Kinh Doanh Đà Lạt; nhập ngũ (khóa 9/68 Thủ Đức); mãn khóa sĩ quan, về phục vụ cho Cục Quân Nhu (căn cứ tiếp liệu Đồng Tâm – Mỹ Tho) và sau đó biệt phái về làm cho Kỹ Thương ngân hàng ở Sài Gòn. Năm 1975, Kha Tư Giáo khoảng độ 30 tuổi mang cấp bậc cuối cùng, trước ngày tan hàng 30/4/1975, là Trung úy của Cục Quan Nhu.

Kha Tư Giáo người cao ráo, trắng xanh theo kiểu nhân viên văn phòng và có dáng dấp thư sinh tương tự như hình ảnh “anh chàng văn sĩ” trong trại tập trung của Đức quốc xã mà chúng ta thấy trong phim “Giờ Thứ 25” của nhà văn người Romania - C. Virgil Gheorghiu. Kha Tư Giáo là một người trầm ngâm, ít nói. Nhưng khi nói thì rất rành mạch, đúng sách vở. Kha Tư Giáo cũng là một người bạn tốt, sòng phẳng và sẵn sàng giúp đỡ các bạn tù khác.

Theo lệnh của CS, Kha Tư Giáo đi trình diện tại trường Đại học Kiến Trúc Sài Gòn ngày 28 tháng 5 năm 1975. Vào đêm 28 tháng 5 năm 1975, Kha Tư Giáo và các cựu sĩ quan VNCH khác đã trình diện tại trường Đại học Kiến Trúc Sài Gòn trong hai ngày 27 và 28 tháng 5 năm 1975 được chuyển đến “Thành Ông Năm” ở Bùi Môn, Học Môn bằng xe Molotova.

Kha Tư Giáo bị giữ ở trại T2-L19 tại Bùi Môn từ ngày 28 tháng 5 năm 1975 cho đến cuối năm 1975. Anh Giáo và các tù nhân sĩ quan VNCH được CS dùng tàu đổ bộ cũ của HQVN (HQ 403?) chở ra đảo Phú Quốc, Dương Đông. Tất cả tù nhân đặt chân lên đảo Phú Quốc đúng vào chiều ngày “Ông Táo về Trời” Tết Bính Thìn 1976.

Thời bấy giờ, Kha Tư Giáo có một người chú ruột là Kha Tư Ân làm Thứ Trưởng Bộ Công Nghệ Nhẹ của chính quyền CS Hà Nội. Người chú này đã có lần viết thư cho Kha Tư Giáo nhắn nhủ là:

“Cháu cứ nhận tội (làm tay sai Mỹ, chống lại CS) thì họ (cán bộ quản giáo - cai tù cải tạo) sẽ cho về.”

Người em ruột của Kha Tư Giáo là Kha Tư Huân, cũng mang cấp bậc Trung úy, đã nghe theo lời chú nhận tội (!) như vậy, chỉ bị tù một năm rồi được CS thả về. Kha Tư Giáo cương quyết nhất định không bao giờ nhận bất cứ tội gì; mặc dù chính ngay các cán bộ quản giáo đã nhiều lần khuyên Kha Tư Giáo cứ “nhận tội” thì sẽ cho về. Đã không nhận tội, Kha Tư Giáo còn nói với cán bộ quản giáo là:

“Tôi không có thân nhân nào làm việc với CS cả!”

Và tiếp theo là:

“Nếu thấy tôi có tội thì cứ đem ra bắn; còn thấy tôi không có tội thì phải thả tôi ra tự do!”

Sau đây là một số tranh luận với quản giáo của trại tù CS mà tôi xin ghi lại qua lời kể của ông Nguyễn Tất Đắc (cựu sĩ quan KQVN), một bạn tù khác của Kha Tư Giáo ở Thành Ông Năm:

(Trích)

... Anh Giáo người rất cao ráo khỏe mạnh, qua cặp kính trắng ra dáng là một nhà trí thức. Sở dĩ anh Giáo đã để lại nhiều ấn tượng với tôi vì sau khi làm những việc lao động như mọi người, anh thường mặc cái võng ở một xó; rồi qua cặp kính trắng, anh nằm đăm chiêu tư lự như không muốn nói chuyện với ai. Sau đó toàn trại đều biết đến anh vì anh dứt khoát không bao giờ nhận có tội với “cách mạng.” Ít lâu sau, anh Giáo được chuyển sang đội của

tôi; do đó tôi và các bạn khi họp trong đội thường xuyên được nghe anh Giáo đấu khẩu bóp chát với tên cán bộ phụ trách khiến trên thành ủy phải đưa cán bộ thứ dũ đối thoại tay đôi với anh Giáo. Mặc dù hai người nói chuyện ở ngay trong phòng, chúng tôi đều lảng ra chỗ khác nhưng liếc thấy anh Giáo mặt mũi đỏ gay và cả hai người một đôi khi rất lớn tiếng với nhau nên chúng tôi cũng đoán là tên cán bộ đó chẳng thể nào khuất phục anh Giáo phải nhận tội.

Đây là những lời đối thoại bóp chát trong những giờ học tập trong đội tôi giữa anh Giáo và các tên cán bộ CS khiến cho chúng phải cứng họng.

Một tên cán bộ đang thao thao đề cao những ưu việt của xã hội chủ nghĩa thì anh Giáo giơ tay xin phát biểu:

“Cán bộ đề cao xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi nghe thấy khó hiểu và cao xa quá... xong thực ra, chúng tôi không cần biết mà cũng không cần hiểu làm gì. Dân miền nam chúng tôi chỉ đơn giản hiểu cái chủ nghĩa nào mang lại cơm no áo ấm hạnh phúc cho người dân đó mới là chủ nghĩa ưu việt mà thôi.”

Một lần khi lên lớp trong đội của tôi tên cán bộ nói:

“Các anh ráng học tập tốt để về chứ; nhà nước đâu có cơm gạo nhiều để nuôi các anh.”

Thấy anh Giáo giơ tay xin phát biểu. Tên cán bộ phải miễn cưỡng để cho anh Giáo nói:

“Cách mạng bảo chúng tôi đi học 10 ngày mà cho đến nay đã mấy tháng rồi vẫn giữ chúng tôi lại chưa cho về; nay lại nói là không có cơm gạo để nuôi chúng tôi là làm sao?”

Tên cán bộ sừng cồ:

“Ai nói với các anh là chỉ đi học tập có 10 ngày?”

Anh Giáo nói:

“Một lời nói của cách mạng để 99% người dân hiểu lầm vậy thì đó là lỗi của người dân hay của cách mạng?”

Tên cán bộ bị cứng họng mặt mũi đỏ gay tức tối.

Và đó cũng là lý do trên thành ủy đã phải cử một tên cán bộ cao cấp xuống đấu lý với anh Giáo qua chuyện “có tội hay không có tội”

...

(ngưng trích)

Vì cãi không lại các lý luận của Kha Tư Giáo, cán bộ quản giáo phải mời Chính ủy của Trung đoàn xuống để “góp ý” và tranh luận với Kha Tư Giáo. Đáng nhớ nhất trong tâm trí của các tù nhân sĩ quan VNCH tại trại Bùi Môn là sau vụ “góp ý” của Chính ủy trung đoàn với Kha Tư Giáo không đi đến đâu cả, một tên cán bộ quản giáo nói với Kha Tư Giáo:

“Bây giờ tôi nói chuyện với anh như hai người ngang hàng. Anh định nghĩa cho tôi biết thế nào là tự do?”

Kha Tư Giáo trả lời ngay:

“Anh là kẻ chiến thắng, tôi là người thua trận, không bao giờ có thể có chuyện ‘nói ngang hàng với nhau’ được. Còn anh hỏi tôi ‘định nghĩa thế nào là tự do’ thì tôi không định nghĩa được vì nghĩa của chữ tự do quá rộng. Nhưng mà khi tôi bị mất tự do là tôi biết liền.”

Tên quản giáo chỉ còn nước lắc đầu và bỏ đi.

Tại Phú quốc, Kha Tư Giáo bị giữ ở “nhà số 2” trong trại Cầu Sấu. Trại này là trại cuối cùng từ Dương Đông đi vào. Trong giai đoạn này sức khỏe của các người tù nói chung xuống dốc rất mau vì vấn đề ăn uống rất thiếu thốn; và sự kiểm soát, kiểm thảo chặt chẽ của CS. Đây cũng là giai đoạn mà Kha Tư Giáo phản kháng CS mạnh mẽ nhất. Kha Tư Giáo luôn luôn tuyên bố trong các buổi học tập, kiểm thảo là mình “*chẳng có tội gì cả*” và liên tục “*đề nghị*” là “*nếu có tội thì cứ việc đem ra bắn ngay!*”

Trong trại tù cải tạo, CS luôn hô hào, luôn tuyên truyền khẩu hiệu: “Lao động là vinh quang.” Một hôm, Kha Tư Giáo bị đau răng, khai bệnh và xin nghỉ lao động nhưng cán bộ quản giáo không cho, vẫn bắt anh đi lấy củi như mọi người. Trên đường về, anh chỉ vác một khúc củi to bằng chiếc đòn gánh. Một tên bộ đội bắt anh phải đổi một khúc cây to hơn. Kha Tư Giáo trả lời:

“Hôm nay tôi bệnh. Xin nghỉ các anh không cho; nên tôi làm như các anh nói ‘làm theo khả năng và hưởng theo nhu cầu.’ Tôi vác khúc cây này là đúng sức của tôi rồi.”

Tên bộ đội nhất định bắt Kha Tư Giáo phải vác nhiều hơn, thì anh cũng nhất định không chịu tuân lệnh. Tên này bèn lên đạn súng AK, chĩa súng vào người anh hăm dọa sẽ bắn nếu anh không tuân lệnh. Kha Tư Giáo bình tĩnh tháo kiếng cận ra và chỉ ngón tay vào mặt của mình rồi nói với tên bộ đội:

“Anh hãy bắn vào đây này!”

Tên bộ đội giật run người, chia súng lên trời bắn hết cả băng đạn AK mà không làm gì được anh. Câu chuyện này được đã được dân chúng ở Cầu sáu kẻ, truyền lại cho các trại tù khác ở Dương Đông, Phú Quốc.

Kể từ hôm đó, bộ đội bắt đầu “chiếu cố” Kha Tư Giáo mạnh mẽ hơn.

Anh em trong trại tù đều biết rằng chẳng thà đi ra ngoài trại lao động còn hơn bị bắt ngồi ở trong tại học tập và viết tờ nhận tội. Vì sự chống đối không ngừng của Kha Tư Giáo, cán bộ quản giáo trại bắt tất cả tù cải tạo mỗi tháng học tập một lần để “giúp đỡ” (lời của cán bộ quản giáo trại) Giáo ra nhận tội của mình. Anh em tù ai cũng thấy ngại cho Kha Tư Giáo. Có người nói:

“Thôi! Giáo nhận tội đại đi để được chóng thả về.”

Anh Giáo chỉ nhìn anh em tù mà không trả lời.

Lần “góp ý” cuối cùng tại Phú quốc vào khoảng giữa tháng 5/1976. Sau một tuần lễ cả trại học tập “góp ý” để khuyên Kha Tu Giáo ra nhận tội của mình, cuối cùng mọi người đều thờ phào nhẹ nhõm khi thấy anh giơ tay xin phát biểu. Sau khi đứng lên, sửa quần áo cho ngay ngắn, chỉnh lại cặp kính cận cho thẳng thẳng, anh chậm rãi nói:

“Trước hết, xin cảm ơn các bạn đã ‘góp ý’ cho tôi cả tuần nay; và bây giờ tôi nhận ra là tôi có một tội (nghe đến đây, tù nhân ai cũng thờ phào; còn tên quản giáo thì miệng nở nụ cười chiến thắng). Cái tội của tôi là ‘Tôi đã không thể nói cho các bạn hiểu là TÔI KHÔNG CÓ TỘI.’ ”

Đám tù nhân cười ồ lên. Còn tên cán bộ quản giáo thì đã tắt ngay nụ cười.

Ngay sau đó, trong một cuộc kiểm soát trại, tên trại trưởng đã nói điều gì đó xúc phạm đến anh, anh quay đi và nhổ nước bọt xuống đất. Thế là anh bị đem đi biệt giam. Kha Tu Giáo bị nhốt theo kiểu chuồng cọp (ngồi không được mà đứng cũng không được, chỉ có một cách là nằm, nhiều lắm là co chân). Anh bị nhốt ở một chuồng kẽm gai bên cạnh trại, trên bãi đất trống trải. Phía trên chuồng có che mái sơ sài, bốn bên trống lốc. Cát, gió và kiến lửa tha hồ ùa vào. Khí hậu thì ngày nóng đêm lạnh. Suốt cả đêm, anh chỉ liên tục gào thét lên một câu trong bài hát “*Đêm nguyện cầu*” của Lê Minh Bằng:

*“Thượng đế hỡi có thấu cho Việt Nam này...
Con tim chân chính không bao giờ biết đến nói dối!”*

Kha Tu Giáo cứ la hét như thế cho đến khi khản hết tiếng tăm. Anh cũng luôn miệng kêu khát “Nước! Nước!” Nhưng cán bộ quản giáo chỉ cho nước khi cho anh ăn. Anh lại phản đối tuyệt thực luôn. Giai đoạn này các trại giam ở Phú Quốc có lệnh của CS phải di chuyển tù vào đất liền (vì CS đang có chiến tranh với Khmer đỏ). Kha Tu Giáo đã kiệt sức. Lúc chuyển trại, phải có bạn tù xóc nách dìu anh đi bộ suốt 7 cây số từ trại Cầu sáu ra bến

cảng. Trên tàu HQ 503 (?), mặc dầu đứng không vững, nhưng anh vẫn bị còng tay bằng còng số 8 vào thành tàu. Còng sắt hoen rỉ đã cắt da thịt của anh sát đến tận xương trắng. Hai chân anh bị cùm bằng 2 thanh gỗ có khoét lỗ hình bán nguyệt kẹp vào nhau. Tàu HQ 503 (?) đã đưa tù nhân về lại bến Tân Cảng Sài Gòn sau 2 ngày, và cuối cùng tất cả được đưa về Long Giao (Xuân Lộc, tỉnh Long Khánh - hậu cứ và Trung tâm huấn luyện cũ của SĐ18BB). Khi đến Long Giao thì Kha Tư Giáo chết vì hoàn toàn kiệt sức. Cuối năm 1976, gia đình Kha Tư Giáo ở Sài Gòn đã có lên thăm mộ của Kha Tư Giáo mà anh em bạn tù đã thu xếp chôn cất cho anh ở Long Giao.

Anh Kha Tư Giáo,

Chúng tôi xin thay mặt cho những người còn sống sót hôm nay, thay mặt cho những người không có được cái khí phách oai hùng bất khuất của anh, xin thắp lên một nén hương cầu nguyện cho linh hồn anh được ngàn thu an nghỉ. Cuộc đời vốn dĩ đã là bể khổ. Nhưng không có bể khổ nào có thể so sánh với cái địa ngục trần gian mà CS đã và đang dùng để đày đoạ anh và dân tộc Việt Nam. Lịch sử nhân loại đã nhiều lần chứng minh là bạo lực không thể tồn tại mãi được. Anh đã sống bất khuất, đã từng khóc và cười theo mệnh nước, thì chắc chắn anh chết cũng linh thiêng. Xin vong linh anh hãy phù hộ cho dân tộc và nước Việt Nam sớm thoát cảnh lầm than vô tiền khoáng hậu trong lịch sử 4000 năm của đất nước.

Sự bất khuất của Kha Tư Giáo đã thật sự phản ảnh tinh thần:

***“Đừng sợ những gì cộng sản làm.
Hãy làm những gì cộng sản sợ.”***

Cuối bài, như đã trình bày, những chi tiết ở đây được ghi lại theo trí nhớ của một người lính già, chắc chắn sẽ có sơ xuất. Kính xin quý vị quan tâm sửa sai và bổ khuyết thêm vào bài này để giữ ngọn đuốc bất khuất Kha Tư Giáo tiếp tục cháy sáng, soi vào lương tâm của các ngọn cỏ đuôi chó.

Trần Văn Giang

Viết lần đầu vào tháng 07/2007

Cập nhật ngày 04/09/2009

*

Phụ chú:

Sau đây, tôi xin giới thiệu một bài thơ do đọc giả Nguyễn Phương Thúy đã gửi đến để đóng góp với bài này:

Người Tù Không có Tội!!!

*Kha Tư Giáo, người là người có tội,
Hãy nhận đi, rồi sẽ được về nhà,
Hãy nhận mình theo Mỹ hại quốc gia,
Hãy ăn năn, đảng sẽ mau ân xá.*

*Tôi, Trung úy, tuổi 30, vất vả,
Dem đời mình để bảo vệ quê hương,
Chặn xâm lăng từ cõi Bắc phương,
Nơi sa trường súng gươm không nhân nhượng.
Vận nước đôi, nuốt hờn thân bại tướng,
Làm tù nhân, nào dám tưởng mai sau,
Đảng khăng khăng: tội máu với đồng bào,
Tôi cương quyết: lương tâm nào có tội!
Đảng cứ buộc thì bắt cho đáng tội,
Còn nếu không thì phải thả tôi ra,
Đừng hỏi tôi ý nghĩa chữ Tự Do,
Bao la lắm, nhưng biết liền khi mất.
Những trù dập, biệt giam, học tập,
Đảng giúp tôi tìm tội của tôi,
Dù đời tôi khôn khó, xác tả tôi,
Tôi có tội: nói không ra cái tội!
Cát, gió, kiến hành hạ, ôi nhữc nhối,*

*Suốt cả đêm, chỉ gào thét, nguyện cầu,
Thượng Đế ơi, ở đâu? ngài có thấu?
Con tim tôi chân chính chữa dối gian.
Còng sắt hoen đã cắt hết thịt da,
Trơ xương trắng, vẫn không làm nhụt chí,
Mắt rực sáng, lộ anh hùng hào khí,
Địa ngục này chỉ giữ được xác phàm.
Đất Long Giao u uất mộ sơ sài,
Nhưng khí phách oai hùng luôn bất khuất,
Hồn có thiêng, xin theo phù hộ nước,
Thoát làm than và thoát nạn Cộng nô.*

*Kha tư Giáo, người tù không có tội,
Cũng có ngày người thông thả về nhà,
Đất Mẹ ôm, rửa sạch nợ quốc gia,
Trời bao la, gió gào vang “Không tội” ...*

Nguyễn P. Thúy

September 11, 2008

*(Lấy ý từ bài viết “**Kha Tư Giáo: Người chiến sĩ bất khuất của tự do**” của Trần Văn Giang)*

Đi Thăm Chồng

Lời mở đầu:

Ngay sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, cộng sản đã bắt giam, đày đoạ hàng trăm ngàn quân cán chính của VNCH trong hơn 100 trại tù mà cộng sản gọi là “trại cải tạo.” Nhiều gia đình miền Nam tự dưng mất chồng, mất cha, mất anh, mất con...

Sau đây là tâm sự của bà chị vợ tôi trong thời gian “được phép” của cộng sản cho đi thăm chồng ở “trại cải tạo.” Ông anh cột chèo trong câu chuyện này là một cựu Đại úy Y sĩ của Sư đoàn TQLC / QLVNCH.

TVG

*

1.

Bây giờ là 3 giờ sáng. Tôi vẫn trần trọc thao thức không thể nào chợp mắt được. Chỉ còn 6 ngày nữa là tôi được đi thăm chồng. Niềm vui sẽ được gặp lại chồng sau một thời gian dài xa cách; nỗi lo sợ; sự buồn tủi khi nghĩ tới lúc phải từ giã anh sau lúc gặp mặt; những điều sẽ phải nói; sự nhớ nhung day dứt... tất cả những ưu tư đó liên tục chập chờn trong đầu óc tôi. Rồi dĩ vãng, rồi hiện tại tưởng chừng như một giấc mơ nhanh chóng đi qua và không có thực.

2.

Hôm đó, nhân viên an ninh khu vực đến chỗ chúng tôi tạm trú (sau khi nhà của chúng tôi đã bị bỏ bom xập nát), trói tay chồng tôi, bắt anh đi mà không cho biết lý do. Tôi đứng lặng người, như một cái xác không hồn. Một tay dắt thằng con trai lớn hai tuổi, một tay bồng thằng con nhỏ mới sanh được một tuần. Chồng tôi nhìn tôi với đôi mắt tuyệt vọng, lo lắng và khuôn mặt xanh xám sợ hãi. Sau khi họ dẫn chồng tôi đi rồi, tôi buông cái thân gầy gò của tôi xuống sàn nhà và gục mặt khóc. Tôi khóc như chưa bao giờ được khóc. Tôi cảm thấy kinh hoàng và lo âu cho những ngày sắp tới: 28 tuổi đầu với hai đứa con nhỏ dại, không cha mẹ, không anh em, không bà con thân thuộc bên cạnh. Tất cả mọi người thân thuộc đã đi xa, thật xa. Lần đầu tiên tôi thấy thật bơ vơ ở cái tỉnh lỵ đất đỏ Ban Mê Thuột đèo heo buồn muôn thưở này.

3.

Người ta bảo là: "*Con người là một cây sậy biết suy nghĩ.*" Tôi vào lúc này còn yếu hơn một cây sậy, còn quá trẻ, có chút nhan sắc và biết suy nghĩ. Cũng vì có chút nhan sắc cho nên “an ninh khu vực” đã không để cho tôi yên thân. Họ thường lân la tìm mọi cách đến “thăm” tôi. Họ khuyên tôi nên từ bỏ dĩ vãng và dứt khoát với ông chồng "có quá nhiều tội ác với nhân dân."(sic) Họ cũng cho tôi biết là chồng tôi sẽ “đi cải tạo” không có ngày về vì chồng tôi là một Bác Sĩ Quân Y, cái nghề chuyên chữa bệnh cho "ngụy quân để chúng cầm súng giết hại đồng bào (!);" là có cha vợ làm “trùm ngụy quân (*);" là có cha mẹ anh em trốn ra nước ngoài.

4.

Như vậy là chồng tôi không biết đến ngày nào mới về??? Sự chờ đợi mỏi mòn, sự nhớ nhung dằn vặt, nỗi tuyệt vọng và sự sợ hãi mỗi ngày một nhiều hơn. Thêm vào đó, những người “an ninh khu vực” cứ lai vãng, tìm gặp tôi, mỗi ngày một tỏ ra ân cần, sẵn đón và hứa hẹn nhiều hơn. Nhưng tôi đã quyết định từ bỏ nơi này để ra đi. Vào một đêm thanh vắng, tôi đã dắt díu hai đứa con dại lẩn trốn ra bến xe đò và đi về Sài Gòn.

5.

Tôi nghĩ đến cuộc hành trình đi thăm chồng sắp tới mà lòng tràn đầy sự rộn rã vui mừng. Tôi muốn đem hai đứa con tôi cùng đi để chúng được biết mặt bố; và tôi cũng muốn dạy chúng, ngay từ khi thơ ấu, thế nào là tình gia đình và thế nào là sự chia sẻ những cái bất hạnh của gia đình!

Xe đò Sài gòn đi Ban Mê Thuật phải chạy hết hai ngày và một đêm ngủ trọ dọc đường. Đến bến xe đò Ban Mê Thuật, tôi một tay bồng con, một tay xách giỏ đồ ăn nặng trĩu gói ghém cho chồng và thằng con nhỏ chập chững, lèc thếch chạy theo mẹ ở đằng sau. Chúng tôi, 3 mẹ con, đi bộ đến bến xe thồ và đi vào thị xã Quảng Nhiêu. Từ Quảng Nhiêu đến trại "tù" của chồng tôi là năm kí lô mét (5 Km) đường bộ. Không có xe cộ nào có thể đi vào đó, chỉ có một cách là đi bộ. Thành ra tôi phải bồng cháu nhỏ, tôi nhờ một người Thượng gửi thức ăn và ẵm cháu lớn. Đoạn đường năm kí-lô mét này đi hoài mãi mà không tới trại. Vì đường đất sét đỏ ướt lún, phải đi thật chậm và rất mệt mỏi. Tôi mệt lả và bụng đói cồn cào nhưng không dám ăn gì vì sợ mất phần ăn của chồng.

6.

Đến trại, ở tại một cái chòi rất phong phanh gọi là "phòng đợi," tôi và mấy bà vợ khác đi thăm chồng "tù cải tạo" cùng ngôi lạng thình. Người nào cũng mang một bộ mặt đăm chiêu, thiếu não như nhau. Không ai hỏi thăm ai lời nào có lẽ vì đầu óc đều đang có ngồn ngồn chung một mối. Mọi người dường như chỉ muốn để dành hết tất cả những gì mình đang có dù là nhỏ bé tầm thường nhất, từng lời nói, từng hơi thở và từng giây phút còn lại cho sự gặp gỡ sắp tới! Ngay cả chớp mắt, tôi cũng không dám làm! Tất cả các cặp mắt đỏ hoe, ưu tư, mệt mỏi đều cố gắng mở rộng, hướng chăm chăm vào một chỗ: cái cổng trại. Nơi cái cổng trại xa xa đó, trong chốc lát chồng tôi cùng đám người "tù cải tạo" sẽ được đi ra để gặp vợ con và thân nhân. Cuối cùng, họ được phép đi ra. Tôi không thể nhận ra được ai là chồng tôi vì tất cả "tù nhân" được xếp thành hai hàng. Họ đều mặc quần áo một màu đen, vừa đi vừa cúi mắt nhìn

xuống đất. Lòng tôi quặn thắt lại. Nỗi chua xót dâng lên trong người tôi mà không có ngôn ngữ nào có thể diễn tả được. Nước mắt cứ thế mà tuôn trào, tuôn trào...

Rồi chúng tôi được sắp xếp ngồi đối diện nhau, dưới sự quan sát của những người “an ninh” trại. Chúng tôi nhìn nhau mà chỉ nghẹn ngào, không nói được đến một lời nào cả. Thằng con nhỏ 10 tháng chập chững đứng và gọi bập bẹ "Ba.. Ba.." Những thức ăn mà tôi đã cẩn thận gói gém xếp đặt cho chồng thì bây giờ đang bị những người “an ninh” của trại rạch, mở toang ra, bới tung ra để khám xét. Tôi thấy chồng tôi gầy gò, khuôn mặt khắc khổ, đôi mắt suy tư. Tôi nhìn chồng, rồi tôi nhìn con. Tôi thấy thương chồng, thương con và cũng thương cho cái số phận hẩm hiu của tôi. Tôi chỉ biết khóc. Rồi giờ thăm ngắn ngủi đã hết. Chồng tôi được lệnh đứng dậy, tay xách giỏ thức ăn. Cho đến lúc ấy, chúng tôi vẫn không thể nói nổi một lời từ giã với nhau. Anh hôn hai đứa con, đưa mắt nhìn tôi một cách buồn thảm rồi lầm lũi đi vào trại. Tôi cố nán ở lại, nhìn theo cho đến khi anh đi khuất sau cái cổng trại. Lòng tôi xe thắt và đành dặt dứ hai đứa con thơ ra về ...

7.

“Chỉ còn 6 ngày nữa tôi lại được đi thăm chồng!” Tôi tự nhủ lòng. Trong nỗi buồn thảm vô vọng cùng cực, tôi vẫn tìm thấy một chút an ủi vào những lúc chờ đợi được đi thăm chồng như thế này. Vì ít ra, tôi vẫn còn có niềm hy vọng sắp gặp lại chồng, được nhìn lại anh dù chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi, để thấy anh vẫn còn sống, để thấy là chúng tôi vẫn còn có nhau.

Rồi đến khi ngồi trên xe trở lại Sài Gòn, tôi sẽ lại nghĩ ngợi miên man đến thân phận của người “tù cải tạo.” Sống ra sao? Sống như thế nào? Cơ cực? Nhục nhằn? Thiếu thốn? Nhớ vợ con? Nhớ thân nhân? Không tự do? v..v..

8.

Tôi đọc kinh và cầu xin Thiên Chúa ban cho chồng tôi sức mạnh thể xác để vượt qua và sức mạnh tinh thần để chấp nhận cái hoàn cảnh mà chồng tôi không thể thay đổi được.

Tôi lại thấy nhớ anh day dứt, và mơ ước được trở lại để thăm chồng thêm vài phút nữa. Nước mắt tôi trào ra; dòng nước mắt buồn tủi!!!

(Viết theo ý của chị vợ Võ Thị Như Hương)

(Trùm nguy quân : Ám chỉ Bố vợ tôi là Thiếu Tướng Võ Văn Cảnh, Cựu Tư lệnh Sư đoàn 23BB, Chỉ Huy Trưởng Trường Đồng Đế / HSQ Nha Trang.*

Nhớ lời “Bác” dạy...

Khi sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người luôn chăm lo đến dân, đến nước. Đi đến đâu bác cũng dạy bảo, khuyên nhủ, không từ một ngành nghề, một địa phương hay một lứa tuổi nào. Nhiều bài báo cáo, bản tường trình, tổng kết, diễn văn khai mạc; băng rôn trên đường phố, ngõ hẻm; bảng / giòng kẻ sơn vẽ trang trọng trên tường vách các phòng họp, lớp học, nhà xí... đều có trích dẫn những câu nói của bác. Theo thống kê của bộ Văn Hóa Thông Tin, hàng năm số người sử dụng các “cụm từ:” “Bác dạy,” “Bác nói,” “Bác căn dặn...” nhiều không kém những người dùng từ đệm “Đ.M.” Thống kê cũng cho thấy hai loại người này có đạo đức cách mạng (hông) và trình độ học vấn (chuyên) ngang nhau. Họ, phần lớn, dùng song hành cả hai thể loại một lúc cho thêm “ấn tượng” và đậm chất “văn hóa khách mệnh,” ví dụ như:

“ĐM, ‘Bác’ căn dặn là...”

Để giải thích hiện tượng này tôi xin có vài dòng như sau:

Từ khi còn bé tí, nức mắt, ai ai cũng phải học cho thuộc “Năm điều Bác Hồ” dạy. Hiện nay 5 điều dạy này còn có tên gọi khác là “*Nhị ái Lục hảo!*” (2 yêu 6 tốt).

Điều 1: *Yêu Tổ Quốc, yêu đồng bào.*

Điều 2: *Học tập tốt, lao động tốt.*

Điều 3: *Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt*

Điều 4: *Giữ gìn vệ sinh thật tốt.*

Điều 5: *Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.*

Chẳng hiểu tại sao mà ngay ở điều thứ nhất bác đã dùng hết “nhị ái” (2 chữ “yêu”) rồi? Có ai yêu tổ quốc mà lại ghét đồng bào hoặc ngược lại không nhỉ? Chỉ cần yêu tổ quốc, hoặc yêu đồng bào là đủ. Bác chỉ sợ các cháu tập tành theo gương “tiểu ngạo giang hồ” của bác, gánh vác cả nghĩa vụ quốc tế (cho Liên xô và Trung quốc) rồi sao nhãng việc yêu tổ quốc...

Điều thứ 2 tạm ổn mặc dầu học tập là một lao động nặng nề. Học tốt cũng là một lao động tốt rồi.

Điều thứ 3 xem ra cũng tạm ổn. Nhưng nếu so vế với vế giữa điều 3 và vế của các câu khác thì thấy nó “cọc cà cọc cạch” thế nào ấy! Lúc thì dùng “động từ;” có lúc lại dùng “danh từ;” lúc thì vế 2 câu; lúc thì vế 3 câu; lúc thì chả có vế việc... Chẳng ra thể thống gì cả!

Đặc biệt ở điều thứ 4, có cái từ “**thật**” thòi ra ngô nghê làm sao! Có lẽ vì mỗi điều cần đủ sáu chữ nên chỗ này bác phải “lòi con tự” “**thật**” ra như vậy. Sự “**thật**” khác hẳn, nói với các cháu thiếu nhi tương lai của xã hội chủ nghĩa, bác phải nói đi nói lại, nhấn mạnh, nhấn nhẹ... chúng nó mới thấm. Thì ra cơ sự là thế!

Ngoài ra, nên biết thêm là nhà văn (phản tỉnh?) Dương Thu Hương đã có nhận xét chung về “5 điều bác dạy” là:

“Năm điều bác Hồ dạy không thấy nói gì đến yêu cha mẹ nên bây giờ trẻ con hư hỏng hết!”

Với tinh thần “xôi thịt lèn chặt dạ,” trước khi dạy đồng bào, bác viết:

*“Dân ta phải biết sử ta.
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.”*

Ây chà chà! Hay nhỉ! Dân đang đói meo gần muốn ngất xỉu, ngồi chơi không làm gì hết đã mệt lả rồi, mà lại có bụng dạ, thời giờ nhớ đến “sử ta?” Cái bao tử xẹp lép và 13kg gạo một tháng có lẽ gần gũi và dễ nhớ hơn nhỉ? Mà “Sử ta” chẳng phải là “gốc tích nước nhà” hay sao? “Gốc tích nước nhà” không là “Việt Nam” thì là cái quái gì đây? Một câu lục bát mà bác còn làm

chẳng cho ra hồn? Thơ này thi sĩ ta gọi là thơ nói lắp (lắp ý); mà lắp những 3 lần mới thấm thía (dân ta, sử ta, nhà Việt Nam). Ah! Không phải vậy đâu. Bác muốn “chống giặc dốt” đấy. Bác vận dụng dùng “vũ khí địch đánh địch,” cho nên Bác dùng câu thơ “dốt đánh cái dốt” ấy mà. Bác mong dân ta chăm đọc sử mà đảng và nhà nước đã cải biên để thấy mỗi người dân của cộng sản vinh quang đại để như Ba Bép (tên gọi của “Bác” lúc “Bác” làm bồi trên tàu buôn của thực dân), Lê văn Tám, Võ thị Sáu, Nguyễn văn Trỗi... còn giỏi hơn cả anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Toản, Lý Thường Kiệt...

Ngay sau khi đảng ta tiến lên “cướp” chính quyền xong, bác liền dậy dỗ cán bộ đảng viên là:

“Không lấy 1 cây kim sợi chỉ của nhân dân.”

Quý hóa nhỉ! Cán bộ đảng ta cứ thế mà triệt để thi hành lời bác dặn. Bằng chứng là đã “cướp” hết đất đai của nhân dân qua chương trình “cải cách ruộng đất;” và “cướp” hết sạch tài sản của nhân dân qua các đợt “đánh tư sản mại bản...” Cuối cùng, chỉ có “kim và chỉ” của nhân dân là còn đâu vào đấy... không bị đảng ta “cướp.” Hay nhỉ! Đã ra công “cướp” thì phải “cướp” ra trò, “cướp” những cái ra hồn. Chứ ai đời nào lại đi “cướp kim chỉ” làm quái gì...!

Bác rất quan tâm đến quân đội nhân dân. Bác dạy quân đội là:

“...trung với ĐẢNG, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.”

Bác cũng luôn luôn để tâm đến thanh niên trong chính sách trông người của bác. Quay sang thanh niên, Bác đã phán rằng:

“...trung với NƯỚC, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành khó khăn nào cũng vượt qua kẻ thù nào cũng đánh thắng.”

Chỉ khổ cho mấy cháu lính trẻ “động não tư duy” (điều này hiểm khi xảy ra cho đám cháu yêu của bác lắm!), phân vân chẳng biết nên trung với “Đảng” hay trung với “Nước,” vì thế thấy các cháu “đếch” trung với anh nào cả. Phải chi bác cứ nói toạc móng lợn là “Nước và Đảng chỉ là một” thì hay và dễ hiểu cho các cháu biết mấy!

Khi thăm đại hội Hội nhà báo Việt Nam (1959), bác căn dặn:

“Báo chí ta không phải để cho một số ít người xem, mà để phục vụ nhân dân... cho nên, phải có tính quần chúng.”

“Tính quần chúng” mà bác dặn đó là mỗi số báo phải có đủ cả tiền, tình, tù, tội, tự tử. Nhưng phải nhớ đừng quên nhấn mạnh ở điểm đảng ta “thất bại tạm thời, thắng lợi tất yếu.”

Nói chuyện với đại hội Hội nhà báo Việt Nam năm 1962, bác cũng lại nhấn mạnh:

“Nhiệm vụ của báo chí là phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng...”

Đọc báo “Tiền Phong Online” ta thấy rõ điều đó, các bài phục vụ cách mạng như “Thủ tướng Phan Văn Khải sang thăm Mỹ,” “Chủ tịch nhà nước Nguyễn Minh Triết sang thăm Mỹ,” “Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng sang thăm Mỹ...” (Có nhẽ bác còn sống thì bác cũng chống gậy sang thăm Mỹ một chuyến để phát động phong trào “Kách mệnh” mới gọi là “*dzước mĩ kiu lược!*”)...

Còn phần phục vụ nhân dân là những bài “Đi ‘chát’ đêm, hai em gái bị cưỡng dâm.” Hay là “Cán bộ thi hành án đánh người tố cáo...”

Rõ rệt cả hai mảng đề tài “cách mạng” và “dân” cũng đều đậm đà ý đảng, mệnh mông tình dân!

Đến trường Đại học sư phạm Hà nội, vào ngày 21/10/1964, bác Hồ đã nói:

“Nếu không có thầy giáo dạy dỗ cho con em nhân dân thì làm sao xây dựng chủ nghĩa xã hội được?”

Vì vậy các ngón nghề của thầy giáo, cô giáo càng ngày càng cao để đào tạo nên những con người XHCN. Nào là đôi tình lấy điểm (trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình Trung ương I), bớt xén phần ăn của học sinh (Trường Mầm non Chim Non, Hà Nội). Khoản đánh đập, lăng nhục, hiếp dâm... học sinh đâu đâu cũng có. Thể hiện tinh thần cách mạng là ở chỗ này đây. Cứ luận từ câu bác thường nhắc nhở “biến nhà tù thành trường học” thì ai cũng rõ; mà nghe nói Việt Nam bây giờ là một “trường học” lớn nhất thế giới!

Bác đã dặn dò các cô giáo dạy các lớp mầm non là:

“Làm mẫu giáo tức là thay mẹ dạy trẻ.”

Khổ nỗi bác giảng không kỹ. Bác không nói rõ là mẹ đẻ, mẹ ghẻ, mẹ nuôi, mẹ mìn, mẹ dậu mẹ mỡ hay “má mì?”

Tháng 1 năm 1959, bác Hồ đã chính thức phát động “Tết trồng cây.” Theo phong tục thì cây đa thuộc loại linh mộc. Làng nào xưa kia cũng có cây đa. Dân trồng cây đa để tưởng nhớ bác thường gọi là “Cây đa bác Hồ.” Một số nơi còn đặt tên “Cây đa Trần Dân Tiên” hoặc “Cây Đa T. Lan” (theo các bút hiệu của bác). Từ đó đến nay khắp thôn cùng ngõ hẻm đều có bóng dáng “Bác Hồ ngồi gốc cây đa.” Nơi gương bác, nơi nơi các chú chủ tịch xã, huyện, tỉnh thi nhau ngồi gốc cây đa. Nay có chú Cuội Nguyễn Tấn Dũng lập kỷ lục Việt Nam ngồi gốc đa lâu nhất, đã làm đến chức thủ tướng.

Bác còn nói:

“Chim là của quý của thiên nhiên phải bảo vệ chúng.”

Vậy mà từ thời bộ trưởng y tế Đặng Hồi Xuân (*Hoan Hô bộ trưởng Đặng Hồi / Xuân về cóc nhái được thời nháy ra!*) đến bà bộ trưởng y tế Trần Thị Lúng (Liếng) vẫn cứ luôn mồm hô hào sinh đẻ có kế hoạch. Đặc biệt đàn ông cũng phải tham gia tích cực. Ôi giờ đất ơi! Máy triệu “của quý của thiên nhiên” bị bóp

(ổng dẫn tinh) rồi. Hậu duệ của bác làm sai di huấn của bác. Khổ chúng cháu quá bác ơi!

Cũng lời bác:

"Không có gì quý hơn độc lập tự do."

Chả biết thằng mất dạy nào đó đã quen cái nghề bếp núc nấu nướng thêm muối, mắm tôm, gia vị; nó lại cho thêm cái mẽ của quý "hạnh phúc" vào (CHXHCN Việt Nam Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc). Dân ta đã bao giờ có "độc lập, tự do" đâu mà dám đòi đến món "hạnh phúc?" Mà "cha già" có quý hạnh phúc chỗ nào đâu? Nếu quý nó, cha già đã tương nó vào thành ra câu "không có gì quý hơn độc lập, tự do, hạnh phúc" ngay từ đầu rồi. Chỉ riêng có mấy triệu thằng "Việt gian, phản động" đã vượt biên, vượt biển - bây giờ tụi nó thành "Việt kiều" - mới hiểu, mới biết mùi và còn nghiện món lẩu thập cẩm "độc lập, tự do, hạnh phúc" này thôi!

Ở ngoại quốc "tự do" thấy có vẻ dễ "bảo quản" hơn cho nên bọn "Việt gian phản động" này cứ liên tục gửi cái món "hạnh phúc" về cho bà con, đồng bào của chúng nó trong nước (chúng nó gọi là đồng bào quốc nội). May quá, bây giờ dân ta ở trong nước cũng đã biết nghe theo lời bác và đảng, biến "tự do" thành "tự lo độc lập, tự lo hạnh phúc." Có nghĩa là mạnh ai nấy làm (độc lập), mạnh ai nấy kiếm tiền (hạnh phúc) bằng mọi cách. Sướng nhỉ!

Bác Hồ đã dạy mỗi cán bộ, đảng viên cần phải:

"Óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm."

Dân ta thấy lời dạy của bác thật là chí lý, cứ thế mà răm rắp học theo. Bởi vì óc làm sao mà đi được, mắt làm sao mà nghe được.. Chẳng trách tai nạn giao thông mỗi ngày "gia tăng phi mã." Đi đường mà cứ tai lơ mơ nghe, mắt ngơ ngáo nhìn, miệng lảm bảm, tay chân khua khoáng, tâm hồn treo ngược trên cành cây là mất mạng như không! Dân đâu có nghĩ câu đó bác chỉ nhắm dạy cán bộ, đảng viên thôi! Bởi vì cán bộ đảng viên thường vẫn mắc bệnh teo não mãn tính nên họ qua đường thì

cần phải vận dụng hết mọi chức năng, chứ người dân bình thường làm như thế thì lại hỏng việc.

Bác Hồ quay qua dạy ngành công nghiệp:

“Nhanh, Nhiều, Tốt, Rẻ.”

Ồi giời! Chết thật! Vậy mà Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội lại hiểu nhầm. Họ tưởng bác dạy họ xuất khẩu phụ nữ, trẻ em ra nước ngoài với phương châm “nhanh, nhiều, tốt, rẻ.” Thật may mắn cho dân tộc anh hùng, loại hàng “Made in Vietnam” này ít khi bị trả về vì lý do “chất lượng” không “đảm bảo” hay ế không bán được bởi mẫu mã xấu.

Bác đã phải căn dặn đi căn dặn lại nhiều lần:

“Cán bộ là đầy tớ của dân.”

Kể từ cái ngày “Kách mệnh tháng 8” và nhất là từ “Cải cách ruộng đất” đến nay, cán bộ đảng viên vẫn duy trì được truyền thống “đầy tớ” này. Ở quê hương ta, chuyện đầy tớ (cán bộ) cướp của dân, đánh dân gãy răng, bắt dân đi tù, bịt mồm dân, bắn vào đám dân kêu oan vẫn được phát huy triệt để... Mọi người tranh nhau làm đầy tớ! Chẳng thấy ai muốn làm chủ đầy tớ cả! Thật oái oăm.

Bác kêu gọi:

“Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.”

Sau khi hy sinh tất tậ, không những nước không mất mà đảng còn cho mấy chú tư bản thuê với giá hời (cứ nhìn 18 lỗ sân “góp” ở Đông Anh thì biết). Dân ta nhất định không chịu làm nô lệ, dân ta vùng lên làm nghĩa vụ quốc tế ở Đài Loan, Hàn Quốc, Mã lai, Tân gia ba, Trung Đông... vì những nước ấy còn ấu trĩ mông muội cần người Việt đến khai hoá văn minh để họ biết thế nào là XHCN mà tránh cho xa xa. Những thứ hàng xa xỉ ấy (XHCN) chỉ dành cho riêng những dân tộc anh hùng! Mà hình như trên quả đất này chỉ còn sót lại một vài dân tộc anh hùng thôi?

Ôi thôi! Bác căn dặn thì nhiều, người đời hiểu lắm cũng lắm cho nên mới ra cái cơ sự thống kê như phần đầu bài viết. Những ai còn muốn tìm hiểu về Tư Tưởng Hồ Chí Minh xin đọc kỹ “*Ngục trung nhật ký*” và những bài thơ sau này của bác; hoặc nếu rảnh rỗi hơn thì nên đọc thêm những dòng thơ lục bát bút tre của đồng chí Trương ty Văn hóa Phú thọ Đặng Văn Đang để hiểu rõ hơn về sự nghiệp vĩ đại của bác “muôn vàn kính yêu.”

Trí thức thổ tả

Lời mở đầu:

Qua nhiều lần trao đổi ý kiến giữa tôi và hai đồng môn cùng học, trước năm 1975, tại trường “Cao Đẳng Canh Nông - Sài Gòn:” một người là thuyền nhân hiện định cư tại Hoa kỳ, một người là sinh viên Việt Nam du học cao học ở Nhật (trước năm 1975) và bây giờ định cư tại Úc; tôi mạn phép được thu hợp các ý kiến này lại rồi viết lại thành ra bài nhận định này. Nội dung bàn về một giới rất “ồn ào” mà chúng ta vẫn thường gọi là “Trí thức thiên tả.”

TVG

1- Nhận định của đồng môn cư trú tại Hoa Kỳ:

Những người Việt Nam ở ngoại quốc có học vị cao rất nhiều, họ giỏi về chuyên môn, nhưng một số lớn còn rất kém cỏi về trình độ chính trị. Vì thế nên họ dễ bị cộng sản tuyên truyền rồi trở thành mù quáng, quá tin tưởng vào cái thiên đàng bánh vẽ của XHCN và cái lý thuyết trời ơi đất hỡi của đảng cộng sản. Ngày xưa (trước năm 1975) thì không nói làm gì, vì lúc đó lịch sử chưa sang trang, chưa rõ ràng; lại đi du học ngoại quốc với nỗi dằn vặt quê hương đang có chiến tranh thì hình ảnh người lính bộ đội bắc Việt hay du kích của MTGPMN dễ làm cho người Việt trí thức ở ngoại quốc suy nghĩ thiên vị, không rõ đâu là chính nghĩa. Có lẽ đó là một

phần nguyên nhân đã khiến họ trở thành thiên tả. Ngay tại Sài Gòn vào thời chiến tranh, sinh viên mà cứ mãi, ham đọc những tạp chí như “Đổi diện,” “Thức tỉnh” của Linh mục Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan... là muốn cuốn gói vô Hồ Bò, Tam Giác Sắt, Chiến khu Đ rồi; Đâu cần dùng tới bộ máy tuyên truyền bất kể hao tốn của Việt cộng.

Nhưng mà... đảng cộng sản đã cai trị đất nước trên 34 năm rồi, hồ sơ sử liệu đã được bạch hóa, cùng với sự lên tiếng của những nhân chứng còn sống từng là nạn nhân của chế độ cộng sản bạo tàn đầy rẫy đây mà.

Mình đâu có sống dai để đủ kiếp học hết bài học đảng cay này đến bài học cay đắng khác từ cộng sản. Hãy nhìn lại nổi đảng cay nghiệt ngã của kẻ đã đi vào quỹ đạo của CS. Họ là “trí thức” chứ không phải là bần nông khổ rách ít học. Họ đã được cộng sản Hà nội trả công khuyến mãi của họ cái gì?

Thời xa xưa kia, Nguyễn Văn Trán (đại gia chợ Đệm) [1], Dương Bạch Mai (đại địa chủ, “parler francais” như gió) Trần Văn Giàu (lý thuyết gia cộng sản, công lao quá xá trời trong Nam). Những người này đã cúng dường tam bảo cho CS, cho “cách mạng” không biết bao nhiêu của cải, tim óc, sức lực của mình từ thời kỳ Việt minh còn mặc quần xà loong chơi tầm vòng vạt nhọn. Năm 1975, khi về Nam, ông “khai quốc công thần” Nguyễn Văn Trán “được” bộ chính trị CS cho công an “hầu hạ” canh gác cửa 24/24 vì thấy thả hổ về rừng nguy hiểm quá... Mấy chục năm công lao mà CS chỉ cho người ta chức “Bật mã ôn” (giữ ngựa) thì lỡ người ta quậy thì sao? Trần Văn Giàu thì đã bị thất sủng từ lâu lắm rồi. Chủ tịch quốc hội Dương Bạch Mai vì phôi bò và thẳng ruột ngựa Nam kỳ nên được đảng cho đi châu Lenin sớm để vừa tiện sổ sách vừa tiết kiệm ngân quỹ nhà nước. Nên biết Dương Bạch Mai chết trong lúc nghỉ giải lao trong một phiên họp quốc hội CS. Nhiều nguồn tin cho biết Dương Bạch Mai uống chén nước trà bị bỏ thuốc độc(!) Cay hơn nữa là Dương Bạch Mai còn được chính ngay kẻ đã “trừ khử” mình đến dự tang lễ làm tuồng khóc thống thiết “kính chúc đồng chí chết mạnh giỏi!” Thế mới biết chính trị cao là gì!

Gần hơn chút nữa, những tay “trí thức” của MTGPMN anh hùng làm được trò trống gì sau ngày 30 tháng 4 năm 1975? Nguyễn Hữu Thọ, “người” được “Bác” giao cho nhiệm vụ lãnh đạo mặt trận và cũng là “người” đã đi đến cuối con đường... đã hoàn thành một cách xuất sắc nhiệm vụ mà dân tộc đã giao cho...” Ai có theo dõi tin tức, báo chí cũng biết thân phận của “người” này như thế nào trước khi đi châu “Bác” rồi. Nguyễn Thị Định (người Giồng Trôm, Bến Tre) chưa hề biết sờ (hay bóp) cò súng đến một lần lấy hên mà lại được CS phong là “nữ tướng tóc dài,” “tư lệnh phó lực lượng võ trang quân đội Giải phóng,” trong khi kẻ nhắc tuồng cho em Định là đồng chí Nguyễn Chí Thanh – một cánh tay dài của Hà nội. Sau ngày MTGPMN bị xóa sổ, em Định được làm cái giống gì (?) ở chức vụ “thứ trưởng bộ thương binh” và “chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ?” Nguyễn Thị Bình (tên thật là Nguyễn Châu Sa sinh tại Sa đéc, sau đổi tên mới là Nguyễn thị Bình vào năm 1962) “được” làm “phó chủ tịch nhà nước,” “phó trưởng ban đối ngoại trung ương đảng.” Mấy cái hàm “phó” và “thứ” đó cũng chỉ lại là những cái chức ngồi chơi xơi nước cho đẹp mắt với bà con miền Nam, đâu có ý nghĩa gì trong chế độ lúc nào cũng duy trì các Nhiếp Chính Vương (còn gọi là bộ chính trị - nếu thu hẹp hơn thì có Duẩn, Thọ, sau này thì thêm Mười, Anh...), khi các Nhiếp Chính Vương này phát cần đai áo mào cho ai thì hãy coi như hồng ân từ Bác và đảng. Sống dưới thời buổi “độc lập tự do hạnh phúc” mà “than vãn” thì cũng được CS xem như đồng nghĩa với đang chán sống; có mà tiêu tùng sớm. Còn ông giám đốc công ty đường thời Tổng thống Ngô Đình Diệm là ông Trương Như Tảng đường mía nữa chứ! Me xừ này phải chờ đến lúc CS thu hết miền Nam mới biết “đường” nào là đường trắng, “đường” nào là đường thẽ. May phước me xừ này gài kịp “số de,” chứ chậm chân một chút nữa có thể bị tai nạn lưu thông chết hết cả nhà (như trường hợp kịch tác gia Lưu Quang Vũ và gia đình). Đề nghị “trí thức” phe ta nên đọc cuốn “memoir” của cái gọi là “Tảng đường mía chết hụt này” để cho sáng mắt sáng lòng.

Thôi, phải cắt công nói chi cho xa xôi, tấm gương sát bên mình là thầy (?) Châu Tâm Luân [2], bà (?) Ngô Bá Thành [3], ông Chu Phạm Ngọc Sơn, Trần Ngọc Liễn... bằng cấp treo đầy cả tường, nhìn phát chóng mặt... hay là các ông cố đạo Nguyễn Ngọc Lan,

Chân Tín không lo phận sự rao giảng phúc âm của Chúa mà cứ lo nói xa nói gần để ru ngủ người mọi người dân miền Nam bỏ súng hướng về xã hội “thiên đường.” Nhưng ngay chính cá nhân của mình lại phải đợi được đối diện thật sự với “thiên đường” (?) mới “thức tỉnh” (!)

Đừng mong đợi người cộng sản đang ngồi ghế lãnh đạo hồi tâm (còn được gọi cho hoa mỹ mỉa dân là “đổi mới”). Họ tra thêm son trét thêm phấn vào mặt, thay đổi ngoại hình chút chút để dễ diễn màn (bỉ ổi) khác thôi. Trí thức tay mơ thấy gái bia ôm lên giọng “*em đang đổi mới*” mà lại đại dột “*yêu em lòng chột từ bi bất ngờ*” là bỏ mẹ cả đám. Cứ rước em về nâng khai sửa tráp (văn chương bình dân giáo dục gọi là “nâng bi sửa d..”) đi, ba bảy 21 ngày là biết liền hà... Cộng sản là cái gì? Bộ chính trị là cái quái gì trong trào lưu dân chủ trên thế giới ngày nay? Các trào lưu dân chủ và nhân quyền đang làm cho họ xanh mặt, toát mồ hôi... trán. Ở ngoài mặt họ vẫn đang khoác cái áo cộng sản chứ thật ra họ là đại tư bản từ lâu rồi. Phải giữ cái áo cộng sản thì họ mới có thể chơi ngang, đàn áp, cầm tù, bịt mồm và cướp giật của người dân đồng thời bảo vệ tài sản đã vơ vét mà không sợ pháp luật! “Organized Crime” ở Mỹ như Mafia chỉ đáng sách dèp cho mấy tên CSVN.

Trí thức mà quá kém cỏi về sự gian xảo trong chính trị thì thua là phải rồi... nhưng mà cũng thấy tội nghiệp cho cái đám trí thức loại này. Đến giờ này vẫn còn muốn thua thêm chút nữa cho nó trọn vẹn, cho nó đầy đủ, hoàn tất cho nó xong phim! Bởi vậy nên anh Ba Bếp (tên gọi của “Bác” Hồ khi lên làm việc đầu bếp trên tàu buôn của Pháp từ hãng nhà Rồng Sài Gòn 1910?) đâu cần học hành gì nhiều cho tốn thời giờ! Từ ngày anh Ba (bếp) bị quan Tây bác đơn (1911) xin học trường hậu bổ (của Tây thuộc địa) để làm quan cho Tây, anh Ba hơi căm, chuyển qua học nghề làm chính trị gian ác nên sai khiến hết đám trí thức nhẹ dạ dễ dàng như lấy đồ trong túi ra. Thấy mà tội nghiệp!!!

Phụ Chú:

[1] Nguyễn Văn Trán đây là Bảy Trán (chứ không phải là ông Nguyễn Văn Trán hậu sinh nào đó mới “về thăm Việt Nam sau 32 năm” đâu!) Đây là Trán “Camel” (dân câu miệt vườn, chỉ hút thuốc lá hiệu Camel) người chợ Đệm Long An, loại trí thức địa chủ, một đại thụ của cộng sản thời thập niên 30... Đại thụ này là tác giả cuốn sách “Viết cho mẹ và quốc hội;” (để chửi xéo đảng CSVN đã vắt chanh bỏ vỏ). Hắn cùng cỡ tuổi với các tên trùm CS khác như Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai, Ung Văn Khiêm... đã bỏ lúa ruộng không ai thu, nhà lầu không ai ở để đi theo cộng sản. Nguyễn Văn Trán đã từng là chính ủy khu 9 (miền Tây nam bộ), chủ nhiệm báo “Le Peuple” đấu tranh công khai với thực dân thời cộng sản miền nam như vịt mới ra ràng. Tập kết ra bắc (cùng lúc với Tô Ký, Đồng Văn Cống, Huỳnh Văn Nghệ...) Sau này Lê Duẩn không cho Nguyễn Văn Trán được đến một cục xương còn dính chút thịt để gặm cho đỡ tủi! Về Nam sau năm 75, chả có chức vụ gì dù đã có 62 tuổi đảng (tính đến năm 1997), ôm nỗi uất ức cho tới ngày chết.

[2] Ông Châu Tâm Luân người Việt gốc “xì dầu củ cải muối,” được đi du học Hoa kỳ bằng học bổng quốc gia của VNCH, tốt nghiệp Tiến sĩ Kinh tế (đại học Illinois năm 1966), về Việt Nam cuối thập niên 60, dạy môn “Kinh tế nông thôn” và “Quản trị nông trại” tại Trung tâm quốc gia Nông nghiệp (TTQGNN) Sài Gòn (và cũng dạy môn Kinh tế tại đại học Vạn Hạnh). Ông Châu Tâm Luân đã có lần giữ chức vụ “Giám đốc” TTQGNN (gồm cả 3 trường Cao đẳng Canh nông, Cao đẳng Thủy lâm và Cao đẳng Thú y Sài Gòn) trong một thời gian ngắn (vào giai đoạn mà các chính trị gia mới trở mã dậy thì Huỳnh Tấn Mẫm và Lê Văn Nuôi sách động sinh viên, học sinh Sài Gòn “xuống đường” biểu tình chống Mỹ và chống chính phủ VNCH mạnh mẽ nhất). Trong các lớp học kinh tế mà ông Luân dạy, ông công khai giảng cho sinh viên là “Xã hội chủ nghĩa là con đường duy nhất (sic) để đưa Việt Nam đến vinh quang (Giỏi nhỉ! Tiến sĩ củ cải này chép y chang lại lời của việt gian HCM)” mà không hề thấy ông ta bị công an cảnh sát của chính phủ VNCH đến hỏi thăm (?) – Có lẽ ông ta “too

visible!” lúc bảy giờ vì thường xuyên được truyền thông của Mỹ đến trường phóng vấn dài dài (đài CBS, NBC, ABC...) Vào những năm, những ngày cuối cùng của VNCH, xì thẩu Châu Tâm Luân đứng cùng danh sách với các nhân vật của “thành phần (lòng thòng ở chính giữa!) gọi là thứ 3,” rất ồn ào hô hào hoà giải hoà hợp dân tộc... Sau 30 tháng 4 năm 1975, con vẹt ngây thơ này không được CS dùng đến 1 ngày để quét lá đa (không phải đi “cải tạo” vì đã tốt nghiệp tiến sĩ tại Hoa kỳ là may lắm rồi). Sau đó ông Châu Tâm Luân trốn vượt biên đi định cư ở ngoại quốc (định cư ở Thụy sĩ?) Chứ Mỹ chắc chắn là họ không chấp nhận con két “thỏ tá” này!)

[3] Bà (?) Ngô Bá Thành tên thật là Phạm Thị Thanh Vân (Ngô Bá Thành là tên chồng của bà). Bà này là con gái của bác sĩ Thú y Phạm Văn Huyền người bị chính phủ Ngô Đình Diệm đuổi ra Bắc qua cầu Hiền lương. Ông Ngô Bá Thành cũng là công chức của VNCH, dạy học trường Cao đẳng Canh nông Sài Gòn. Kể ra chính phủ VNCH dân chủ và dễ dãi thiệt, vẫn trả lương tháng đầy đủ, vẫn cho ông Ngô bá Thành dạy học như chẳng hề có chuyện gì xảy ra... Bà Thành tốt nghiệp tiến sĩ Luật tại Pháp và sau đó có học và làm việc trong một thời gian ngắn tại đại học Columbia (New York) Hoa Kỳ. Ở Sài gòn, bà Ngô bá lạp này tự phong cho mình là “chủ tịch” của “Phong trào phụ nữ đòi quyền sống;” biểu tình, tuyệt thực chống chính phủ VNCH (và sự hiện diện của đồng minh ở Việt Nam) rất kịch liệt. Sau 30 tháng 4 năm 1975 được CS cho làm đại biểu quốc hội CS trong 3 khóa (6,7 và 8). Đến khóa 9 thì bị gạt ra. Bà chỉ bày tỏ sự tức giận của mình (bà cho là mình bị gian lận bầu cử? (Xin nhờ bà một tí: Chế độ CS làm quái gì có bầu cử dân chủ?) qua sự phỏng vấn của đài BBC chứ chả bao giờ dám biểu tình hay tuyệt thực gì cả? (nên biết, CS chỉ chờ bà này tuyệt thực là tụi nó “cúp” nước luôn thì có mà uống nước tè!)

2- Nhận định của đồng môn cư trú tại Úc:

Về Thành phần thứ ba (còn được bà con miền Nam gọi là “bộ phận nằm ở giữa!”) hay còn gọi là cho oai, cho kêu là "Trí thức thiên tả!"

Đa số họ là những người đi du học thời VNCH (con nhà nghèo đi học bổng quốc gia cũng có; con nhà giàu - đại đa số - đi du học tự túc cũng có...) mà lại theo, hay ít ra cũng thích làm dáng CS!?! (cái vụ này nghe hơi nghịch lý khó tin nhưng là chuyện có thật – còn gọi nôm na là “ăn cơm quốc gia thờ ma CS”).

Tôi có những người bạn thân hồi học đại học ở Sài Gòn vô bụng theo CS (giờ thì có ít danh phận, con cái đi du học tự túc ở Mỹ hay Canada) và những người bạn “thiên tả” của lúc tôi qua Nhật du học (bây giờ họ vẫn còn thiên tả một cách thâm lặng - tức là không ồn ào binh vực chính quyền CS như xưa - nhưng hầu như vẫn còn mong mỗi CS đổi mới, hồi tâm y như người vợ đã bị chồng bỏ theo vợ bé nhưng vẫn mong chồng có ngày quay trở về mái gia đình xưa!!!) Ở ngoại quốc, cs Bắc Việt thi hành triệt để chính sách tuyên truyền. Qua hình ảnh (tuyên truyền), họ là “những người đại diện cho một quốc gia nghèo khó nhưng quyết tâm chống lại cuộc chiến tranh ‘xâm lược’ của Mỹ!!!” Thế giới và sinh viên Nhật lúc đó còn mông muội và tin lời dối trá (như vẹm) của họ. Những vụ như Mỹ Lai được thiên hạ biết rất nhiều và hình ảnh người lính VNCH bị xem như là “lính đánh thuê...” lãnh thổ VNCH bị xem như một cái thùng rác để các chính trị gia Mỹ (ngạo mạn) và các ông lãnh đạo Việt Nam (bất xứng) tự tiện phóng uế bừa bãi...

Tôi cũng có những người bạn thân “thiên tả” đã “can đảm” về Việt Nam sau 1975 làm việc (khoảng đầu năm 1980). Đa số bây giờ nếu không nghèo thì cũng không giàu nhưng tạm đủ để gửi con đi du học xứ ngoài. Con cái họ muốn đi học bổng nhà nước thì chắc không được rồi vì lý lịch không nặng cân bằng mấy tay vô bụng hay cán bộ CS ngoài Bắc. Nhưng họ cũng không dám nói gì ngoài chuyện khuyên tôi có về thì “đợi khi già có tiền hưu rồi hãy về sống với tiền hưu của mày.” Tôi đã có lần hỏi thử họ là “muốn làm cái gì để đóng góp cho quê hương thì phải làm gì?” thì được họ trả lời là “về Việt Nam chơi, đem tiền về xài cũng là đã đóng góp cho quê hương rồi!!!” Tôi nghĩ đây là câu trả lời này nghe thấy nửa chua chát nửa khôi hài nhưng là câu trả lời chân thật nhất của họ.

Tôi cũng đã có nhiều cơ hội tiếp xúc với những đàn anh, đàn em “thiên tả” hồi học ở Nhật cũng như bây giờ sống và làm việc bên Úc. Tôi dự định trong tương lai sẽ viết về họ một cách khách quan, trình bày những “political psychology,” “paranoia,” “autism...” của họ.

Có điều là “thiên tả trầm lặng ở ngoài” (muốn về Việt Nam) hay “thiên tả im lặng ở trong nước” (muốn trốn ra ngoại quốc) đều có chung một tâm lý: cả hai hình như lúc nào nơm nớp sợ Công an CS bắt (nên nhớ là CS chủ trương “bắt và giết làm hơn tha làm!”). CS đã có rất nhiều tuyệt chiêu và sáng kiến về sự bắt bớ này: khi bắt chẳng những họ bắt đương sự mà còn bắt luôn cả gia đình đương sự để khủng bố. Thí dụ như hồi bắt lính đi “Kampuchia” năm 1980, thằng em vợ tôi trốn lính (CS gọi là trốn “nghĩa vụ quân sự!”) công an phường bắt bà mẹ vợ tôi mỗi ngày phải lên phường “làm việc” liên tục trong 3 tháng trời, hăm he sẽ bỏ tù bà cụ nếu em tôi không ra trình diện). Loại “thiên tả” này không bao giờ sợ Cảnh sát tư bản vì khi họ bị bắt ít ra còn có luật sư bào chữa, báo chí truyền thông hô hoán là vi phạm “human right” dùm!

Riêng “thiên tả ở ngoài nước” dầu “trầm lặng” hay vẫn còn “ồn ào” ủng hộ CS bằng cách thỉnh thoảng rình rập cơ hội xả rác, phê bình đá giò lái, chọc gậy bánh xe tư bản Mỹ, Anh, Pháp, Úc etc... thì đều có chung một đặc điểm: “Vẫn đi cày lãnh lương ở xứ người cho đến ngày tàn hơi, mà không bao giờ dám về làm việc luôn dưới chính quyền CS để xây dựng CHXHVN độc lập - tự do – hạnh phúc!!!” Bởi vì họ biết thừa là về Việt Nam sẽ bị “thô tả” đầy quần ngay!!!

Tôi không biết luật Nhân Quả của nhà Phật sẽ áp dụng như thế nào vào các hoàn cảnh (“thiên tả”) này? Muốn bàn thêm nhưng lại sợ bị đụng chạm!! Thành ra... tốt nhất là im cho được việc thôi! Có điều tôi tin rằng “muốn biết những gì họ có trong tương lai thì hãy nhìn những gì họ làm trong quá khứ và hiện tại.” Đôi khi biết phân tích mà không dám (hay không có cách) giải quyết được cũng là cái khổ của đời sống.

Nghĩ lại đôi khi tôi cũng thấy “thông cảm” cho mấy ông “thiên tả” bạn hay đàn anh của tôi: cái khổ của người bên phe thua cuộc như tôi thì nó quá rõ ràng nên không có gì ầm ức, ít ra còn có đối tượng để “chửi bới” cho đã miệng khi giận; còn cái khổ của “kẻ đứng trong hàng ngũ chiến thắng” sau khi thấy “xã hội chủ nghĩa” lý tưởng của mình không hơn câu nói thực tế của tài phiệt báo chí lá cải (tabloid papers) Rupert Murdoch (người Úc quốc tịch Mỹ):

“Khi còn trẻ mà không có lý tưởng xã hội thì mình là người không có con tim; còn vào tuổi trung niên mà vẫn còn ôm ấp "xã hội chủ nghĩa" thì mình là người không có đầu óc (mindless)().”*

Mấy ông nội trong bộ chính trị CSVN xem ra biết áp dụng câu nói này; còn mấy ông “trí thức thiên tả” thì vẫn còn ôm ấp nó; dù đã vào lứa tuổi lục (hay thất) tuần rồi nên đó là nỗi khổ thiên thu của “loài chó hoang” không biết phải trở về với chủng loại nào cho hợp: Loài chó hay loài chồn...??!!

Phụ Chú:

(*). *“Khi còn trẻ mà không có lý tưởng xã hội thì mình là người không có con tim; còn vào tuổi trung niên mà vẫn còn ôm ấp "xã hội chủ nghĩa" thì mình là người không có đầu óc (mindless).”*

Câu nói này thực ra có nhiều nguồn khác nhau như sau:

1- *“If you're not a liberal when you're young, you have no heart. If you're not a conservative when you're old, you have no brain.”*
- *An old Swedish saying.*

2- *Người đầu tiên phát biểu câu này có ghi trên sử sách là Francois Guisot, một chính trị gia dưới thời vua Louis Philippe của Pháp:*

“Not to be a republican at twenty is proof of want of heart; to be one at thirty is proof of want of head.”
- *Francois Guisot (1787-1874)*

4- Câu này được Thủ tướng Pháp Georges Clemenceau sửa lại (revised) là:

"Not to be a socialist at twenty is proof of want of heart; to be one at thirty is proof of want of head."

- Georges Clemenceau (1841-1929)

5- Nên biết, rất nhiều người lầm tưởng câu nói (tương tự) này là của Thủ tướng Anh Winston Churchill. Họ cho là Churchill đã nói:

"If you're not a liberal when you're young, you have no heart; if you're not a conservative when you're old, you have no mind."

Tuy nhiên rất khó kết là luận câu nói này của Churchill bởi vì, đọc qua tiểu sử của Churchill, chúng ta thấy : Churchill đi lính năm 20 tuổi, làm đảng viên đảng Bảo thủ ("Conservative Party") của quốc hội Anh năm 25 tuổi. Vài năm sau ông đổi qua đảng "cấp tiến" ("Liberal Party") (nên biết chữ "cấp tiến" - Liberal - thời Churchill khác hẳn với "cấp tiến" bây giờ!); và sau đó lại bỏ đảng "cấp tiến" và trở về với đảng Bảo thủ.

6- Hiện nay, có nhiều báo điện tử Việt ngữ trích câu nói tương tự này và chưa là của Tổng thống Nga Vladimir **Putin** (?):

"If you're not a Communist when you're young, you have no heart; if you're still a Communist when you're old, you have no mind."

Nhưng tôi không thể nào "verify" câu nói này là của Putin qua "Googling" trên "Internet search."

Tự hào dân tộc?

Cụ Trần Trọng Kim, một nhà giáo lỗi lạc, một học giả danh tiếng và cũng là vị Thủ Tướng đầu tiên của nước Việt Nam, đã viết trong bộ sử “*Việt Nam Sử Lược*” (1925) về tính tình, tư cách của người Việt Nam (nguyên văn – trang 7 tiểu mục “Người Việt Nam”) như sau:

“Về đàng trí tuệ và tính tình thì người Việt nam có cả tính tốt và các tính xấu. Đại khái thì trí tuệ minh mẫn, học chóng hiểu, khéo chân tay, nhiều người sáng dạ, nhớ lâu, lại có tính hiếu học, trọng sự học thức, quý sự lễ phép, mến điều đạo đức: lấy sự Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, làm năm Đạo Thường cho sự ăn ở. Tuy vậy, vẫn hay có tính tình vất, cũng có khi quý quý, và hay bài bác nhạo chế. Thường thì nhút nhát, hay khiếp sợ và muốn sự hoà bình, nhưng mà khi đi trận mạc thì cũng có can đảm, biết giữ kỷ luật.

Tâm địa nông nổi hay làm liều, không kiên nhẫn, hay khoe khoang và ưa trương hoàng bề ngoài, hiếu danh vọng, thích chơi bời, mê cờ bạc. Hay tin ma tin quỷ, sùng sự lễ bái, nhưng mà vẫn không nhiệt tín tôn giáo nào cả. Kiêu ngạo và hay nói khoác, nhưng có lòng Nhân, biết thương người và hay nhớ ơn.”

Những lời nhận định về người Việt này đã cũ trên 80 năm mà chưa thấy ai lên tiếng phê phán Cụ là “thiếu chính xác,” “sai lầm,” “thiếu công minh,” “thiên vị” hay “sỉ nhục dân tộc!” Nhiều người còn cho là Cụ có nhiệt tâm muốn thành thật vạch ra những cái tốt và cái xấu của người mình để hậu sinh học hỏi, sửa đổi; hầu xây dựng một tương lai trong sáng và tiến bộ cho đất nước.

Đất nước vừa trải qua những biến cố nghiêm trọng, lòng người hoang mang, ngờ vực, suy tư... Người Việt ở trong nước cũng như ở hải ngoại đã có rất nhiều băn khoăn nan giải về vấn đề “*mình phải tự nghĩ về mình thế nào?*” hoặc “*mình nên trả lời thế nào về dân tộc mình trong trường hợp có người ngoại quốc hỏi?*” Trong bài nhận định này, tôi xin phép theo bước chân của cụ Trần Trọng Kim để đóng góp một vài ý kiến cá nhân có thể còn rất phiến diện. Rất mong được quý vị độc giả chỉ giáo thêm.

Trong thời buổi này, người Việt, chẳng cần phải tự hào mà cũng chẳng cần phải tự ti. Khi được hỏi mình cứ trả lời cho đúng, đầy đủ, vừa phải, không dư thừa... là được rồi. Chối bỏ nguồn gốc của mình, hay vênh vang ngạo mạn đều hồ đồ cả - Cứ nói sự thật. Việt Nam cũng như mọi dân tộc khác, cũng có cái hay cái đẹp, cũng có cái xấu xa. Tự hào, hay tự ti, là ở ngay chính con người mình. Nếu mình thật sự giỏi thì chẳng cần biết mình là dân tộc nào, thiên hạ đều phục.

Người Việt chẳng có gì mà phải tự ti. Thế giới còn có nhiều nước tệ hại, đáng kinh sợ hơn Việt Nam nhiều: cướp bóc giữa ban ngày, đi điếm đứng đầy đường, dân đen bị bóc lột hành hạ tàn nhẫn hơn, chính phủ độc tài cai trị sắt máu hơn, xã hội bị phân hoá khủng khiếp hơn, tham nhũng ở nhiều nước còn tàn chi hơn... (tôi không tiện liệt kê tên các quốc gia này vì vấn đề tế nhị!) Tóm lại, chẳng có lý do gì phải tự ti mặc cảm.

Người Việt Nam cũng chẳng có gì quá đáng để tự hào. Tự hào thế nào được khi quốc gia bị bêu riếu mọi nơi là lạc hậu. Tự hào thế nào được khi quốc tế liệt kê Việt Nam trong danh sách các quốc gia đàn áp tôn giáo tận mạng, tham nhũng như ranh, dân trí đội sổ,

dân chủ có nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời... Chắc chắn sẽ có người sẽ giận dữ lên tiếng nhắc nhở tôi về lịch sử vẻ vang của Việt Nam, cái tài quân sự của người Việt, đánh thắng đế quốc Mông cổ; và mới đây đánh thắng luôn một lúc 3 đế quốc. Trong vấn đề chiến thắng trong lịch sử này, tôi xin dẫn một câu chuyện điển hình về đại sứ VC tại Thái Lan mới đây để quý vị đọc giả suy gẫm. Đại sứ VC đã trình bày một cách tự hào về Việt nam với Quốc Vương Thái Lan là:

“Nước Việt Nam chúng tôi rất tự hào vì đã đánh thắng 3 đế quốc.”

Quốc Vương Thái Lan điềm đạm trả lời đại sứ VC là:

“Nước Thái lan chúng tôi cũng rất tự hào vì không phải đánh nhau với một đế quốc nào cả!” (nên biết Thái Lan cũng không phải đánh nhau với quân Mông cổ!)

Lịch sử Việt nam hiện nay đã được viết dài dòng về công cuộc đấu tranh chống Pháp dành độc lập cho 25 (?) triệu dân Việt. Kết quả đưa đến việc thực dân Pháp đầu hàng sau trận Điện Biên Phủ 1954. Đồng thời, lịch sử thế giới cũng ghi lại là Thánh Gandhi của Ấn độ, dành lại độc lập cho 600 triệu dân Ấn độ mà không phải đổ một giọt máu nào. Ngay như thiên tài quân sự Tôn Tử (trong *“Binh pháp Tôn Tử,”* trang 4, Thiên thứ 3 *“Mưu Công”*) đã định nghĩa thế nào là *“Quân sự giỏi”* như sau (nguyên văn):

“Đại phàm cái phép dụng binh, làm cho cả nước địch khuất phục trọn vẹn là thượng sách, đánh nó là kém hơn... Thế nên bách chiến bách thắng cũng chưa phải cách sáng suốt trong sự sáng suốt. Không cần đánh mà làm kẻ địch khuất phục mới gọi là sáng suốt nhất trong sự sáng suốt.”

Cho nên thượng sách trong việc dùng binh là lấy mưu lược để thắng địch, kế đó là thắng địch bằng ngoại giao, kế nữa là dùng binh thắng địch, hạ sách là tấn công thành trì... Cho nên người giỏi dụng binh, thắng được địch quân mà không phải giao chiến, đoạt thành mà không cần tấn công, phá quốc mà không cần đánh lâu, nhất định phải dùng mưu lược toàn thắng mà thủ thắng trong

thiên hạ, quân không mõi mệt mà vẫn dành được thắng lợi hoàn toàn.”

Như vậy, “thắng mà không phải đổ một giọt máu nào!” mới gọi là giỏi. Chứ còn phải nướng vài triệu nhân mạng để giải phóng vài chục triệu nhân mạng thì không biết phải nói giỏi ở chỗ nào?... Cũng nên biết thêm, thực dân Pháp mặc dù không bị thua trận ở Algeria, nhưng thực dân Pháp đã phải tự động trả độc lập cho Algeria (hoàn cảnh quốc gia này bị Pháp đô hộ giống y hệt như hoàn cảnh của Việt Nam) vì chính sách thực dân đã bị xem là lỗi thời, bị quốc tế phỉ báng...

Hiển nhiên, nhiều người ngoại quốc đã có sẵn những thành kiến về người Á châu nói chung (và người Việt Nam nói riêng) là hay ăn cắp vặt, lừa dối, ở bẩn thiếu vệ sinh... thì mình cũng giải thích với họ là dân tộc nào cũng có kẻ thế này người thế khác; Hoặc gặp kẻ tán tụng dân tộc mình (phần lớn vì vấn đề thông lệ giao tế, không biết họ có thành thật hay không?) như là: “*À! Anh thuộc về dân tộc vẻ vang nhất của thời đại...*” Thì cũng từ tốn cố giải thích với họ là bây giờ là thế kỷ 21 rồi, những chuyện đánh nhau không cần thiết đó đã xưa rồi Diêm, bỏ qua đi Tám, lập lại cũng chẳng có ích lợi gì. Những “vẻ vang” đó không thể tự nhiên mang lại no ấm, hạnh phúc hơn cho dân tộc...

Hãy nghe một nữ sinh viên Việt Nam du học (bây giờ còn được gọi là du sinh) ở Singapore (Tân Gia Ba) đã tâm sự như sau:

“Em chả dám bàn về chính trị chính em gì hết. Bởi vì bố mẹ bảo em là con gái không nên xen vào chuyện làng chuyện nước!”

Năm 2001, cả giòng họ nhà em chắt mót lắm mới đủ tiền cho em đi Singapore du học tự túc. Thời gian mới qua em rất ‘bất ngờ’ vì người dân bên đó hoà đồng và mến khách còn hơn cả cái kiểu tiếp khách của các bác trong các chương trình du lịch bên mình nhiều lắm. Em có một cô bạn gái người Singapore bên đấy. Hôm nọ, cô ấy rủ em đến nhà mấy người bạn Singapore chơi. Cô ấy lại dặn em là ‘khi người ta hỏi thì đừng bảo là người Việt Nam nhá!’ Em ức lắm và vì tự ái dân tộc nữa nên đến lúc mấy người kia hỏi em

cứ nghênh mặt lên và trả lời ngay: 'I am Vietnamese.' Úi giời ơi! Sau câu trả lời ấy thái độ của cả nhóm thay đổi ngay. Cả buổi chẳng có ma nào hỏi han gì đến em thêm câu nào nữa. Khi về cô bạn kia mới giải thích cho biết phụ nữ Singapore rất có ác cảm với phụ nữ Việt Nam bởi vì 80% phụ nữ Việt Nam qua Singapore đều làm điểm hết. Họ không muốn thân với em vì sợ em sẽ cướp chồng họ.

Đấy! Các bác cho em lời khuyên là có nên nghênh mặt bảo mình là người Việt Nam nữa không???"

Chúng ta nên buồn năm phút!! Hay nên tự hào năm phút?!

Nghiêm chỉnh mà nói cho nhau nghe, hay để dạy dỗ con cái thôi... là Việt Nam có nhiều cái rất đẹp và đáng tự hào. Bởi vì một cô gái xấu xí đến đâu, nếu nhìn kỹ vẫn tìm thấy một vài nét đặc biệt: Chẳng hạn cái thông minh hoà nhã cũng có thể làm mờ các khuyết điểm khác đi. Đất nước không thể vì một nền kinh tế chậm tiến, lạc hậu, nghèo đói, bị đè đầu cưỡi cổ triền miên mà người dân phải cho rằng mình đành chịu đựng một sự nhục nhã. Lịch sử Việt Nam dài hơn 4000 năm thì 60 hay 100 năm đâu có nghĩa lý gì. Nếu phải so sánh với các nước khác trên thế giới thì vấn đề lạc hậu, xuống dốc như thế này phải làm các ông lãnh đạo cảm thấy xấu họ mới đúng. Người dân đen không có gì phải xấu hổ cả. Kể cả cô em gái du học ở Singapore!

Ở hoàn cảnh nào cũng vậy. Không ai muốn vạch áo cho người xem lưng. Nhưng phải nói cho nhau nghe là ở Việt Nam hiện nay, lãnh đạo cs không hề để ý gì đến văn hóa Việt Nam; cho nên nền văn hóa cứ thế mà tụt dốc phi mã. Các lãnh tụ "ưu việt," "kiệt xuất" hoang tưởng chỉ có một cách, một phương thức một bài duy nhất dùng để phô trương, tự hào về Việt Nam là "chiến thắng vinh quang." Ngoài ra không có một thực chất hay một khả năng nào có thể dùng để xây dựng, phát triển dân giàu nước mạnh được. Nhật Bản sau 30 năm bại trận, từ đồng tro tàn, không tài nguyên... trở thành một siêu cường của thế giới. Việt Nam sau 30 năm chiến thắng vinh quang, với tài nguyên dồi dào... vẫn không làm nổi một cái đỉnh ốc cho ra hồn. Hoang tưởng là ở chỗ đó.

Ở ngoại quốc, khi nói đến Việt Nam là người ta nghĩ ngay đến các vấn đề “nghèo,” “cộng sản,” “vòng lẩn quần cộng sản - nghèo...” toàn những cái “negative values;” chứ chẳng thấy “vinh quang” ở đâu cả?... Không hiểu dân tộc Việt Nam mắc nợ gì với CS mà CS cứ đeo dính dân tộc mình hoài vậy? (nên biết trên thế giới có trên 193 quốc gia – kể cả Vatican City - nhưng chỉ còn vồn vẹn có 4 dân tộc “anh hùng” vẫn còn mắc nợ CS thôi!?)

Mỗi người có quan điểm chiến lược khác nhau; Có mức độ kỳ vọng khác nhau. Nhưng tôi nhìn nhận là người Việt có một số ưu điểm như sau:

- 1- *Chịu được gian khổ (bị đơ hộ trên 1000 năm vẫn sống; ăn “bobo,” khoai sắn độn dài dài vẫn sống; bị tù đày dài dài vẫn sống; nhịn đói 10 - 20 ngày trên biển vẫn sống...)*
- 2- *Tương đối dễ hoà và hội nhập với nền văn hóa dị biệt của nước người*
- 3- *Tương đối chăm chỉ so với một số dân tộc khác*
- 4- *Tương đối thông minh (không ngu quá!)*

Chỉ có cái điểm số 1, “chịu đựng,” là coi bộ nổi bật. Ba điểm còn lại cũng còn lơ mờ, khó nói, “tương đối” không rõ cho lắm! Nhưng mà dân tộc nào chả thế! Không chịu đựng được thì đã họ tự sát hết từ lâu rồi còn gì. Mà đâu có thấy dân tộc nào tự tử ào ào một lúc chỉ vì khổ quá đâu?

Nói về “*văn hoá lưu vong*” dường như chỉ có Do thái và Việt Nam có. Nhưng so sánh Do thái và Việt nam có vẻ không công bằng. Dân Do thái bỏ đất đai ra đi vì bị các áp lực tôn giáo (Hồi giáo) và chủng tộc (Ả rập) ở Địa trung hải quá mạnh. Nếu ở lại họ sẽ bị tiêu diệt, bị xóa sổ. Dân Việt Nam bỏ đất nước ra đi bởi vì chính trị của người chính người Việt Nam chứ không phải vì áp lực của lân bang (hãy xem lại lịch sử Việt Nam sẽ thấy là dù Tàu có đánh mạnh đến đâu đi nữa, người Việt vẫn bám lấy đất và chiến đấu đến cùng!) Cái giống nhau là dân Do thái và dân Việt sống rải rác ở nhiều quốc gia Âu châu vẫn nhất là ở Hoa kỳ. Bây giờ hãy nhìn

dân Do thái và dân Việt lưu vong trên đất Mỹ. Chúng ta tìm thấy rất nhiều chuyện để học từ dân Do thái.

Người Do thái ở Mỹ không phải là những người “... *bài bác nhạo chế nhau... thường thì nhút nhát... hay khiếp sợ... tâm địa nông nổi hay làm liều... không kiên nhẫn... hay khoe khoang và ưa trương hoàng bề ngoài... hiếu danh vọng... thích chơi bời, mê cờ bạc... Kiêu ngạo và hay nói khoác...* (nguyên văn lời của cụ Trần Trọng Kim đã viết ở phần trên!)” như dân Việt lưu vong. Ngược lại, dân Do thái (lưu vong) gián tiếp chỉ huy mọi chính sách của Mỹ: người Do thái gần như hoàn toàn kiểm soát nhiều lãnh vực quan trọng nhất trong sinh hoạt kinh tế (nhà băng, thị trường chứng khoán..) và khoa học (giáo sư đại học, khoa học khảo cứu gia, bác học...) và quan trọng nhất là hoàn toàn kiểm soát “media” (truyền thông, báo chí, kỹ nghệ phim ảnh, truyền hình..) ở Hoa Kỳ, chỉ riêng vấn đề truyền thông (“media”) này, người Do thái đã dùng nó để hướng dư luận và quan điểm của dân Mỹ và đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến các chính sách lãnh đạo đối nội cũng như đối ngoại của Hoa kỳ theo các chiều hướng có lợi cho quốc gia Do thái. Vì vậy, Do thái chỉ có khoảng 3 triệu dân vẫn đánh thắng một cách rất dễ dàng các liên minh quân sự của Ả Rập có đến trên 100 triệu! Người Do thái lưu vong không cần phải lên tiếng tự hào về dòng giống Do thái của họ. Các dân tộc khác sống trên đất Mỹ phải tự nhiên nể và sợ họ là đằng khác!

Dân Việt lưu vong không có cái gì phải xấu hổ về sự lưu vong của mình. Có xấu hổ hay không là những các nỗ lực khoe khoang hoang tưởng, phỉ báng lẫn nhau, ném bùn vào mặt nhau, đâm sau lưng nhau ở hải ngoại. Dân Việt Nam lưu vong mình nên cố gắng nhìn bài học lưu vong của dân Do thái để xây dựng một niềm tự hào, một sức mạnh lưu vong riêng cho chính mình.

Mặt khác, lúc nào cũng ra rả chiến thắng này, chiến thắng nọ; nhưng nhìn lại xem ai? phe nào? là những người thực sự chịu đau khổ. Thực tế cho thấy “kẻ thua” thì ngoài một số ít chết (tỉ lệ số chết quá nhỏ so với dân và quân Việt bị chết!) chẳng tổn thương gì gọi là quá đáng cả. Họ vẫn là cường quốc, vẫn mạnh giỏi. Còn nước Việt Nam dân số đứng thứ 13 trên thế giới, với diện tích

thuộc hàng trung vẫn bị coi là “nhược tiểu” (hãy xem nước Đức với diện tích và dân số như Việt Nam mà không bao giờ bị xem là nhược tiểu!) mà lại có về hài lòng! Tự sướng tự rên! Tự hào! Không biết lấy ở đâu ra? Tại sao chúng ta không làm cho mình thật mạnh để không nước nào dám xâm lấn, dám xâm lăng, dám cai trị chúng ta? Chúng ta tự hào thông minh, nhưng đó chỉ là cái thông minh vật. Chúng ta dùng những “thành tích” nổi bật của một số nhỏ người Việt ở nước ngoài để cho rằng Việt Nam giỏi, nhưng đó chỉ là cái “tâm lý nhược tiểu.” Chúng ta phải dùng những cái “không phải của mình” để “tự khen;” đem những lời khen “ngoại giao” của người ngoại quốc để “tự thỏa mãn” cái tâm lý nhược tiểu của mình. Những người được đào tạo tài giỏi ở nước ngoài là nhờ “tài của nước ngoài” chứ không phải cái “tài của nước mình,” chưa đáng được dùng để gọi là “tự hào dân tộc.” Phải chờ đến lúc có du học sinh ngoại quốc nài nỉ, nộp đơn xin được đến “du học” ở Việt Nam để học cái tài của nước Việt mình thì mới tính đến chuyện “tự hào” cũng chưa muộn!

Nếu chúng ta không suy giảm kỹ lưỡng và đánh giá cho đúng con người mình, không dám nhìn thẳng vào sự yếu kém chung của mình, mà chỉ nhìn vào một vài “thành tích nổi bật lẻ tẻ” rồi tự hào, từ mãn thì đến muôn năm nữa vẫn không thoát ra khỏi cái thân phận nhược tiểu. Như vậy có một vấn đề quan trọng thấy rõ không chối cãi được là vấn đề “lãnh đạo” (kể cả loại lãnh đạo “sắt máu” như Hitler của Đức quốc xã!). Lãnh đạo sáng suốt sẽ đưa đất nước vượt lên các yếu kém lạc hậu, các chèn ép của quốc tế. Thật là buồn, nếu chưa muốn nói là một sự sỉ nhục phải là công dân dưới chế độ CS, đã và đang phải chấp nhận những kẻ không ra gì lãnh đạo mình. Đó là cái lãnh đạo thiếu đạo đức, lãnh đạo đang hủy hoại đạo đức, đang hủy hoại truyền thống tốt lành của xã hội Việt Nam; lãnh đạo dốt nát, độc ác, lãnh đạo lừa dối hành hạ dân lành... Ở Việt Nam bây giờ sự dối trá là căn bản cho mọi sinh hoạt của xã hội. Dối trá từ việc học hành, thi cử, việc làm, sản xuất cho đến thái độ cư xử với những người chung quanh... Với một đất nước như vậy thì chỉ còn có các bác thật “anh hùng” và thật “kiệt xuất” mới dám có “can đảm” cảm thấy tự hào vì nó.

Cái oái oăm ở đây là hình như là người dân Việt Nam ở trong nước chưa cảm thấy có nhu cầu cần thiết để thay đổi chế độ và đòi hỏi thêm quyền chính trị. Bởi lẽ, như đã nói ở trên, người Việt Nam mình giỏi “chịu đựng” mà! Ừ thì chịu đựng nghèo, chịu đựng đói khổ đã đành; nay thậm chí còn giỏi chịu đựng cả sự sỉ nhục! Chưa có nhu cầu thay đổi, thì đào đâu ra động lực thay đổi. Không có động lực thì cũng kể như cứ việc thông thả nằm yên theo kiểu “con rùa lật ngửa” cho nó được việc! Cho qua ngày qua tháng! Muốn đi đến chỗ “có động lực” thì phải có một bộ máy giáo dục, thông tin hữu hiệu để giải thích cho mọi người hiểu tại sao cần phải có sự thay đổi (Nên biết “*Lãnh đạo cũng giống như tã lót. Nó cần phải được thay thường xuyên – vì chung một lý do!*”) và thay đổi sẽ đem lại cho họ và con cháu họ những ích lợi gì. Nói tóm lại, đây là một chuyện to tát phải làm. Rất tiếc công việc này còn to tát hơn vì CS đã biến một khối 85 triệu người Việt thành mù, điếc và câm từ khuya rồi. Người có can đảm đi khai sáng họ sẽ bị lên án là “phản động!” Người muốn đi chữa bệnh nan y (Mù câm và điếc) sẽ phải trả giá rất đắt như bị tù đầy, bị bao vây an sinh... Thành ra, chỉ còn một giải pháp tiêu cực là đợi cho tham nhũng đến cùng cực, sự suy sụp đạo đức xã hội đến tột đỉnh thì CS sẽ tự nó hủy diệt nó! Cái giá của sự chờ đợi này có thể con đất hơn mấy lần đi tù, bị bao vây kinh tế mà rất ít người biết...

Đôi khi mình cũng cần soi gương, không phải để tự ti hay tự hào, mà để tự đặt câu hỏi cho mình. Tự hỏi mình là tại sao người Việt thông minh mà dân tộc mình vẫn phải chịu nghèo đói; tại sao người Việt chăm chỉ mà vẫn còn người Việt đi làm thuê làm mướn với lương rẻ mạt ở những quốc gia cũng chẳng hơn Việt Nam bao nhiêu như Mã lai, Ba lan, Hung gia lợi...; Có lẽ vì vì chúng ta không dám chấp nhận sự thật, vẫn ngu quên trên chiến thắng; vẫn coi thường những dân tộc khác mà không biết là họ khôn ngoan hơn mình.

Đôi khi cũng nên nhìn vào gương để thấy mình còn may mắn vì nước Việt Nam mình ít ra chưa biến thành một Tây tạng hay một Đài loan thứ hai. Cứ đem cái quá khứ vẻ vang của dân tộc ra mà tự hào thì cái hiện tại chỉ càng làm cho mình đau lòng thêm. Hãy nhìn các anh hùng dân tộc đã đứng lên chiến đấu dành độc lập cho

đất nước. Nếu chỉ mấy ông ấy đứng lên một mình không thôi thì có lẽ đã bị Tàu hay Tây (hay Mỹ) nó mượn chỗ đội nón từ khuya rồi. Làm quái gì mà có được “chiến tích thần kỳ.” Các ông ấy phải cần có sự hy sinh vô bờ vô bến của dân ngu khu đen nữa chứ!!! Lãnh đạo đến; rồi lãnh đạo lại đi (hoặc bị tiêu diệt!) Nhưng dân thì muôn đời vẫn còn. Cổ nhân đã nói : “*Quân nhất thời; Dân vạn đại!*” là vậy. Dân tộc và nước Việt Nam đã bị vùi dập nhiều rồi; không đáng phải bị lãnh đạo (bất xứng) vùi dập thêm.

Lời Kết:

Trước khi muốn chạy, thì phải tập đi cái đã. Dù có muốn hay không, dù đã sửa sắc đẹp toàn diện rồi, mình cũng vẫn là người Việt Nam, điều đó không thể chối cãi được. Câu hỏi đơn giản là mình có tự hào về bản thân mình không? Nếu mình không có tự hào cá nhân thì cũng chưa nên bàn đến tự hào dân tộc.

Tự hào thì có nhiều thứ lắm. Lịch sử liệt kê ra hai loại tự hào là:

- *Thành quả quân sự* (chiến tranh - Chiến tranh lại được chia ra làm hai loại: chiến tranh tự vệ và chiến tranh xâm lược mà ông cha mình gọi là “mở màng bỏ cõi!”).

Oái oăm là cả người tự vệ lẫn người xâm lược cùng tự hào một lượt. Người xâm lược tự hào về sức mạnh. Xâm lược thành công nhanh chóng trong một thời gian ngắn được xem như một niềm tự hào, một chiến tích vẻ vang... Người đấu tranh tự vệ giữ nước tự hào về sự kiên cường, bất khuất, anh dũng.

- *Thành quả xây dựng*: Các nước giàu mạnh tân tiến ngoài cái tự hào chiến tranh họ còn tự hào về các công trình xây dựng lớn lao, nền kinh tế khoa học kỹ thuật vượt bậc góp phần vào sự phát triển chung của thế giới.

Nhưng thật buồn là Việt Nam ta, cho đến nay chỉ có một cái tự hào về chiến tranh thôi! Tự hào chiến tranh cuối cùng là chiến thắng trong cuộc chiến tranh “chống Mỹ cứu nước!” Cái chiến tranh này xảy ra đúng vào lúc thế giới đang ở giai đoạn chiến tranh lạnh

(giữa “Tây Phương và Nga xô” hay là “Thế giới Tự do và Cộng Sản quốc tế”) thì chỉ riêng có một mình Việt Nam là nhào đầu vào chiến tranh nóng thôi! Việt Nam thắng trận có nên tự hào không? Có lẽ có! Nhưng đó là tự hào của người Cộng sản chứ không phải là tự hào của “Tổ quốc Việt Nam.”

“Giặc Mỹ” đến giúp Nam Hàn tự do đánh nhau với CS Bắc Hàn trước khi có chiến tranh nóng ở Việt Nam. Bây giờ là năm 2010, chiến tranh nóng Việt Nam đã nguội rồi! Dân tộc Việt Nam đã trở thành “dân tộc anh hùng rồi!” Bắc Hàn và Nam Hàn đã đồng ý chia lãnh thổ từ lâu rồi; “Đế quốc Mỹ” vẫn còn có quân đội đóng ở Nam Hàn. Đã có ai thấy là “đế quốc Mỹ” cướp một tấc đất nào của Nam Hàn không? “Đế quốc Mỹ” còn ở đó giúp Nam Hàn tự do phát triển thành một sức mạnh kinh tế giàu có nhất ở Á châu mà nhiều con gái nước Việt anh hùng muốn sang làm cô dâu! (Không thấy có cô gái Việt Nam nào muốn sang làm cô dâu ở Bắc Hàn anh hùng cả! Lạ nhỉ!!!

Độc bài thơ “Nguyên tiêu” của Hồ Chí Minh

Kính thưa các Bác,

Tình cờ tôi bắt gặp trên mạng một cái tựa đề thật bắt mắt “100 Bài Thơ Hay Nhất Thế Kỷ 20” vừa mới được công bố tại Quốc Tử Giám Hà Nội nhân ngày thơ Việt Nam 2007.

<http://www.thivien.net/forum/100-b%C3%A0i-th%C6%A1-hay-nh%E1%BA%A5t-Vi%E1%BB%87t-Nam-th%E1%BA%BF-k%E1%BB%B7-XX/topic-IEY1qp52H1ytxgP5URFeAw>

Nên biết thêm, “*Quốc Tử Giám*” (còn gọi là Văn Miếu), không những là một di tích lịch sử và văn hoá cổ kính của Việt Nam mà còn là một trường đại học cổ đầu tiên ở vùng Đông Nam Á, được xây dựng từ năm Canh Tuất 1070 (đời vua Lý Thánh Tông) tại kinh thành Thăng Long. Ngày nay, chính quyền CS Hà Nội đã lập tại đây “*Trung tâm hoạt động văn hoá - khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám*” để ngoài việc phát huy tác dụng của di tích còn là

nơi tổ chức các hoạt động văn hoá, khoa học đậm đà bản sắc dân tộc của thủ đô Hà Nội(!)

Cái cơ sở oai nghi như vậy đã đúc kết danh sách 100 bài thơ hay, mà lại hay nhất của thế kỷ 20 mới ly kỳ, tất phải là chuyện đứng đắn. Thật vẻ vang cho những thi nhân có bài thơ được tuyển chọn vào danh sách “cấp cao” này. Tuy nhiên, khi nhìn vào danh sách này, bài đứng hạng số 1 (number ONE) là bài “*Nguyên Tiêu*” (có nghĩa là “*Rằm tháng Giêng*”) tác giả là Hồ Chí Minh (?) Tôi vốn dĩ bị dị ứng với cái tên HCM; và mỗi lần thấy cái tên này ở đâu là tôi chẳng dặng dưng nghĩ ngay đến câu nói bất hủ, chân lý muôn thuở “... *hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm;*” Tôi đã phải dành một chút thì giờ để... “nhìn kỹ những gì cộng sản làm.” Kết quả mà tôi thu lượm được cũng thú vị không kém. Tôi kính trình sau đây để các bác có máu thơ thần trong người thưởng lãm.

Nhân tiện đây, tôi cũng mạn phép nói trước là khi các bác đọc các dòng chữ viết ở phía dưới đây có nhiều Hán(g) tự, thì xin các bác hiểu là trình độ chữ Hán của tôi nếu gọi là “ăn đong” thì cũng còn quá đáng! Nó còn tệ hại hơn thế nữa! Trình độ của tôi chưa qua hết trang đầu của “*Tam Thiên Tự*” (“*天* thiên trời, *地* địa đất, *舉* cử cất, *存* tồn còn, *子* tử con...!”) Mặc dù là tôi đã có cái may mắn được chính phủ VNCH gửi đi tu nghiệp ở Đài Loan (năm 1974). Tôi đã vội vã học cấp tốc một ít chữ Hán để sinh tồn (“*survival Chinese*”) trong một thời gian ngắn cấp bách trước khi xuất dương. Nhưng phải thành thật mà nói, tôi, lúc đó (1974), vẽ (không biết viết!) được khoảng gần 300 mặt chữ Hán và xem như tạm đủ để đi ra chợ tàu (cũng nên biết trong giờ học ở Đài Loan, thầy giáo chỉ dạy bằng Anh ngữ thôi! No Chino por favor!) mua “bánh tui,” “dầu cháo quẩy,” “xì dầu,” “hủ tít...” Ngoài giờ học, nếu tôi có dạo phố buổi chiều để thăm dân tàu cho biết sự tình; hoặc tham gia vào buổi tối các chương trình trao đổi văn hóa (không phải để trả thù hận gì cả!) dân tộc với các thím xảm thơ mộng; hoặc thỉnh thoảng đánh cầu lông; hoặc vật tự do với các thím trong các “Tea House” (“phòng trà”) thì tôi cũng chỉ dùng “sức lao động” nhiều hơn là “coong!” Nói cách khác là dùng “tay chân đỡ cho mồm miệng!” Nhìn lại đã 34-35 đã năm trôi qua rồi còn gì! Ngay đến công phu võ nghệ mà không luyện tập một vài tháng thôi đã mai một rồi, nói chi đến 34-35 năm ròng! Nhưng

cũng còn may là bác “Biu Gét” (*Bill Gates*) của đế quốc tư bản làm ra cái “Uynh đô” (*Windows*) có sẵn “khả năng” “Cắt và Dán” (“*Cut and Paste*”). Thế là tôi cứ ngồi gãi... trán, tà tà “cắt và dán” cho thành bài ra này. Thế mà các bác xem thoáng qua cũng khó mà biết là thật hay giả; kỳ công hay là “chôm chia” đây nhỉ.

Trước tiên, các bác và cháu hãy cùng nhau đọc bài “Nguyên Tiêu” cái đã:

元宵

今夜元宵月正圓
 春江春水接春天
 煙波深處談軍事
 夜半歸來月滿船

Nguyên tiêu

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
 Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên.
 Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
 Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.*
 (Hồ Chí Minh – 1948)

Rằm tháng riêng

(Người dịch: Văn nô Xuân Thủy)

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi,
 Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.
 Giữa dòng bàn bạc việc quân,
 Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.*

Bản dịch nôm của Thiêng Đức

Tháng giêng trăng sáng tỏ đêm rằm

*Sông nước trời khuya lộng sắc xuân
Trên sóng mờ sương bàn chiến sự
Đêm tàn thuyền ngập trăng trong ngân.*

Bản dịch nôm của Hoàng Tâm

*Trăng sáng vừa tròn rằm tháng giêng,
Trời xuân lộng lộng nước sông in.
Nơi quân bàn bạc dây sương khói,
Vừa lúc nửa đêm trăng ngợp thuyền.*

Nếu chỉ đọc bài thơ “Đường” thật ngôn tứ tuyệt bằng chữ Hán ở trên thôi, đừng nhìn vào tên tác giả (HCM), các bác nhận thấy ngay từ cách dùng chữ cho đến âm hưởng hình như là của một thi sĩ Trung hoa thời thịnh “Đường” như Lý Bạch, Đỗ Mục, Đỗ Phủ, Lý Thương Ẩn... nào đó, thật là tuyệt vời! Bây giờ thử mở một lô Đường thi ra đọc lại xem sao! Voilà! Đường mật đâu chưa thấy, tôi đã khám phá ra một hũ tương thối... sau khi đã “nhìn kỹ những gì cộng sản làm!”

À há! Bác đã “đỡ nhẹ” ý tất cả 4 câu của 4 thi sĩ khác nhau thành ra bài “number ONE” của Bác! Nếu Bác chịu khó khiêm nhường một tí (hình như bộ phận “khiêm nhường” trong người Bác đã được gỡ ra lâu lắm rồi thì phải!?) Bác cứ việc thông thả đề vào xuất xứ (hoặc đề là “lấy ý”) của từng câu, thì bài này không có vấn đề; tuy nhiên Bác cứ im lìm lìm – tương tự như các bài khác mà Bác đã từng “chôm” nguyên văn (ví dụ như việc “chôm” một số bài, có người nói là Bác “chôm” nguyên con cả tập – xin đọc thêm các bài sưu khảo của các ông Đặng Tiến và GS Lê Hữu Mục, trong tập thơ “Nhật ký trong tù” - “Ngục Trung Nhật Ký”- của một người bạn tù khác bị nhốt chung vôi Bác ở Quảng tây (?) Trung Hoa năm 1942-43 (?) - rồi để tên mình vào tỉnh bơ con sáo sậu!!!

Quỳnh nhất là các cháu “đỉnh cao trí tuệ” XHCN của Bác đã quá mau mắn nâng bi Bác triệt để trong việc xếp hạng bài thơ “của” Bác đứng đầu (lại “number One!”) trong danh sách 100 bài thơ “hay nhất” của thế kỷ 20 (?)

Xin tất cả các bác “Quốc tử giám” cho cháu nhờ tí!!!

Xem ra, Bác đã “chôm” ý của từng câu một, lần lượt như sau:

Câu 1: Thanh thảo hồ trung nguyệt chính viên,

(trích từ bài “Ngư ca tử kỳ 5” của Trương Chí Hoà [xem Bài 1 ở dưới])

Câu 2: Nguyệt quang như thủy thủy như thiên

(trích từ bài “Giang lâu thư hoài” của Triệu Hổ [xem Bài 2 ở dưới])

Câu 3: Yên ba thâm xứ hữu ngư châu

(trích từ bài “Thú nhàn” của Cao Bá Quát [xem Bài 3 ở dưới])

Câu 4: Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền

(trích từ bài “Phong kiều dạ bạc” của Trương Kế [xem Bài 4 ở dưới])

Tôi xin chép lại 4 câu bị “chôm” ở trên một lần nữa vào thành một bài (có cái tựa mới toanh mà cháu vừa mới “chôm” lại của Bác!) để các bác dễ đọc:

Tiêu nguyên

*Thanh thảo hồ trung nguyệt chính viên,
Nguyệt quang như thủy thủy như thiên
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền*

Đồng thời xin các bác nhìn lại bài “*Nguyên tiêu*” của “Người” mà so sánh:

Nguyên tiêu

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên.
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.*

Tiền đây, tôi xin mời đồng chí “xung thử” văn hay chữ tốt (nếu chẳng may còn sống; hay hậu duệ của đồng chí cũng đừng! No Star Where!) dịch nôm lại 4 câu bị “chôm” mà tôi vừa mí gom lại ở trên xem nó ra nàm thao!

Sau đây, tôi xin mạn phép “cắt và dán” lại từng bài “o-ri-gin” (nguyên thủy) một (gồm cả bản chữ Hán và bản dịch nôm) của mỗi tác giả để các bác thơ thần rộng đường tham luận:

Bài 1- Ngư ca tử kỳ 5 - 漁歌子其五

(của Trương Chí Hoà – Thi sĩ Trung Hoa)

漁歌子其五

青草湖中月正圓，
巴陵漁父棹歌連。
釣車子，
檝頭船，
樂在風波不用仙。

Ngư ca tử kỳ 5

Thanh thảo hồ trung nguyệt chính viên,
Ba Lãng ngư phủ trạo ca liên.
Điều xa tử,
Quyết đầu thuyền,
Lạc tại phong ba bất dụng tiên.

Ngư ca tử kỳ 5

(Người dịch: Điệp luyện hoa)

Hồ trong cỏ mướt bóng trăng đầy,
Ngư phủ Ba Lãng tiếng hát say.
Thuyền đầu nhọn,
Cần chắc tay.
Chẳng tiên, sóng gió cũng vui vầy.

Bài 2 - Giang lâu thư hoài

(Triệu Hổ - 趙嘏 - Thi sĩ Trung Hoa)

江樓書懷

獨上江樓思悄然
月光如水水如天
同來玩月人何在
風景依稀似去年

Giang lâu thư hoài

Độc thương giang lâu tứ tiểu nhiên
Nguyệt quang như thủy thủy như thiên
Đồng lai ngoạn nguyệt nhân hà tại
Phong cảnh y hi tự khứ niên

Viết lại cảm nghĩ ở lầu bên sông

(Người dịch: Lý Tú)

Hoài cảm lên lầu đứng lẻ loi
Sông lồng trắng sáng nước như trời
Người cùng thưởng nguyệt nay đâu nhỉ
Cảnh cũ năm xưa chẳng đổi dời.

Bản dịch nôôm của Tản Đà

Lên gác bên sông một ngậm ngùi,
Sáng trắng như nước, nước như trời.
Bạn chơi năm ngoái nào đâu tá?
Trắng nước như xưa chín với mười.

Bài 3- Phong Kiều dạ bạc

(của Trương Kế - 張繼 - Thi sĩ Trung Hoa)

楓橋夜泊

月落烏啼霜滿天，
江楓漁火對愁眠。
姑蘇城外寒山寺，
夜半鐘聲到客船。

Phong Kiều dạ bạc

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hoả đối sầu miên.
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự,
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền.

Nửa đêm đậu bên Phong Kiều (Người dịch: Hạt Cát)

Quạ kêu sương lạnh trăng tà.
Đèn chài giắc muện la đà bến sông.
Chùa Hàn trầm bổng hồi chuông.
Nửa đêm gọi khách bênh bồng Cô Tô.

Bài 4 – Thú nhàn (của thi sĩ Cao Bá Quát)

Thế sự thẳng trầm quân mạc vấn
Yên ba thâm xír hữu ngư châu
Vất tay nằm nghĩ chuyện đầu đầu
Dem mộng sự đọ với chân thân thì cũng hết
Duy giang thượng chi thanh phong,
dữ sơn gian chi minh nguyệt
Kho trời chung, mà vô tận của mình riêng
Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn thiêng
Kẻ thành thị kẻ vui miền lâm tảo
Gõ nhịp lấy, đọc câu "Tương Tiến Tửu"
"Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy

thiên thượng lai, bôn lưu đảo hải bất phục hồi"
 Làm chi cho mệt một đời.

Lời kết

Thiệt hết ý kiến!

Ban tuyển lựa của “Quốc tử giám” chắc chắn phải gồm những cây cỏ thụ của nền thi văn Hà thành làm sao có thể họ lại không nhìn thấy những sự “chôm chia” giữa ban ngày ban mặt này! Lại đem bài này ra ánh sáng để thi nhân bêu riếu Bác! Hay là các bác này vì mãi “liên hoan” quá chừng độ, ăn nhầm phải một mẻ “lông lợn rừng” (xin nhà in đừng bỏ lợn dẫu chỗ này phiền lắm!) thành ra bị lú lẫn cả lũ rồi? Chỉ có giới mới biết!

Nhưng phải công nhận một điều là Bác HCM “vô vàn kính yêu” thật “kiệt suất” tài tình đã phát minh ra cái thuật “**Cắt và Dán**” tạm gọi là “Uynh đô 48” (1948). Cho mãi đến khoảng gần 40 năm sau, vào đầu thập niên ‘90 bác Bui Gét mới làm ra “Uynh đô 95” (1995) với cùng kỹ thuật “**Cắt và Dán**.” Bác Bui Gét đã hót bạc (tỷ) nhờ cái “Uynh đô” này. Bác “Bui Gét” nay đã là người giàu nhất thế giới rồi. Nếu biết điều một tí thì bác “Bui” nên trả lệ phí (“royalty”) cho hậu duệ của Bác HCM (đảng CSVN); tượng trưng vài tỷ đô la cũng được rồi! Ít hay nhiều thì cũng đỡ khổ cho dân tộc Việt Nam; có nó (\$\$\$), các bác lãnh đạo nhà nước anh hùng đỡ phải xếp hàng sang “*rước Mĩ kiu nước!*” cho toát mồ hôi... trán.

Nói láo như vẹm!

Không phải chỉ riêng sự tàn bạo, sự chà đạp nhân quyền làm cho CS nổi tiếng mà chính là những sự tuyên truyền dối trá lừa bịp của CS. Qua lịch sử, cứ thẳng thắn nhìn những sự kiện đã xảy ra dưới chế độ CS, và nghe những gì CS đã nói và đang nói, một người dân nghèo vô sản, ít học nhất cũng phải thở dài ngao ngán, đấm ngực, kêu trời không thấu...

Hãy phân tích một cách khách quan các “lời bác dạy,” “cương lĩnh đảng CS,” “chỉ thị chính phủ,” “hiến pháp,” “nghị quyết,” “công hàm...” và rồi lại nhìn những gì CS đã làm... tất cả đều là công trình sáng tạo đến tột đỉnh của sự lừa phỉnh, đánh lận con đen, tráo trở...

Thời buổi văn minh dân chủ, ai cũng hiểu là văn bản pháp lý cao nhất của một quốc gia dân chủ là hiến pháp. CS cũng đã trơ trên mượn y chang cái vỏ cao cả, cái nguyên tắc cơ bản nhất của chế độ dân chủ cộng hoà (CS đã có lần tự đặt tên gọi cho nước Việt Nam là “*Việt Nam Dân Chủ Công Hoà!*”) là “*vì dân, do dân và của dân*” căn cứ trên “*dân sinh, dân chủ và dân quyền*” để viết ra hiến pháp CS Việt Nam – rồi dùng nó để làm bình phong “hấp diêm” cả dân tộc, từ thế hệ cha mẹ đến con cái đến cháu chắt, để “tiên từng bước” lên cái gọi là thiên đường “xã hội chủ nghĩa ...”

Thử đọc lại và so sánh hiến pháp của một nước dân chủ tây phương (Hoa kỳ chẳng hạn) - một quốc gia được thế giới công

nhận là người dân thực sự làm chủ vận mạng của họ - và Hiến pháp của CSVN. Có cái dân quyền nào có trong hiến pháp Hoa Kỳ mà không có trong hiến pháp CSVN hay không? Nhưng thực tế, vấn đề thi hành những gì quốc hội (quốc hội cs?) CSVN đại diện của dân (đảng đề cử dân bầu? mà dân bầu hồi nào?) đã viết ra, đã soạn thảo ra có phải như vậy hay không? Người dân dưới chế độ CS đã mỉa mai là “nói vậy mà không phải vậy!” Đâu cần phải có bằng tiến sĩ từ đại học kinh tế Hà nội hay học viện Mác-Lê mới biết sự khác biệt “nói một đằng làm một nẻo” này! Sự lường gạt đã được tự phơi bày từ trên đỉnh cao, để mọi người dân cùng nhìn thấy mà tức muốn học máu mồm. Bây giờ biết phải kêu oan với ai... bởi vì người nghe lời kêu oan cũng lại là CS; chẳng khác gì như người bị ốm nặng mà lại đi khám bác sĩ Jack Kevorkian vậy! (Bác sĩ chuyên giúp cho người bệnh chết mau khỏi đau đớn – còn gọi là “Death Doctor!”)

Dân chúng dưới chế độ CS phải làm cái gì CS muốn thì CS mới ban phát cho sự sống (CS mới phát cho tem, gạo...). Không phải ai cũng có cơ hội thăng tiến dưới chế độ CS. Không phải ai cũng có thể thoát ra khỏi cảnh nghèo túng, ngoại trừ một thiểu số được xem như “có quyền công dân” hơn những “công dân” khác.

Nên biết Karl Marx và Friedrich Engels chỉ là tư tưởng gia (philosophers) không phải (và chưa bao giờ) là lãnh tụ chính trị; ngoài ra chính bản thân họ cũng chưa bao giờ phải sống dưới chế độ CS để hiểu rõ CS là cái củ cái gì? Cám ơn thượng đế là CS đang từ từ trở thành một vết bẩn trong lịch sử (và chắc chắn sẽ không bao giờ còn có cơ hội trở lại với lịch sử nhân loại).

Cái nghịch lý là giới nghèo đói bần nông, còn được CS gọi là “thành đồng của cách mạng,” lại chính là thành phần phải chịu đựng đau khổ, bị bỏ rơi nhiều nhất dưới chế độ CS. Bây giờ “chính nghĩa” của CS đang từ từ bị lộ mặt nạ và sụp đổ; nhưng sự sụp đổ của CS cũng lại không giúp gì cho giai cấp bần cố nông đã bị CS lợi dụng, bị vắt (chanh) hết nước... Thêm một lần nữa, dân đen lại bị bỏ rơi – bị “hấp diêm” hai lần hay là “người chết hai lần” đúng như nhạc nô Trịnh Công Sơn đã mô tả hoàn cảnh của họ!

Chỉ có giới trí thức, giới có ăn học (trung nông, tiểu tư sản) mới biết tìm cách hưởng lợi trên sự sụp đổ của CS mà thôi.

Từ những ngày đầu tiên, nguyên thủy, CS được biết đến là “*Bolsheviks*.” Thật ra vấn đề không phải là tên gọi mà là “ý thức hệ.” Về khía cạnh chính sách xã hội, không có sự khác biệt lớn lao nào giữa CS, Phát-xít, Quốc xã, Leninist, Stalinist hay Maoist... Chỉ khác nhau ở tên gọi. Đôi khi họ còn tự gán cho họ những cái hoa mỹ như phong trào, mặt trận, ái quốc, cách mạng, cộng sản, công sản (không có dấu nặng), chống đế quốc, chống độc tài, chống phong kiến... (phe đối nghịch gọi họ là độc quyền toàn trị, cộng sản chuyên chế...) Qua “*Communist manifesto*” và “*Das Kapital*,” Karl Marx đã tiên đoán 2 điều và thuyết phục mọi người tin tưởng là:

- *Tư bản, cũng giống như các hệ thống kinh tế xã hội cũ (phong kiến, thực dân) tự tạo ra các phản lực / “Căng thẳng nội bộ” (internal tensions) và sẽ tự tiêu diệt (self-destruction).*

- *Tư bản sau đó sẽ bị cộng sản thay thế qua một giai đoạn chuyển thể (transitional period) là đấu tranh giai cấp; cuối cùng đi đến sự toàn thắng của cái gọi là “cách mạng vô sản.”*

Cả hai tiên đoán đó đều sai bét. Thứ nhất rõ rệt là tư bản không hề bị tiêu diệt; và thứ hai, cái gọi là cách mạng vô sản mặc dù thành công lẻ tẻ tại một vài nơi cũng sống không dai; đang phải tự “đổi mới;” nếu không “đổi mới” kịp thời (nói nôm na là đi trở lại con đường kinh tế tư bản) thì sẽ bị te tua một sớm một chiều (cứ xem Liên xô và các nước CS Đông âu).

Có ai thấy CS đưa ra được một chính sách kinh tế khả dĩ nào để duy trì sự phát triển đời sống của dân chúng? Hoàn toàn sỗ toẹt. Không phát triển được thì chớ, CS còn trì kéo sự tiến hóa của dân tộc qua chính sách kinh tế tập trung, hệ thống lãnh đạo rất kỳ quặc đầy rẫy tham nhũng; lãnh đạo thiếu khả năng; và thiếu tư cách. Khả năng và tư cách của họ (lãnh đạo CS) đang bị dân chúng sống dưới chế độ CS công khai ngờ vực?

Trung quốc là trong những chế độ CS sớm thay đổi – thật là buồn cười cho các trò hề chính trị - Đổi từ chính sách kinh tế chỉ huy cứng nhắc của CS đến kinh tế thị trường (nên biết chỉ tư bản mới có thị trường; CS làm quái gì có thị trường!) Thay đổi đầu tiên của CS Trung quốc là công nhận quyền sở hữu của dân (tư sản – cũng lại là 1 yếu tố căn bản của tư bản). Danh từ “tư sản” trước đây đứng hàng đầu trong danh sách “phản động” dưới chế độ CS. Thực tế đã dần dần sáng tỏ là CS sẽ bị dẹp tiệm hoặc bởi ý dân (như đã thấy ít nhất 1 lần thử lửa dân chủ ở Thiên An môn) hoặc dần dà phải tự tan rã (như ở Liên xô và Đông âu...)

Tư bản (quyền tự do kinh doanh và quyền tự do chính trị) không hẳn là lời giải tuyệt đối (như các thành phần bảo thủ / cực đoan hữu khuynh vẫn giải thích) cho các trật tự và an sinh của đời sống. Các biến chuyển suy thoái, sa lầy kinh tế gần đây cho thấy sự can thiệp của chính phủ (vào các sinh hoạt kinh tế) đôi khi rất cần thiết để cứu vãn thị trường.

Nhìn chung, chính quyền XHCN cũng giống như ban quản trị của 1 công ty sắp phá sản. Quốc gia (công ty) bị phá sản vì quản trị (lãnh đạo) tồi chứ không nhất thiết chỉ vì vấn đề ý thức hệ trật hướng!

Sự sụp đổ của CS không chỉ vì kinh tế tồi tệ (đây là một “đặc sản” tự nhiên của cs) của XHCN; nhưng vấn đề nhân quyền và sự tàn bạo mới làm cho CS mau đứt bóng. CS kêu gọi giới công nông (công nhân nhà máy và bần cố nông vô sản) dùng vũ lực để lật đổ tư bản. Điển hình thấy từ Liên xô, dân nghèo đã hy sinh hết xương máu để lật đổ Nga hoàng và giai cấp tiểu tư sản... Ngay sau đó, đám cầm đầu cách mạng “vô sản” tự biến họ ngay lập tức thành “tư sản, tiểu tư sản:” Họ làm chủ hết tất cả các của cải đã chiếm đoạt được. Dân nghèo chỉ được dùng và bị bỏ rơi ngay sau khi “cách mạng” không cần đến họ nữa! Đám “đồng chí lãnh đạo” giả nhân giả nghĩa trở thành các “ông chủ mới” của giai cấp công nông vô sản. Đám người bịp bợm này kết hợp với nhau thành “Đảng CS” để bảo vệ quyền lợi “chủ nhân” của họ. Chỉ có đảng viên mới có cơ hội ăn trên ngồi trốc. Dân đen vẫn hoàn dân đen, trên răng

dưới dếp, vẫ nghèo đói và vẫ tuyệt vọng... Chủ nghĩa CS đã thực sự sỉ nhục sự thông minh của nhân loại.

Sau đây là một số câu hỏi đã có sẵn câu trả lời:

Hỏi: Tại sao CS phải chủ trương bạo động, khủng bố và gây sợ hãi?

Trả lời: Bởi vì người hiểu biết một chút không nghĩ được cái biện chứng duy vật và lý lẽ một chiều của họ.

Hỏi: Tại sao dân chúng có thể theo một đám thổ phỉ CS thất học để hủy hoại truyền thống văn hóa của dân tộc, giết các người có công gây dựng đất nước cho mục đích của tập đoàn CS?

Trả lời: Bởi vì đám đa số dân nghèo bị CS tuyên truyền gạt gẫm là CS sẽ dẫn họ đi đến thiên đường (bánh vẽ) CS - CS sẽ lấy của cải của người giàu chia đều cho người nghèo (!)

Hỏi: Có phải Bộ Chính trị Trung ương của đảng CS là do dân chúng lập ra hay không?

Trả lời: Bộ chính trị trung ương CS đâu có phải là chỗ đầu phiếu phổ thông. Bộ chính trị trung ương CS đâu có phải là chỗ dành cho bất cứ ai có tài lãnh đạo muốn vào cũng được. Thực tế đã rõ như ban ngày.

Hỏi: Tại sao lãnh tụ CS cứ ở mãi vị trí lãnh đạo và rồi cha truyền con nối như thời phong kiến?

Trả lời: Họ muốn bảo thế giới là chỉ có họ (và con cháu họ) là những người duy nhất có đủ tài và trí để cai trị dân (!)

Hỏi: Tại sao CS luôn luôn sợ các phong trào dân chủ đòi quyền chính trị; đặc biệt là tự do báo chí, ngôn luận, bầu cử, di chuyển và trọng nhân phẩm?

Trả lời: CS cho là dân còn mông muội không hiểu ý nghĩa của tự do là gì? Công an (không phải dân!) mới là người mà CS tin cậy. CS mà không có công an thì cũng như thịt chó mà thiếu mắm tôm.

Biết bao nhiêu câu hỏi ở trên đã có câu trả lời rồi mà CS vẫn bám trụ chỉ vì quyền lợi mà họ kiếm được quá dễ dàng, không cần tốn sức lao động và mồ hôi.

Dân đen (vì quá đói khổ) đã dễ quên cái tây của CS - chỉ có nhà nước mới có khả năng bảo vệ và quyết định tương lai của dân chúng. CS chỉ có thể tồn tại dưới một chế độ toàn trị, độc đảng chơi ngang không kể gì luật pháp (CS có một rừng luật; nhưng chỉ xài luật rừng!) Trong khi ở chế độ thực sự dân chủ, nhà nước không “trị” mà chỉ đóng vai trò hướng dẫn và làm trọng tài trong sân chơi chính trị mà thôi...

CS với bất cứ tên gọi “ít-ít” gì (Bôn-sơ-vít, Mác-xít, Lê-nin-nít, Si-ta-lin-nít, Mao-ít, Trốt-kít, dốt-đít...) đều là giống y như nhau ở đặc tính khát máu sát nhân (toàn là giết người đồng chủng mới căm!) một cách vô lương tâm dưới nhiều cách khác nhau: giết chết ngay lập tức (qua thanh trừng, cắt tiết, xử tử, ám sát, giết tập thể...); giết chết từ từ (qua trại cải tạo, cưỡng bách lao động, cưỡng bách di dân - đi “vùng kinh tế mới”...) Theo các tài liệu quốc tế ghi chép lại thì CS đã giết đến gần 110 triệu (gấp gần 20 lần số dân vô tội – không phải dân Đức - bị Hitler của Đức quốc xã tiêu diệt trong Thế chiến thứ II). Đứng đầu danh sách sát nhân này là Lenin và Stalin của Liên xô (giết khoảng 43 triệu); thứ nhì là Mao Trạch Đông của Trung Cộng (giết khoảng 30 triệu), sau đó là Pol Pot của Cao miên, HCM của Việt Nam, Tito của Nam tư, Kim nhật thành của Bắc hàn.... Gần 50 triệu người chết một cách gián tiếp vì đói và bệnh tật dưới chế độ cai trị kỳ quặc của CS. Trong lịch sử nhân loại chưa có một chiến tranh lớn nào; chưa có một chính thể tàn bạo nào; chưa có ý thức hệ quái đản nào mà phải giết nhiều người (đồng chủng) như vậy... TT Reagan của Hoa Kỳ đã có lần gọi Liên xô (và CS nói chung) là “*Evil Empire*” cũng không có gì là quá đáng. Ngày nay CS vẫn là “*evil*” nhưng ít nhất đã có anh CS vĩ đại Liên xô tan rã và chỉ còn trong sử liệu mà thôi.

Tư bản là một hệ thống kinh tế mà mọi người dân có cơ hội vươn lên bằng sự cố gắng của chính mình (chứ không phải vì lý lịch). TT Clinton và TT Obama là những thí dụ điển hình. Hoa kỳ là nơi mà dân nghèo khổ rách áo ôm, không một xu dính túi từ tứ xứ đến (Âu châu, Á châu, Phi châu...) đã trở thành giàu có sung túc nhờ nỗ lực làm việc của chính họ chứ không phải vì phép lạ; hay vì chính phủ Mỹ đã bảo họ phải làm cái gì để chính phủ phát cho họ miếng ăn sống qua ngày. Công ty *Microsoft* đã tạo ra biết bao nhiêu là tỷ phú mà họ là những người có tài sáng tạo, có khả năng làm ra và bán chương trình cho máy vi tính; chứ không phải vì họ có bố mẹ giàu có hay là đảng viên của đảng chính trị cầm quyền...

Dưới chế độ CS, đảng viên và cán bộ nắm tất cả quyền lực và cơ hội kinh tế. Hy vọng duy nhất cho người dân dưới chế độ CS được vươn lên khỏi kiếp nghèo khó là trở thành một đảng viên CS!!! Sự thăng tiến xã hội cho con người không phải vì sản xuất giỏi, vì tài giỏi; mà vì nhận được nhiều tiền hối lộ, là vì đã nắm chức vụ cao...

Cái khôi hài nhất của chế độ CS là đảng viên và cán bộ mỗi ngày mỗi giàu có hơn; nhưng họ đổ tất cả các lỗi lầm, những thất bại kinh tế, những tệ đoan xã hội cho những “thế lực thù địch” (tưởng tượng) đã gây ra; hoặc “tàn dư của tư bản” (tưởng tượng) để lại!!!...

Chưa có một nước CS chân chính nào thành công trong việc tạo ra một nền kinh tế thịnh vượng mà mọi tầng lớp dân chúng được hưởng. CS luôn luôn cần một bộ máy tuyên truyền nói láo thật quy mô và hàng trăm tờ “báo lố” và một chính phủ độc tài sắt máu để tồn tại. Sự kiên nhẫn, sự rộng lượng tha thứ của dân chúng đã sắp đi đến cuối con đường. Người dân sống dưới chế độ CS bây giờ cũng y như những con cọp bị ngược đãi, bị bỏ đói và bị cười đã hơi lâu rồi. Những tên “nài” CS cười cọp có lẽ sẽ phải trả một giá rất đắt như bài học của “Sô-sét-cu” (Trùm CS Nicolae Ceaușescu, Chủ tịch nhà nước của CS Romania từ năm 1965, bị dân chúng và quân đội nổi lên bắt xử tử cả hai vợ chồng năm 1989).

Các trùm CSVN (và vợ con) không khéo rồi cũng chung số phận với gia đình “Sô-sét-cu thôi.”

Chờ xem.

Cấm Đái Bậy!

Có nhiều chuyện xảy ra trong đời sống một cách tự nhiên; chẳng hạn như đi ngủ và đi... tiểu. Các chuyện được xem là tự nhiên sẽ không còn gì là tự nhiên nữa nếu chúng ta bắt buộc phải quan tâm đến nó. Hơn thế, vấn đề bài tiết của cơ thể thật tình không có gì hấp dẫn, thú vị để đề cập đến; nhưng để “tự nhiên” cho đến mức độ mà cả xóm, cả thành phố, cả nước hôi mùi... nước đái thì vấn đề “nặng mùi” này phải là một phần trách nhiệm của từng công dân, của người lãnh đạo, của người vẽ, hoạch định chính sách của nhà nước - một vấn đề to tát của quốc gia chứ không phải chỉ riêng gì chuyện đại hội đảng, bầu cử quốc hội, tổng thống, chủ tịch nhà nước... chuyện chống lạm phát kinh tế... chuyện chống tham nhũng...!!

Từ thuở hoang sơ, dân số còn ít và con người còn sống rải rác thì “tiểu đồng” không bao giờ là vấn đề. Thực ra, vào thời xưa, vì phương tiện để giải trí còn rất thiếu thốn, thì tiểu đồng là một cái thú thật thuận tiện và không tốn kém của nhân loại. Còn gì thích thú cho bằng vừa đứng xả bầu tâm sự giữa ánh nắng ban ngày vừa nghe chim hót và tiếng gió thổi rì rào chung quanh. Có lẽ thời nay chỉ có “ngồi cầu cá dồ” là có thể tạm so sánh được với “tiểu đồng” thôi! Nhưng mà hôm nay, thế kỷ 21 rồi, con người sống chen chúc nhau trong các thành phố đông người, thiên nhiên không thể nào bao dung rộng lượng với con người như lúc xưa nữa. Vấn đề đái

đường, tường, gốc cây, góc phố, góc kẹt... phải cần xét lại. Ngoài lý do dơ bẩn, nguồn gốc của nhiều bệnh tật... nó, một mặt, tè lên danh dự của dân tộc khi du khách ngoại quốc nhìn thấy... mặt khác nó cũng là dấu hiệu gián tiếp bảo họ (du khách) “*đừng nên trở lại đây nữa nhé!*” Buồn chưa?

Trước hết hãy nói về người đái bậy. Đã có người tranh luận là : “*À! Nếu một quá mà không có nhà vệ sinh công cộng nào ở gần thì làm sao bây giờ?*” Nhưng phải thành thực công nhận là trong số người hay đái bậy, đại đa số là đàn ông! Tại sao vậy? Có phải là các bà nín giỏi hơn các ông? Các “chuyên gia” về “đái đường” không đồng ý như vậy. Họ nói là các bà không “cầu thả,” “lười biếng” và “vô trách nhiệm” như các ông (?) Các bà không hay uống rượu (bia), cà phê, trà... đại loại những thứ làm cho bàng quang đầy tràn bình mau hơn. Ngoài ra, vì lẽ việc thả nước thừa trong người ra ngoài, các bà thường phải cần có nhiều thời giờ hơn, phải cần chỗ kín đáo hơn. Họ không thể đứng tồ hô giữa thiên thanh bạch nhật rồi “*hit and run*” như đàn ông cho nên họ phải cẩn thận hơn. Các bà chỉ đi chợ, shopping... những nơi mà họ biết có nhà vệ sinh công cộng có thể dùng được... trong khi các ông lại ít quan tâm đến các yếu tố lật vật mà rất cần thiết này. Vậy đề nghị các bác trai nên bỏ bớt chút ít thời giờ nhậu nhệc để học cái “bí quyết thần kỳ” này của các bác gái xem sao!

Bây giờ nói rộng hơn về vai trò “dân trí” và “văn minh” của dân tộc (dĩ nhiên là cũng trong vấn đề đái bậy!) Có rất nhiều người, trong đó có cả nguyên thủ của các quốc gia như Nam Dương, Đài Loan, Đại Hàn... đã từng tuyên bố nhiều lần đại khái là:

“*Nếu muốn xét trình độ văn minh của một dân tộc xem nó đến mức độ nào thì chỉ việc nhìn vào nhà vệ sinh công cộng của họ là đủ!*”
(The public toilet is to reflect the civilization index of each country. It also reveals the country’s civilization level and quality of life).

Ngạn ngữ Nhật bản có câu:

“Nhà vệ sinh (buồng tắm) là một phần của đời sống. Chỉ nhìn vào buồng tắm của một gia đình là biết rõ gia đình đó như thế nào?”
(Họ có sống ngăn nắp không? có chăm sóc nhà cửa con cái của họ thích đáng không?)

Nếu có lời nói nào đơn giản và dễ hiểu hơn về vấn đề văn minh của dân tộc thì xin các bác làm ơn mách dùm cho cháu biết với? Người Nhật quan niệm đúng theo cái nghĩa “tề gia trị quốc” của dân Á châu chịu ảnh hưởng Khổng Mạnh. Đúng vậy! Nhà ở mà giống như đồng rác thì ra ngoài đại đường có gì mà phải ngạc nhiên?

Vì vấn đề cắt giảm ngân sách, giảm chi phí cho tiện nghi công cộng, nhiều thành phố hoa lệ nổi tiếng trước kia như Paris, New York..., nay rất nhiều du khách đã phải lớn tiếng than vãn về “mùi nước đá” (New York’s subway systems và các đường hẻm - alleys...) và “phân chó.” (Paris ngoài vấn đề thiếu nhà vệ sinh công cộng còn bị 200 ngàn con chó tự do sản xuất 160 tấn phân mỗi ngày trên đường đi mà chính quyền thành phố không đủ nhân lực, phương tiện để dọn dẹp!).

Dẫu có che mắt hay bịt mũi, cũng phải công nhận rằng: Có sẵn phương tiện và khả năng xây dựng lên các nhà vệ sinh công cộng đã là một chuyện đại sự rồi; phải giữ gìn bảo trì chúng cho sạch sẽ ở mức độ chấp nhận được đòi hỏi ngân sách to lớn và sự ý thức, sự tham gia, sự giáo dục, sự thành tâm hợp tác giữa chính phủ và quần chúng... Kịch thước của vấn đề này chỉ nghĩ đến thôi cũng có thể bí đại rồi... nói chi đến chuyện thi hành...

Bây giờ nói về đất nước Việt Nam độc lập tự lo hạnh phúc của mình. Tôi xin nói rõ đây không phải là vấn đề vạch áo cho người xem lưng, hay bôi xấu dân tộc mà là bảo nhỏ với nhau bằng tiếng Việt đàng hoàng! Đã có nhiều bác quá khích hấp tấp (nếu chưa nói là vô phép) văng tục một cách vô trật tự là “Việt Nam với 4000 văn hiến đâu chẳng thấy mà chỉ thấy 4000 năm đại đường!” Tôi xin nhờ các bác nóng tính này một tí! Nhìn qua các chương trình đã và đang thực hiện trong thời buổi “đổi mới,” chúng ta thấy các khách sạn 5 sao, dinh thự “hoành tráng” của các tay nhà giàu mới

(mặc dù lương căn bản mỗi tháng của nhiều người chủ của cơ sở này không quá 200 đô la?), tượng đài hùng vĩ (kể cả công trình xây “lãng tâm” cho người chết ở thế kỷ 21!) mọc lên như nấm... nhưng lại thấy thiếu bóng các xây dựng khiêm nhường, nhỏ bé nhưng cần thiết hơn nhiều. Đó là: “*nhà xí công cộng.*” Cứ tưởng tượng quang cảnh tương tự như là trong việc thi hành đường lối “đổi mới,” Việt Nam đã xây dựng rất nhiều ngôi nhà (bằng tiền thiếu vệ sinh!?) to lớn nhưng không hiểu đầu óc của giới lãnh đạo “định hướng” thế nào mà quên không cho vào “bàn cầu” một cái lỗ!!! Thiệt là chuyện “văng vãi tùm lum!” Việt Nam đã có cách mạng (có nghĩa là thay đổi tất cả những cái cũ) vô sản vinh quang “thành công” rồi; nay lại muốn thay đổi toàn diện (“đổi mới”) thì chỉ có cách “đổi thành cũ” mới đúng chứ! Chữ với nghĩa rõ chán! “Nói xuôi cũng được, nói ngược cũng hay!” “Nói đi cũng phải, nói lại cũng dễ nghe!”

Tại các thành phố lớn, số bảng “Cấm Đái,” nêu các bác rảnh hơi chịu khó đếm ra cho có con số chính xác, còn thấy nhiều hơn cả các bảng, băng “rôn” (biểu ngữ) ca ngợi sự lãnh đạo sáng suốt của Bác và Đảng. Các bảng loại này nhiều đến mức độ làm cho du khách ngoại quốc phải hiểu lầm như trong trường hợp có thật đã xảy ra cười ra nước mắt như sau:

Một du khách tây phương hỏi anh hướng dẫn viên du lịch (tour guide) ở Việt Nam:

- “*Tôi đã đến Việt Nam nhiều lần. Ở Việt Nam có hai vịnh (“bay”) rất nổi tiếng mà tôi đã đi thăm. Đó là: “Ha Long Bay” và “Cam Ranh Bay.” Nhưng còn một vịnh tôi thấy quảng cáo rất nhiều, ở trên tường, cây đại thụ bên đường, trong hẻm. Mà nó nằm ở đâu vậy? Anh có thể dẫn chúng tôi đi thăm được không?”*

Anh hướng dẫn viên vội hỏi:

- “*Xin ông cho biết tên của cái vịnh đó là gì?”*

Ông khách chỉ lên bức tường bên đường rồi bập bẹ đánh vần:

- “*CAM DAI BAY!*”

...

Chỉ đọc cho qua nội dung của các bảng “cấm đá” đã đủ hiểu sự phong phú của tiếng Việt mình đến mức nào. Các bảng “cấm đá” có nhiều lời lẽ dài ngắn với cường độ khác nhau: từ lịch sự năn nỉ sự thông cảm như “*Xin đừng đá nơi đây;*” cho đến các lời cấm khô khan “*Cấm Đá;*” “*Cấm không được đá;*” cho đến lời đe dọa nặng nề có kèm theo cả các biện pháp chế tài (trưởng tượng) như “*Cấm tuyệt đối không được đá. Vi phạm sẽ bị phạt nặng.*” Dưới hàng chữ hăm dọa “phạt nặng” này lại ghi rõ tên các cơ sở có đầy đủ thẩm quyền như “*Công an Phường...*” Lời hăm dọa chế tài đôi khi còn được cho thêm “án tượng” với hình vẽ một con dao mà phần cạnh bén được sơn màu đỏ, có các giọt sơn đỏ (xem như) còn ướt nhỏ xuống giống như dao vừa mới được “làm việc” xong! Thực tế rất phũ phàng các bác ạ. Tất cả các bảng “cấm đá” đều hoàn toàn vô dụng bởi vì không hề thấy có bóng dáng công an cảnh sát nào ở gần đó để các làm các bác muốn đá bậy phải sợ. Công an còn đang bận “làm việc” gì đó mà họ xem là quan trọng hơn chuyện đá bậy. Phải lấy làm lạ là ở Việt Nam công an có thừa thời giờ “bịt mồm” dân mà lại không có thời giờ “bịt chim” của dân cho bỏ cái tật đá bậy!/? Đây là chưa kể chính ngay công an cũng thường ra đá ở đây mới chết chứ!!! Oái oăm ở chỗ là các loại bảng “cấm” này hình như có ảnh hưởng ngược lại (“reverse effect!”). Nó có sức lôi cuốn và nhắc nhở mọi người rằng ở đây “đá được không cấm” (các bác thử đọc ngược từng chữ một của câu “*cấm không được đá*” từ phải qua trái xem sao?!)

Quang cảnh “đá đường” mới thật là một bản bi hài kịch dài không bao giờ hạ màn. Lần về thăm lại Sài gòn gần đây, tôi chứng kiến cảnh một thanh niên ăn mặc khá bảnh bao, áo bỏ trong quần hằn hoi, cầm tay đào đi dung dăng dung dẻ trên hè phố rất mùi mẫn. Bỗng nhiên anh ta quay qua nói với cô bồ câu gì đó (tôi đoán non đoán già là “Anh mắc... quá! Chờ chút xíu để anh...”). Thế là anh ta để cô đào đứng ngẩn tò te ra ở bên lề đường; anh ta quay bước vào bức tường gần đó rồi thông thả xả bình tự nhiên như con “kiki” của tôi lúc nó buồn tình đi vòng vòng “marking territory”

chơi chung quanh xóm vậy. Sau khi đóng nút quần xong xuôi, anh chàng ta đi trở ra cầm tay đào (yuck!) và dung dăng dung dẻ tiếp như không có chuyện gì xảy ra! Hãi thật! Sao có thể như vậy được! Phải có người nào ở chung quanh đó nói lên một tiếng chứ! Hay ít nhất cô đào thơ mộng của anh ta dù không tiện nói cái gì nhưng cũng nên tạm thời không cho anh kếp đẹp giai này cầm tay chứ! Trong một dịp khác được bạn bè chở ra Bình Triệu (ở ngoại ô Sài Gòn) để ăn nhậu, tôi thấy có một ông vào tuổi sồn sồn có vẻ bề vạ của một đại gia (?) mặc “vét tông” lái xe ô tô rất “xịn,” đột ngột dừng xe lại bên lề đường, một tay vạch quần đá vào tường tình bơ con sáo sậu; trong khi tay kia vẫn đang cầm điện thoại di động và miệng thì vẫn đang bi bô ra chỉ thị (qua điện thoại) cứ như đang “làm việc” ở văn phòng riêng!!! Việt Nam vào thời kỳ “đổi mới” có khác! Cũng còn may là các thành phố ở Việt Nam không có mùi phân chó; bởi vì chó không đủ cung cấp cho các tiệm nhậu. Dân nhậu nhìn thấy chó còn sống đi ngang qua mặt là đã thấy chảy nước miếng rồi. Lấy đâu ra chó sút chuồng đi rong đái bậy, “marking territories?” Nếu có đi nữa thì đây là loại chó chán sống; chỉ tổ bị hàng xóm lên đập đầu bắt cóc nấu rượu mạn “chui” ngay tức thì! Thiệt tình, vào thời buổi “đổi mới,” “kinh tế thị trường,” “định hướng xã hội chủ nghĩa” chỉ thấy có cán bộ và đảng viên CS là sống phè phỡn. Còn lại, đến chó cũng phải hôi hạp khó sống, nói chi đến thường dân khổ rách áo ôm!

Dân số Việt Nam càng lúc càng tăng nhanh, vấn đề đái bậy mỗi ngày sẽ càng trầm trọng hơn. Xin các bác các thím có thẩm quyền, có quyền cao chức rộng ở Việt Nam hãy ra lệnh cho tạm giảm bớt các chương trình hoa mỹ tuyên lựạ “ca sĩ,” “hoa hậu...,” “kỷ niệm chiến thắng...” giảm xây cất (hay đập bỏ bớt đi!) các tượng đài kỷ niệm, lãng tâm vô tích sự hao tổn công quỹ và bắt đầu quan tâm hơn đến các vấn đề thực tế sát với đời sống hàng ngày của dân ngu khu đen như đái đường, xả rác, cống rãnh, giao thông “ùn tắc...” Nếu không bắt đầu từ bây giờ thì đợi đến lúc nào? Không lẽ các bác lãnh đạo đợi dịp để bán cái cho Việt kiều yêu nước hay con cháu của các bác học tốt nghiệp xong từ các đại học ở Mỹ, Úc, Pháp...

Tóm lại, “nhà xí công cộng” thực sự là cái thước để đo sự trưởng thành của một dân tộc. Dân chúng không cần các tượng đài hùng vĩ mà cần các nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ chẳng riêng cho người bình thường mà cả trẻ em, người già và người tàn tật cũng có thể sử dụng được. Ở đó nhân viên của nhà vệ sinh được dùng không phải là để ngồi trước cửa thâu tiền; mà lo dọn dẹp cho sạch sẽ bên trong. Hay là tôi mạo muội đề nghị là nhà nước ta nên xúc tiến ngay một chương trình xây cất hàng loạt các nhà xí công cộng miễn phí trong nước đồng thời người dân nào đến sử dụng (thay vì phải đi đái đường) còn được phát một món quà nhỏ tượng trưng - chẳng hạn như được tặng miễn phí một ổ bánh mì thịt sau mỗi lần thăm viếng! Nếu đất nước đạt được cái “chỉ tiêu” đó thì thiên đường chắc cũng chỉ đến thế thôi!

“Quốc ca” và những tác dụng phụ

Bài Quốc ca (“*Tiến quân ca*”) có tác dụng và ảnh hưởng thế nào đối với cán bộ, với nhân dân trong bao thập kỷ qua, quả thật không phải là lĩnh vực đơn giản để nghiên cứu. May quá, đồng chí Trương Tấn Sang Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư (một trách vụ điều hành công việc đảng hàng ngày) đã có bài viết về quốc ca rất hoàn hảo, một tài liệu tham khảo đáng quý. Tuy nhiên nhân dân vẫn còn có thắc mắc và cũng đã được đồng chí Trương Tấn Sang giải thích một cách rất thỏa đáng.

Xin phép được ghi lại vắn tắt như sau đây:

Thắc mắc thứ nhất:

Tại sao dân ta đi lao động xuất khẩu nhiều năm ở nhiều nước khác nhau mà nghèo vẫn hoàn nghèo?

- Sao mà tôi dạ thế! Quốc ca đã bảo là “**chung lòng cứu quốc**” cơ mà. Nhà rách thì nhà rách chứ cái quốc phải đặt lên hàng đầu. Đảng dính chặt vào nhà nước như thịt chó với mắm tôm; Thành ra cứu quốc phải hiểu cho rõ là cứu đảng; mà cứu cái đảng vừa to, vừa đông, vừa ăn nhiều thì đói là phải quá rồi còn gì. (Có lẽ “bị” nghèo cũng đừng kêu ca gì nhé! Cán bộ đang bận cứu quốc. Mệt quá! Có ai rảnh đâu mà nghe kêu oan kêu than? Có ai mà thương? Bực cả mình).

Thắc mắc thứ hai:

Tại sao dân ta ai cũng như bị bệnh về đường hô hấp với triệu chứng thở hổn hển?

- Phải chăng vì ô nhiễm môi trường? Chỉ đúng một phần mà thôi. Cái nguyên do chính là từ năm 1945 đến nay cả dân tộc **“bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa!”** Góm! Đi bộ cả quãng đường dài từ năm đói Ất Dậu đến bi giờ thì làm gì mà chẳng hổn hà hổn hển? Chẳng ho hen, chẳng xuyên, chẳng bệnh về đường hô hấp? Ngoài ra còn có một phát hiện rất “ấn tượng,” đó là tai nạn giao thông ngày càng nhiều chỉ vì dân mình từ cách mạng tháng 8 đến nay đã quen đi bộ (**“bước chân dồn vang”**) nay bây giờ phải lên xe có gắn máy Trung quốc, hay lên lên ô tô Hàn quốc coi bộ không hợp. Hổng chuyện là phải lắm rồi!

Thắc mắc thứ ba:

Tại sao dân XHCN ta dụng đầu là dùng dao búa ở đó, chẳng nói phải nói trái, đúng sai cũng không xin lỗi bao giờ?

- Ở thì xin gì có lợi thì xin, mà tội gì không xin. Nhưng mà xin tiền xin bạc, xin tình chứ ai lại xin lỗi? Dân ta đều là anh hùng và liệt sĩ cả thì có khi nào phạm lỗi; mà này, làm quái gì phải sợ? mà sợ ai? Ừ nhỉ. Quốc ca đã hô hào là **“thề phanh thây uống máu quân thù”** rành rành ra đấy. Bây giờ các mớ thù cũ như thù Tàu, thù Pháp, thù Mỹ... biến thành “đối tác” hết cả; đâm ra ta lại phải tự **“phanh thây”** ta thôi, chớ biết làm thế nào bây giờ! Riêng các vụ cầu Cần Thơ, cầu Rạch Miễu quả là linh nghiệm nhé: **“Đường vinh quang xây xác quân thù.”** Ấy phải đổi lại chút ít thành: **“Cầu Cần Thơ (hay Rạch Miễu) xây xác dân lành.”** Mà cái ông Văn Cao đúng là “cao thủ” thật, **“Nước non Việt Nam ta vững bền!”** Vâng, non là núi nước là sông hồ rõ vĩnh cửu (chỉ trừ một ngoại lệ là Hòn Phụ tử bi giờ hóa thành Hòn Mồ côi vì Hòn bố đã ngã lăn đùng xuống nước không một lời từ giả rồi!) chứ có phải cầu công, nhà giải tỏa để xây sân “góp” hay cho tư bản ngoại quốc thuê dài hạn đâu?

Thắc mắc thứ tư:

*Nhân tiện đồng chí nói đến vấn đề “ăn, uống” không có vẻ gì lành mạnh cho lắm qua quốc ca (“**phanh cây uống máu quân thù**”), ở thời buổi kinh tế thị trường định nghĩa xã hội chủ nghĩa theo tư tưởng đạo đức Hồ chí minh... bây giờ thịt, cá, tôm, rau, trái cây... đều có bỏ hóa chất, thuốc trừ sinh, thuốc sâu độc hại; như vậy theo đồng chí nên ăn gì mà không chết?*

- Có lẽ cách tốt nhất là ăn hồi lộ. Ăn loại này đã không chết, không bị khiển trách (vì từ cán bộ từ trên xuống dưới vẫn đồng loạt ăn loại này) mà còn mạnh giỏi thăng tiến nữa! Với tiêu chí “Đảng viên cán bộ có mạnh giỏi thì nhà nước (quốc gia) mới mạnh giỏi.” Vì vậy đảng ta đang triệt để động viên đảng viên cán bộ về cái mảng ăn uống đầy cách mạng (“ăn hồi lộ”) này.

Thắc mắc thứ năm:

Tại sao dân mình cứ ai làm quan chức to, cán bộ cao cấp là tham nhũng?

- Ấy! Thì ra “**vì nhân dân chiến đấu không ngừng;**” dù có làm to đến cách mấy trong nhà cũng phải còn có một vài anh nhân dân chứ, cán bộ hết chăm phần chăm thì lấy ai làm dân... Không trong nhà thì cũng họ nội, họ ngoại xa gần loanh quanh, hàng xóm, vợ nhỏ, con rơi... Rõ mọi chuyện mọi người rồi tất nhiên là phải chiến đấu không ngừng để còn có tiền ăn nhậu liên hoan, bao vợ, bao con, bao gái... cho nó ra dáng “người cách mạng.”

Thắc mắc cuối cùng:

Tại sao phần hai của bài quốc ca (“Tiến quân ca”) không được nhiều người biết đến?

- Cũng nên biết phần hai của bài quốc ca có một câu rõ hay “**quyết hy sinh, đời ta tươi thắm hơn.**” Ồ! Trước hết, dân tộc ta anh hùng sợ quái gì cái chết. Cán bộ có dư tiền chơi gái đầu

có sợ gì AIDS, thanh niên cách mạng chích ma túy sợ gì HIV. Chỉ riêng dân lành vì nghèo khổ quá **“quyết hy sinh”** sang Nam Hàn, Đài Loan, Mã lai, Trung đông... mong **“đời ta tươi thắm hơn.”** Đại đa số nhân dân thì sống khổ hơn chết; vì hy sinh là chết; mà chết rồi thì đời mới tươi thắm (!) Cái lý thuyết này nghe quen quen, gần như thiên đàng của Thiên chúa, niết bàn của nhà Phật và lên trời như đạo Hồi, tuy vậy vẫn đậm đà bản sắc Hồ chí minh lắm. Chưa bao giờ đảng viên lại thích hy sinh như dưới thời đại Bác Hồ bởi vì **“Chết như sống, anh hùng, vĩ đại (*)”**. Cái thứ anh hùng vĩ đại mà chẳng có làm được việc gì, thì chết cũng vậy mà sống cũng vậy thôi. Cán bộ ta cố tình dấu nhẹm phần hai vì sợ hát lên nhân dân biết rõ tổng là họ đang **“sống mà cũng như đã chết rồi”** thì kẻ cũng hơi vãi!

(*): *“Hãy nhớ lấy lời tôi”* (thơ Tố Hữu)

Rớt mỏng toi

Nói về “*Nghèo*,” tiếng Việt có nhiều chữ cực đoan để diễn tả: Nghèo rớt mỏng toi, nghèo rơi nước mắt, nghèo *mỏng toi* không kịp *rớt*, nghèo khắc ra tro, nghèo ho ra máu nghèo tận mạng, nghèo sặc gạch, nghèo sát dái, bần chí tử... Riêng thành ngữ tượng hình “*nghèo rớt mỏng toi*” được dùng khá rộng rãi.

Tự điển Thành ngữ và Tục ngữ Việt Nam (của nhà xuất bản Văn Hóa) giải nghĩa “*nghèo rớt mỏng toi*” là “*nghèo đến cùng cực.*” Thành ngữ này được dùng nhiều nhất ở miền Bắc Việt Nam vì ở nông thôn miền Bắc, các cửa ngõ, hàng rào thường hay trồng rất nhiều dây mỏng toi. Đây là một loại rau dễ mọc, dùng cho nhà nghèo. Dân nghèo đi làm ruộng về, không có tiền mua thịt cá, chỉ cần bắt vài con cua, con cá ở đồng; khi về nhà, ra ngõ vợ một nắm mỏng toi là có được một nồi canh cho bữa cơm thường ngày của nhà nông. Rau mỏng toi có nhiều nhót (người Bắc còn gọi là “rớt”) vì vậy “rớt mỏng toi” được dùng để chỉ sự nghèo khổ của người Việt (nhất là ở miền Bắc). Thi sĩ Nguyễn Bính đã có lần thi vị hóa cái sự “*mỏng toi xanh ròn*” trong bài “*Cô Hàng Xóm*” để tả sự đơn giản, mộc mạc của tình cảm dân nông thôn Bắc Việt.

Đến đây kể cũng bàn loạn tạm đủ về chuyện mỏng toi. Để khỏi lạc đề, mục đích của bài này là bàn về “sự nghèo” chứ không phải về thực phẩm rau canh mỏng toi!

Cuộc sống có rất nhiều chuyện để quan tâm. Nhưng trên phương diện thực tiễn, đa số mọi người đều thấp thỏm về hai vấn đề giàu và nghèo. Thật lòng, ai cũng muốn giàu chứ có ai muốn nghèo? Giàu thường đi đôi với sang trọng (giàu sang!) sung túc. Giàu được kính nể, được mọi người chú ý săn đón... trong khi nghèo thì đi với khổ (nghèo khổ!) thiếu thốn, bị mất đi hay thiếu những vật chất cần thiết tối thiểu để cho cuộc sống có ý nghĩa như cơm áo, nước uống, chỗ ở... chưa kể các cơ hội được đi học, tình trạng tâm trí căng thẳng rứt rề lo âu. Nghèo đến rớt mòng tơi đâm ra hèn mọn, bị khi dễ, chí đoan, bị đời bỏ rơi khinh miệt... Giàu ở hang hốc cũng có người tìm đến; nghèo đứng giữa chợ đông người cũng chẳng có ai để ý ngó ngang...

Như đã thấy, nghèo không chỉ có đơn giản một định nghĩa mà là sự tập hợp của cả trăm cách khác nhau. Thí dụ:

Nghèo vì không có thực phẩm để ăn

Nghèo vì không có nước để uống

Nghèo vì không có nhà ở

Nghèo vì không có phương tiện y tế

Nghèo vì không có tiền

Nghèo vì bị bỏ rơi, quên lãng,

Nghèo vì thiếu học, thiếu giáo dục

Nghèo vì đông con

Nghèo vì không có công việc làm hay không có đất để cày cấy trông trọt

...

Thôi! Tạm thời “Nghèo” được định nghĩa là: “*sự thiếu thốn các vật chất cần thiết của đời sống.*” Còn “*người Nghèo*” là: “*người không có hay không đủ khả năng để tự tìm ra các phương tiện vật chất cho đời sống. Nếu họ vẫn sống hoặc vẫn tồn tại thì họ cần phải trông cậy vào sự giúp đỡ hay nhờ vào tài nguyên, lòng từ thiện của người khác.*”

Nghèo đã thiếu ăn thiếu mặc là một chuyện mà lại bất lực, không có tiếng nói (có muốn nói cũng chẳng ai nghe), bị lệ thuộc, bị đối xử nhục nhã.

Biết sự nghèo là khổ như vậy, nhưng không phải cứ muốn giàu là được! Không có ai muốn nghèo. Cái nghèo không được mời, nhưng nó cứ đến với mọi người một cách “vô tư...” ngoài ý muốn, chạy nhanh cách mấy cũng không thoát!

Các tờ báo kinh tế tài chính, thí dụ như Business Week, Forbes..., thỉnh thoảng vẫn hay liệt kê danh sách những người giàu nhất kèm với trị giá tài sản mà họ đang có. Không thấy ai, báo chí nào lập ra danh sách tương tự như vậy cho người nghèo; bởi vì, cũng dễ hiểu, lập danh sách người nghèo cho đến khi nào mới xong? Người nghèo có cái gì cụ thể để mà đo và đếm?

Phân tách vấn đề giàu nghèo của đời người cũng không phải là chuyện dễ dàng. Nhiều lúc giàu và nghèo luân chuyển với nhau như bánh xe luân hồi: Giàu có thì hoang phí. Hoang phí hết tiền của sinh ra nghèo. Nghèo sống cần kiệm chăm chỉ. Cần kiệm chăm chỉ trở thành giàu có...

Trong khuôn khổ bài nhận định này, một cách chủ quan, tôi sẽ tìm cách phân tách nguyên do và hoàn cảnh của sự nghèo khó của người Việt mình và để cố gắng nêu ra (cũng lại chủ quan) một vài giải pháp khả dĩ. Nếu có gì sơ xuất thì xin quý vị quan tâm bỏ tấc thêm.

Nguyên nhân nghèo

Tại sao nghèo? Có nên trách người dân nghèo vì chính họ làm cho họ nghèo? Hay là trách cái chính phủ ngu dốt đã theo đuổi các chính sách hại dân hại nước; chính sách đắp mô trên sự nghiệp thăng tiến của dân tộc? hay vì lý do nào khác nữa?

(Óai ăm là nếu các cơ sở nhân đạo trên toàn thế giới lấy tất cả số tiền mà họ tài trợ cho các công cuộc nghiên cứu về nguyên do

“nghèo đói” đem giúp đỡ thẳng cho người nghèo; thì nửa số người nghèo đã bớt nghèo rồi!!!)

Về nguyên do, sự nghèo có thể được tạm phân loại thành 2 nhóm như sau:

- *Nghèo vì tự chính bản thân mình*: Người lười biếng, thích chơi và ngủ hơn làm việc; nghèo vì ham cờ bạc, nghiện ngập, thích tiêu xài hoang phí...

- *Nghèo vì hoàn cảnh bên ngoài*: Chính quyền ngu muội, dã man, tham nhũng sách nhiễu, lạm dụng bóc lột, làm sưu cao thuế nặng, kinh tế lạm phát, thất nghiệp, thời tiết, thiên tai, bệnh tật...

Ngân hàng thế giới lại phân người nghèo ra thành 2 thể loại căn cứ vào đồng đô la:

- *Nghèo rớt mòng toi* (extreme poverty) là loại người sống với dưới 1 đô la mỗi ngày (US\$1.00 per person)

- *Nghèo vừa vừa* (moderate poverty) là loại người sống với dưới 2 đô la mỗi ngày.

Nhìn vào nước Việt Nam qua lợi tức bình quân trên đầu người (“income per capita”), sau 64 năm đảng Cộng sản nắm chính quyền (1945) 34-35 năm sau khi “thống nhất đất nước” (1975), là \$725.00 thì Việt Nam vẫn là nước rất nghèo. Điểm đáng chú ý là 51% dân Việt vẫn còn nghèo trong tình trạng rớt mòng toi (tức là dưới US\$ 1.00 một ngày).

Qua lịch sử, câu nói sau đây của Lenin đã hoàn toàn lỗi thời và sai bét:

“Nguyên do chính gây ra nạn nghèo trên thế giới là là chính sách thực dân của tây phương.”

Các quốc gia nghèo nhất trên thế giới chưa hề có bước chân của thực dân như: A Phú Hãn, Ethiopia, Tây Tạng và Liberia. Đồng

thời có một số quốc gia giàu bậc nhất trên thế giới cũng chưa hề có sự kiểm soát nào của thực dân như: Thụy sĩ, Na Uy, Đan Mạch, Phần lan. Trong khi cũng có các quốc gia giàu có lại là thuộc địa cũ như Hồng Kông, Hoa Kỳ, Gia nã đại, Tân tây Lan...

Trở ngại chính của sự phát triển quốc gia là chính trị, kinh tế chứ không phải văn hóa hay tôn giáo (mặc dầu văn hóa hay tôn giáo cũng có ít hay nhiều đóng một vai trò phụ trong sự giàu nghèo của dân tộc!)

Hoàn cảnh Việt Nam

Trong “*Mười điều răn*” của Thiên chúa giáo. Đã có đến 2 hai điều (20%) nhấn nhủ về vấn đề tôn trọng tài sản (tư hữu) của con người.

Điều 8 nói: “Không được trộm cắp.” ()*

Điều 10 nói: “Không được tham của người.”

Hèn gì CS không thích Thiên Chúa giáo (và ngược lại!)

Có ý tham tài sản của người (điều 10) đã là một tội rồi; lấy trộm (điều 8) tức là “lấy” mà không có sự đồng ý của sở hữu chủ còn mang tội nặng hơn.

Chính CS (và XNCH) đã hợp thức hóa vấn đề “lấy” của cải của người dân. Họ không chỉ “lấy” mà ngang nhiên “cướp (!)” đi tất cả những gì người dân tạo dựng ra từ mồ hôi nước mắt; và rồi rao giảng là làm như vậy để tạo một “xã hội công bằng tốt đẹp hơn.” Sau 60-70 năm (từ sau “cách mạng tháng 10” ở Nga và “cách mạng tháng 8” ở Việt Nam), sự công bằng vẫn chỉ là bánh vẽ. Chỉ thấy “hướng dẫn sản xuất” dẫn đến kinh tế trì trệ, “giới hạn lợi bổng và chế độ bao cấp” dẫn đến năng xuất kém và tiêu diệt sáng kiến. Chính phủ càng tăng gia sự kiểm soát thì tự do của công dân càng bị thu hẹp... CS một mặt không xây dựng được gì đã đành; lại còn phá hủy cái động cơ căn bản thúc đẩy sự sản xuất: “tư hữu.” Người dân dưới chế độ CS càng ngày càng nghèo thêm;

ngoại trừ một thiểu số cán bộ, nhân viên chính quyền giàu có nhờ tham nhũng, lường gạt dân chứ không phải vì họ lao động giỏi...

Ngay cả lý tưởng “công bằng xã hội” theo kiểu cộng sản (“cách mạng vô sản”) nghe cũng không ổn! Giả dụ việc lấy hết của nhà giàu để chia cho nhà nghèo được thi hành một cách “ng nghiêm chỉnh” thì chính sách “ng nghiêm chỉnh” này tự nó đã “thiếu tinh thần sản xuất” rồi. Theo John Tucci:

“Lấy của cải của người giàu - bất kể giàu vì lý do gì (giàu vì làm việc siêng năng, may mắn hay thụ hưởng gia tài của cha ông, lường gạt, tham nhũng...) đem chia cho người nghèo sẽ không giúp ích gì cho người nghèo cả. Bởi vì giàu nghèo không phải là vấn đề có nhiều tiền của (hay ít tiền ít của) hơn người khác; chẳng khác gì người bị béo phì không phải vì Mc Donald bán hamburger và khoai chiên có nhiều dầu mỡ. Ăn hamburger và khoai chiên có nhiều dầu mỡ là sự lựa chọn của mỗi người.”

Đúng như vậy? Ngoài ra, sự bố thí chẳng giúp ích gì cho người nghèo nếu nhìn theo chính sách về lâu về dài. Nếu cho (“free of charge!”) người nghèo đói một con cá. Họ ăn hết con cá đó thì ngày mai họ lại đói lại như thường. Chính sách tốt là chính sách biết cách dạy (“giao dục”) người nghèo làm sao biết cách “câu cá” thì mới mong họ tự túc kiếm ăn không bị đói.

Nhìn chung các nước nghèo (trong đó hiển nhiên có cả nước Việt Nam anh hùng) đều có vài điểm giống nhau. Ngoài chuyện thiếu ăn, thiếu mặc còn thấy ngay là nước đó có chế độ tài hoặc Cộng sản - hoặc có cả hai của quý “độc tài và CS” một lúc (Tôi đề nghị CS nên đổi lại khẩu hiệu mà họ thường trên in trên những hàng đầu các văn bản của nhà nước là: “Không có gì quý bằng độc tài và Cộng sản”) - Không phải vì đất nước thiếu tài nguyên mà vì lãnh đạo độc tài CS phần lớn thất học, tham lam mông muội. Họ chỉ lo vơ vét cho nhiều cho nhanh để vinh thân phì gia (hoặc bỏ vào nhà băng ở ngoại quốc); họ không hề để ý gì đến vấn đề giáo dục, y tế và an sinh của dân; không xây dựng các cơ sở hạ tầng cần thiết tối thiểu như trường học, bệnh viện, đường xá... để giúp dân có cơ hội thoát ra cảnh nghèo đói triền miên của họ.

Chính quyền CS cứ ra rả hô hào “xóa đói, giảm nghèo” mà chẳng thấy làm được cái gì cụ thể cả. Họ không biết là dân chúng Việt Nam đang muốn thi hành điều cần thiết số 1 (“number ONE”) là “diệt bỏ chủ nghĩa cộng sản.” Nếu trong một đêm, cứ mỗi một gia đình Việt Nam chia nhau xiết cổ 1 tên đảng viên CS là hôm sau nước Việt mới có thể có cơ hội “xóa đói giảm nghèo” được ngay! Việt Nam có thể cùng sánh bước tiến hóa với dân tộc của toàn cầu được.

Chế độ CS và HCM sau khi ám sát, cắt đầu, mổ bụng, phá cầu, đập mô, pháo kích vào khu đông dân cư, nướng bao nhiêu sinh mạng thanh niên Việt qua hết kháng chiến này đến chiến tranh nọ... thành quả duy nhất mà họ đem đến cho nước Việt là làm cho đất nước tụt hậu từ 50 đến 90 năm. Vinh quang ở chỗ nào? Xin cho biết với! Đời sống người dân dưới chế độ CS cứ dần dần chìm sâu hơn trong tuyệt vọng, không thấy lối thoát. Con đường “hy vọng” ngắn nhất đi từ sự nghèo khó đến hy vọng sinh tồn có lẽ là phải làm những chuyện bất hợp pháp như trộm cắp, lường gạt, buôn bán ma túy và... mãi dâm dể sống qua ngày qua tháng. Ngay cả những người lương thiện, ngay thẳng, trọng nhân phẩm cũng phải nghĩ đến việc phải phạm pháp, việc phải đáng xấu hổ chỉ vì họ có cha mẹ, có anh em, có con cái đang đang sống vất vưởng và trông cậy vào họ. Thật là thương tâm khi phải nghĩ đến sự lựa chọn, sự hy sinh to tát của họ.

Xứ sở nghèo (như Việt Nam) đều thiếu các cơ sở hạ tầng như đường xá, giao thông, nguồn nước sạch để uống, Ai cũng biết, sự giáo dục, học hành và sức khỏe sẽ mang lại một hy vọng cho người nghèo thoát ra khỏi hoàn cảnh bi đát của mình, những vùng nghèo lại thiếu trường học, thiếu cơ sở y tế tối thiểu. Không thấy chính quyền CS thi hành các nỗ lực (xây dựng) nào để giúp người nghèo. Nếu có tạo được một vài cơ sở hạ tầng như trường học, trạm y tế, thì người dân nghèo (“bần cố nông nòng cốt của cách mạng!” “chủ của đất nước!”) lại bị hạ nhục, bị đối xử tàn nhẫn khi họ có nhu cầu cần tiếp xúc với các nhân viên, cán bộ nhà nước (“đầy tớ của nhân dân!”) ở chính ngay các cơ sở hạ tầng này (hối lộ, các chế tài khắt khe, ngăn cấm...)

Nhiều chủ gia đình nghèo Việt Nam thấy sự thất bại của mình trong việc xây dựng tương lai cho gia đình và con cái, thường quay ra nghiện rượu, đánh vợ đánh con, làm cho cơ cấu gia đình bị đổ vỡ, rồi xã hội đổ vỡ. Chuyện tội phạm, vô luật lệ là chuyện bình thường của xứ nghèo. Đã xóa đói giảm nghèo không được, mà lại không có đủ phương tiện để chống phạm tội... Cái vòng lẩn quẩn dường như khó mà xoay ngược lại được mà lại cứ thế lún xuống sâu hơn mỗi ngày.

Tiến trình của lịch sử thế giới cho thấy chủ nghĩa cộng sản chẳng sớm thì muộn rồi cũng sẽ bị tận diệt. Thật oan trái! Cái nguyên nhân chính sẽ tiêu diệt CS lại là cái mà CS vẫn hô hào cổ võ: “vô sản” (sau khi đã thi hành “Trí, phú, địa, hào / Đào tận gốc, tróc tận rễ!”). Vô sản làm lụi đi cái động năng tự nhiên thúc đẩy con người làm việc chăm chỉ hơn (để thêm lợi nhuận tư sản). CS có khả năng làm đại đa số dân chúng nghèo bằng nhau; nhưng khó mà đem lại sự xung túc cho dân. CS biến văn minh dân tộc trở thành văn minh của các bộ lạc bán khai nơi đó tất các tài sản chung của bộ lạc (quốc gia) và tài sản của riêng của người dân mọi (dân chúng) đặt dưới sự “quản lý” của bộ lạc (nhà nước!)

Thế chế dân chủ hay độc tài chưa thể quyết định được sự thịnh vượng hay nghèo khổ của quốc gia. Phải nhìn vào hệ thống kinh tế của quốc gia đó mới thấy rõ được sự thành công hay thất bại. Ngày hôm nay nền kinh tế tư bản mặc dù không hoàn hảo (khủng hoảng kinh tế, sự cách biệt lớn lao giữa giàu và nghèo...) nhưng nó đưa ra nhiều kết quả tốt hơn là từ nền kinh tế xã hội chủ nghĩa (nhà nước / giới cai trị kiểm soát mọi động tác trên sân chơi kinh tế). Bởi vì “công bằng xã hội theo kiểu CS” và “động lực phát triển kinh tế” không nằm chung giường với nhau được.

CS có khả năng lật đổ, “cướp” chính quyền nhưng hoàn toàn không có khả năng đưa ra một phương cách cải tiến đời sống và tiện nghi của dân tộc. Đại đa số quần chúng đã nghèo từ trước vẫn nghèo như muôn thuở; Chẳng những thế, số người nghèo lại còn gia tăng thêm gấp bội hơn lúc trước. Sự thế này đã thấy rõ rệt ở các quốc gia trước đây theo chế độ CS như Liên xô, CS Đông âu...

Hầu hết các các quốc gia có nền kinh tế tư bản đều là nước dân chủ – có nghĩa là chính quyền được dân bầu lên một cách dân chủ chứ không phải được chỉ định bởi 1 thiểu số hay 1 đảng phái. Dân nghèo, bị ép vế dưới chế độ tư bản sẽ áp lực các đại biểu của họ thi hành các biện pháp (hay thông qua các dự luật) để thay đổi hoàn cảnh của họ. Nhưng ngược lại, người nghèo, yếu thế dưới chế độ CS hoàn toàn bất lực, đó là chưa kể chính quyền CS lấy đâu ra tiền (capital) và mậu dịch (trade) – 2 món mà họ luôn luôn đã phá - để cải tiến mức sống của dân nghèo? Các nước tư bản tiến bộ vì dị biệt về quan điểm ý thức hệ với CS, không tha thiết gì về việc giúp đỡ các lân bang CS. Thành ra, cách tốt nhất, các chính quyền CS phải lấy / cướp của nhà giàu, trên nguyên tắc là, chia bớt cho người nghèo (?) (đánh tư sản mại bản cho đến tận gốc rễ, cái cách ruộng đất một cách phi lý, đẫm máu).

Ở cuối con đường, các tài sản bị cướp từ các giới tư sản và địa chủ không vào tay dân nghèo mà lại vào tay của các cán bộ, đảng viên của giai cấp lãnh đạo (còn gọi “giai cấp mới”). Xã hội mất hẳn ý chí sản xuất (vì sản xuất ra lại sợ bị tịch thu...) như vậy lấy đâu ra vốn và kỹ thuật để làm gia tăng sản xuất, gia tăng mức sống... Nghèo sẽ là chuyện đương nhiên – hãy nhìn lại thêm một lần nữa Liên xô, Đông âu, Cuba, Bắc Hàn, Kampuchia, Việt Nam...

Cơ hội giàu có sung túc của một dân tộc rõ ràng không chỉ căn cứ trên địa lý, văn hóa mà cả chính sách kinh tế và thể chế chính trị của dân tộc... 75 năm lịch sử cận đại đã chứng minh rõ rệt điều này.

Tự nhiên, trong hai cái xấu, tốt nhất là mình nên chọn cái nào xấu ít hơn. Bài học sai lầm (lựa chọn cái xấu!) của dân tộc đã dài 60 - 70 năm rồi. Mình đâu có sống lâu để đi từ sai lầm này đến sai lầm khác. Mình hãy khôn ngoan học cái sai lầm của các dân tộc khác.

“Việt Nam tiến lên!” là một khẩu hiệu quen thuộc của CSVN; nhưng Việt Nam tiến sao được khi còn đang bò từng bước lên “xã hội chủ nghĩa!” Việt Nam phải đứng lên và bước ra khỏi cái vòng lẩn quẩn nghèo - cộng sản – nghèo cái đã....

Chú thích:

() Có nhiều không đồng ý ("conflicting opinions") về thứ tự (order) của các điều ghi trong "10 điều răn" "10 Commendements."*

Nếu nói câu này là câu thứ 7 (7th) cũng đúng; mà nói là câu thứ 8 (8th) cũng đúng tùy theo mình đọc từ bản nào? Mà bản nào cũng tự cho mình là nguyên thủy cả...

Tôi đọc và ghi lại "10 Commendements" từ các sites sau đây :

<http://www.allabouttruth.org/10-commandments.htm>

<http://www.positiveatheism.org/crt/whichcom.htm>

The 10 Commandments - God's Revelation in the Old Testament

The 10 Commandments are found in the Bible's Old Testament at Exodus, Chapter 20. They were given directly by God to the people of Israel at Mount Sinai after He had delivered them from slavery in Egypt:

"And God spoke all these words, saying: 'I am the LORD your God...

ONE: 'You shall have no other gods before Me.'

TWO: 'You shall not make for yourself a carved image--any likeness of anything that is in heaven above, or that is in the earth beneath, or that is in the water under the earth.'

THREE: 'You shall not take the name of the LORD your God in vain.'

FOUR: 'Remember the Sabbath day, to keep it holy.'

FIVE: *'Honor your father and your mother.'*

SIX: *'You shall not murder.'*

SEVEN: *'You shall not commit adultery.'*

EIGHT: *'You shall not steal.'*

NINE: *'You shall not bear false witness against your neighbor.'*

TEN: *'You shall not covet your neighbor's house; you shall not covet your neighbor's wife, nor his male servant, nor his female servant, nor his ox, nor his donkey, nor anything that is your neighbor's.'*

Giả hay Thật?

“Chúng ta đang sống trong cái thế giới mà nước chanh để uống được làm bằng vật liệu và mùi vị nhân tạo; trong khi dầu lau bàn ghế tử thì lại làm từ nước chanh nguyên chất!”

– Alfred E. Newman

Mọi người chúng ta dễ bị gạt gẫm mặc dầu đã hết sức đề cao cảnh giác. Thánh Phao Lô đã dặn dò là: *“Đừng để ai lừa gạt mình (‘Let no man deceive you by any means - 2 Thessalonians 2:3).”* Nhưng sự lường gạt thật nham hiểm từ mọi phía chung quanh chúng ta. Nói thì lúc nào cũng dễ; nhưng làm lại rất khó. Đôi khi ngay chúng ta lại là diễn viên chính của sự lừa phỉnh chứ không không phải là nạn nhân đâu đấy!

Tâm trí chúng ta đặt hết vào chỗ cao mà tài sản, những gì quý báu, sự ao ước của chúng ta đang ngự trị. Chính các thứ “cao quý” oan trái này làm cho mắt của chúng ta bị mờ. Chúng ta chỉ thấy những cái mà mình muốn thấy. Những cái mà mình muốn thấy mới dễ lừa gạt chúng ta hơn những cái bình thường. Những lời căn dặn trong kinh Chúa, kinh Phật, các bài học ngụ ngôn chúng ta chỉ đọc cho vui cho yên tâm thôi; không hề đem ra dùng cho đời sống!

Giả (dzôm) được định nghĩa là:

“Dùng một sự việc không có thật; rồi làm người khác tin đó là sự thật.”

Sự việc đó có thể là giả dạng (giả hình dáng), một câu nói lừa phỉnh tuyên truyền hay một sự lôi cuốn kích động vô căn cứ. Hiên nhiên, sự “dzôm” không phải để chọc cười vui vô hại mà thường có ẩn ý vụ lợi, mồi chài, lường gạt, sự bất lương, một trò quỷ quyệt ma bùn...

Địa bàn của đời sống xã hội đương thời không còn giới hạn ở “sau lũy tre xanh”- nơi mà mọi người biết nhau khá rõ ràng; và ở đó vấn đề giả mạo, lường gạt cũng không dễ dàng. Ngày nay, hàng ngày chúng ta phải tiếp xúc với rất nhiều người xa lạ không phải là bạn bè, thân thuộc, láng giềng, đồng nghiệp. Trên khía cạnh pháp lý, chúng ta bắt buộc phải căn cứ, phải tùy thuộc vào các yếu tố gọi là “hợp lệ” chẳng hạn như giấy khai sinh, giấy lý lịch căn cước cá nhân, giấy phép hành nghề, văn bằng tốt nghiệp... để có một niềm tin nào đó vào người mà mình phải gặp gỡ, làm việc chung... Nhưng đời sống văn minh đã tạo cơ hội tốt cho mọi sự “dzôm.” Từ bé cho đến khi lớn khôn chúng ta đã học được rất nhiều cách để che dấu “bớt” sự thật về lý lịch, khả năng và tư cách của mình. Trường học và gia đình đã dạy dỗ chúng ta cách học thế nào để đóng vai trò của người khác (role models) chứ không phải của chính bản thân mình! Truyền thông (báo chí, TV, phim ảnh, internet...) quảng bá việc đóng vai trò của người khác rất rộng rãi. Những vở kịch, phim ảnh, “shows” trên TV làm chúng ta hoang mang cứ tưởng những chuyện hoang tưởng là “thật” trong đời sống! Quảng cáo thương mại đã tận lực trong việc làm chúng ta tưởng là mình đang là một người khác, đang ở một nơi nào đó đang làm việc không phải của mình và chẳng liên quan gì đến mình cả? Thí dụ: bỗng nhiên trở thành đẹp đẽ vì biết trang điểm, nhuộm tóc; hay trở thành giàu đẹp trai vì đang lái các loại xe xa hoa đắt tiền; hay bỗng nhiên cảm thấy thông minh tuyệt vời vì đang xử dụng các máy móc dụng cụ hiện đại, tối tân... Thêm vào đó, trí tưởng tượng của con người đã làm chúng ta “hồng căng” bay bổng theo các “fantasy” không thực và không phải của chính

mình từ lúc còn bé (Halloween, makeups, quần áo mới, đồ chơi mới...)

Rất nhiều cơ nguyên có sẵn chung quanh chúng ta cố tình hay vô tình khuyến khích sự giả dối: mượn quần áo, mượn xe, dùng máy trả lời tự động, giải phẫu thẩm mỹ thay hình đổi dạng ngoài sức tưởng tượng...

Những trường hợp giả dối điển hình như là: làm gián điệp, thường dân đội lốt tu hành, dân di cư bất hợp lệ dùng giấy tờ giả mạo. FBI của Hoa kỳ đang giúp đỡ và tài trợ cho hơn 4000 người thay đổi tất các chi tiết về cá nhân từ hình dáng cho đến lý lịch, nơi cư trú trong chương trình “*Bảo vệ nhân chứng* (Federal Witness Protection Program)” để họ không bị trả thù sau khi làm nhân chứng ở toà án tố cáo các tổ chức tội ác. Hoa kỳ có trên 500,000 người dùng bằng cấp và chứng chỉ tốt nghiệp giả mạo trong số đó có đến 10,000 Y sĩ và Y tá có bằng cấp giả. Cứ 3 người đi làm thì có 1 người đã sửa đổi kinh nghiệm và bằng cấp của mình một cách gian lận, vô căn cứ khi họ xin việc làm.

Người ta thường nói “từ thiện phải bắt đầu ngay từ chính gia đình mình (charity begins at home).” Vấn đề xã hội cũng vậy. Chẳng hạn chúng ta chính là diễn viên: từ sự việc sử dụng “software” lậu, nhờ người khác làm bài thi dùm, nhờ người khác thi bằng lái xe dùm cho đến việc dùng “cable TV” lậu, khai thuế gian (che dấu bớt các nguồn lợi tức, khai thêm các khoản lỗ lẽ không có thật) khoe khoang phóng đại các thành tích cá nhân do mình tự tưởng tượng ra... Hoặc là nạn nhân: bị lường gạt mua đồ dzôm, bị đòi phải trả những khoản tiền mà mình không hề mua hay nợ...

Vấn đề giả tạo hay gian lận về nguồn gốc hay tiêu sử dường như mỗi ngày một gia tăng phi mã. Gần đây nhất, chúng ta đã nhìn thấy “phó đề đốc giả,” (hạ sĩ mang lon tướng một sao hải quân Hoa kỳ), “văn sĩ giả,” (văn sĩ viết hồi ký phía đề tự đánh bóng mình) “ca sĩ giả,” (ca sĩ nhép môi lường gạt cả thế giới ở Olympic 2008) “người đẹp giả” (Cindy Thái Tài, Cát Tuyền...), “linh mục giả,” “su thầy giả ...”

Plato đã viết là:

“Những chuyện có thể gạt gẫm chúng ta dường như có chung một đặc điểm là làm cho chúng ta cảm thích thú hạnh phúc khi nghe hoặc nhìn thấy.”

(“All that deceives may be said to enchant”).

Chẳng khác gì hình ảnh một con nhện dúi đứng trên mạng nhện mời mọc con ruồi là: *“Xin mời anh bước vào thăm nhà tôi. Căn nhà nhỏ bé này là căn nhà xinh nhất mà anh chưa từng thấy!”* Chúng ta thử nhìn lại chúng ta xem có khôn ngoan hơn con ruồi này hay không?

Đã biết vấn đề lương thiện khi phải tự khai báo trình bày nguồn gốc và tiểu sử thật của con người là trọng tâm của mọi sự trao đổi trong đời sống. Chúng ta luôn cầu mong là những người mà chúng ta giao dịch hàng ngày là người “thật,” luôn luôn nói sự “thật.” Sự thật là một tài nguyên xã hội (social resource) rất cần thiết. Hàng ngày, chúng ta có thể mau chóng nhận ra lý lịch và công việc của người lạ mà mình phải tiếp xúc bình thường qua nhãn quan như đồng phục, giấy chứng nhận... Nhưng kỹ thuật điện tử ngày nay đã gần như vô hiệu hóa khả năng quyết đoán bằng nhãn quan của chúng ta. Kỹ thuật điện số đã giúp cho việc giả mạo (lý lịch) dễ dàng hơn lúc trước.

Tóm lại, sự giả tạo (“dzôm”) đều có nguyên nhân và mục đích:

Giả để được nhận các lợi nhuận chẳng có liên can gì đến mình.

Giả để tránh bị hình phạt tội phạm (cướp của giết người...)

Giả (dạng) để bảo vệ đời tư và tài sản của mình.

Giả để thỏa mãn các ước vọng dzôm mà mình không có khả năng đạt.

Giả để đùa cho vui thôi.

Giả để thử khả năng chặn xét của chính quyền và xã hội .

Giả để phá hoại mà không bị nhận diện.

Giả để xâm nhập (làm gián điệp) lấy tin tức.

...

Trong trường hợp “giả” và “thật” đứng sát bên cạnh nhau. Làm cách nào mình có thể phân biệt họ? Phải công nhận là thật khó mà nhận ra ai là giả ai là thật? Tôi nghĩ là người “thật” nên đề nghị: “Để loại trừ người giả, có lẽ là xin quý vị bắn chết cả 2 người cùng một lúc.” Thường thường bản chất của người giả là hèn nhát; hẳn sẽ không dám “xin được sẵn sàng chết” để chứng tỏ mình là thật đâu!

Nó về “giả” mà không nói gì về CSVN là một thiếu sót rất lớn. Nhân tiện đây cũng xin quý vị biết thêm là đã có ít nhất 2 ông chủ bút thân mến của tôi đã thắc mắc là: “Tại sao cứ mỗi lần viết cái gì xấu xa và ‘negative’ là anh lại quàng CSVN vào?” Tôi trả lời câu hỏi này bằng một câu hỏi(?): “*Anh là chủ bút có lẽ anh đọc rất nhiều thì tại sao lại không thấy CSVN và XHCN là nguồn vô tận về cái mắng (giả dối) này? Văn Vĩ mà còn thấy nói chi đến tôi?*”

Suốt 63 năm qua, nhân dân Việt đã bị CSVN và HCM lường gạt từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn, hết năm này qua năm khác... (Thân Dậu niên lai...) Lường gạt từ chuyện chính trị chính em như đảng Lao động, kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng vô sản, cải cách ruộng đất, trăm hoa đua nở, chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, điều 4 Hiến pháp CS Việt nam; đến các khẩu hiệu phản văn hóa như: Tam vô (vô thần, vô gia đình, vô tổ quốc); đến các chỉ thị ngậy ngô mị dân như: Ba Cùng (cùng ăn, cùng ở, cùng làm), Ba khoan (khoan yêu, khoan cưới, khoan đẻ), Bốn nhà (liên kết chặt chẽ giữa Nhà nông - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp và Nhà nước – theo chỉ thị của “Tể tướng” Nguyễn tấn Dũng ký tại Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2006).

Bản chất của HCM và đảng CSVN là “dởm” nhưng họ lại thích dùng chữ “thật” để vãi thừa che mắt thánh. Chẳng hạn, cho đến khi sắp sửa được “lộng kính” đưa vào trong “lãng” rồi mà HCM vẫn còn cố gắng gạt gẫm dân Việt thêm một lần nữa qua “4 chữ **thật**” trong bản di chúc của mình. HCM đã “dận dò” rất “**thật**” về công tác xây dựng Đảng CS như sau:

*“Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải **thật** sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, **thật** sự cần, kiệm, liêm,*

chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.”

Thông thường điều gì mà cứ phải nhấn mạnh nhấn nhẹ thì, chăm phần chăm, điều đó là “dzòm!” kém giá trị! Quảng cáo thương mại cũng y hệt như vậy.

Trá hình (giả dạng, giả danh, giả nhân, giả nghĩa) là một chiêu độc của “Bác.” Từ đầu bếp cho đến thợ ảnh, thông dịch viên, tà loọc (toàn những nghề ngỗng rất khiêm nhường với đồng lương tối thiểu!) thì “Bác” lấy tiền của ở đâu mà nay ở Paris, mai ở New York, Luân đôn, Moscow, Quảng châu, Thượng hải, Hongkong, Bangkok... Cứ như cóc bỏ đĩa. Dân Việt đã đi định cư ở ngoại quốc (Mỹ, Canada, các quốc gia ở Úc châu và Âu châu...) đều biết tổng là mất việc (thất nghiệp) vài tháng không được lãnh trợ cấp (của chính phủ) là có thể đi ăn mày (homeless) ngay!!! Lấy tiền lấy của ở đâu (?), còn lòng dạ nào (?) mà tính chuyện tiểu ngạo lang bạt kỳ hồ... Ngoại trừ (rõ ràng như ban ngày còn trừ với cộng gì nữa?) “Bác” là tay sai (điệp viên!) đặc lực có lãnh lương rất khâm của một đảng cướp giết người bất lương nào đó? Tổng số tên và bí danh mà Bác đã dùng để che đậy cái nghề “dzòm” của “Bác” có thể đem ra dùng đặt tên cho một nửa các con đường tình sử thơ mộng ở “thành phố mang tên Bác” rồi! Chỉ kể con số các tên mà bác đã giả dạng thì “Bác” cũng vĩ đại đấy chứ (kỷ lục thế giới chứ ít gì!!!)

Nói gần nói xa không qua nói thật: Nhân dân Việt Nam cần phải đứng lên! Đã đến lúc chúng ta phải mở mắt ra nhìn cho rõ “Giả và Thật;” Phải can đảm và quyết liệt cùng nhau đóng cái cọc nhọn vào quả tim của con quỷ đỏ “Dracula” mà chúng ta đã vô tình, đã nhẹ dạ quá tin để cho con quỷ này cái quyền “quản lý” ngân hàng máu của dân Việt trong suốt gần một thế kỷ qua!!! Máu của dân Việt đổ ra cho đến khi nào mới đủ???

Nói dối

Lời nói dối có thể nói ra từ một người, một nhóm người hay một chính thể với chủ ý tạo nên một sự việc giả dối, không có thực làm cho người nghe tin là có thực. Đối tượng nói dối luôn luôn có sẵn một mục đích. Có thể là muốn người nghe sau đó sẽ hành động hay quyết định một chuyện gì theo ý của mình – có thể là tình yêu, danh lợi, quyền thế, tuyên truyền chính trị v.v.. Sự nói dối có thể chỉ là một câu chuyện vui đơn giản vô hại; cũng có thể là một mưu toan đi đến lường gạt rộng lớn; tội đại hình như: cướp của, giết người

Sự tai hại của nói dối

Mọi liên hệ giữa cá nhân, thương mại hay chính trị muốn cho lâu bền và tốt đẹp đều phải được xây dựng trên sự tin cậy. Chúng ta sẽ không bận tâm về bất cứ một chuyện gì, lớn hay nhỏ, phát xuất từ một nguồn gốc mà mình không tin cậy. Người nói dối, muốn người khác tin là mình đang nói sự thật, thì ít nhất họ phải được tin cậy, ít hay nhiều, từ trước đã. Một lời nói dối được xem là “tuyệt đối” là lời nói dối được người khác nghe theo mà sự thật của nó không bao giờ bị phát giác! Nhưng chuyện như vậy không phải là dễ.

“Không có gì che đậy được lâu dưới ánh sáng mặt trời.” Một sự nói dối to lớn (còn gọi là sự lường gạt!) nếu bị tìm ra thì hậu quả tai hại của nó không thể lường được.

Sự nói dối thường phải được bỏ tức bởi một hay nhiều lời nói dối khác. Như vậy người nói dối phải có trí nhớ thật tốt để nhớ tất cả những gì mình đã nói! Hoặc là phải có một chính sách thật tàn bạo để sẵn sàng cưỡng bức, áp chế người khác phải nghe. Dần dà sự thật trở thành kẻ thù đáng sợ nhất của sự nói dối, người nói dối. Một khi sự nói dối diễn tiến một cách liên tục, thì nó càng dễ bị khám phá bởi vì sẽ đến lúc đầu và đuôi không ăn khớp với nhau nữa. Một khi bị khám phá ra, người nói dối sẽ mất hết tín nhiệm. Tín nhiệm đã mất thì khó mà xây dựng lại được.

Nói dối với kẻ địch

Có 3 hoàn cảnh mà người ta thường hay nói dối. Đó là: trong một cuộc chiến tranh, trước một cuộc vận động chính trị (bầu cử!) và sau một chuyến đi đánh bạc.

Trong các cuộc chiến tranh, nói dối được xem như một vũ khí hữu hiệu và nguy hiểm nhất. Tôn Tử đã nói là:

“Bình pháp tốt phải là bình pháp dựa trên căn bản xảo trá, giả dối.”

Muôn thắng một trận chiến, phải làm mọi cách để lừa đảo kẻ địch, làm cho kẻ địch không biết được thực lực của mình, không hiểu được ý đồ của mình: nghi binh, dương đông kích tây, gieo tin đồn hoang mang, phản gián...

Sự phản gián còn được các chiến lược gia xem như là đạo quân thứ 5 và có thể đánh bại một lúc cả 4 đạo quân khác mạnh mẽ là: Bộ Binh, Hải quân, Không Quân và Thiết Giáp. Nhiều khi chỉ loan tin vô căn cứ gây hoang mang đã làm cho kẻ địch lung túng rồi loạn ròi hàng ngũ tan rã mà mình không phải đánh, không phải nhỏ một giọt máu nào. Sự giả dối, nguy tạo có thể là yếu quan trọng nhất

quyết định sự chiến thắng và hoặc sự bại trận của một cuộc chiến. Có rất ít tin tức được gọi là “nguồn tin đáng tin cậy” trong chiến tranh. Những tin loại này có thể được đưa ra bởi các gián điệp của kẻ thù địch với cốt ý làm cho chúng ta hoang mang thêm. Cũng trong chiến tranh, rất khó mà thỏa hiệp một sự ngừng bắn mà được hai bên tôn trọng. Thật ra, đại đa số các thỏa hiệp gọi là “ngưng bắn” đều là giả dối, là một phần dự tính nằm trong các chiến thuật đã được hoạch định để chinh đốn hàng ngũ, bổ sung quân số vũ khí hoặc để đánh úp địch lơ đãng không phòng thủ đúng ngay lúc ngưng bắn.

Như vậy khi có chiến tranh, tin tức giả dối được xem như là phải có, không thể tránh được. Trong chiến tranh, nói dối không bị giới hạn bởi quy luật nào cả. .

Nói dối với người thân và bạn bè

Người thân như vợ, chồng, con cái, anh em... và bạn bè là những người mà chúng ta phải tiếp xúc và cần có trong cuộc sống hàng ngày. Để duy trì tình yêu và sự thân quen, có nhiều lúc chúng ta bị lôi cuốn vào các hoàn cảnh phóng đại sự thật hoặc nói dối để che đậy các lỗi lầm, các điều không đẹp đã làm, đã xảy ra. Nên biết, sau khi được biết là bị gạt gẫm, người thân hoặc bạn bè sẽ không tin cậy chúng ta nữa, đôi khi còn đối xử với chúng ta chẳng khác chi kẻ thù!

Đối với bạn bè, chúng ta nói dối vài chục lần mỗi ngày. Chẳng hạn như, rất thường xuyên, chúng ta từ chối một lời mời tham dự một buổi họp mặt, đám hỏi, đám cưới, đám ma... của bạn bè, với các lý do giả tạo như sức khỏe kém, bận việc nhà việc sở, vợ con đau ốm... Đôi khi vì lịch sự, chúng ta phải phát biểu những lời lẽ cảm ơn “chân thành” đối với một món quà hoặc một ân huệ một lời chao mà thật ra mình không thích chút nào; hoặc phải lên tiếng khen ngợi về một sự việc mình không hoàn toàn đồng ý; hoặc phải tỏ lời quan tâm một cách không thành thật về sức khỏe của một người bạn hoặc gia đình của bạn. Tất cả những sự nói dối này đều vô hại. Nhưng nói dối vẫn là nói dối. Nói dối có thể làm giảm bớt

sự mất lòng hoặc làm người khác cảm thấy vui hơn. Tuy nhiên, dầu muốn dầu không, nói dối vô hại cũng vẫn có thể làm cho sự tin cẩn bị giảm đi nếu người than hay sơ ở chung quanh mình tìm ra được sự thật.

Đối với hôn nhân, sự cởi mở và thành thật là điều tối quan trọng và cần thiết. Vì sự sống chung, gặp mặt hàng ngày, sự dối trá dễ bị phát giác hơn là so với liên hệ bạn bè, đồng nghiệp... Mặc dù mỗi gia đình có một lối sống khác nhau, trong hôn nhân, người vợ hoặc chồng có quyền được hiểu biết một cách cặn kẽ chi tiết về hành động cả tư cách người phối ngẫu. Sự che đậy chỉ là mầm mống của các sự đổ vỡ sau này.

Một lời hứa hão (“empty promise”) nhìn qua giống như lời nói dối nhưng không nhất thiết phải là nói dối. Hứa mà không có ý định thi hành là nói dối. Lời hứa là một sự cam kết. Có nhiều lời hứa quá đáng, vượt ra ngoài khả năng của người hứa – tức là thi hành không nổi. Lời hứa như vậy chỉ là một sự quyết đoán quá thực tế (“*ngôn bất kỳ hành*”), không phải là lòng gạt. Hãy nghe những lời long trọng thề nguyện trước bàn thờ vào lúc làm lễ thành hôn như: “sẽ nguyện yêu thương người phối ngẫu cho đến chết.” Trong thực tế, cái tình yêu lý tưởng được hứa hẹn trước bàn thờ sau này sẽ bị thay đổi vì nhiều lý do.

“Yêu thương” là lời được dùng rất nhiều giữa thân nhân và vợ chồng và được nói ra nhiều khi chỉ vì bản phận và thói quen chứ không phải là thành tâm.

Ông Ross Perot đã có lần tuyên bố là ông sẽ không bao giờ làm việc chung với những người “ngoại tình” vì ông cho là “người có thể gạt gẫm vợ của họ thì họ cũng sẵn sàng gạt gẫm người khác.” Lời nói này rất chí lý.

Bố mẹ có thể nói dối đến một mức nào đó với con cái. Thí dụ như bố mẹ nói dối với các con nhỏ là “Ông già Noel” có thật. Cũng nên biết, trẻ con có quá nhiều giả tưởng trong đầu có thể làm đầu óc non nớt của các con xa lìa với các thực tế không luôn luôn đẹp của cuộc sống. Ngăn cách một cách tuyệt đối đầu óc non nớt của con

cái ra khỏi các thực tại của đời sống không phải là một cách giáo dục tốt.

Trẻ con nói dối

Việc trẻ con nói dối thường được bố mẹ giải thích là “Dạ! Cháu nó còn nhỏ” chưa đủ hiểu biết để phân biệt giả tưởng và thực tế; hoặc chưa biết cách phân biệt giữa điều phải và điều trái. Trong vấn đề giáo dục con cái, nhiều gia đình cố gắng tạo cơ hội cho con cái học được các cái tốt của sự tin cẩn từ ngay lúc còn ngây thơ. Có nhiều gia đình chờ cho đến khi con lớn hơn. Có nhiều gia đình chẳng cần quan tâm gì về sự tin cẩn cả!

Trẻ con dường như không cần được chỉ dạy cách nói dối, hoặc không cần được khuyến khích để nói dối. Trẻ con cũng phóng đại sự thật, dấu diếm bằng chứng, cũng bày chuyện giả tạo hoặc từ chối những sự việc đã xảy ra thấy đã quá rõ ràng không cần lời giải thích.

Trẻ con có nhiều nguyên do để nói dối.

Nguyên do đầu tiên là vì sợ: sợ bị mẹ đánh đòn hoặc sợ bị bố không cho đi chơi với bạn, sợ cô giáo sẽ trình lên thầy hiệu trưởng... Các trường hợp như vậy trẻ con sẽ nói dối để tạm thời tránh khỏi bị trừng phạt; Và cha mẹ cũng nên tạm thời chấp nhận sự nói dối mà chỉ nên chú tâm vào những lý do đưa đẩy con cái đến chuyện nói dối hơn là chủ tâm về việc nói dối của con trẻ.

Nguyên nhân thứ hai là trẻ con có thói quen nói dối. Chuyện lớn, chuyện nhỏ đều nói dối. Thường thường trẻ em ở thể loại này có cha mẹ quá khắt khe. Một cách hữu hiệu nhất là cha mẹ bớt khắt khe, từ từ giải quyết cái tật nói dối của trẻ con, để cho trẻ con có cơ hội rút lại lời nói dối và chỉ nói ra sự thật mà không sợ bị trừng phạt.

Nguyên nhân thứ ba làm cho trẻ con hay nói dối là vì được sinh ra trong một gia đình nói dối. Cha mẹ anh em thường xuyên nói dối.

Có nghĩa là trẻ con học cách nói dối từ người lớn trong nhà... Trường hợp này rất khó giải quyết nhất. Cha mẹ hoặc những thân nhân sống chung quanh đứa trẻ cần phải bắt nói dối trước. Chắc là khó lắm!

Nói dối, nói dối và nói dối...

Từ thượng cổ, sự quảng cáo và lời rao của người bán hàng là những hình ảnh tiêu biểu của sự nói dối. Những trao đổi thương mại mà có gian lận chỉ xảy ra được một lần. Khách hàng bị lừa sẽ không bao giờ trở lại mua thêm lần thứ hai. Thương mại muốn thành công phải xây dựng trên sự tin cậy và thành thật.

Người bán hàng, để bán mau kiếm lời nhiều, thường phải thổi phồng giá trị đồng thời tìm cách che đậy những điểm không được tốt của món hàng. Người mua, khách hàng đâu phải tay vừa. Thăm định cái quảng cáo xong, người mua thường phải trả giá thấp hơn. Trong vấn đề thương mại, một lời hứa là một bản hợp đồng bất thành văn. Lời hứa sẽ giao món hàng thật tốt với giá rẻ không đúng sự thật có giá trị như một sự lừa gạt.

Y sĩ hiểu rõ tình trạng sức khỏe của bệnh nhân. Giải thích bệnh lý một cách tường tận có thể là sẽ mất rất nhiều thời giờ nếu chưa nói là vô ích. Y sĩ sẽ chọn giải pháp đơn giản và thích hợp nhất để nói chuyện với bệnh nhân. Có nhiều khi giải pháp đơn giản này là một sự nói dối để bệnh nhân yên tâm chữa trị, không quá lo lắng về sự trầm trọng của cơn bệnh, điều đó không giúp ích gì cho sự bình phục được.

Thế giới này không phải là một thế giới hoàn hảo. Công nhân lấy tiền bán hàng bỏ vào túi thay vì bỏ vào máy tính tiền. Tài xế taxi không vắn đồng hồ tính tiền, thương lượng trực tiếp với khách hàng về giá cả để bỏ túi số tiền kiếm được mà không trả cho chủ hãng taxi. Công nhân hãng tư hay nhân viên chính phủ thường gọi vào sở báo cho xếp biết là bị bệnh không đi làm được trong khi chẳng có đau ốm gì cả! Lên tiếng kể lể công lao của mình đối với những công việc được hoàn tất tốt đẹp mặc dù thực tế chẳng đóng

góp được gì! Đồng thời cũng sẵn sàng đổ lỗi cho người khác đối với các công việc bị thất bại. Tất cả đều được xem như nói láo, lường gạt. Tuy nhiên, trong công sở, tiêu chuẩn mà chủ hãng dùng để chấp nhận các lời nói láo của công nhân dựa trên lượng hơn là phẩm. Nếu việc làm của công nhân hay nói láo vẫn còn đem lợi cho hãng thì sự nói láo, gian lận vẫn còn tạm chấp nhận được. Sự thành thực rất quan trọng nhưng nó không phải là yếu tố duy nhất để người công nhân giữ được việc làm lâu dài.

Một yếu tố quan trọng khi đi tìm việc làm là kinh nghiệm. Các công sở chỉ muốn mượn người có kinh nghiệm. Nhưng nếu không có việc làm thì lấy đâu ra kinh nghiệm? Kết quả là mọi người không ít thì nhiều nói dối về kinh nghiệm của mình khi xin việc. Trong những ngày đầu tiên chập chững đi làm công việc mới, công nhân, vì sự sinh tồn, sẽ thu nhận kịp thời các kinh nghiệm cần thiết để làm việc hữu hiệu như vậy cũng sẽ làm cho sự nói dối của mình giảm bớt đi qua thời gian. Điều trớ trêu là chủ hãng càng nâng cao các kinh nghiệm cần thiết thì các ứng viên càng phải nói dối nhiều hơn để xin việc. Mặt khác, công nhân cảm thấy bị chủ lừa lọc thì họ cũng sẽ bỏ đi không bao lâu sau đó. Chủ đã mang tiếng xấu, khó tìm được người tốt sau này.

Hậu quả của sự nói dối gia trọng đến mức nào con tùy vào đề tài, vào chính sách giả dối. Chẳng hạn hậu quả của sự nói dối để che lấp một cái lỗi trong sổ sách kế toán khác hẳn với sự nói dối để biến thủ một số tiền lớn của hãng bỏ vào túi mình. Nói dối có chính sách để lường gạt cả một dân tộc đi vào con đường lầm than với những chủ thuyết mê muội, phản văn hóa, phản dân tộc; đưa ra những bánh vẽ mị dân, những thiên đường tuyệt đối không thể nào đi tới được.

Vấn đề luân lý của nói dối

Chúng ta chỉ là những con người tầm thường, không phải thánh hiền. Không ai dám nói là chưa bao giờ nói dối hoặc sẽ không bao giờ nói dối. Chúng ta đều hiểu là trong nhiều hoàn cảnh, chúng ta phải cân nhắc xem nói dối hay nói thật cái nào sẽ có hại hoặc mang

hoạ đến cho chúng ta nhiều hơn? Nhất là khi chúng ta phải trả lời hoặc đương đầu với một người có nhiều thẩm quyền và sức mạnh hơn mình.

Sự thành thật không đồng nghĩa với sự cởi mở. Chúng ta sẽ không tự nhiên khai hết đời tư của mình cho người lạ nghe. Mọi người đều có những quan điểm riêng về tôn giáo, chính trị, đời sống v.v.. và chúng ta thấy không cần thiết phải gây ra sự thù ghét hoặc bất đồng ý kiến giữa mọi người qua những lời nói láo của mình. Đối với người lạ, chúng ta sẽ tiết lộ một phần nhỏ đời tư của mình đủ để làm vừa lòng họ. Tuy nhiên sự tiết lộ đó không nhất thiết là hoàn toàn thật. Mặt khác, nếu chúng ta thấy cần phải tiến gần lại một người nào đó, muốn gây dựng một liên hệ lâu dài, chẵn hạn muốn yêu và lập gia đình với một người nào đó, chúng ta có bốn phận phải tiết lộ một phần lớn đời tư của mình.

Sự kín đáo, sự tôn trọng đời tư của người khác hoàn toàn trái ngược lại với ý nghĩa của sự cởi mở. Tránh né trả lời trực tiếp các câu hỏi có thể đưa đến cái hậu quả nói dối. Ở toà án, trước vành móng ngựa, sự tránh né không trả lời trực tiếp các câu hỏi của tình nghi phạm nhân được toà án hiểu như là chấp nhận sự phạm tội.

Nhìn rộng hơn, thí dụ như vấn đề chính trị, trong một chính thể thất nhân tâm, người cầm quyền thường phải có sẵn và triệt để duy trì một chính sách, một guồng máy nói dối quy mô; sẵn sàng dùng bạo lực để đàn áp tiếng nói bất mãn của dân; bung bít, che dấu sự thật bằng mọi giá. Nhưng lịch sử đã chứng minh nhiều lần là sự thực, chân lý cuối cùng sẽ thắng; kẻ dối trá sẽ phải đền tội, bị lôi ra ánh sáng.

Nếu chúng ta muốn người khác thành thực với mình, thì mình trước hết phải tỏ thiên chí thành thực với họ trước. Thành thực sẽ là chính sách tốt đẹp nhất trong mọi hoàn cảnh. Thật là khổ, khó khăn cho một người, một chế độ khi phải đến lúc thú nhận, thú tội là mình đã nói dối trong quá khứ. Nhưng có lẽ cũng chưa muộn, để bắt đầu xây dựng lại con đường thành thực cho tương lai, chúng ta có thể bắt đầu tiến tới con đường đó từ ngay ngày hôm nay, ngay từ phút này!

Thói hư tật xấu của người mình!

Lời giới thiệu:

Không hiểu cuốn sách “Người Trung Quốc xấu xí” (Chōu lòu de Zhong Guó rén) của Bá Dương (Bo Yang) được xuất bản cách đây gần hai chục năm có liên quan gì đến sự phát triển mạnh mẽ của Trung Quốc hôm nay hay không?

(Bên Mỹ có cuốn sách nổi tiếng tương tự là "The ugly American" của WILLIAM J. LEDERER AND EUGENE BURDICK xuất bản năm 1958 đã trở thành cuốn sách bán rất chạy – best seller – một thời).

Hình như có nhiều liên quan giữa sự can đảm nhìn nhận ra những yếu kém của chính mình và sức vươn lên mạnh mẽ cho dân tộc (!)

Ở hoàn cảnh Việt Nam, đã gần một thế kỷ rồi, thế hệ ông cha của chúng ta cũng đã có rất nhiều người dám vạch thẳng những tính xấu, những hủ tục của người Việt mình để biết mà sửa đổi (!)

Nhưng mà không thấy có ai chịu nghe??? Để xét cái kết quả (“không khá”) này, cứ việc nhìn vào hiện tình dân tộc Việt ở trong nước lẫn ở hải ngoại; cứ nhìn vào chính bản thân mình và đồng bào chung quanh mình chứ chẳng cần tìm đâu xa! Đến lúc này, thế hệ chúng ta, giữa những thay đổi lớn lao đang và vừa mới xảy đến cho dân tộc chúng ta, giữa khát vọng phục hưng dân tộc... đây là một cơ hội thật tốt để cùng nhau đọc lại những nhận định mà các vị tiên bối đã viết về những cái xấu xa của người mình và rồi tự đặt câu hỏi cho bản thân và cộng đồng của mình phải làm gì để cho dân tộc mình khá hơn?

“Có lẽ ta đâu mãi thế này ...”

(Nguyễn Công Trứ - “*Quân tử cố cùng*”)

TVG

*

1- Chơi bời lãng phí

Trần Chánh Chiếu

(“*Lục tinh tân văn,*” năm 1907)

Theo tục ông bà để lại, hễ mãn một năm thì ăn Tết một lần. Ấy cũng là phải. Sao tôi thấy hễ tới ngày ấy, ai ai cũng đốt pháo, dựng nêu, treo bùa tứ tung ngũ hoành, đánh đáo đánh quần tới bảy bữa, rồi nào me, nào lú (1), bài cào, xóc đĩa, tổ tôm đủ thứ. Thậm chí có ông ăn Tết rồi thì bán nhà bán cửa, nợ réo trước nợ réo sau. Đã “bần nhược” lại “đãi đoạ” (2) vậy thì biết chừng nào mà giàu có như người ta đặt?

(1) Theo Huỳnh Tịnh Của, “*đánh me*” là “*gây ăn thua trong cuộc chơi tiền,*” còn “*lú*” là “*cuộc con nít dùng tiền mà đánh đố.*”

(2) *Biếng nhác*

2- Ở đâu cũng thấy học đòi làm dáng

Hoa Bằng

(“Hiếu thượng,” Tri tân, năm 1943)

Cái hiếu thượng (1) của số đông người mình đã lộ rõ ở từ ngôn ngữ đến cử chỉ, từ hành vi trong gia đình đến động tác ngoài xã hội. Người ta chơi câu đối? Phần đông không phải vì thích chữ tốt yêu văn hay nhưng vì muốn sĩ diện ở mấy cái lạc khoản (2) có chức tước. Người ta in danh thiếp? Không phải vì cốt thông tính danh tỏ địa chỉ, song hình như chỉ cốt trưng những chức sắc tước trật và phẩm hàm. Người ta đăng cáo phó? Có lẽ ít vì cốt để báo tang, nhưng phần nhiều cốt để lợi dụng cái chết của ông bà cha mẹ mà quảng cáo cái danh phận của con cháu.

Cái bệnh hiếu thượng ấy truyền nhiễm đến cả nữ giới làm cho lắm người cũng mắc lây. Một dạo ở xã hội ta nổi lên cái phong trào “*phi cao đẳng bất thành phu phụ.*” Vì thế trong cuộc hôn nhân đã xảy ra lắm chuyện buồn cười. Hoặc mượn văn bằng của người khác để đưa nhà gái sát hạch lúc cầu hôn, hoặc giả làm nhà tông sự (3) suốt mấy tháng để nhà gái nếu có dò la vẫn thấy sớm vác ô đi tối vác về...

(1) thích hướng lên trên, tức hiếu danh...

(2) tự đề tên họ chức tước ở một góc câu đối.

(3) làm công chức.

3- Học văn một đàng, công nghệ một nẻo

Phan Kế Bính

(“Việt Nam phong tục,” năm 1915)

Tính người mình không biết quý trọng công nghệ, người làm nghề tựa hồ như bắt đấng dĩ không học được làm quan chẳng lẽ ngồi khoanh tay chịu chết mới phải xoay ra làm nghề thôi. Mà làm nghề thì không cần gì tinh xảo chỉ cốt bán rẻ tiền được nhiều người mua là hơn. Công nghệ suy nhược lại còn là vì người có học thức không chịu làm, người chịu làm thì lại là người không có học thức, chẳng qua chỉ theo lối cũ nghìn năm xưa chớ không nghĩ được cách thức nào mới.

Ít năm nay, có trường bách công dạy dỗ, có lắm lời tân học cổ động thì cũng đã tỉnh ngộ ra ít nhiều và cũng đã có người sinh được nghề khéo, học được nghề mới tranh được lợi buôn bán. Song cái tính khinh đường công nghệ thì vẫn chưa bỏ được. Có người nhờ công nghệ mà nên giàu có song vẫn tự coi mình là đê tiện, phải mượn cái phẩm ông Hàn ông Bá mới là vẻ vang.

4- Khéo tay mà trí không khôn

Phạm Quỳnh

(“Pháp du hành trình nhật ký,” năm 1922)

Xét ra ở nước Nam ta mới có các nghề mỹ nghệ là thịnh, phàm nghề khéo toàn là các nghề trang sức cả, còn mỹ thuật thì chưa có gì sánh được với các nước, nhưng ngay trong mỹ nghệ cũng chưa có kỷ luật, chưa có thể thống gì, chưa phân rõ các kiểu cách, các thời đại, các lẽ lối, các phương pháp, thợ thuyền phần nhiều là những người vô học, phi quen tay phóng lại lối cũ, thời bắt chước chép của người ngoài, thành ra tay có khéo mà trí không khôn, không biết biến báo mà vẫn giữ được tinh thần cốt cách cũ, tồn cổ mà khéo ứng dụng về đường sinh hoạt mới, nói tóm lại là không có trí sáng khởi (1) khôn ngoan, gây ra trong mỗi nghề một cái thể thức trang nghiêm mà đặc biệt. Cho nên các nhà nghề ta không thể bằng cả ở cái tay khéo được, cũng phải tập cho có cái trí khôn nữa.

Nay muốn gây lấy cái trí khôn ngoan trong mỹ nghệ, khiến cho có tinh thần có thể thức, thời không gì bằng lập ra một nhà bảo tàng mỹ nghệ, sưu tập lấy những đồ đẹp trong nước, chia ra từng thời đại, bày cho có thống hệ (2), để cho những nhà nghề đến đây mà xem, mà học cho biết nghề mình duyên cách (3) thế nào, thế cách làm sao, rồi hoặc trông đấy mà giữ lấy cái cốt cách tinh thần cũ, hoặc nhân đấy mà biến đổi dần

(1) bắt đầu dựng lên, ngày nay hay viết là “sáng tạo.”

(2) quan hệ của những cái liên tiếp. Cũng nghĩa như hệ thống.

(3) duyên (có khi đọc diên) ở đây là thủ cựu, cách là đổi mới. Duyên cách: Tình hình trong một khu vực nào đó cái cũ thế nào, cái mới ra sao.

5- Thiếu tinh thần cầu học

Nguyễn Văn Tố

(theo Lê Thanh, “Cuộc phỏng vấn các nhà văn,” năm 1943)

Phải nhận rằng người mình không ham học mấy. Thí dụ như người đỗ bằng tốt nghiệp, có công ăn việc làm thì thôi, không chịu học thêm. Tôi cho thế là nhầm lẫn. Người ta dạy cho bấy nhiêu là để cho mình tạm đủ sức mà học lấy, khi ở trường ra mắt là chỗ khởi hành, mình lại tưởng đến nơi rồi. Nếu tôi được phép, tôi sẽ khuyên anh em thanh niên học rõ nhiều, vừa đọc văn Tây, vừa học lại tiếng ta, vì phần đông người ta mà viết văn ta còn sai nhiều.

6- Mô phỏng đã thành thói quen

Hoa Bằng

(“Phải có cái gì để làm đặc tính của người mình chứ.” Tri tân, năm 1941)

Hết thầy mọi phương diện, chẳng hạn, từ văn học tới nghệ thuật - chúng ta đều ăn của người, nhưng đã biết hóa để làm của riêng của mình chưa?

Bình tĩnh mà xét, từ hình thức đến tinh thần ta nay cũng có một đôi phần tiến. Nhưng cái óc mô phỏng hay còn rờ rờ trung hết thầy mọi mặt.

"Chúng ta phải làm con cháu của cổ nhân chứ không nên làm nô lệ của cổ nhân." Đối với cổ nhân ta nay còn phải dè dặt thay, hướng chi đối với gió bốn phương, há lại nên bạ chiều nào che chiều ấy?!

7- Kiếp người bấp bênh văn chương sâu nã

Nguyễn Văn Huyền
("Văn minh Việt Nam," năm 1944)

Sự đơn điệu tẻ nhạt của cảnh sắc thiên nhiên, tính chất chu kỳ của thiên tai, sự cách biệt của các nhóm người, sự phân chia nam nữ, nền giáo dục khắc nghiệt và khô khan khiến người Việt thiên về u buồn và sầu não.

Cá nhân bị giam hãm một cách chặt chẽ và giả tạo trong những khuôn khổ cứng nhắc như gia đình và làng mạc đến nỗi họ không quan niệm nỗi họ có khả năng hành động một mình. Vì thế khi môi trường chung quanh không còn giữ họ lại bằng những mối ràng buộc thông thường mà lễ giáo quy định, người ta dễ đắm mình vào những bài hát buồn bã u sầu, khiến mọi nỗ lực trí tuệ tiêu tán.

Nền văn hóa vốn thâm nhuần lòng từ bi Phật giáo cũng góp thêm phần dồn nén các dục vọng cá nhân. Rồi quan niệm siêu hình của đạo Lão khiến nhiều tác giả thiên về một cái nhìn bi quan sâu sắc và một sự mỉa mai chua chát. Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, Thu dạ lữ hoài ngâm cũng như các tác phẩm của Trần Tế Xương, Trần Tuấn Khải, Nguyễn Khắc Hiếu... chỉ là những tiếng vọng của nỗi đau nhân loại. Trong nhiều tác phẩm khác, ta luôn luôn thấy cùng những đề tài giống nhau về nỗi đau khổ, ước mong và hối tiếc, phản ánh tất cả sự dồn nén tinh thần của cá nhân, hoặc gần như vậy, sự sợ hãi muôn thuở của một kiếp người bấp bênh, một cuộc sống chật hẹp.

8- Một nền nghệ thuật thiếu tư tưởng

Hoài Thanh
("Có một nền văn hóa Việt Nam," năm 1946)

Trong lịch sử ta biết bao thế hệ nhà Nho kế tiếp nhau mài miệt trong sách vở của thánh hiền mà nào có sáng tác được gì đâu.

Ta không có một nền quốc học nếu quốc học là học thuật riêng của nước. Trải qua mấy ngàn năm lịch sử ta cơ hồ không có sáng tác

gì về học thuật. Ấy cũng vì ta kém óc trừu tượng khái quát, điều kiện căn bản để phát minh về tư tưởng.

Người phương Tây rất ngạc nhiên thấy ta hôm qua chỉ biết có Tứ thư Ngũ kinh mà hôm nay bỗng tin theo những thuyết rất mới mẻ, rất cấp tiến của khoa học hiện kim. Họ không biết rằng học thuật tư tưởng không phải là những căn bản tinh thần của dân tộc ta. Tư tưởng nào có lợi cho đời sống của dân tộc thì ta theo, nhưng một khi tình thế đổi thay, tư tưởng ấy trở nên có hại cho đời sống chung, ta sẽ trút bỏ dễ dàng không tiếc hối.

9- Đằng sau thói quen đẽo gọt là sự nhu nhược

Phan Kế Bính

("Việt Nam phong tục," năm 1915)

Văn chương gọt từng tiếng khác nào như người gọt củ thủy tiên, cái lá này bắt cho quăn, cái giò kia hãm cho thấp trông thì hoa nở đều nhau đẹp đẽ nhưng động vào đã gãy, để chưa mấy ngày đã úa. Cốt lấy cái khéo nhỏ nhặt làm mất đi cái khí mạnh, gọi là "nhu nhược chi văn chương!"

10- Xu thế trang sức quá nặng

Đào Duy Anh

("Việt Nam văn hóa sử cương," năm 1938)

Nghệ thuật Việt Nam thường bị bó buộc trong lề lối cũ. Phải tôn trọng những phép tắc xưa, cho nên nhà nghệ tài giỏi mấy cũng chỉ phỏng lại những hình thức có sẵn cho khéo, chứ không được theo tự ý mà sáng kiến những cách thức mới.

Nhà nghệ thuật Việt Nam không phải là người biểu diễn ý chí tâm tình của mình, cũng không phải người quan sát và biểu hiện tự nhiên mà chỉ là người giối bắt chước những kiểu mẫu sẵn. Có muốn hơn người thì họ chỉ cốt ra tay cho khéo cốt làm cho thật tỉ mỉ, thật tinh tế, thật dụng công, chỉ cốt xếp đặt các bộ phận cho xinh xắn lộng lẫy.

Tính chất đặc biệt của nghệ thuật Việt Nam là tính trang sức. Nó thiếu hẳn hoạt khí, vì cách biến hóa tuy lưu động mà ở trong phạm vi hình thức, cách phối hợp tuy phiền phức mà ở trong phạm vi thái độ chế kiêu.

11- Lôi tính toán thiên cận

Lương Dũ Thúc

(“Nông cổ mím đàm,” năm 1901)

Cách đại thương (1) là có gan làm giàu. Coi người ta phí (2) là bao nhiêu tiền bạc mà không sợ mất, là vì người ta tiên liệu đại lợi, kể chi sự phí. Chớ như người bản quốc ta, muốn cho thấy trước mắt có lợi mới chịu làm. Nếu đem đại thương mà sánh với bán hàng bông (3) thì bán hàng bông ắt thấy lợi trước mắt, hễ mua sớm mai thì chiều thấy lợi, còn mua chiều sáng thấy, chớ như đại thương thì ít nữa là năm năm còn nhiều hơn là mười năm mới thấy lợi. Song so lợi dễ thấy thì là lợi ít, cái lợi mà lâu thấy thì thật lớn lắm.

Người nước nào đều có ngay gian xấu tốt, họ không phải là tiên phật chi hơn mình, song họ làm rồi thì quen, còn người mình không làm, nên cứ nghi hoặc hoài mà thôi.

(1) buôn bán lớn.

(2) bỏ tiền của ra sử dụng.

(3) bán hoa quả bông trái.

12- Mê tín gây nhiều lãng phí

Phan Kế Bính

(“Việt Nam phong tục,” năm 1915)

Lễ kỳ (1) an chủ ý là trừ khử ma quỷ cho dân xã bình an. Ta lại tin theo Phật thuyết (2), bày ra vàng mã, nào nữ Ngọc Hoàng, nào tượng Minh Vương, nào âm quan quỷ tốt, chiến khí binh tiên được việc cũng cam, nhưng nào có được việc gì đâu, rút lại chỉ tại ta tin

nhằm.

(1) kỳ đây là cầu.

(2) theo tôi (Trần Văn Giang) Cụ Phan Kế Bính hiểu lầm Phật giáo về vấn đề đốt vàng mã, mũ Ngọc Hoàng etc... Đốt vàng mã không phải là sản phẩm của Phật giáo mà là sản phẩm của mấy ông nhà Nho Trung Hoa truyền sang Việt Nam dưới thời Việt Nam bị đô hộ. Một số các thầy "cúng," những người này không phải là các Sư Tăng đạo Phật, vẫn còn dùng cái hủ tục mê tín dị đoan này vì nhiều người Việt vẫn còn tin!

13- Không ai chuyên nhất việc gì

Tân Việt (*)

(“Mỗi người một việc” - Đông Pháp thời báo, năm 1928)

Các nước phú cường, người nào làm việc gì. Nhà khoa học lo cả đời phát minh, người làm giàu thì cứ việc làm giàu. Còn nước ta thì không thế. Một người làm năm bảy việc, trong khi làm bầu gánh hát bộ, lại có xuất bản một cuốn tiểu thuyết ái tình, lại có mở một cửa hàng tạp hóa, ít lúc chi đó lại vọt xuống tàu sang Pháp làm chính trị.

Người ngoại quốc thấy vậy, cho rằng chúng ta có lòng ham hồ quá, hoặc cho rằng không có đức chuyên nhất, không có tính nhẫn nại.

(*) Một bút danh mà Diệp Văn Kỳ và Phan Khôi ký chung trên Đông Pháp thời báo 1928 (theo Lại Nguyên Ân). Nghe giọng thì người viết ở đây có lẽ là Diệp Văn Kỳ (?)

14- Dễ dãi trong tiếp nhận nên hỏng việc

Phạm Quỳnh

(“Giải nghĩa đồng hóa,” Nam Phong, năm 1931)

Người An Nam vốn có cái thiên tính dễ đồng hóa (1), dễ am hiểu, dễ thu nạp lấy những cái khác lạ với mình, dễ đem những điều hay

điều dở của người mà hóa (2) làm của mình, nhưng cái tài đồng hóa đó thường thường chỉ là cái khéo tinh (3), biết xem xét và bắt chước của người, chỉ phảng phất ở bề ngoài chứ không thấu triệt được đến chỗ căn đẽ (4) chỗ tinh túy.

Tỷ như thợ An Nam thì phóng chép tài lắm, những hình dáng kỳ đến đâu, những kiểu cách lạ đến đâu, họ cũng bắt chước được như hệt cả.

Học trò ta học rất mau, nhớ cũng rất mau, nhưng chưa chắc đã hiểu thấu đã hóa được những cái người ta dạy mình.

Một người trí não khô cạn hay là vì không được tiêm nhiễm những cái tinh hoa của nòi giống mà thành ra khó cạn đi - một người như thế không thể không thể nào hiểu thấu được cái tinh thần của Tây phương. Có đồng hóa chỉ đồng hóa được cái bề ngoài, chỉ bắt chước được cái hình thức.

Cái cách đồng hóa dễ dàng thô thiển đó thiết tưởng không phải là cái tính tốt, mà có thể cho là cái tính xấu được. Chưa chắc cái học tiếp thu được dễ dàng như vậy đã làm cho óc được khôn ra, người được chín ra chút nào.

Đồng hóa một cách cấp tốc, một cách vô độ há chẳng phải là hại hơn lợi?

(1) tiếp nhận.

(2) biến cải

(3) ngón nghề, mảnh lời.

(4) gốc rễ, cơ bản.

15- Quá tin ở những điều viễn vông

Phan Bội Châu

(“Cao đẳng quốc dân,” năm 1928)

Mê tín sinh ra những việc nực cười. Ngày giờ nào cũng là trời bày định mà bảo rằng có ngày dữ ngày lành, núi sông nào cũng là đất

tự nhiên mà bảo rằng có đất tốt đất xấu, vì nấu ăn mới có bếp mà bảo rằng có ông thần táo, vì che mưa gió mới có nhà mà bảo rằng có ông thần nhà, cho đến thần cửa thần đường, thần cầu tài, thần cầu tử, trăm việc gì cũng trông mong vào thần, kết quả thần chẳng thấy đâu, chỉ thấy những cửa nát nhà tan, của mòn người hết, tin thần bao nhiêu thì tai họa bấy nhiêu...

16- Tâm thường hóa những giáo lý sâu xa

Phan Kế Bính

(“Việt Nam phong tục,” năm 1915)

Phật giáo là một tôn giáo riêng, cũng có lý tưởng. Mà lời thiện ác báo ứng cũng đủ khuyên răn người. Nhưng hiềm ta không cứu (1) đến nguyên lý mà chỉ tin những lời trần hủ (2), sùng tín cái vỏ xác ngoài còn cái lý cao xa của người ta, không mấy người nghĩ đến. Đã không ích gì, mà làm hại của cải cũng chỉ bởi lòng tin sai vậy.

(1) xét đoán, tra hỏi.

(2) cũ kỹ, không hợp thời.

17- Vớ được sách nào theo sách ấy

Nguyễn Văn Vĩnh

(“Hương Sơn hành trình,” Đông Dương Tạp chí, năm 1914)

Có kẻ sáng ngày ra vào phủ thờ bà cô, ông mãnh nào, chiều lại vào làm tôi con ông Trần Hưng Đạo là thần hay trị những tà ma, những ông hoàng bà chúa. Đến sáng hôm sau cũng người ấy có thể chạy lòng thực dạ mà nghe giảng những lời đạo đức của ông Khổng, ông này không có dạy phải tin thờ ông thần ông thánh nào cả hoặc là đi lễ Phật là một đạo trái hẳn với mọi ma thiêng thần dữ.

Nói rút lại, thì người An Nam ta tin bậy hình như theo lý tưởng này: Dẫu không có mà tin cũng chẳng hề chi, ngộ có mà không tin, có lẽ hại đến mình. Cho nên cứ tin liều đi.

Người ta theo lý tưởng ấy cho nên sinh ra những đạo không có tôn chỉ, quy tắc pháp ở trong tay mấy anh sư mô, thầy cúng, ngày nay làm theo sách này, ngày mai bịa ra sách khác, có ngược nhau cũng chẳng ai bảo sao. Mà người tin, người tộc trưởng, người làm lễ tang lễ hỷ, cũng cứ tùy bện mà theo; vớ được sách nào theo sách ấy, tùy cách lịch sự tùy gia tư (1) mà theo lễ này hay lễ kia, chứ không theo tôn chỉ nào cả.

Còn như sự đi chùa Hương và các chùa chiền khác, nhiều người cho như một cái tật của các cụ già và của người đàn bà. Cũng có kẻ bảo là việc hay, cũng có người cho là việc dở. Hay là vì các bà các cô đi lễ bái như thế nó cũng thêm được cái dáng đạo đức, cái nếp nhà ra một chút. Dở là vì các bà ganh nhau tốn kém và mấy ông sư ông và lại cũng chưa quên hẳn sự đời.

(1) của cải, tài sản trong gia đình.

18- Đời sống tôn giáo hời hợt

Nguyễn Văn Huyền

(“Hương Sơn hành trình,” Đông Dương Tạp chí, năm 1914)

Mặc dù sự có mặt của vô số ma quỷ và thần linh, người Việt vẫn có một đời sống tôn giáo không lấy gì làm sâu sắc cho lắm. Người ta chỉ có những niềm tin mơ hồ về linh hồn, về sự sống ở thế giới bên kia, về các thần. Một số lớn thần được định tính không rõ ràng và thường thường là phi nhân cách. Không có sự giáo dục tôn giáo cụ thể, cũng như không có sự tuyên truyền tôn giáo có tổ chức.

Mọi người chỉ cầu tới tôn giáo do nhu cầu vật chất. Ở một số trường hợp, người ta tìm kiếm một kết quả trước mắt như khỏi bệnh, có con, có tiền tài. Người ta cũng cầu thần để cho đời sống một người đã khuất ở thế giới bên kia được dễ dàng, để thi đỗ, để nhanh chóng trong một việc, để đi xa một chuyến được bình yên... Thường thường trong ý thức dân gian, tôn giáo được quy lại chỉ còn là một lô thực hành thờ cúng đã trở thành bắt buộc. Lễ nghi là tất cả, nó đôi khi bao gồm những nghi thức rắc rối hoặc núp dưới một hình thức long trọng có tính cách bề ngoài.

19. Đầu óc vọng ngoại và hay kỳ thị (**)

Luôn luôn có đầu óc vọng ngoại, nghĩa là tôn sùng hàng (ngoại) hóa và người ngoại quốc. Có lẽ vì dân trí mình còn thấp kém lại bị ngoại quốc đô hộ trên ngàn năm. Đã đành là đối với người ngoại quốc thì e sợ, nhát nhúa, nhưng đối với nhau thì lại thích hống hách và kỳ thị. Người mình có đủ mọi kiểu kỳ thị: tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Hoà hảo, Cao đài, Tin lành v.v..) , địa phương (nơi, miền) sinh trưởng (Nam, Trung, Bắc), sắc dân (Kinh, Thượng, Cao miên, Chăm, Trung hoa...), bằng cấp và xuất xứ được đào tạo giáo dục (trường Việt, trường Mỹ, trường Tây, trường Tàu, trường Liên xô...)

Sang sống ở hải ngoại, sau khi ăn nên làm ra, cũng thấy bắt đầu dờ mờ kỳ thị người da màu bản xứ (da đen và da nâu) nhiều khi còn kỳ thị hơn cả người Mỹ da trắng chính gốc nữa.

20. Vô kỷ luật (**)

Bất cứ ở đâu cũng có thể lấy thịt đè người, to tiếng, chen lấn vô trật tự, khinh thường người khác.

Sau biến cố 1975, người Việt-Nam di tản đi khắp thế giới, nhất là đến những nước Âu Mỹ thì Cộng Đồng Việt Nam bị những sắc dân khác coi thường chỉ vì "quen thói chen lấn" này.

Vấn đề “vô kỷ luật” còn được thấy ngay trong các dịp đi dự tiệc cưới, họp mặt... Đi trễ cả tiếng đồng hồ làm các quan khách, các thân hữu phải chờ đợi, đã trở thành một hủ tục gắn liền với người Việt Nam. Đến nỗi tại hải ngoại có câu vè châm biếm:

*"Không ăn đậu ("bean") không phải người Mẽ,
Không đi trễ không phải người Việt"*

Chú thích:

(**) TVG viết thêm 2 tiêu mục 19 và 20.

Thử Bàn lại một vài vấn đề Khổng Giáo

Lời mở đầu:

Đây là nhận định và ý kiến cá nhân của người viết mà thôi. Đúng hay sai còn tùy hoàn cảnh, thẩm định và kinh nghiệm riêng của mỗi độc giả. Ngoài ra, Khổng Giáo là một đề tài rất lớn. Bài viết này chỉ như hòn sạn nhỏ rơi vào một hồ nước bao la!

TVG

*

Khổng Tử và đạo lý Nho giáo (Khổng giáo), đã cũ trên 2500 năm, đã được bàn đi bàn lại quá nhiều qua lịch sử và kinh sách trong vấn đề giáo hóa từ vua tới dân. Bây giờ lại đem ra bàn thêm, có thể là việc chẳng ích lợi gì giữa thời buổi này. Tuy vậy, tôi vẫn mạo muội xin phép bàn thêm một chút nữa xem sao?

Ngay sau khi liệt cường vào xâu xé Trung Hoa bắt đầu từ 1899-90, (từ loạn Thái Bình Thiên Quốc – “The Boxer Rebellion”), họ ra vào Trung Hoa dễ dàng như lấy món đồ trong túi ra. Người Trung Hoa với vài ngàn năm văn hiến và lịch sử bị chế riễu khắp thế giới về cách “sống thiếu vệ sinh” và hình ảnh người Trung Hoa với “đầu cạo trọc” và cái “đuôi sam dài.” Cũng vào khoảng thời điểm này (giai đoạn thuộc địa), ở ngoài Trung Hoa, người Trung Hoa (cũng tương tự như người Việt) đã bị người tây phương cư xử như đồng hạng với súc vật (!)

Người dân Trung Hoa và các dân tộc chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa bắt đầu nhận thấy rằng Khổng Tử và triết lý của ông đã là một trong những nguyên nhân chính làm cho phần lớn dân Á châu trở thành nạn nhân của chế độ thuộc địa.

Hôm nay, bắt đầu đã thấy có dấu hiệu Trung Hoa biến thể từ một con bệnh ốm quá lâu sắp chết, biết dùng thuốc uống để chữa bệnh cho tỉnh táo và khỏe mạnh lại từ từ. Việt Nam cũng bắt đầu theo gót Trung Hoa (theo cả từ cái xấu đến cái tốt!?) trong giai đoạn gọi là “đổi mới!”

Nhìn vào văn hóa tây phương, nó cũng không hẳn là một văn hóa hoàn hảo:

“Coi quá trọng vật chất, cá nhân chủ nghĩa, giá trị gia đình lỏng lẻo, thiếu khái niệm về thiên nhiên và vấn đề bảo tồn thiên nhiên, đứng dưng trước những tệ nạn của xã hội mà chính mình đang sống trong đó.”

Tuy nhiên, triết lý của Khổng Tử cũng có nhiều khuyết điểm cần được xem lại:

“Hệ thống giáo dục theo ảnh hưởng Khổng học chỉ theo một khuôn khổ cũ đã có sẵn. Những ý kiến muốn thay đổi cái khuôn khổ này chẳng những đã không được chấp nhận mà còn bị xem là một “tội phạm” nữa (?) Khổng học không để cho tự do cá nhân có cơ hội phát triển (học trò giỏi hơn thầy chẳng hạn!), không thể mở đường cho sự thành đạt của các khoa học gia lỗi lạc, người có khả năng phát minh, người biết cách bày ra những phương cách thực tế phụng sự cho đời sống, hạnh phúc của nhân loại.”

Qua lịch sử, một dân tộc sinh tồn được sau những chịu đựng triền miên của lãnh đạo ngu xuẩn, chiến tranh vô nghĩa, thời tiết khắc nghiệt, thiên tai, đói khát... bởi vì dân tộc đó có một “khả năng” chịu đựng đặc biệt mà ngay chính dân tộc đó cũng không hiểu là cái gì? tại sao? Tuy nhiên phải hiểu cho rõ hai vấn đề khác nhau của sự sinh tồn: “sống sót một cách mạnh giỏi” và “sống sót một

cách tàn tật” hoàn toàn khác hẳn nhau. Phải nhìn nhận, Khổng học đã giúp cho dân Trung Hoa (và dân Việt Nam) có cái khả năng “sinh tồn một cách tàn tật” này!

Khổng học đặt ra vấn đề hệ thống hóa chặt chẽ các kỷ luật (còn gọi là đạo lý) trong đời sống. Phim “*Cái Lòng Đèn Màu Đỏ*” (“The Red Lanterns”) đã trình bày sự sắp đặt của hệ thống này như là một trong những thí dụ điển hình. Trong phim, những người đàn bà (các bà vợ, nàng hầu) toa rập với đàn ông (người chồng) để hành hạ, và có lúc sát hại, những người đàn bà đáng thương vô tội khác trong cùng hoàn cảnh “chồng chúa vợ tôi.” Một nàng hầu đã giải thích việc làm xấu xa của mình là “*việc gì phải làm sẽ được làm...*” (“We have to do what we have to do!”)

Cái đáng sợ nhất của vấn đề kỷ luật này là con người đối xử với nhau một cách tàn nhẫn là vì con người “được phép” làm những điều xấu mà Khổng học đã làm thành khuôn thước. Đó là chuyện làm “phải đạo!” Những con người ngu muội được dạy dỗ để hiểu và hành động như vậy! Không hơn không kém.

Những nàng hầu (trong phim “*Cái Lòng Đèn Màu Đỏ*”) hiểu sự dạy dỗ của Khổng học là “xã hội phải có tôn ti trật tự.” “Tôn ti trật tự” ở đây có nghĩa là xã hội đã được Khổng giáo chia ra thành nhiều giai cấp. Mỗi người một khi đã được xếp hạng ở giai cấp nào rồi, thì họ “được phép” hành hạ, hoặc nếu cần, tiêu diệt những cá nhân ở cái giai cấp thấp hơn! Thật ghê sợ! Sự ghê sợ này cũng xảy ra trong nhiều xã hội quân chủ khác ở tây phương. Tuy nhiên, ở Á châu, nhất là Trung Hoa và Việt Nam, sự “ghê sợ” này đã được Khổng Tử “hợp thức hóa” và rộng rãi truyền bá.

Khổng giáo dưới chế độ phong kiến đa thê, dạy (bắt buộc?) người phụ nữ phải tuân theo “Tam tòng” (Tòng phụ, tòng phu, tòng tử - theo cha, theo chồng và theo con) và cho nhân vật “đàn ông” trong gia đình và xã hội cái quyền tối thượng. Thật là vô duyên vô lý hết chỗ nói! (Cũng nên biết Việt Nam tự ý thu nhập Khổng giáo chứ không bị bắt buộc phải theo Khổng giáo!) Người phụ nữ, dưới chế độ phong kiến Khổng giáo, được xem như công dân hạng hai (“second class citizen”). Nói cách khác, phụ nữ bị cha, chồng và

ngay cả con trai đối xử như một món đồ vật sở hữu trong nhà. Đã có nhiều hoàn cảnh, phụ nữ được đàn ông dùng như các quân cờ chính trị, như một món quà thưởng chiến thắng hay một trao đổi thương lượng chính trị thương mại!!!

Theo tâm lý thông thường, sự khôn ngoan của dân tộc Việt đáng lẽ phải thu góp và xử dụng đúng lúc, đúng cách các cái hay cái đẹp của đạo Khổng chứ không phải nhắm mắt lập lại (tù chương) cho đúng tất cả các bài vở cũ của Khổng giáo. Ngoài ra đạo Khổng còn trì kéo các phát triển, sáng kiến của ngành khoa học ứng dụng thiết thực làm cho đời sống dân chúng tiện nghi và hạnh phúc hơn.

Chính trị gia ở các nước tân tiến, muốn thành công, phải được sự ủng hộ của đa số (50% cộng 1 phiếu) chứ không phải vì sự đề cử, chiếm đoạt bằng vũ lực hay cha truyền con nối... Vấn đề này cũng cần được thấy ở Việt Nam (và Trung Hoa) nếu sự tiến bộ hưng thịnh của quốc gia, chứ không phải sự phù vinh của một nhóm người có đặc quyền, là quốc sách!

Tôi thấy loại lãnh đạo tồi tệ nhất là “lãnh đạo làm dân sợ.” Loại lãnh đạo tồi tệ thứ nhì là “lãnh đạo bị dân ghét.” “Lãnh đạo tốt” phải là loại “lãnh đạo được dân thương mến.” Lãnh đạo bất chính (chính quyền dã man vô cảm) còn nguy hiểm hơn là sát nhân. Một hôm Khổng Tử và một đám đệ tử đi qua đường ở một xứ nọ, thấy một người đàn bà ngồi khóc bên những ngôi mộ mới đắp. Khổng Tử cho học trò đến hỏi thăm.

Người đàn bà nói:

“Tôi khóc vì chồng, rồi đến bố chồng, rồi đến con của tôi đã lần lượt bị cọp giết.”

Khổng Tử hỏi:

“Lý do tại sao chị lại không dời đến vùng khác làm ăn sinh sống mà chịu ở mãi đây để chồng, cha và con phải bị cọp giết?”

Người đàn bà trả lời:

“Ồ đây quan lại không hà hiếp dân chúng!”

Khổng Tử quay lại nói với đám đệ tử:

“Các ngươi nhớ rõ điều này. Sau này có làm quan, thì phải nhớ là chính sách hà khắc của người cai trị còn khốc hại hơn là hổ, bởi vì hổ có hại thì cũng chỉ hại một số người, còn chính sách hà khắc sẽ hại cả muôn dân; làm dân lầm than điều đúng.”

Bài học nho nhỏ này có thể dùng làm một tấm gương thật lớn để quan lại (hay người đang cầm vận mạng của dân) tự soi và xem xét lại sự trị dân, chính sách của mình như thế quái nào mà thay vì dân thà chịu chết bám với đất nước đến cùng chứ không chịu bỏ đi; ngược lại, người dân lại phải chấp nhận cả sự chết để bỏ quê cha đất tổ ra đi hàng loạt (?) Người tây phương gọi vấn đề “ra đi” tránh sự hà khắc này là “bỏ phiếu bằng chân.”

Công bình mà nói, về chính trị Khổng học cũng có nhiều cái rất tốt của “nhân và lễ” nên giữ lại. Chẳng hạn, Khổng Tử đã dạy người cai trị một cách đơn giản là:

“Vua và quan lại phải trị dân với lòng nhân và lễ không phải bằng bạo lực. Có như thế thì vua và quan sẽ không phải sợ gì cả! Công vụ của lãnh đạo là dẫn dắt dân, không phải để hành hạ, để cướp của, để giết dân!”

Lịch sử Trung Hoa và Việt Nam đã nhiều lần chứng minh rằng lãnh đạo “tàn nhẫn với dân” không thể nào kéo dài lâu và sẽ “bị kết thúc một cách tàn nhẫn” không kém!

Cần sửa lại quan điểm chính trị và hành động chính trị của Khổng Tử là lãnh đạo không phải vì do thiên mệnh (số trời) mà là vì sự anh minh sáng suốt! Lãnh đạo anh minh là lãnh đạo tất thắng. Sự tiến hoá, sự sinh tồn và vinh quang của dân tộc Việt hoàn toàn tùy thuộc vào sự can đảm của người lãnh đạo mạnh dạn, biết làm giảm thiểu sự xiết chặt của tinh thần Nho giáo trong đời sống của dân tộc Việt.

Về mặt đạo lý, Không Tử dậy dân:

“Thờ phụng cha mẹ. Làm việc phải chứ không vì lợi. Đừng làm cho người khác cái gì mà mình không muốn người khác làm cho mình.”

Còn chân lý nào sáng tỏ hơn lời dậy đạo lý này?

Xin góp ở đây chút ý kiến thô thiển, múa rìu qua mắt thợ! Mong các quý vị quan tâm chỉ giáo và bổ túc thêm.

Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi

Con người đôi khi cần phải khóc.

Không ai cần phải học cách khóc, bởi vì ngay từ lúc được sinh ra ở cuộc đời này con người đã tự nhiên biết khóc. Trước cảnh buồn hay vui, trước đám đông, có nhiều lúc không cảm lòng được phải khóc: khóc trong đám ma vì thương tiếc người thân yêu qua đời; khóc trong đám cưới vì sung sướng hạnh phúc; khóc lúc chia ly; khóc khi sum họp; khóc vì nhìn thấy và thông cảm với hoàn cảnh thương tâm của người khác... Có lúc phải giả khóc để lấy cảm tình của người khác; có lúc chẳng dặng dưng phải khóc vì chính bản thân chúng ta bị các những người vô cảm vô lương xung quanh đối xử tàn nhẫn... Cũng có lúc phải khóc một mình: khóc thầm, khóc tủi trong đêm, khóc trước bàn thờ cha mẹ tổ tiên, khóc trước tượng Chúa tượng Phật, khóc trước cửa quan; khóc để thương xót cho số phận hẩm hiu, bèo giạt hoa trôi; cho hoàn cảnh trôi sông lạc chợ của mình và của người thân... Có trăm ngàn hoàn cảnh phải khóc...

Nhìn lại vận mệnh nước Việt Nam qua lịch sử, dù cho chúng ta có bất đồng chính kiến nhưng có lẽ cũng phải đồng ý với nhau là dân Việt đã khóc nhiều hơn cười.

Khi so sánh với các dân tộc khác trên thế giới, dân tộc Việt Nam có nhiều cái đáng được gọi may mắn: chẳng hạn như là dòng giống Việt tộc tương đối khá thuần chủng. Lịch sử Việt đã trải qua 4000 năm lẻ mà chỉ vồn vẹn chỉ có khoảng trên dưới 100 tên họ (“last names”) và duy nhất một ngôn ngữ Việt Nam (tiếng Việt với 3 giọng phát âm Nam Trung Bắc và một loại chữ viết – chữ quốc ngữ). Cứ nhìn Phi luật tân. Họ có 7107 hòn đảo mà nhiều trường

hợp người ở đảo này không thể hiểu tiếng nói của người ở đảo bên cạnh. Họ phải lấy tiếng Tây ban nha (“Spanish”) rồi đến tiếng Anh làm chuẩn cho các vấn đề truyền thông trên lãnh vực quốc gia. Ấn độ cũng một thời phải lấy tiếng Anh là căn bản vì không thể lấy một ngôn ngữ địa phương nào thích đáng làm quốc ngữ chung cho cả nước Ấn độ. Trung hoa mặc dù không đến nỗi phải dùng ngoại ngữ (Anh ngữ chẳng hạn) nhưng tiếng Quan thoại không phải là giọng lưỡi của nhiều người Trung hoa sống ở Hoa lục (tiếng Quảng đông phát âm hoàn toàn khác hẳn với tiếng Triều châu và Quan thoại...) Nhiều quốc gia ở Phi châu phải dùng tiếng Pháp là quốc ngữ vì các bộ lạc không thể đồng ý với nhau về việc lựa chọn một thứ tiếng đại diện chung cho toàn quốc! Có lẽ chính vì cái độc đáo thuần chủng và ngôn ngữ mà nước Việt Nam tồn tại qua bao khắc nghiệt của những năm dài bị đô hộ, thuộc địa, nội chiến...

Mặc dù may mắn tồn tại, nhưng dân tộc Việt cũng đã chịu đựng nhiều, phải nói là rất nhiều, bất hạnh mà phần lớn là do lãnh đạo u mê. Qua lịch sử, các lãnh đạo ngu muội bất xứng đã lần lượt đưa dân tộc Việt Nam vào các giai đoạn đen tối đầy nước mắt.

Khi nào thì mình nên khóc? Cũng dễ hiểu. Đó là lúc buồn, lúc tủi, lúc đau khổ, lúc cảm thấy bất lực... Lúc nào thì được xem là lúc buồn, tủi nhất? đau khổ nhất? Theo tôi, không có gì buồn cho bằng lúc phải chia ly - chia ly với người sống cũng như chia ly với người chết. Lịch sử Việt Nam thật đặc biệt, đã ghi lại rất nhiều cuộc chia ly vĩ đại, buồn thảm, tang thương và điêu linh...

Sự chia ly lịch sử đầu tiên vào thời (hoang sơ) lập quốc

Theo huyền sử lập nước, vua Việt là Lạc Long quân (con của Kinh Dương Vương) lấy bà Âu Cơ đẻ được 100 con (?) Một ngày đẹp trời, không có chuyện gì quan trọng để làm, Lạc Long quân (có lẽ nghe theo lời xúi bẩy của một ông thầy tướng số tử vi thời đó?) nói với bà Âu Cơ là:

“Ta giống rồng, nàng là giống tiên, thủy hỏa khác nhau, chung hợp thật khó. Nàng nên đem 50 đứa con lên núi, còn ta sẽ đem 50 con về biển (Nam hải)”

Sử thần Ngô Sĩ Liên trong “Đại Việt Sử Ký toàn thư” viết (nguyên văn) rằng:

“Theo sách ‘Thông Giám Ngoại Kỳ,’ bà Âu Cơ là con gái của Đế Lai. Đế Lai là con Đế Nghi, mà Đế Nghi là anh của Kinh Dương Vương. Như vậy, Lạc Long Quân là chú ruột của bà Âu Cơ mà hai người lại kết hôn với nhau? Có lẽ thời ấy còn hoang sơ; lễ nhạc, đạo lý chưa được đặt ra rõ rệt cho nên mới có chuyện kết hôn như vậy chăng?”

Ngay từ đầu, cuộc hôn nhân “Lạc Long Quân – Âu Cơ” thấy đã có “oan trái!” Thành thử cũng khó mà bền chặt. Chuyện chia ly cũng không phải hoàn toàn là chuyện ngạc nhiên. Nhưng có điều đáng để ý là hình như bà Âu Cơ cũng đã có sẵn những bất đồng ý kiến riêng tư với Lạc Long Quân từ trước rồi hay sao đó? (tôi không thấy lịch sử ghi chép gì về cái mảng này!) Bà Âu Cơ không hề lên tiếng phản đối cái đề nghị chia ly hoàn toàn không cần thiết này (ít nhất, nếu chúng ta đứng từ bên ngoài nhìn vào) của Lạc Long Quân. Bà Âu Cơ từ biệt chồng rồi dẫn 50 đứa con đi lên núi mất biệt. Dù bố mẹ có giận nhau hay không giận nhau (?) thì trong hoàn cảnh chia tay thế nào đi nữa, các con cái của Lạc Long Quân và Âu Cơ chắc chắn đã có nhiều người khóc nhớ cha, người khóc nhớ mẹ, nhớ anh, nhớ em... khóc như di vỡ tổ. Làm sao đo lường cho hết nước mắt của 100 người con đã khóc đồng loạt vì sự chia ly “lãng xặc” này!!! Không biết truyền thuyết “50 con lên núi, 50 con xuống (vùng) biển” của dân tộc Việt có đúng không? Giả thử ông trời cho người Việt một phép lạ được sống thọ vài ngàn năm thì bây giờ nếu (50) người con của Lạc Long Quân tìm gặp lại được (50) người “anh em” ruột thịt của mình đang sống ở miền thượng du; thấy họ vẫn còn đóng khố, cà răng căng tai, đít chai, vẫn còn ăn “cực khô” (“cực khô!”)... thì chắc là phải đau lòng không thể nào cầm được nước mắt!

Đó là chuyện “giả thử.” Thực tế, chúng ta (người Kinh) hôm nay dường như đứng trước các sự đau khổ của người dân miền thượng du, tây nguyên... Đó là chưa nói đến việc đối xử rất tàn nhẫn với họ; thí dụ như trong vấn đề tranh chấp đất đai hiện nay.

Ở Nam hải, người con trưởng của Lạc Long Quân là Vua Hùng Vương thứ nhất đã dựng nên nước Việt của chúng ta. Như đã trình bày, lịch sử lập quốc Việt Nam đã mở màn bằng một điềm gở: “Cuộc chia ly rất đau lòng.” Vận nước Việt thế rồi cứ theo cái điềm gở đó mà tái diễn.

Sự chia ly dưới thời kỳ đô hộ của Trung Hoa (1000 năm)

Năm Canh Ngọ 111 Trước Công Nguyên (BC), tướng Lộ Bác Đức của nhà Hán đánh chiếm nước Nam của vua Triệu Dương Vương, đổi tên nước Nam Việt (của nhà Triệu) thành Giao Chỉ và đặt nền đô hộ tầu lần thứ nhất dài khoảng 150 năm. Cho đến năm 40 Sau Công Nguyên (AD), Hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Mê Linh đánh đuổi Thái thú Tô Định chạy về tầu; giành lại độc lập.

Năm Quý Mão 43 sau Công Nguyên, Hai Bà Trưng thua quân Mã Viện trong trận cuối cùng ở Cẩm Khê (nay thuộc phủ Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Yên). Mã Viện đuổi theo hai Bà Trưng đến xã Hát Môn, huyện Phú Lộc (nay là huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây). Thế bức quá, hai bà gieo mình xuống sông Hát (nay là sông Đáy ở tỉnh Sơn Tây, chỗ dẫn vào sông Hồng) và đánh dấu giao đoạn thứ hai của sự đô hộ tầu. Giai đoạn này kéo dài gần 900 năm kế tiếp sau đó.

Gọi là “đô hộ” cho nó có vẻ văn minh và hợp với ngôn từ ngoại giao quốc tế một chút, có nghĩa là người Trung hoa đến Việt Nam để khai hóa và hướng dẫn dân Việt ra khỏi sự “man di mọi rợ,” chứ thực sự là 1000 năm “lên rừng tìm ngà voi và xuống biển mò ngọc trai” và các đồ quý báu để quan thầy Trung hoa đem về nước dùng. Nên biết là các quan thầy đô hộ Trung hoa là người đã phát minh ra cái tiêu xảo “chỉ cần mang theo lương thực đủ cho 10 ngày!” Cứ tưởng tượng quang cảnh chim kêu vượn hú ở rừng sâu

và lạnh lẽo âm u dưới đáy biển trong gần 1000 năm liên tiếp thì cuộc sống của dân “Giao Chi” ta phải ảm đạm đến cỡ nào?

Đi tìm ngà voi và mò ngọc trai chứ có phải là đi “picnic” hay “vacation” đâu mà dân “Giao Chi” ta lại đem bố mẹ già, vợ con theo cho cùng vui? Thành thử trong gần 1000 năm dài đô hộ này, kể sao cho hết các hoàn cảnh chia ly tập thể... Chắc chắn đã có rất nhiều người dân Việt bị voi dẫm, trăn quấn, cọp vồ, sốt rét... chết trên rừng sâu hoặc bị cá mập ăn thịt, bị chết đuối, chết trào máu tai máu mũi dưới đáy biển; không có ngày trở về gặp lại bố mẹ vợ con.

Cho mãi đến năm Kỷ Hợi 939 (đúng 900 năm sau), Ngô Quyền đứng lên đuổi quân Nam Hán, xưng vương dành lại độc lập cho xứ sở, tạm chấm dứt “Chương trình 1000 năm phát triển kinh tế song phương Trung hoa-Việt Nam.” Sau đó, nhà Minh của Trung Hoa thấy 1000 năm đô hộ Việt Nam hình như chưa đủ, nên đã trở lại Việt Nam định trùng tu lại cái “Chương trình phát triển kinh tế song phương” này thêm 1000 năm nữa. Nhưng nhà Minh không thành công. Quân tàu chỉ “đô hộ” thêm được một thời gian ngắn là 12-13 năm (từ năm 1414 đến 1427). Sau khi Lê Lợi đuổi được quan Minh về tàu, người dân Việt sống tương đối thái bình, yên ổn, sum họp cho đến giai đoạn Nam Bắc phân tranh.

Sự chia ly vì Nam Bắc phân tranh

Đến thời mạt Lê (giữa thế kỷ thứ 16), dân Việt lâm vào giai đoạn “nồi da sáo thịt; củ đậu nấu đậu” đầu tiên. Các người viết sử nước ta gọi giai đoạn này là “Nam Bắc Phân Tranh.” Đọc thoáng qua cứ ngỡ là người dân miền Nam và người dân miền Bắc của Việt Nam phân tranh, đánh nhau để dành của cải của ông cha để lại. Thực tế, đây hoàn toàn chỉ là sự phân tranh quyền lợi của hai gia đình các ông Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn; và dân Việt bị kẹt ở giữa cái hoàn cảnh “các ông chủ lớn phân tranh và trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết.”

Năm 1545, trong cuộc tranh chấp giữa họ Mạc và nhà hậu Lê, một vị tướng nhà Lê là Nguyễn Kim bị hàng tướng của họ Mạc đánh thuốc độc chết. Binh quyền nhà Lê lọt vào tay của con rể Nguyễn Kim là tướng Trịnh Kiểm (Trịnh Kiểm lấy trưởng nữ của Nguyễn Kim là Nguyễn Thị Ngọc Bảo, chị của Nguyễn Hoàng – Nguyễn Hoàng là con trai út của Nguyễn Kim). Thế rồi vận nước giống y như chuyện gậy gỗ riêng tư của hai gia đình Trịnh-Nguyễn!

Để nắm trọn binh quyền, Trịnh Kiểm giết con cả của Nguyễn Kim là Nguyễn Uông. Nguyễn Hoàng (em út của Nguyễn Uông) lo sợ cũng bị anh rể hãm hại nên xin vào trấn thủ đất Thuận Hoá. Trịnh Kiểm cho rằng đất Thuận Hóa xa xôi, hoang vu, khó phòng bị nên đồng ý cho Nguyễn Hoàng đi. Trịnh Kiểm cũng có thâm ý định mượn tay quân họ Mạc để giết Nguyễn Hoàng ở Thuận hóa. Tuy nhiên Nguyễn Hoàng không những đánh bại quân Mạc ở Thuận Hoá mà lại được lòng dân Thuận Hoá. Đến khi Trịnh Kiểm chết (1570), con thứ là Trịnh Tùng giết anh cả là Trịnh Cối và nắm lấy binh quyền. Trịnh Tùng sau khi đuổi được nhà Mạc lên Cao Bằng và áp chế vua Lê Thế Tông (còn nhỏ tuổi), Trịnh Tùng mới tính đến chuyện đánh diệt Nguyễn Hoàng.

Cái oái oăm ở đây là Trịnh Tùng, con Trịnh Kiểm, gọi Nguyễn Hoàng là cậu ruột! Chẳng những thế, Nguyễn Hoàng lúc thất thế bí quá, muốn lấy lòng Trịnh Kiểm cho nên đã gả con gái của mình là Ngọc Tú cho con trai Trịnh Tùng là Trịnh Tráng (tức là cháu lấy cô!) Thế mới thấy rằng vì quyền lợi và mạng sống, con người có thể làm đủ mọi cách không kể gì luân lý, đạo đức...

Dân lành vô tội Việt Nam thời bấy giờ như quân hội vô phèng, như chó mất chủ, rắn mất đầu... chạy toán loạn vô trật tự: nhiều người Đàng ngoài (chúa Trịnh, phía bắc sông Gianh) thì chạy vào Đàng Trong (Chúa Nguyễn, phía nam sông Gianh); nhiều người Đàng trong thì chạy ra Đàng ngoài. Anh em, chú cháu, cậu cháu, hàng xóm... khi không giết nhau chí chóc như có thù truyền kiếp. Ngay trong gia đình Chúa Trịnh (cũng như trong gia đình chúa Nguyễn) anh em chú cháu cũng giết lẫn nhau hàng ngày để tranh giành quyền thế, binh lực... Biết bao nhiêu là gia đình đã bị chia ly

trong hoàn cảnh đầy máu và nước mắt ở giai đoạn nhiễu nhương này.

Trịnh Tùng và Nguyễn Hoàng đã chuẩn bị ráo riết về quân sự và dân sự để sửa soạn đánh nhau. Nhưng phải chờ đến thế hệ kế tiếp là Nguyễn Phúc Nguyên (tức Chúa Sãi lên thay cha là Nguyễn Hoàng năm 1613) và Trịnh Tráng (thay cha là Trịnh Tùng năm 1623) thì hai lãnh Chúa mới thực sự đánh nhau trận đầu tiên vào tháng 3 năm 1627.

Trong 45 năm ròng rã kế tiếp (từ 1627 đến 1672) hai Chúa Trịnh-Nguyễn đánh nhau tổng cộng 7 trận. Hàng chục vạn sinh linh (đại đa số là anh em, chú cháu) đã phải hy sinh. Các trận đánh thường chỉ kéo dài vài tháng - ngoại trừ trận thứ 5 kéo dài đến 5 năm (1655-1660) - và các trận đánh chỉ quanh quẩn trên 3 tỉnh giáp ranh hai Đàng là Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình. Trong 7 trận đánh này, không có phe nào được xem là toàn thắng. Cứ thỉnh thoảng hai bên phải tạm ngừng chiến để củng cố lực lượng, an bài chính sự, nội bộ rồi ren; và lấy sông Gianh (thuộc tỉnh Quảng Bình) làm đường ranh chia đôi nam bắc.

Thực ra phải nói là họ Trịnh và Nguyễn đã đánh nhau tổng cộng là 8 trận. Tuy nhiên trận thứ 8 (năm 1774-1775) phe của chúa Trịnh Sâm có sự can dự và giúp đỡ của quân Tây Sơn (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ) nên các sử gia không kể trận thứ 8 là (chúa) Trịnh – Nguyễn phân tranh. Trận thứ 8 này, về phương diện lãnh thổ, quân Trịnh Sâm đã chiếm đến tận Quảng Nam tức là lấn qua cả địa bàn chính của chúa Nguyễn là Thuận Hóa. Nhưng chỉ 10 năm sau đó (vào năm 1786) thì Tây Sơn diệt cả 2 chúa Trịnh-Nguyễn một lượt cho tiện sổ sách và chấm dứt luôn cái chuyện dài nhân dân tự vệ “Đàng trong - Đàng ngoài.”

Sự chia ly dưới thời Pháp thuộc

Sau khi vua Tự Đức và triều đình Huế đánh thua quân Pháp, phải ký hoà ước Quý mùi 1883 (*) “công nhận sự bảo hộ” của Pháp, thì nước “đại” Pháp chia Việt Nam ra không phải là 2 miền Nam Bắc

mà là 3 miền Nam Trung Bắc đễ đễ cai trị. Người Pháp cũng bắt đầu thi hành các chương trình thực dân để khai thác tài nguyên và xương máu của dân tộc Việt.

Kể cũng lạ, người Pháp đã đến đến xâm lăng và “đô hộ” Việt Nam với cùng một chiêu bài như người Trung hoa đã dùng trong suốt 1000 năm trước: “Họ đến để khai phóng một dân tộc lạc hậu!” Người Trung hoa và người Pháp có hai (02) điểm giống nhau là:

- *Sống thiếu vệ sinh (đây là nhận xét có ghi trên giấy tờ, báo cáo của quan sát viên và du khách quốc tế đến thăm Trung hoa và Pháp; không phải chỉ riêng nhận xét của người viết bài này!)*
- *Đặc biệt chú ý, quan tâm đến “sự lạc hậu” của Việt Nam. Họ luôn luôn tự xem là có “nghĩa vụ” đến “khai hóa” dân Việt Nam mặc dù dân Việt chẳng hề cần hay mời họ đến để “khai hóa” chi cả! Nói tóm lại, người Việt chỉ muốn xin hai chữ “bình an” mà cũng không xong!*

Trung hoa mỗi khi củng cố nội bộ của họ xong là họ tính ngay đến chuyện xua quân qua biên giới để thôn tính Việt Nam. Còn người Pháp vì địa lý cách trở xa xôi, không thể dùng quân sự ồ ạt tấn công Việt Nam như Trung hoa được. Họ phải chia sự thôn tính ra làm 2 giai đoạn: Giai đoạn đầu, họ đưa các ông cố đạo hiền khô, không có mang vũ khí, đến Việt Nam để truyền giáo; Giai đoạn sau đó, quân Pháp với súng ống, tàu chiến đã theo chân các cố đạo truyền giáo đổ bộ lên đất liền. Dân Việt với vũ khí thô sơ không thể đối phó được (** xin đọc thêm phần phụ chú).

Thời kỳ Pháp thuộc khởi đầu bằng “Chương trình 100 năm hợp tác phát triển kinh tế Việt-Pháp.” Chương trình này dựa trên căn bản “50-50” rất bình đẳng (?) có nghĩa là cứ mỗi lần người Pháp thu vào 50 đồng thì người Việt được chia 50 xu. Dân Việt xưa nay vẫn theo Nho giáo, chỉ học chữ Nho từ chương, giỏi về phần thơ phú mộng mị; nhưng còn kém về phần toán học và khoa học. Cho nên chỉ hiểu lờ mờ về cái công thức “50 đồng và 50 xu” này. Tội nghiệp cho dân tộc, thêm gần 100 năm sau mới sáng mắt ra!

Dân Việt bị người Pháp bóc lột tận xương. Mỗi người dân chỉ còn mỗi cái khố rách mang trên người. Vì đói quá cho nên nhiều chủ gia đình đã phải từ giã vợ con để tham gia chương trình mộ phu mỏ than hoặc phu cạo mủ trong các đồn điền cao su ở vùng khỉ ho cò gáy (sao nghe giống như “tìm ngà voi và mò ngọc trai” quá vậy!) Nhiều người đã chết và được chôn làm phân bón ở ngay gốc cây cao su ...

Sự chia ly (cuộc di cư) năm 1954

... Năm 1954, Việt minh (một phong trào kiểm soát bởi cộng sản đội lốt quốc gia chống Pháp) thắng Pháp trong trận Điện Biên Phủ. Người Pháp đầu hàng vô điều kiện và đồng ý rút ra khỏi Việt Nam, trả nước Việt lại cho dân Việt.

Căn cứ vào khoản “14D” của Hiệp định Geneve, dân chúng của cả hai miền Nam Bắc được tự do lựa chọn miền đất sống của mình trong vòng 300 ngày sau khi hiệp định được ký kết. Kết quả đã có “cuộc bỏ phiếu bằng chân” đầu tiên và lớn nhất lịch sử Việt Nam đã diễn ra năm 1954-55 này: gần một triệu người miền Bắc di cư vào Nam, hay nói cách khác đã chạy vào miền nam để tránh CS. Vâng, gần một triệu người bỏ quê cha đất tổ, bỏ bố mẹ, bỏ chị, bỏ anh, bỏ em để chạy CS... Tuy nhiên, nên biết, chính quyền CSVN cho rằng những người đi vào miền Nam là những người đã bị chính quyền Pháp, Mỹ và thân Mỹ cưỡng bức hay "dụ dỗ di cư (?)” Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến (gồm đại diện của Ba lan, Ấn độ và Gia nã đại) đã mở cuộc điều tra đơn khiếu nại của chính phủ “Việt Nam Dân chủ Cộng hoà” (CSVN) về cái gọi là “hành động cưỡng bách di cư.” Trong số gần 25.000 người Ủy hội đã tiếp xúc, phỏng vấn, không có đến một (01) người nhận là họ bị "cưỡng bách di cư" hay muốn trở về miền Bắc cả. Trong số những người di cư, còn có cả các người trước đây đã từng tham gia, chiến đấu cho Việt minh chống Pháp... Cũng nên biết thêm, theo sử liệu của chính phủ “Việt Nam Dân chủ Cộng hoà” ghi nhận có 140.000 người di cư ra Bắc bằng phương tiện riêng, băng rừng Trường Sơn, hoặc đi trên các tàu của Ba lan, Pháp, Liên xô. Đa số đây là những

người mà CS gọi là “tập kết ra Bắc.” Ngược lại Phủ Tổng uỷ Di cư của Quốc gia (chính phủ Ngô Đình Diệm lập ra “Tổng uỷ Di cư” để lo vấn đề di cư này) thì ghi con số 4.358 người đã trở lại ra Bắc theo lời kêu gọi, vận động của chính phủ “Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.” Số người này được vận chuyển bằng đường thủy và hàng không của Pháp.

Không biết họ (dân di cư vào Nam hay dân tập kết ra Bắc) có đủ thời giờ nói lời từ biệt với họ hàng thân thuộc ở lại hay không? Không biết họ có đủ thời giờ để khóc than cho sự chia ly chính trị này không? Đây là đầu tiên trong lịch sử Việt Nam danh từ “Di cư” được dùng để chỉ cuộc chia ly vĩ đại.

Lần này con sông Bến Hải (thuộc tỉnh Quảng Trị) được chọn làm lằn ranh mới của 2 miền Nam Bắc.

Sự chia ly (vượt biển, di tản) năm 1975 và những năm kế tiếp:

Trong giai đoạn “đánh Mỹ cứu nước,” đã có rất nhiều sự chia ly gia đình trong hoàn cảnh “sinh Bắc tử Nam.” Hai năm sau khi Hiệp định “Hoà bình” Paris (“Paris **Peace** Accords” ký ngày 27 tháng Giêng năm 1973 – xin đọc giả để ý chữ “**Peace**” - the Agreement on Ending the War and Restoring Peace in Vietnam) được ký kết (Điều khoản đầu tiên của hiệp định công nhận sự “độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ” của Việt Nam. Các điều khoản khác là đình chiến và giữ lãnh thổ của mỗi bên - Bắc và Nam Việt Nam - trước khi đình chiến), chiến tranh Việt Nam vẫn tiếp diễn (?) Quân đội CS Bắc Việt vẫn tiếp tục vi phạm điều khoản đình chiến trong hiệp định “hoà bình” Paris.

Giữa tháng 3 năm 1975, quân đội CS khởi đầu những chiến dịch quân sự nối tiếp nhau để đánh chiếm miền Nam. Bắt đầu từ Cao nguyên rồi Huế, Đà Nẵng lần lượt thất thủ. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, quân đội miền Bắc chiếm được Sài Gòn. Cuộc chiến Quốc gia – Cộng sản đột ngột kết thúc kể từ ngày này.

Quân, dân miền Nam thất trận, tan hàng như ong vỡ tổ. Đồng thời có một cuộc chia ly vĩ đại vô trật tự, tang thương gấp mười mấy lần “di cư” có trật tự và giám sát của quốc tế năm 1954 xảy ra sau đó và không chấm dứt cho đến năm 1996. Cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, chữ “Di tản” (và “Vượt biên”) đã được sử dụng. Dân miền Nam Việt Nam cứ chạy bừa ra biển Đông để thoát thân mặc dù đại đa số không biết bơi, không biết hải hành (“navigation”)...

Theo tổng kết của “Cao Ủy Tị Nạn Quốc Tế” thì tổng số người tham dự các cuộc vượt biên, vượt biển ... đã có đến gần 3 triệu người. Họ đã bỏ nước ra đi trong nước mắt. Có hàng trăm ngàn người dân Việt Nam đã bỏ xác trong lòng đại dương vì đói khát, giông bão, hải tặc Thái Lan... (không có thống kê chính xác!) Tiếng than khóc ngất trời. Tượng đá cũng phải nhỏ lệ...

Tại quốc nội, trong giai đoạn này, phải kể thêm sự chia ly của hàng ngàn, hàng trăm ngàn quân cán chính của chính phủ miền Nam bị bắt đi học “cải tạo” (“chỉ cần đem theo lương thực đủ 10 ngày!”) trong gần 100 trại tù trên toàn quốc... Qua những sự chia ly trên đất liền này, có thêm biết bao nhiêu (?) nhân mạng đã phải chết vì sự cơ cực, đày đoạ ở các trại “tù cải tạo.”

Phải thắc mắc là sau “chiến thắng vĩ đại của dân tộc” mà sao lại có quá nhiều dân lành mất mạng như vậy???

Sự chia ly của ngày (giờ) hôm nay...

Chương trình vượt biên, vượt biển đã chính thức được đóng sỏ (năm 1996). Hôm nay, dân Việt Nam đang phải đương đầu với những cuộc chia ly mới: hàng ngàn (?) các thiếu nữ ngây thơ phải chia tay với cha mẹ, anh em, ruộng vườn để đi lấy chồng xa lạ ở Đại hàn, Đài loan, Tân gia ba, Trung quốc... đàn ông, đàn bà, thanh niên, thiếu nữ v.v.. chia ly với gia đình để đi theo các chương trình “xuất cảng lao động” sang Ba lan, Hung gia lợi, Tiệp khắc, Sô viết, Trung quốc, Mã lai, Tân gia ba... trẻ thơ chia ly với bố mẹ để đi làm... kiếm sống ở Cao miên v.v.. những người dân

còn ở lại thì đã khóc hết nước mắt vì mất đất, mất nhà, mất tương lai, mất tất cả...

Không hiểu là chúng ta đây, những người đã có đời sống yên ổn, cũng chỉ ngồi nhìn dân tộc mình khóc cho qua ngày qua tháng hay sao???

*“...Thượng Đế hồi có thấu cho Việt Nam này
Nhiều sóng gió trôi dạt lâu dài.
Từng chiến đấu tiêu diệt quân thù bạo tàn.
Thượng Đế hồi hãy lắng nghe người dân hiền.
Vì đất nước đang còn ưu phiền.
Còn tiếng khóc đi vào đêm tường triền miên...”*
(Lê Minh Bằng – “Đêm nguyện cầu”)

*“Còn trời còn đất còn non nước
Có lẽ ta đâu mãi thế này”*
(Nguyễn Công Trứ - “Quân Tử Cổ Cùng”)

Phụ Chú

(*) Hoà ước Quý Mùi (23-7-1883) công nhận sự bảo hộ của Pháp. Hoà Ước Giáp Thân (6-6-1884) tu chính lại Hoà Ước Quý Mùi 1883 một chút đỉnh thôi.

(**) Cái “idea:” “Quân đội viễn chinh Pháp theo chân các nhà truyền giáo để đánh chiếm thuộc địa” không phải của người viết (Trần Văn Giang). “Idea” này của Thủ Tướng đầu tiên (và cũng là Tổng Thống đầu tiên) của Algeria Republic là Ahmed Ben Bella. Dù “đúng hay sai,” nhận định này cần được mở rộng để đọc giả bàn thêm vì vấn đề có đụng chạm đến tôn giáo (tín ngưỡng) - “too sensitive!”

Nên biết, nước Algeria ở cách Việt Nam trên 10 ngàn dặm nhưng cũng bị Pháp đô hộ cùng một lúc và cùng hoàn cảnh giống y hệt như Việt Nam. Pháp trả độc lập cho Algeria năm 1962 sau 1 cuộc chiến tranh giành độc lập mà 27000 lính Pháp và hơn 300,000

người Algeria bị chết. Algeria không thắng người Pháp; nhưng người Pháp thấy v/đ thực dân không còn hợp thời nữa nên tìm cách tự rút lui ra khỏi Algeria.

Tính chung, Algeria đã bị Pháp đô hộ 132 năm (dài hơn thời gian người Pháp đô hộ Việt Nam). Ahmed Ben Bella bị Pháp cầm tù nhiều lần. Năm 1962 làm Thủ Tướng rồi năm 1963 được bầu làm Tổng Thống đầu tiên của Algeria độc lập. Đến năm 1965 thì Ahmed Ben Bella bị đảo chánh.

Ahmed Ben Bella đã nói một câu rất chính xác (?) về chính sách thuộc địa của Pháp (mà vấn đề truyền giáo là một phần của chương trình thực dân này) như sau:

"They (người Pháp và các ông Cố đạo truyền giáo) came here (Algeria) and told us (Algerian) to close our eyes and pray. We closed our eyes prayed; and when we opened our eyes, they got the land (Algeria) and we got the bible (Catholics!)"

(? Có người cho câu nói này là của Jomo Kenyatta, cựu Tổng thống của Kenya, không phải của Ahmed Ben Bella. Nhưng tôi chưa kiểm chứng được!)

Tham khảo

- “Đại Việt Sử ký Toàn Thư” của Ngô Sĩ Liên.
- “Việt Nam Sử Lược” của Trần Trọng Kim.
- “Việt Sử Toàn Thư” của Phạm văn Sơn.
- Cuộc di cư Việt Nam

(nguồn

http://vi.wikipedia.org/wiki/Cu%E1%BB%99c_di_c%C6%B0_Vi%E1%BB%87t_Nam,_1954)

- Chiến tranh Việt nam giai đoạn cuối

(nguồn

http://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Vi%E1%BB%87t_Nam)

Hèn hay hùa?

Gần đây chúng ta cứ nghe các báo (báo in và điện báo), các đài phát thanh hải ngoại lặp lại các lời nói của các nhân vật thuộc lớp xướng ca “siêu sao” mà cộng đồng cũng đã từng biết tên tuổi thành tích; hoặc trích lục bần loạn về các bài viết, hồi ký, sách mới xuất bản của các cựu đảng viên CS đang thoi thóp sắp mãn phần về cái tâm trạng gọi là “hèn” của họ khi phải sống dưới chế độ CS hoặc phải “làm việc” hay “cộng tác” với CS.

Người xấu thì ở đâu chẳng có; bạn xấu, đồng nghiệp xấu, láng giềng xấu, người thân trong gia đình xấu... ngay cả chính bản thân chúng ta trong đời sống hàng ngày đôi khi gặp ngày trở trời (“bad day”) bị ám đầu cũng không tránh được việc cư xử “không đẹp” với người chung quanh. Nhưng sau đó, bản chất tốt (“tính bản thiện”) của con người cũng lại trở về... Còn nếu không, thì mọi người cũng phải tìm cách xa lánh người xấu bởi vì những cái độc địa của “người xấu” sẽ gây thiệt hại cho những người phải tiếp xúc sinh hoạt với họ cả về vật chất (hao tài, tốn của, tốn thời giờ, nhức đầu, lên máu, đau bao tử, táo bón, yếu tim...) lẫn tinh thần (chán nản, tuyệt vọng, yếm thế, trầm cảm...) Những người xấu này chẳng sớm thì muộn rồi sẽ bị sống cô lập và không còn có ảnh hưởng gì đến chúng ta nữa. Cái khổ phải than thở kêu trời trách đất, muốn tìm mọi cách xa lánh, trốn thoát (vượt biên?) cũng

không được, chẳng dặng đừng muốn nói ở đây là cái đám người xấu xí đó lại là những người CS đã và đang lãnh đạo đất nước Việt Nam với một chính sách thật xấu xí tàn bạo kéo dài gần 100 năm rồi... người dân Việt đã nhận ra là họ phải chịu đựng sự khống chế của CS từ thế hệ cha đến thế hệ con cháu qua sự việc CS dùng vấn đề nhu cầu thấp nhất và cần thiết của đời sống là cơm áo và an ninh như cặp cồng số 8 để giữ họ sống mà cũng như đã chết trong cái chuồng khí XHCN; không làm sao thoát ra được!

Tuy vậy, CSVN gian ác đã thấy sự tan rã tất nhiên hàng loạt của các nước xã hội chủ nghĩa anh em (Liên xô, Đông âu...) nên cũng e ngại đến lúc dân Việt đói quá thì có thể thiên đường XHCN sẽ loạn, sẽ sụp đổ; và hơn thế nữa là người dân Việt nhớ dai và cũng thù dai lắm chứ không dễ dãi mất tính như mấy đồng chí nhân dân của CS Đông âu (!) Cho nên CS mới có các chính sách “mở cửa,” “đổi mới,” “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (!)”... để nhằm xoa dịu bớt cơn đói và rét của dân. Dân Việt thấy cửa hé mở, bắt đầu “tự lo,” tìm kiếm sống bằng mọi phương cách. Sau một thời gian gọi là “đổi mới” dân đen lại nhận ra là chế độ “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” chỉ khác chế độ “bao cấp” một điểm rõ rệt nhất là: “các nhân vật lãnh đạo và đảng viên cán bộ cao cấp CS chẳng phải đổ mồ hôi mà họ giàu có nhanh một cách chóng mặt...” Ngoại trừ một số nhỏ nhân dân đen biết cách bám ống đu đủ hoặc đu dây theo quyền lực cai trị độc đoán và cực kỳ thô bạo của CS qua luật rừng, hối lộ, tiền cò, quà cáp thì ăn nên làm ra, còn đại đa số dân đen vẫn khổ hơn... chó! Đám thiểu số theo đóm ăn tàn ăn nên làm ra quên (lại quên!) không để ý đến cái tâm địa thâm độc của CS trong cái đuôi “định hướng xã hội chủ nghĩa:” có nghĩa là CS đến một lúc nào đó sẽ lại sẵn sàng trắng trợn thu lấy lại tất cả các của cải mồ hôi nước mắt của họ đã gây dựng ra trong giai đoạn “đổi mới.” (Một số lớn Việt kiều yêu nước đã trắng mắt về việc đem hết của về Việt Nam làm ăn với CS rồi phải bỏ của chạy lấy thân!) Sờ sờ trước mặt, chúng ta còn nhớ CS và chỉ có XHCN mới có cái màn cướp ban ngày quái gở gọi là “đánh tư sản mại bản???” – CS có vẻ ưa chuộng và rất thích hợp với 2 động từ: “Đánh” (đánh Mỹ cứu nước, đánh tư sản...) và “Cướp” (cướp chính quyền, cướp đất...)

Cộng đồng tị nạn sống ở hải ngoại xa cách quận Ba đình cả chục ngàn cây số, có cái may mắn được chính phủ dân chủ nơi tạm dung bảo vệ mọi quyền công dân, mà không (chưa) thấy có hành động sáng suốt can đảm, hay đưa ra một sáng kiến cụ thể khả dĩ để làm cho CS phải trả lại cho dân cái “tiền dân mệnh mông” và những nhân quyền căn bản; đưa đám khi CS trở về lại rừng nơi mà khi đã đi ra... mà chỉ biết cách ngồi chửi ngày chửi đêm; hết chửi đồng rồi quay ra chửi lẫn nhau hết ngày (thấy lửa cháy mà đứng ngoài la thì bố ai không la được!) Làm sao mà trách người dân đang sống dưới một chế độ dùng một thứ luật pháp (?) quái gở trên quả đất là (CS) muốn bắt ai thì bắt lúc nào cũng được; (CS) muốn ghép tội người mà họ (CS) không thích với tội gì cũng được!

Nhiều người dân bi quan đến độ phải kết luận là:

“HCM (và CSVN) từ cách mạng tháng 8 /1945, đã dần dần đưa dân tộc vào con đường hết thuốc chữa!”

Hoặc:

“Bây giờ mà có phục hưng lại thì cũng chẳng còn gì để xây dựng...”

Đại đa số tiến sĩ, giáo sư mà CS đào tạo ở trong nước chỉ có một cách hót theo bài vở đã biên sẵn của CS chứ không có một khả năng xây dựng hay sáng tạo gì (họ biết là phải đi bên “lề bên phải” thì mới yên thân và có ăn!) Nếu mai đây may ra Việt Nam chưa mất vào tay tàu phù, thì sau khi diệt sạch đảng CS cũng phải cần khoảng 60 năm nữa (Có vẻ hơi bi quan?! Hay tự ti vì cho là Đông Âu dân trí của họ khá hơn mình mà họ đã cần đến 20 năm!) những cảm tình viên của CS mới chết hết, con bệnh Việt Nam mới mong chữa lành bệnh. Xin phép nêu lên vài con số như thế để thấy tai hoạ CS đã bao trùm nặng và dày trên đất nước đến mức độ nào (mà chưa thấy ai sáng mắt ra?...). Việt Nam cần phải có một thiên tài chính trị can đảm đứng lên dẫn dắt dân đen (Xin lạy giời cao đất dày đừng cho chúng con một HCM thứ 2!!!). Hay phải có một phép lạ mới chóng hóa giải được cái trù dập khôn khổ mà HCM đã đưa dân tổ quốc và dân tộc Việt Nam vào. Các nước láng giềng

như Hồng Kông, Đài Loan, Nam Hàn, Thái Lan, Tân gia ba sở dĩ họ từ từ khá lên sau đệ nhị thế chiến vì lãnh đạo của họ không phải là loại như HCM... Vậy mà vẫn còn có nhiều con vẹt ngây thơ cứ ca bài “Việt Nam - HCM” làm cái quỷ gì không biết? Không có HCM, đất nước Việt Nam có lẽ không đến nỗi ra nông nỗi thối như hũ tương tàu ngày hôm nay... Về vang ở chỗ nào? Vinh quang chỗ nào?

Đảng CS đã làm dân Việt hoang tưởng đến độ là họ đang sống đời lạc hậu nô lệ mà không biết mình là yếu kém nô lệ; cứ tưởng mình là anh hùng kiệt suất ưu việt cả... Trí thức Việt Nam có hiểu biết một chút, có tư cách một chút không tài nào ngóc đầu lên nổi để tạo được một phong trào có sức mạnh có thể giúp dân chúng nói lên cái nguyện vọng thèm khát dân chủ tự do của dân... Trí thức XHCN đã có đủ kiên nhẫn xếp hàng lãnh tem phiếu; quý 1 ký thịt, 1 ký gạo như là vàng, như hàng hiếm; hoặc hoan hỉ nhận huân chương bằng khen của bác và đảng nhưng lại nhẫn tâm để mặc kẻ dân đen lẽ tẻ dăm ba người, thiếu tổ chức đứng trước cơ quan chính quyền CS kêu oan; để cho công an, cảnh sát đánh dùi cui vỡ đầu vỡ trán giải tán; dăm ba ngày sau lại đầu vào đó như không có chuyện gì xảy ra...

Người dân Việt trong nước có đáng bị gọi là “hèn” hay không? Xin hãy thận trọng nghĩ lại câu nói quen thuộc “hãy nhìn kỹ những gì CS làm” trước khi trả lời câu hỏi này. Đại đa số nhân dân đen đã bị cả đảng lẫn và bác thay phiên nhau “nhân danh nhân dân...” lợi dụng cái “văn hóa nhân dân...” vắt chanh “quân đội nhân dân” thành lập các “ủy ban bóp cổ nhân dân...” bị “công an nhân dân” cho dân đi tù không thấy ngày về gặp lại cha mẹ vợ con qua cái gọi là “toà án bịt mồm nhân dân...” Cứ mở miệng nói từ chuyện to đến chuyện nhỏ là có chữ “nhân dân...” (nhưng ngân hàng thì lại phải là “ngân hàng nhà nước” đây; cho nhân dân vào ngân hàng là hồng việc đảng ngay?) để hà hiếp (dâm) nhân dân nhiều lần ngay giữa ban ngày giữa chợ đông người. Nhân dân đen không có ai bênh vực cho cảnh thấp cổ bé họng của mình thì phải “sợ” (không phải là “hèn”) là chuyện dễ hiểu... Phần các ông trí thức có nhiều tuổi đảng, có nhiều huân chương “nhân dân này, nhân dân nọ...” (nhà giáo nhân dân, hiệp sĩ công nghiệp, nghệ sĩ nhân dân...) có

nhiều thành tích trói tay hay bịt mồm dân đen cho đảng “làm việc” mà bây giờ lại tự thú là “hèn!” “Hèn” là thế nào? Cứ căn cứ theo hoàn cảnh sử dụng của các ông trí thức loại này ở Việt Nam hiện nay thì theo tự điển tiếng Việt, trái (nghĩa) với “can đảm” (brave) không phải là “hèn” (coward) mà là “**hùa**” (conformed) chứ chưa phải là “sợ, nhát” (scared. afraid). Cả cuộc đời họ đã “hùa” theo CS phá hoại đất nước đến tận cùng, bây giờ vài anh cựu đảng viên CS (phần lớn đã bị thất sủng vì một vài lý do riêng nào đó!) ở cuối cuộc đời mới than thở, thốt lời tự thú qua vài cái “Hồi ký của một thằng hèn (hay thằng “hùa”?), “Tôi đã hết hèn (hay “Tôi đã quá ngu dần?”)... coi bộ không được ăn khách cho lắm!!!

Phải thẳng thắn công nhận là những người dân Việt có cái may mắn sống ở hải ngoại, nơi có môi trường thuận tiện hơn, nơi có nhiều tự do hơn để phát triển về giáo dục, tri thức, kinh tế và thông tin; phải có trách nhiệm đứng ra gánh vác công cuộc “diệt sạch (eradicate) cộng sản” để phục hưng đất nước chứ không thể trông cậy ở mấy ông trí thức tiến sĩ, giáo sư ở trong nước. Hiện nay Việt Nam có nhiều tiến sĩ thật; nhưng đại đa số các bác này được đào tạo từ một hệ thống giáo dục hạng bét trên thế giới thì khả năng của họ cũng thảm hại lắm!!! Đặc biệt nhóm “trí thức yêu nước” (còn gọi là chuẩn liệt sĩ) này rất nhạy cảm. Hơi động vào một tí là mấy bác ấy đã nhảy cẫng la toáng lên và phang vùn vụt lại ngay là “cái lũ đó (người Việt sống tị nạn ở hải ngoại) đã chạy theo liếm giày, ăn bơ thừa sữa cặn... của đế quốc.” Oái oăm thật đấy... Các bác đã nhạy cảm nóng tính mà lại hay dùng cái văn hóa “ếch ngồi đáy giếng” chán ghê! Nói cho được việc đấy chứ! Cứ cho là các bác có giàu tưởng tượng nhưng cũng phải thành thật nhìn thẳng để thấy dân Việt không kể gì sinh mạng cá nhân và gia đình bỏ chạy thoát ra khỏi chế độ CS sống đời tị nạn ở ngoại quốc không phải vì miếng “bơ thừa sữa cặn” hay thềm món “liếm giày đế quốc” đâu các bác ạ!” Các bác cũng biết thừa là ở ngoài nước Việt Nam không có ai bắt ai liếm giày cả; và cũng không một chỗ nào có “bơ thừa sữa cặn.” Tất cả thực phẩm thứ nhất phải đúng tiêu chuẩn mới đem ra bán được; thứ nhì phải có tiền mới mua được. Các bác nếu không tin thì cứ kiểm lại với con cháu của các bác đang gửi ra ngoại quốc học (du sinh) trên đồng tiền của nhân dân... hoặc là các bác hỏi ngay 2 ông thủ tướng chính phủ và 1 ông chủ tịch nhà

nước CSVN đã sang “thăm” Mỹ thì rõ (Không rõ các bác lãnh đạo này có phải đi kiểm giày mới hay bơ sữa cao cấp gì không?) Dân tị nạn CS kém nhất phải đi cắt cỏ thì cũng sống với đầy đủ quyền công dân được luật pháp bảo vệ ngày cũng như đêm (đó là chưa muốn nói các bác cắt cỏ lúc buồn buồn uống vào vài chai bia mà có muốn chửi tổng thống Mỹ, thống đốc tiểu bang, dân biểu quốc hội, cảnh sát... lúc nào cũng được chẳng ai dám động lên cái lông chân), vợ con các bác cắt cỏ mỗi người lái 1 ô tô riêng, gia đình các bác làm chủ 1-2 căn nhà, cơm no áo ấm quần áo mặc suốt ngày, con cái đi học đại học cả chứ không đến khổ như phải chạy xe ôm bữa đói bữa no đâu!...

Các bác tị nạn CS ở hải ngoại quan tâm về vận mạng của đất nước cho rằng con đường duy nhất phục hưng đất nước, đem lại thịnh vượng cho dân tộc là phải hoàn toàn lật đổ chế độ CS; lập một chính phủ đa đảng với các cơ chế dân chủ có quyền hạn và khả năng tự kiểm soát lẫn nhau (“check and balance”); và con đường diệt cộng này không đi đến đâu nếu không có sự tham gia của người dân trong nước... Nhưng đến nay, chỉ thấy có thất vọng. Thất vọng vì thấy là người dân Việt sống dưới XHCN bây giờ yêu đuối đến mức độ ngoài sức tưởng tượng: Cứ im lặng chịu đựng mọi sự bất công, kìm kẹp, cấm đoán, bắt bớ, kiểm duyệt của CS ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác; mà không tài nào có cách nổi dậy phản kháng, đòi hỏi nhân quyền... Chỉ vì đại đa số dân đen mỗi ngày phải quá bận tâm đến miếng ăn và sự an toàn của bản thân và gia đình. Chỉ vì hôm nay, có trên 50% dân số Việt Nam sinh sau ngày 30/4/1975; mà ngay từ lớp 1 (nếu may mắn được đi học!) họ đã được CS dạy cho quên đi quyền công dân của mình; ngay từ lớp 1 (không đi lớp học cũng không sao!) họ đã được “học tập và sống theo gương đạo đức của HCM (?)” và phải học cách sống cho quen với cái bụng đói của mình (qua loa phát thanh của phường). Thực tế đã cho thấy dân trong hoàn cảnh tâm trí bị dồn ép đầy ắp các giáo điều tai hại của CS quốc tế mà thể xác lại suy dinh dưỡng, nhu nhược. Dân đã quá đói rách mà lại thiếu hoặc không có cơ hội đoàn kết nào thì có muốn phản đối CS cũng không được; Chỉ rên rỉ than vãn, cầu trời may ra... Tất cả vấn đề khó nói khó làm này tựu trung ở yếu tố quyền lực: Đảng CS là đảng chính trị hợp pháp duy nhất nắm hết mọi quyền hành một

cách tập trung; Đảng vừa là quốc hội lập pháp, vừa là chính phủ hành pháp trung ương và các ủy ban nhân dân (?) thành phố, phường, tỉnh, huyện; vừa là tư pháp với hệ thống “toà án nhân dân” do đảng viên “xử lý”... đồng thời đảng chỉ huy cả quân đội, công an mật vụ cảnh sát; giữ quyền ban phát ân huệ kinh tế; sai khiến tôn giáo; kiểm soát thông tin báo chí văn nghệ, tổ chức lễ hội, mít tinh... Đảng đã to mà lại nhiều tay nhiều tài đến thế... Thử hỏi là người dân có cái quyền và lực gì? dựa vào chỗ nào? để có thể nói lên nguyện vọng của mình.

Ai cũng thấy lý tưởng cộng sản hôm nay chỉ còn viết trên nghị quyết, công hàm, diễn văn, khẩu hiệu băng rôn, pa-nô và in khắc trên các cặp còng số 8 thôi chứ cứ nhìn cấp lãnh đạo CS (và con cháu họ) thì thấy các hình ảnh hoàn toàn trái ngược hẳn với giáo điều, cương lĩnh của chủ nghĩa vô sản mà họ cổ võ. Họ có vợ lớn vợ bé con cháu đông lắm (vô gia đình?); giàu có (vô sản?) vì tha hồ vơ vét cưỡng đoạt tài sản mồ hôi nước mắt của dân chúng, lũng đoạn tài nguyên của quốc gia đồng thời công khai bày tỏ lòng thờ kính Phật Chúa (vô thần?), tin phong thủy tử vi... mới là thật nghịch lý... Lần về thăm Việt Nam, gặp lại một số bạn cũ, họ hàng là đảng viên CS; khi thử nhắc đến vấn đề “học tập tốt, lao động tốt” thì anh nào cũng cười một cách nhạo báng... lý tưởng CS và đạo đức HCM chỉ là vải thưa còn che mắt được ai?

Nhiều người dân luận ra là: “Nếu mình không đủ sức chống lại nó; thì phải chấp nhận chung sống với nó thôi!” (If you can not force it; then fit it!) Chẳng những chấp nhận chung sống mà còn phải miễn cưỡng nuôi sống nó dài dài!!! Con đường duy nhất để sống, để sinh tồn là làm mọi cách gia nhập đảng CS... bởi vì sau này nếu muốn xin xỏ cái gì thì là đảng viên cũng dễ dãi hơn... thế thì tội gì không gia nhập??? Vì vậy vấn đề “Việt nam là con bệnh hết thuốc chữa” là ở đây.

Tôn giáo lớn với tổ chức có sẵn như giáo phận, nhà thờ; giáo hội, chùa, tổ đình... sẽ là nơi lý tưởng tập hợp được sự phản kháng của dân. Tôn giáo dường như sẽ là 1 giải pháp tốt nhất mà dân có thể nương tựa vào để từ đó xây dựng sức mạnh đối lập; để dần dần tiến đến 1 phong trào “toàn dân nổi dậy” lật đổ chế độ CS. Lịch sử

Việt Nam cận đại cho thấy chính phủ Ngô Đình Diệm tương đối khá mạnh mà chỉ dựa vào Phật giáo thôi đã bị chấm dứt một cách bi thảm... Trong khi CS hiện nay phải đương đầu với sự phản kháng khá rộng rãi của cả 4 tôn giáo lớn ở Việt Nam cùng 1 lúc: Phật giáo, Công giáo, Tin lành và Hoà hảo; thì hệ quả bi thảm sắp dành cho lãnh đạo CS chắc chắn sẽ gấp 4 lần bi thảm mà chính phủ Ngô Đình Diệm đã lãnh đủ... CS gian ác đánh hơi được mối nguy nếu phải đối đầu với sự tập hợp và chống đối của tôn giáo, CS đang nỗ lực một mặt ra lệnh bắt bớ giam cầm, bịt mồm, loan tin thất thiệt lăng mạ uy tín các lãnh đạo tôn giáo, một mặt ngày đêm gài người (dùng một số cán bộ công an CS làm sư và linh mục quốc doanh) để cố tình lũng đoạn các tổ chức tôn giáo; ngăn chặn bằng mọi giá sự nổi dậy của dân qua ngõ tôn giáo...

Ngoài ra 1 khủng hoảng kinh tế (chẳng hạn như một suy thoái kinh tế trầm trọng) hay khủng hoảng quân sự (chẳng hạn như chiến tranh toàn diện với Trung cộng - TC) thật lớn xảy đến cho Việt Nam lúc này cũng sẽ kéo theo sự sụp đổ của chế độ CS bởi vì CS không hề được lòng của dân... Nhưng sự khủng hoảng này khó có thể tiên đoán là sẽ xảy ra khi nào? Chờ đến khi nào? CS đang ở thế phải phục tùng thiên triều TC, thỏa mãn tất cả các đòi hỏi của TC để trước hết tránh chiến tranh trực tiếp với TC; một khác dùng TC như là lá chắn kinh tế trong trường hợp kinh tế Việt Nam sụp đổ. Vì vậy không lạ gì khi thấy lãnh đạo CSVN hoàn toàn bịt tai che mắt trước sự kêu gọi của toàn dân trong nước về việc để TC khai thác “bauxite” và lãnh thầu các công trình xây cất, kiến thiết ở Việt Nam hiện nay.

Trí thức Việt Nam không cần phải kêu ca là cảm thấy “hèn quá!” mà nên can đảm tiếp xúc với tôn giáo và nhân dân một cách tích cực để tỏ thái độ với đảng CS. Đã đến lúc không thể tiếp tục “hùa” với CS để hành động phản lại nguyện vọng chung của dân.

Không cần phải thật can đảm mà chỉ cần thật tình tin tưởng vào nhau là có thể làm cho CS xuống hố.

Chửi Mát Gà!

Lời giới thiệu:

Chúng ta, không ít thì nhiều, đã nghe qua những giai thoại về “chửi mát gà.” Bây giờ xin mời quý vị đọc bài sưu tầm của tôi để biết rõ và đầy đủ hơn về những câu chửi đầy “văn hóa” này. Chửi cho ra trò, chửi cho thành lớp lang, bài vở đàng hoàng phải dùng đến cả cả một nền văn hóa – gọi là “văn hóa chửi!” chứ không dễ gì mà tự nhiên biết được !!! Đừng tưởng, không phải ai cũng biết cách chửi!!!

TVG

*

Bản 1 – *(Bản này mang màu sắc Bắc Kỳ).*

“Làng trên xóm dưới, bên ngược bên xuôi, tôi có con gà mái vàng. Sáng nay tôi còn cho nó ăn, thế mà bây giờ nó bị mất! Ai bắt được thì cho tôi xin, nếu không trả thì tôi chửi cho mà nghe đấy... ấy... ấy!

Bố cái thằng chết đâm, cha cái con chết xia! Mày day tay mặt, mày đặt tay trái, nở ăn cắp của bà đây con gà. Này bà bảo cho chúng mày biết: Thằng đứng chiếu ngang, thằng sang chiếu dọc, thằng đọc văn tế, thằng bẻ cái hài, thằng nhai thủ lợn... Con gà nó ở nhà bà là con gà. Nó bị bắt trộm về nhà mày thì thành con cú, con cáo, con thành đanh mỏ đỏ, nó sẽ mổ mắt, xé xác ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con cái nhà mày đấy... ấy... ấy!

Mày mà ăn thì con gà nhà bà thì ăn một miếng chết một đũa, ăn hai miếng chết hai đũa, ăn ba miếng chết ba đũa, và ăn cả con gà đó sẽ chết cả nhà cả ở nhà mày.

Cha tiên nhân ông nội, ông ngoại, ông đại, ông khôn, đồng môn chi rể nhà mày nhá! Mày gian tham đã ăn trộm ăn cắp con gà mái nhà bà. Rồi ra, nhà chúng mày chết một đời cha, chết ba đời con, đẻ non, đẻ ngược, chân ra trước đầu bước ra sau, đẻ sót nhau. Chết mau, chết sớm! Chết trẻ, đẻ ngang nhá.

Bốn thằng cầm cờ xanh đứng đầu ngõ, ba thằng cầm cờ đỏ đứng đầu làng, đưa đám tang cả nhà mày ra đồng làng chôn đấy. Mày có khôn hồn, mang trả ngay con gà đó cho bà, kéo không bà đào mồ, quật mả cao tăng tổ khảo, cao tăng tổ ti, thúc, bá, đệ, huynh, cô, dì, tử, muội nhà mày đấy.

Hôm nay bà chửi một bài, ngày mai bà sẽ chửi hai lần liền. Bà chửi cho mày hóa điên, bà rửa suốt tháng liền miên không ngừng. Bây giờ bà mệt quá chừng, bà về com nước, nhớ đừng quên a... Muốn sống thì thả gà ra, lạy bà hai lạy, bà tha cho mày...”

Bản 2 – (*Bản này mang đầy bản sắc Trung kỳ - xứ Huế*):

“Cao tăng tổ dĩ, cao tăng tổ khảo, cố tổ gia tông cả ông, cả bà, cả cha, cả mẹ, chú bác, anh em, họ nội họ ngoại, xa gần ân ái, họ gái họ trai, dưới âm phủ đội mũ mà đi lên, trên thiên đàng xếp hàng đi xuống, bậy hầy vén mái tai, gài mái tóc, đặng chống tai lên cho rõ, chống cửa ngõ cho cao, chặt hàng rào cho thấp để mà nghe tao chửi đây này:

Tam canh mù đội, xóm hội xóm phường, xóm trước xóm sau, xóm trên xóm dưới, lư hương, bát nước, chiếu trải giường thờ, tau bói mả cha bay rung rinh như thuyền mảnh gặp sóng, tau nín như nín địt, tau dập như dập cứt mà bay cứ buời ra, bay chọc cho tau chửi. Tau chửi cho tan nát tông môn họ hàng cái quân khôn khiếp, cái quân vô hậu kế đội đã ăn của tau bảy con gà xám, tám con gà vàng. Bậy ăn chi mà ác hơn ác nghiệp. Bậy ăn bằng nôi đồng, bậy ăn bằng nôi đất, bay ăn lật đật, bay ăn ban đêm, bữa túi. Bậy ăn cho chồng bậy sợ, cho con bậy kinh, bậy ăn cho ngả miếu sập đình, cho mò cha bậy chết hết để một mình bậy ngồi đó bậy ăn. Đồ quân ăn chó cả lông, ăn hồng cả hột. Cái quân không sợ trời đánh thánh đâm, trời đánh thánh vật. Bậy ăn mần răng mà hết một chục rươi con gà?”

Bản 2 “bis” - *Và đây thêm một vài câu cũng với bản sắc của đất Huế để quý vị rộng đường “tham khảo”*:

“Cha cô tổ mùi đời cha bay. Bậy ăng chi mà ăng ác rứa? Bậy tham chi mà tham vô hậu rứa? Cứ sáng sáng mắc cái thóng, đứng bóng mắc cái niêu, chiều chiều mắc lẻ củi, túi túi mắc con gà. Điều dọi chi cho cam, một bày ba cong gà xám, tám cong gà vàng, rứa mà hăng ăng mất một cong, chừ đếm đi đến lại, coòng mùi một con. Bay ăng chi mà ăng vô hậu rứa?”

Hay là :

“Hôm qua tau mất con gà mái dầu khoang cổ. Hôm ni tau mất con gà mái nở khoang bông. Con mô bắt là gái trồn chúa lộn chồng. Thằng mô bắt là đàn ông ba đời đi ở đợ... Tụi bay hãy vén mái tai, gài mái tóc, chống cửa ngõ cho cao, chặt hàng rào cho thấp mà nghe tao chửi... Bay ăn cho chồng bay sợ, cho vợ bay kinh, bay ăn cho ngã miếu sập đình, cho mồ cha bay chết hết, để một mình bay ăn.”

Phần chửi thêm (Extra / Bonus) :

(Cách chửi văn minh hơn một chút, có thêm phần “tân toán học !!!”)

1-

“Tiên sư đưa nào bắt mất con gà nhà bà, gà ở nhà bà con công con phượng, gà về nhà mày thành con cáo con điều hâu.

Bố mày là A, mẹ mày là B, bà cho vào ‘ngoặc’ bà ‘khai căn’ cả họ nhà mày. Bà rửa mày ăn miếng rau mày ói ra miếng thịt, mày tắm trong ao mày chết chìm trong chậu.

Sau khi bà ‘khai căn’ cả họ nhà mày xong rồi, bà ‘tích phân n bậc,’ bà bắt cả hang, cả hốc, ông cụ ông nội, cả tổ tiên nhà mày ra mà ‘đạo hàm n lần.’ ”

2-

“Ái chà chà! Mày tưởng nuốt được con gà nhà bà là mày có thể yên ổn mà chơi trò ‘cộng trừ âm dương’ trên giường với nhau à.

Bà là trị cho ‘tuyệt đối’ hết cả họ chín đời nhà mày, cho chúng mày biết thế nào là ‘vô nghiệm,’ cho chúng mày không sinh, không đẻ, không duy trì được nòi giống nữa thì thôi.

Bà sẽ nguyên rửa cho chúng mày đời đời chìm đắm trong ‘âm vô cùng,’ sẽ gặp tai ương đến ‘dương vô tận,’ cho chúng mày chết rục trong địa ngục, cho chúng mày trượt đến “maximum” của sự ‘vô hạn’ tối tăm.

3-

“Tiên sư nhà mày, mày tưởng ngày nào mày cũng rình mò ‘tiệm cận’ hàng rào nhà bà là bà không biết đấy à? Bà là bà ‘giả thiết’ mày ăn cắp hơn hai chục con gà nhà bà, mày về mày vỗ béo để nhồi ‘đường cong’ cho con vợ mày, à... à... mày vẽ nữa đi, mày tô nữa đi. Mày tô, mày vẽ, mày nhồi cho đến khi ‘đường cong’ của con vợ mày nó nứt toác, nó gãy khúc ra, chọc xiên chọc xẹo đi, rồi đi lên đi xuống nữa vào, rồi có ngày con vợ mày sẽ hạ ‘vuông góc’ một mạch thẳng xuống ‘góc tù.’ ”

Phản phụ diễn:

Bây giờ, để cho câu chuyện chửi có vẻ “bình quyền, bình đẳng,” thử đổi lời chửi của “Bà Mát Gà” thành lời chửi của “Ông Mát Ngỗng” để nghe xem cái giọng chửi nó khác nhau ra làm sao nhé (???) :

“Tiên sư đưa nào bắt mất con Ngỗng vàng nhà ông, Ngỗng ở nhà ông là con công con phượng, Ngỗng về nhà mày thành con cáo con điều hâu.

Bố mày là A, mẹ mày là B, ông cho vào ngoặc ông ‘khai căn’ cả họ nhà mày. Bà rửa mày ăn miếng rau mày ói ra miếng thịt, mày tắm trong ao mày chết chìm trong chậu.

Ông ‘khai căn’ cả họ nhà mày xong rồi, ông ‘tích phân n bậc,’ ông bắt cả hang, cả hốc, ông cạy ông nội, cả tổ tiên nhà mày ra mà ‘đạo hàm n lần.’

Ái chà chà, mày tưởng nuốt được con Ngỗng nhà ông là mày có thể yên ổn mà chơi trò ‘cộng trừ âm dương’ trên giường với nhau à. Ông là trị cho tuyệt đối hết cả họ chín đời nhà mày, cho chúng mày biết thế nào là ‘vô nghiệm,’ cho chúng mày không sinh, không đẻ, không duy trì được nòi giống nữa thì thôi.

Ông sẽ nguyên rửa cho chúng mày đời đời chìm đắm trong ‘âm vô cùng,’ sẽ gặp tai ương đến ‘dương vô tận,’ cho chúng mày chết rục

trong địa ngục, cho chúng mày trượt đến ‘maximum’ của sự ‘vô hạn’ tối tăm.

Tiên sư nhà mày, mày tưởng ngày nào mày cũng rình mò ‘tiệm cận’ hàng rào nhà ông là ông không biết đấy à? Ông là ông ‘giả thiết’ mày ăn cắp hơn hai chục con Ngỗng vàng nhà ông, mày về mày vỗ béo để nhồi ‘đường cong’ cho con vợ mày, à... à... mày vẽ nữa đi, mày tô nữa đi. Mày tô, mày vẽ, mày nhồi cho đến khi ‘đường cong’ con vợ mày nó nứt toác, nó gãy khúc ra, chọc xiên chọc xẹo đi, rồi đi lên đi xuống nữa vào, rồi có ngày con vợ mày sẽ hạ ‘vuông góc’ một mạch thẳng xuống ‘góc tử.’ ”

Hình như là cái “âm điệu” chữ của mấy ông không “hay” bằng của mấy bà (?)

Xin tạm ngừng. Chữ đến cỡ này thì ai đó (?) đã lỡ “bung” con gà (hay ngỗng) về xài tạm (vì sợ làm phiền những người hàng xóm rộng lượng, mất công bố thí !) thì cũng chịu thôi, đem gà trả lại để khỏi nghe, nuốt hồng dzô !!!

Như đã trình bày, đây chỉ là tiếng chữ của người bị mất gà. Còn những người bị mất chồng, mất con, mất nhà, mất đất, mất hết tài sản, mất hết cả tương lai hy vọng và mất... nước thì họ phải chữ như thế nào cho hả dạ???

Ngoài ra, tôi chưa “xiu lục” được (tìm hoài hông ra!) “văn hóa chữ” của người Miền Nam. Xin quý vị làm phước sửa sai và bổ túc thêm cho.

Hết ý kiến.

Văn hóa cạn chén!

*...Buồn như ly rượu đầy
không có ai cùng cạn;
Buồn như ly rượu cạn
không còn rượu để say...
("Buồn" – Y vân)*

Ngoài cái tên tựa mà tôi tạm thời chọn cho bài này, “Văn hóa cạn chén” (the ‘bottoms-up’ culture), còn có muôn vàn tên từ phạm tục, bình dân giáo dục cho đến thi vị, bi tráng để gọi một vấn đề (hay một tệ nạn xã hội) - uống rượu: ăn nhậu, nâng ly, cụng ly, cạn ly, nhâm nha, lai rai, tiến tửu, nghinh tửu...

Cạn chén là một “bộ luật bất thành văn” duy nhất của xã hội Việt Nam hôm nay được áp dụng rất “nhất trí.” Từ cấp lãnh đạo nhà nước, cơ quan chính quyền cho đến xí nghiệp tư nhân, tiệc tùng ăn nhậu gần như là một nghi lễ bắt buộc khi tiếp quan khách cấp bậc nhà nước hoặc tiếp các đối tác thương mại... Không có ăn nhậu được hiểu là “không phải phép,” “không biết điều,” “không rượu không phải lễ (vô tửu bất thành lễ),” “khó chơi,” “chơi không vô...”

Lần đầu về thăm Việt Nam sau hơn 30 năm, khi tiếp xúc với thân nhân, bạn bè, người nào cũng than vãn là: “Cuộc sống quá khó khăn,” “Làm không đủ sống,” “Gạo châu củi quế...” nhưng tôi lấy làm ngạc nhiên khi nhìn thấy từ thành phố lớn cho đến thôn quê, từ đường phố lớn đông người chen chúc cho đến ngoại ô xa xôi vắng vẻ, từ nhà hàng sang trọng máy lạnh cho đến quán cóc xiêu vẹo lồi thoi nhếch nhác vỉa hè, khi chiều tối vừa lên đèn là đã đầy nghẹt khách nhậu!!! Tôi có đem chuyện “vô số các quán nhậu đầy khách” ra hỏi một đồng môn cũ hiện đang làm việc cho một ngân hàng ở Sài Gòn, thì người bạn này trả lời là:

“Ông nói đúng. Mỗi buổi chiều tan sở, có ít nhất 5 hay 6 nơi mời tôi đi nhậu. Tôi phải lựa chọn một chỗ ngon lành và tốt nhất để nhậu mỗi ngày. Mà nè! Ở thời buổi ‘đổi mới’ bây giờ, nói không quá, không nhậu không thể làm việc được; bởi vì các vụ làm ăn, trao đổi, ký kết, mọi quyết định quan trọng của cơ quan chính quyền cũng như cơ sở dân sự thương mại đều ‘xử lý’ không phải ở trong văn phòng; mà trên bàn nhậu!”

Trời đất! Ở Mỹ này, các nhà lãnh đạo chính phủ cũng như xí nghiệp tư hợp bàn và quyết định mọi chuyện khi đầu óc họ tỉnh táo, thông thoáng mà còn đôi khi còn bị sai lầm đổ vỡ; vậy mà ở nước ta “mọi quyết định quan trọng” đều xảy ở trên bàn nhậu khi các người can dự đều say khướt nôn ọe thì đất nước này sẽ đi về đâu? Có lẽ chỉ có một con đường rõ ràng nhất có thể nhìn thấy là sẽ xuống hố cả nước... xã hội mỗi ngày mỗi băng hoại hôi hám như những bãi ối mưa quanh bàn nhậu...

Cạn chén, cạn ly, ăn nhậu, hũ chìm, hũ nổi... đó là chuyện bình thường ở Việt Nam (!) Cán bộ có nhiều tiền, nhàn rồi không sợ mất việc thì nhậu đã đành; Anh thợ hồ cũng nhậu, anh xe ôm cũng nhậu; Có bằng đại học cũng nhậu, công nhân tép riêu cũng nhậu; Người dở người giỏi đều nhậu; Phụ huynh người lớn nhậu, các em tuổi học sinh bắt chước nhậu, không uống được mười phần (như bố) thì cũng được hai ba phần là tốt rồi; Chuyện nhậu không còn dành riêng cho nam giới “hữu phong” mà phụ nữ con gái cũng theo chồng, theo con, theo bạn nhậu quắc cần câu... Trên bàn nhậu thấy có mặt đủ mọi thành phần, mọi giới, mọi trình độ... và nhậu với mọi “lý do.” Bạn bè gặp nhau (không nhất thiết phải là lâu ngày và tại sao) là phải nhậu... nhậu “giao lưu,” nhậu “kết nghĩa,” nhậu “trước lạ sau quen...” Rồi đến các dịp ma chay, cưới hỏi, giỗ chạp, lễ hội, đại hội, hội nghị, đình đám, khởi hành, khai trương là phải có nhậu... Cứ nhậu trước rồi tính sau.

Ông Nguyễn Hiến Lê trong tập “*Hồi ký Nguyễn Hiến Lê*” đã kể chuyện một ngôi làng ở miền Bắc chỉ họp nhau đào một cái giếng nước nhỏ nhỏ thôi; vậy mà từ lúc bắt đầu khởi công đến khi hoàn thành giếng nước, dân làng đã tổ chức nhậu liên tiếp từng chạng một, đánh chén hết tổng cộng 42 con heo (?)... Thiệt tình văn hóa ăn nhậu của nước ta đã đến mức siêu đẳng.... Một hai ba cả nước chúng ta cùng nhậu, cùng nhau “liên hoan” một nghỉ cho tới ngày xuống hố một lượt cho tiện sổ sách... Chuyện đáng buồn là ở Việt Nam, nhậu còn được xem là một lợi thế thăng tiến trên đường công danh (?) Nhiều sếp lớn của cơ quan nhà nước cũng như xí nghiệp cần tuyển người “nhậu giỏi” để làm phụ tá giúp mình “uống” trong các buổi nhậu giao tiếp... hỡi thật!

Theo thống kê của Bộ Y tế Việt Nam (?) (dân tị nạn “phản động” ở hải ngoại nên biết là cái “Bộ chuyên môn” này đã có một lúc - những năm 1980's - nhà nước ưu việt của ta gọi là “Bộ Các Thứ Bệnh” cho nó “ăn theo” với “Xưởng Đẻ “ và “Nhà ỉa...” Sau đó vì bị dân chúng cười chế nhạo quá xá, nhà nước phải đổi tên lại cho “hoàn chỉnh” là “Bộ Y Tế”) mỗi năm cái quốc gia “ra ngô đã thấy anh hùng” tiêu thụ khoảng 350 triệu lít rượu, trong đó 90% sản lượng là rượu nấu thủ công. Nên biết danh từ “rượu nấu thủ công” để chỉ Rượu Trắng. Rượu Trắng còn được gọi nhiều tên khác nhau

như: Rượu Đê - rượu trắng nấu lậu trốn thuế được đem đi dẫu ở các bụi cỏ lau, cỏ năng, cỏ đế khi bị “Tây đoan” (một loại cảnh sát của thực dân Pháp chuyên đi bắt rượu lậu, hàng hóa lậu thuế) lùng bắt; Rượu Ngang – rượu lậu phải đi tắt về ngang để đem bán; Rượu Quốc Lũ – bán lậu như con cóc trốn lủi trong bụi, trái nghĩa cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng với “Rượu Quốc Doanh” của nhà nước...) Cứ tạm cho là thống kê của “Bộ Các Thứ Bệnh” (chắc chắn phải kể cả bệnh nhậu! và bệnh teo não!) nhà nước ta đúng thì trung bình dân tộc Việt Nam anh hùng tính đồ đầu từ già cho đến sơ sanh nốc cạn chai trên 3 lít rượu trắng mỗi năm (?) Úi chà chà! Thế có chết người không?

Không phải chỉ nốc rượu vào dạ dày là xong đâu. Uống rượu thì phải có “mồi” chứ ai mà uống rượu xong? Chẳng thế mà các tiệm nhậu, ở mọi nơi, mỗi ngày sáng chế ra thêm nhiều món thực đơn nhậu từ phong phú đến kinh hãi: “đặc sản” thịt rừng (nai, heo rừng, cá sấu...), thịt chuột, cóc, nhái, ếch, lươn, rắn, thỏ, đuông, cua đinh, bọ cạp... Rừng Việt Nam càng ngày càng ít đi vì bị tàn phá khai thác không luật lệ, không nương tay thì lấy đâu ra “đặc sản” “hương vị quê hương” cung cấp cho hàng hà quán nhậu mỗi ngày đều đặn như thế... Ai có đủ khả năng phân biệt thật hay giả? Mà đã không có ai kêu ca than phiền gì về chuyện “đặc sản” thật hay giả thì thắc mắc làm gì cho mất thời giờ nhậu quý báu... Cộng thêm các tên gọi “mênh mông tình dân” và “đậm đà thói đảng” như: “món ăn ba miền,” “nước mắt quê hương,” “thịt bò tùng xẻo,” “ngọc dương tiềm thuốc bắc,” “cá sấu hoa cà,” “cá kèo nướng mọi,” “sò huyết rang me,” “gà quay lu ketchup, “dụng bò nấu bia,” “ngầu pín xắt lát...”

Rượu bia làm gan, dạ dày, tim mạch, lục phủ ngũ tạng “banh ta lông” hết trơn hết trọi. Rượu làm thần kinh rối loạn, tâm thần như đang treo ngược trên cành cây - Không biết đầu mình đang đội trời hay đầu đang đội đất??? Đâu có ai buồn để ý đến hậu quả tai hại của việc uống rượu uống bia. Mới 30 tuổi đầu, giữa ban ngày ban mặt đã lăn đùng ra chết vì bệnh gan; hoặc đột ngột “tạ từ trong đêm” vì tim ngừng đập (“cardiac arrest”, hay là bị “thương mã phong?” Chỉ có trời biết). Rồi gia đình bõm nhậu quá cố đưa tin là bõm chết vì xui xẻo, trúng gió? (Gió “lào?”) Chưa tới 50 tuổi đã

“đột quy tai biến mạch máu não,” tàn phế vĩnh viễn. Đất nước còn trông mong vào sức lực và trí óc ở đâu ra để sản xuất, để thăng tiến giàu mạnh... Men rượu còn làm thay đổi cả cá tính con người, làm mất đi sự đàng hoàng, sự kính trọng. Rượu vào lời ra làm bạn nhậu gây gổ thanh toán chém giết lẫn nhau; Rượu gây xâm phạm tình dục, bạo hành gia đình (say rượu đánh vợ đánh con dã man, vợ chém chồng ...) tan hoang cửa nhà sau khi say xỉn; Chạy xe gây tai nạn lưu thông chết người cũng vì say xỉn...

Những tệ nạn này các thơ phú văn chương lãng mạn; những tập phim bộ, phim kiếm hiệp bi tráng đâu có nhắc đến... Thật vậy. Thơ nhạc lãng mạn đã tạo nên những hình ảnh nam nhi với thần thái hào sảng uống rượu như nước lã; khác hẳn đời sống thực tế của con người phàm tục say rượu, ói mửa, phờ phạc, mệt mỏi, mất hồn...

Đầu tiên hãy thử nghe ông thi sĩ Vương Hàn (xì thâu này chỉ là quan văn), trói gà không chặt, còn mơ ngủ ngay trong ban ngày trời sáng, của thời thịnh Đường (thế kỷ thứ 8 sau Công Nguyên) ca ngợi sự bi tráng của chiến sĩ uống rượu trước khi ra trận như sau:

*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngoạ sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.*
(Lương Châu Từ - Vương Hàn)

Dịch nghĩa nôm là:

*Rượu bồ đào cùng với chén lưu ly
Muốn uống nhưng tỳ bà đã giục lên ngựa
Say khướt nằm ở sa trường, bác chó cười
Xưa nay chinh chiến mấy ai trở về.*

Dịch ra thành thơ

*Bồ đào rượu ngát chén lưu ly
Toan nhấp tỳ bà đã giục đi*

*Say khướt sa trường anh chớ mĩa
Xưa nay chinh chiến mấy ai về.
(Trần Quang Trân)*

*Rượu bò-đào, chén dạ quang
Muốn say, đàn đã rền vang giục rồi
Sa trường say ngủ ai cười
Từ xưa chinh chiến mấy người về đâu
(Trần Trọng San)*

“*Xưa nay chinh chiến mấy ai về.*” Nhận xét này của ông Hàn gần sát sách luận gần đúng không cần phải bàn thêm. Bởi vì đi đánh trận khác xa với đi “shopping” hay đi dạo trong công viên. Trận mạc là chỗ tên bay đạn lạc chiến sĩ mất mạng dễ như không. Nhưng cái ông Hàn trói gà không chặt này không những đã xúi bậy mà còn có máu khô hài: “*Sa trường say ngủ ai cười.*” Ấy! Uống rượu say khướt rồi vào chui phòng đắp chăn ngủ với vợ còn có thể chết (xin đọc lại tai nạn “âm thầm tạ từ trong đêm!” ở bên trên). Chứ ra trận mà say rượu thì chết là chắc chắn chằm phần chằm. Quờ quạng nửa tỉnh nửa mê đi ngơ ngơ giữa lẫn tên mũi đạn thì không chết vì đạn của quân địch cũng chết vì đạn lạc của quân ta.

Bây giờ nghe ông danh sĩ thứ hai – nhà thơ Nguyễn Bá Trác – cũng lại ca nỗi niềm *bi tráng* (không hiểu sao “uống rượu” trong thơ phú cứ phải đi cặp với 2 chữ này nhỉ?) của chí sĩ tị nạn lưu vong thất thời qua bài “*Hồ Trường:*”

*Hồ trường, hồ trường
Ta biết rót về đâu?
Nào ai tỉnh...
Nào ai say...
Chí ta biết, lòng ta hay...
Nam nhi sự nghiệp ư hồ thi
Hà tất cùng sầu đối cỏ cây...*

(Hồ Trường – Nguyễn Bá Trác dịch thoát từ một ca khúc của Trung Hoa – tên là “*Nam Phương Ca Khúc*” - vào khoảng năm 1912)

Bài này đã làm những người yêu thơ rượu rất thích thú cái phong vị khảng khái mà bi tráng của kẻ sĩ vì vận nước phải dọc ngang trời đất (nói nôm na là đang sống đời tị nạn lưu vong) cho đến khi đã già lụ khụ, tóc bạc răng long (hay đầu hói răng giả) hết rồi mà vẫn bất đắc chí; mượn chai rượu (“*cognac*”) để than thở, giải buồn (?) với người đồng hương (cũng đồng hoàn cảnh thất chí...) Riêng cá nhân tôi cũng là dân tị nạn vượt biển, vì không biết uống rượu và cũng không phải thi sĩ cho nên đọc và thấy bài thơ bất hủ này có vài vấn đề:

- Thứ nhất “*Rót về đâu?*” Rượu thì phải rót vào chén hay vào ly hay cùng lắm là rót thẳng vào miệng chứ không thể rót lung tung được; coi chừng rót lầm vào mũi thì có đường sặc sụa chết bỏ!

- Thứ hai, “*Nào ai tỉnh, nào ai say?*” Đã tính chuyện đi cứu nước thì luôn luôn phải “alert,” tỉnh táo như con sáo sậu. Chứ cứ say túy lúy thì ngay bản thân mình còn chưa cứu được nói gì đến chuyện trọng đại cứu nước cứu dân...

Bây giờ quay trở lại vấn đề say xỉn ở trong nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa ta.... Cán bộ cao cấp nhậu say xỉn xong ngày mai đi họp đại hội đảng hay hội nghị tổng kết thành quả thì chắc chắn phải được việc rồi; chứ anh thợ bần cố nông thành trì cách mạng say xỉn mà ngày mai phải đi làm công việc lao động sản xuất bằng tay chân ở nhà máy; phải sử dụng máy tiện, máy cắt, máy cưa thì cơ hội được nghỉ hưu non (tất nhiên là không lãnh lương) rất cao! Kể ra, cán bộ giàu có dư ăn dư mặc hay dân đen vô sản khổ rách áo ôm đều say rượu khướt đảng nào cũng tiện cho nhà nước cả... Nếu tỉnh táo mạnh giỏi họ lại cắc có nghĩ ra việc phản tỉnh, nộp đơn xin bỏ đảng, đòi hỏi thêm quyền này quyền nọ, biểu tình kêu oan ăn vạ rất phiền toái làm mất mặt mũi đảng và nhà nước trước các con mắt của quan sát viên ngoại quốc. Mà làm cái quái gì phải ngăn cấm việc liên hoan, uống rượu cho mệt xác; Chỉ tỏ làm phương hại đến ý nghĩa của châm ngôn cao cả mà đảng và nhà nước ta đã hết lòng đề phát: “Độc lập, Tự do Hạnh phúc.”

Không hiểu lãnh đạo nhà nước sáng mắt hơn nghệ sĩ Văn Võ không chứ: Cái quang cảnh đời sống của dân càng khó khăn, dân

càng nhậu mút mùa lễ thủy không phải là dấu hiệu tốt đánh dấu sự thăng tiến của “Kinh tế thị trường định hướng XHCN” đâu! Dân phải uống rượu nhiều để giải sầu, để cố quên đi cái thực tế quá cay đắng mà họ không thay đổi được! Nước xã hội chủ nghĩa anh em vĩ đại Liên xô trước đây cũng có tỉ lệ dân đen nghiện rượu (volka) cao nhất thế giới vì cùng một lý do; không phải vì họ sống đầy đủ, ấm no hay “tự do hạnh phúc!”

Lãnh đạo cao cấp nhà nước đang bận tham những vợ vét; đang bận củng cố địa vị ăn trên ngồi trốc, tất tật tận dụng đời bố củng cố đời con, cha truyền con nối; và quá bận tâm đến việc ngăn chặn các cao trào của nhân dân đòi quyền dân chủ (còn có nhiều nhóm phản động đòi xin tí huyết của lãnh đạo đảng...) Cán bộ cấp địa phương một mặt thì thì bận sách nhiễu dân chúng, một mặt chu đáo tiếp đón các phái đoàn từ trên xuống... Ngoài ra, không hề thấy có một biện pháp hay phương án nào để cảnh giác, để làm giảm thiểu hay giáo dục tệ nạn ăn nhậu tới bến mút chỉ này? Mặt khác, các báo in, điện báo (“internet”), phim ảnh còn thi đua nhau giới thiệu, quảng cáo các món ăn chơi và nhậu nhẹt, rủ rê bọm nhậu gia nhập các hội nhóm (clubs) nhậu... Trên toàn quốc, các nhà máy bia, nhà nấu cất rượu “chính qui” cũng như “chui” mọc lên như nấm. “Cầu” nhiều thì tất nhiên phải có “cung.” Sản xuất không đủ thì cứ việc nhập cảng thêm rượu bia từ nước ngoài vào cho đủ. Uống rượu không đủ nồng độ (vì thường có nhiều rượu giả!) thì cứ cho thêm thuốc rây, còn sống... vào để uống cho ói ra mật xanh, cho “tím cả chiều hoang biên biệt...” mới đã.

Tóm lại, “Cách mạng vô sản vô địch” và tiếp theo là “Kinh tế thị trường định hướng XHCN” chỉ ban phát cho dân một thứ tự do duy nhất thật quý báu và ý nghĩa. Đó là “tự do ăn nhậu” (không cần biết là tiền lấy ra từ đâu để nhậu?)... Tương lai và hy vọng thì mù mịt, nhưng rượu lúc nào cũng có sẵn và đầy đủ: Rượu đế ngâm sâm nhung, tắc kè, bìm bịp, rắn hổ, rắn ngũ xà, rắn cừu xà, bao tử nhím, hải mã... tha hồ uống cho bổ dương, bổ thận, bổ... nhào!

Tái bút:

“Đừng bao giờ mong uống rượu để nhận chìm nỗi buồn; bởi vì buồn biết bơi” (People who drink to drown their sorrow should be told that sorrow knows how to swim – Ann Landers)

Năm Chó Nói Chuyện Chó

Chó là con vật sống gần gũi, trung thành với người nhiều nhất so với tất cả súc vật khác. Ngôn từ Việt Nam có nhiều tên để đặt, gọi chó. Ngoài tên thông dụng là chó, chó còn được gọi là cầu, cây, khuyển và một số tên khác do các dân nhậu chế biến ra như “mộc tồn” (mộc là cây, tồn là còn – cây còn nói lái là con cây), “cờ tây” (nói lái là cây tơ), “nai đồng quê” v..v.. Chỉ có Boác Hồ là người duy nhất có nhiều tên hơn chó -- Boác có hơn 130 cái tên và bí danh khác nhau!

Tự Điển phong phú của Việt Nam dành nhiều trang để liệt kê, mô tả những sự thể liên quan đến chó.

Trong tiếng chửi, chữ chó được dùng rất rộng rãi: Đồ chó, chó má, chó đẻ, chó chết, đĩ chó, đồ chó ghẻ ...

Trong giai đoạn đô hộ của thực dân Pháp ở Việt Nam, một số người Việt làm tay sai chỉ điểm cho người Pháp được dân chúng gọi là “chó săn.”

Về tiếng tỉnh từ và trạng từ liên quan đến màu sắc, chó được dùng để chỉ màu đen:”Đen như mõm chó,” “đen như cút chó,” “đen như chó thui” ...

Sự kém xui xẻo hoặc may mắn: “Đen như mõm chó,” “chó lê trôn,” “chó ngáp phải ruồi” ...

Những hành động hay cử chỉ có vẻ mạnh bạo và liên tục: “Quạt chả chó,” “như chó nấc” ...

Sự đi lại không mục đích: “Lang thang như chó mất chủ.”

Ăn nói cộc cằn vô phép: “Nói như chó cắn ma.”

Anh em cùng nhà tranh chấp hoặc dân cùng một nước có nội chiến: “Chó gặm xương chó!”

Về danh từ, chữ chó cũng dùng để dùng để chỉ hạng người nịnh bợ hoạt đầu, không lập trường, gió chiều nào ngả theo chiều đó: “Cỏ đuôi chó;” Chỉ người dâm dăng ba-mươi-lăm-con-dê: “Chó tháng sáu” (mùa mà chó “đi tơ” và sinh sản).

Nhiều địa danh cũng có cả chữ chó như: “Ngã Năm Chuông Chó” (trại Quân Khuyển cũ ở Gò Vấp), “đồi Chó Ngáp”...

Hiển nhiên, chó là một sinh vật rất cần thiết và hữu ích cho con người. Chó canh giữ nhà cửa không bị ăn trộm. Chó làm việc giúp nông dân chăn đuổi bò, cừu ở nông trại lớn. Với khứu giác đặc biệt, mạnh gấp 40 lần khứu giác người, chó giúp cảnh sát và quân đội trong vấn đề an ninh và an toàn công cộng như tìm ra chất nổ, ma túy bị che giấu ... giải quyết các vụ hình sự phạm pháp. Chó dẫn dắt người mù loà đi lại như người bình thường. Chó kéo các xe trượt tuyết chở người và vật dụng ở vùng Bắc Cực. Ngoài ra chó là thú vật được các nhà làm phim ảnh Hollywood yêu chuộng nhất so với các thú vật khác, Chó đóng góp rất nhiều cho kỹ nghệ điện ảnh, các chương trình truyền hình dài hạn, quảng cáo thương mại và các đoàn xiếc. Về phương diện thể thao, người ta còn bày ra trò đua chó giống như đua ngựa. Hằng năm, người Mỹ còn tổ chức thi đua chó đẹp nhất và chó xấu nhất. Chủ các con chó thắng các cuộc thi này lãnh các giải thưởng và lệ phí quảng cáo thương mại lên đến bạc triệu đô la.

Mặc dù chó là bạn hữu ích và trung thành của người. Chó lại phải chịu đựng nhiều sự ngược đãi, bắt công từ con người. Chó bị giết làm thịt! Thịt chó là một món nhậu rất được ưa chuộng ở Việt

Nam. Tôi nhận thấy ở đường phố Hà Nội cứ khoảng 100 thước là có một tiệm thịt chó! Dọc theo hai bên đường đi từ Hà Nội ra Chùa Hương (ở tỉnh Hà Tây), thỉnh thoảng lại thấy một đám thui chó khói bốc nghi ngút. Các đồng chí “đi-dép-lốp” nhìn thấy chó chạy ngang qua mặt là miệng đã chảy nước miếng rồi! Thịt chó cũng thấy bày bán như thịt heo, thịt bò tại các chợ của các quốc gia miền Đông Nam Á như Đại Hàn, Trung Hoa, Việt Nam, Thái Lan và Phi Luật Tân ...

Riêng tôi, không dám ăn thịt chó vì hai lý do. Thứ nhất, vì tôi thấy chó Việt Nam thường “*mãng dê ca ca.*” Thứ hai, các bạn học ban Thú Y từ trường Cao Đẳng Nông Lâm Sức Saigon nhấn nhủ đồng môn chúng tôi là:

“Chúng mày đừng ăn thịt chó. Tụi tao học và khám nghiệm chó thấy rằng chó mang bệnh lậu (*gonorrhoea*) rất nhiều; vì chó chơi bời, làm tình bậy bạ lộ thiên ngoài đường phố.”

Người Âu Mỹ rất quý chó và đối xử với chó một cách quá đáng dưới con mắt của dân Á Đông! Ở Hoa Kỳ, chỉ có 250 triệu dân mà họ nuôi gần 100 triệu con chó! Chó trên đất Mỹ sống và được chăm sóc sung sướng hơn đa số dân Việt mình ở quê nhà. Chó có bảo hiểm sức khỏe: đau ốm được đi bác sĩ, được khám răng, được chích ngừa bệnh tật. Kỹ nghệ đồ ăn cho chó rất to lớn ở Hoa Kỳ. Các siêu thị ở Hoa Kỳ phải dành hẳn cả một dãy kệ để bán đồ ăn đóng hộp hoặc đông lạnh với đủ các hương vị khác nhau cho chó. Chưa thấy có “*ca ca*” đóng hộp xuất khẩu từ Việt Nam! Tôi nghĩ là, tại Hoa Kỳ, chó không có cơ hội để được ném thữ “*ca ca.*” Chó Mỹ nếu đã ném “*ca ca*” rồi chắc là đồ ăn chó đóng hộp sẽ bị ế!

Ngoài dịch vụ y tế và dinh dưỡng dành riêng cho chó. Người ta còn thấy dịch vụ cắt tóc và tắm chó, “*bê-bi-sít*” chó, khách sạn chó, nghĩa địa chó ... Nhiều “*sur mẫu*” ở Mỹ khi lia đời còn để lại di chúc dành cả của cải cho chó? Thật là khó hiểu!

Người Âu Mỹ cũng lấy làm lạ là tại sao lại có chuyện người ăn thịt chó – hay nói cách khác là ăn thịt người bạn tốt (*man's best friend*) của mình? Tôi còn nhớ danh hề Paul Rodriguez, người Mỹ gốc

Puerto Rican, một chuyên gia chọc cười với các đề tài về chủng tộc (“ethnic jokes”) có nói:

“Có một anh chàng Việt Nam đi vào trong khu vực của tôi làm con chó của tôi hồi hộp quá xá! (*a Vietnamese guy came to my neighborhood; and my dog got nervous!*)”

Người Mỹ bản tính kỳ thị. Riêng cá nhân tôi, trong nhiều trường hợp, nhận thấy sự kỳ thị sinh ra từ lòng ganh tị, ác ý. Có lần có một người Mỹ hỏi tôi với ý khiêu khích miệt thị:

“Dân Việt Nam của anh ăn thịt chó phải không?”

Tôi trả lời:

“Tôi không phủ nhận chuyện đó. Tuy nhiên, ít ra dân Việt Nam biết thịt mình ăn là thịt chó; còn các anh ăn ‘hot dog’ có lẽ bố các anh cũng không biết ‘hot dog’ làm bằng thịt gì?”

Nhiều người Việt đã sống ở Hoa Kỳ mà vẫn chưa bỏ được sự "thèm thịt chó." Trước năm 1975, tôi có một ông bạn là sĩ quan Hải Quân được gửi qua San Diego - Hoa Kỳ để học về hành quân phối hợp thủy bộ. Ông bạn kể chuyện là số sĩ quan Việt Nam độ chừng 10 người mang cấp bậc từ Trung Úy đến Trung Tá. Tất cả đều sống trong trại lính. Hải Quân Mỹ có điều lệ là cấm không cho nuôi súc vật (“pets”) trong trại. Tuy nhiên, Quân Cảnh của trại lính Hải Quân Mỹ lấy làm lạ là khu vực doanh trại có "loong" đồ ăn chó đã dùng hết rồi vất trong thùng rác. Sau một thời gian điều tra, Quân Cảnh mới tìm ra là có một bố Thiếu Tá Hải Quân Việt Nam nghiền thịt chó. Bố này đi chợ siêu thị của Mỹ, thấy đồ ăn chó đóng hộp, tưởng lầm là "thịt chó đóng hộp!" mua về ăn lén lút cho đỡ thèm!!!

Chuyện thịt chó cũng được đề cập trong lịch sử. Ông Ích Khiêm, một danh thần dưới thời vua Tự Đức, có công dẹp giặc Tạ Văn Phụng và giặc khách Ngô Côn “đur đảng của Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Toàn lãnh đạo từ Trung Hoà tràn sang Việt Nam). Ông Ích Khiêm có lần dưng sớ xin hạch tội và cách chức một số quan nịnh thần ở kinh đô Huế. Nhưng lời thỉnh cầu của ông không được vua Tự Đức chấp thuận. Một hôm, Ông Ích khiêm

mời đám nịnh thần đến nhà ông ăn tiệc. Bữa Tiệc được bày lên mâm với 7 món thịt chó. Các nịnh thần có hỏi Ông Ích Khiêm:

“Thế hôm nay quan Tiểu Phủ cho chúng tôi ăn món gì đó?”

Ông Ích Khiêm chửi xéo:

“Bàn trên cũng chó, bàn dưới cũng chó, tất cả đều chó hết!”

Vào cuối thế kỷ 19, trong thời kỳ liệt cường vào xâu xé lục địa Trung Hoa, Đại Sứ Anh Quốc có tặng Từ Hi Thái Hậu, mẹ vua Quang Tự nhà Thanh, một con chó con để làm quà. Vài tuần sau, trong một buổi hội kiến khác, Đại Sứ Anh Quốc mới có cơ hội hỏi thăm Thái Hậu về con chó:

“Thưa Thái Hậu, con chó bây giờ ra sao? (*Your Majesty, how is the puppy?*)”

Từ Hi Thái Hậu trả lời:

“Nó ngon tuyệt vời! (*It was delicious!*)”

Úi chà! Thái Hậu đã đem con chó ra “tiềm thuốc bắc” và “hầu xực” mất rồi!

Tóm lại chó thật sự là một người bạn tốt của người. Có rất nhiều bài học mà con người nên học từ chó: sự trung thành không phản trắc, sự kính trọng không cãi lại chủ, sự kiên nhẫn chờ đợi chủ, sự làm việc chăm chỉ mà không than vãn, không yêu sách, đình công. Chỉ có duy nhất một cái “văn hoá” của chó, mà tôi nghĩ, chúng ta không chưa thể nào bắt chước được đó là mỗi khi gặp gỡ nhau, chó thường hay “hửn cửa hậu” của nhau để chào hỏi thay vì hôn hoặc bắt tay.

Năm Hại Nói Chuyện Thịt Heo

Trong đời sống hàng ngày, con heo được xem là tượng trưng cho sự tham ăn, tham của, lười biếng, xấu tính, đê tiện, dơ dáy, ăn và vơ vét tất cả mọi thứ dơ bẩn nhất... cái danh sách xấu xí này có thể viết dài vài trang giấy vẫn chưa đủ. Nếu chẳng may, một người bị một người khác gọi là “con heo.” Đây có lẽ là một cách chửi, một cách sự sỉ nhục tột độ – có nghĩa là người bị chửi bị đồng hóa với các tính xấu, đê tiện mà con người đã gán ghép cho con heo như đã kể.

Thịt heo trong vấn đề tín ngưỡng

Còn thịt heo thì sao? Thật là kỳ lạ! Không có một loại thịt thú vật nào có được cái đặc điểm mà thịt heo có! Thịt heo được hầu hết các tôn giáo lớn chiếu cố đến một cách đặc biệt; có lẽ đã từ vài ngàn năm rồi chứ không ít!!!

Hồi giáo có vẻ kịch liệt nhất về vấn đề thịt heo và ăn thịt heo. Kinh “Koran (Qur’an)” của Hồi giáo chẳng những giảng nghĩa dài dòng về sự độc hại của thịt heo mà còn liệt kê sự ăn thịt heo như một trọng tội phải tránh (chi tiết viết trong các lời giảng của các chương 2:173, 5:3, 6:145 và 16:115 của kinh Qur’an). Thí dụ, một lời giảng viết là:

“Allah (thượng đế của Hồi giáo) tuyệt đối cấm ăn thịt heo và huyết heo. Đối với kẻ nào cố tình bất tuân [ý nói kẻ cố tình ăn thịt heo!] Allah sẽ không thể tha thứ mà còn trừng phạt không thương tiếc [no mercy!!!]”

(Holy Qur’an 5:4)

Giáo lý của Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo giống nhau ở phần “Cựu Ước (Old Testament.)” Có một đoạn trong “Cựu Ước” viết:

“Vì heo [swine] là một loại thú vật dơ bẩn, chúng ta không nên ăn thịt heo và không bao giờ nên chạm vào thịt heo!”
(Deuteronomy 14:8)

Kinh thật! “Cựu Ước” đã không cho phép giáo hữu chạm vào thịt heo nói chi đến chuyện ăn thịt heo, cháo huyết, tiết canh lòng heo... Vì vậy người Do Thái không ăn thịt heo và không bao giờ nuôi heo. Một số đông người theo đạo Thiên Chúa giáo tin là lời giảng “cấm ăn thịt heo” này trong “Cựu Ước” chỉ nhắm vào người Do Thái mà thôi; Và những người theo đạo Thiên Chúa giáo tin là có lời giảng của thánh Phê-Rô (St. Peter) như sau:

“Đức Chúa Trời đã làm sạch [cleansed] các thú vật và cho phép con dân chúa được phép dùng ‘tất cả các loại thịt.’ ”
(Apparition of Peter on Acts 10:10-16 (?))

“Tất cả các loại thịt!!!” Có đúng như thế không??? Nên để ý là người Tây Phương rất ham chuộng thịt heo ‘Dăm Bông’ (“Ham, Jambon”) và thịt heo ba rọi (“Bacon”); nhưng chẳng thấy ai ăn “sandwich” với thịt chó, thịt chuột, thịt mèo, thịt rắn, thịt khỉ ...

Có nhiều tài liệu rất cổ về tôn giáo bình luận rằng trong thâm tâm, giáo hội Thiên Chúa giáo từ nguyên thủy thực sự cũng muốn duy trì việc cấm đoán ăn thịt heo như đã viết trong “Cựu Ước;” vì chính Đức Chúa Giê-Su đã có lần giảng là:

“Các con đừng bao giờ nghĩ là ta đến để loại bỏ (“destroy”) các điều luật của Đức Chúa Cha (như đã đặt ra trong “Cựu Ước”); mà ta đến để thi hành (“fulfill”) những điều luật của Ngài.”
(Matthew 5:17)

Trong các điều luật này phải kể cả chuyện “cấm ăn thịt heo (?)” như đã đề cập ở trên. Cũng từ các tài liệu nghiên cứu tôn giáo, có bài viết là Thánh Phao-Lô (St. Paul) đã tự ý rút, loại bỏ các điều răn về việc cấm giáo dân Thiên Chúa giáo không được ăn thịt heo

để làm vừa lòng người La Mã đang cai trị vùng Trung Đông vào thời điểm đó. Cũng nên biết thời đó, người La Mã rất thích ăn thịt heo!!!

Ngay cả trong xã hội Á Đông vốn dĩ thích ăn thịt heo như Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn, Nhật Bản ... Khổng Giáo cũng không khuyến khích việc ăn thịt heo. Trong “Ngũ Kinh (Kinh Thi, Thư, Lễ, Nhạc và Dịch)” (Book of Rites) Khổng Tử đã có lần nói là:

“Người quân tử không ăn thịt heo và thịt chó; bởi vì heo và chó cũng ăn thức ăn giống như thức ăn của người!”

Riêng đặc biệt Phật Giáo và Ấn Độ Giáo (Hinduism) khuyên răn giáo dân không nên ăn bất cứ một loại thịt nào. Đây là vì vấn đề giáo luật chung của Phật Giáo và Ấn Độ Giáo trong việc tránh sát sinh; chứ không riêng gì thịt heo hay thịt bò...

Thịt heo và vấn đề y tế, sức khỏe

Heo là một gia súc đặc biệt ăn tất cả mọi thứ từ sạch đến bẩn; mang trong cơ thể đủ các loại ký sinh trùng, vi khuẩn, vi trùng và bệnh tật. Bản chất thịt heo chứa đựng nhiều độc tố, sán (sán lá, sán sơ mít...) và mầm mống bệnh truyền nhiễm. Mặc dù những vấn đề tai hại về y tế sức khỏe này cũng thấy ở nhiều động vật khác, nhưng đối với thịt heo vấn đề tai hại có lẽ đáng được lưu tâm hơn hết; bởi vì heo ăn đủ loại thức ăn: cám, rác rưởi, sâu bọ, côn trùng... Bệnh Cúm là một trong các loại bệnh trầm trọng mà heo và người đều dễ mắc phải. Bệnh Cúm phát xuất và tiềm tàng trong phổi của heo (và người) vào mùa hè, rồi bộc phát mạnh mẽ trong các tháng lạnh của mùa đông. Ăn thịt heo, nhất là phổi heo “có rất nhiều trong dòi “xúc xích” (“sausages”) rất dễ bị mắc bệnh Cúm. Thịt heo chứa một số lượng “histamine” và “imidazole” rất cao. Các chất này gây ra các bệnh ngứa dị ứng; và là nguyên do gây ra sự tích tụ một số lượng “sulphur” rất cao ở các đầu gân (“tendon”), khớp sụn (“cartilage”)... Sự tích tụ “sulphur” này làm xung (viêm) các gân và sụn gây ra bệnh phong thấp (“rheumatism” và “arthritis”) rất phiền toái và khó chữa trị cho con người!!!

Ăn thịt heo còn dễ bị sạn mật (“gallstones”) và bịnh béo phì (“obesity”) bởi vì thịt heo có nhiều “cholesterol” và nhất là nhiều mỡ bão hoà (“saturated fat”). Thịt heo còn chứa nhiều giun, sán và trứng sán ở giữa các thớ thịt. Qua tài liệu khảo cứu về y tế của Liên Hiệp Quốc, người sống trong vùng “thích ăn thịt heo,” Á Châu chẳng hạn, tỉ lệ người có giun, sán rất cao! Loại giun, sán trong thịt heo rất nguy hiểm, có khả năng chui qua màng ruột và đi vào các bộ phận khác trong cơ thể và đến một giai đoạn nào đó sẽ sinh sản tràn lan! Giun, sán gây cho con người (và các thú vật ăn thịt sống nói chung) bịnh “Giun bao – round worm (Trichinosis).” Giun, sán và trứng sán rất khó nhìn thấy bằng mắt thường trong các dịch vụ kiểm soát thịt heo. Giun sán cũng không thể hoàn toàn bị giết qua các thủ tục biến chế thịt heo như làm “Dăm Bông (thịt xông khói),” “dồi xúc xích” hoặc xấy, phơi khô. Ngoài ra, thịt heo còn có hàng tá các thứ bịnh, vi khuẩn khác tai hại cho sức khỏe con người.

Con người dễ bị nhiễm bịnh khi ăn thịt heo bởi vì sự cấu tạo sinh lý học của heo cũng giống y hệt như của người. Theo sự nhận xét của các sắc dân thuộc các bộ lạc bán khai ăn thịt người, hương vị của thịt heo cũng y hệt như hương vị của thịt người (?) Trong các chương trình giáo dục thuộc ngành y khoa, người ta đã dùng các bộ phận của heo để mổ xẻ và dạy môn cơ thể học về người cho sinh viên Y khoa.

Không riêng gì chúng ta, những người ăn thịt heo, mà ngay cả ngành chăn nuôi heo để sản xuất thịt cũng phải thừa nhận rằng heo nuôi trong chuồng sạch sẽ và cho ăn thức ăn hợp vệ sinh như bột bắp, bột mì... thì heo chẳng những sẽ sản xuất ít thịt mà thịt lại có hương vị kém hơn là thịt của heo được nuôi ở trạng thái thật dơ bẩn hoặc thả lỏng cho ăn rác rến, côn trùng ... Bởi vì rác rến và các chất dơ bẩn có độ “nitrate” rất cao. “Nitrate” làm cho heo tăng trưởng nhanh, mau mập và cho thịt với nhiều hương vị thơm ngon(?) Tôi nhận thấy nhiều nơi ở Việt Nam và Mỹ Tây Cơ, nông dân dùng phân người để bón cây, rau làm tôi suy nghĩ không hiểu có phải việc bón phân người này cũng có cùng mục đích như để cho heo thông thả ăn rác dơ bẩn???

Đọc những tài liệu về thịt heo như trên không có nghĩa là chúng ta sẽ lập tức không ăn thịt heo kể từ ngày hôm nay; và cũng không ăn trái cây, rau củ sản xuất từ Việt nam hay Mỹ Tây Cơ. Nhưng có nhiều điều cần phải lưu tâm là chúng ta nên nấu hoặc nướng thịt heo cho thật kỹ; và rửa rau, trái cây cho sạch sẽ trước khi ăn. Nếu giữ được thủ tục nấu nướng như thế thì chúng ta cứ tiếp tục thưởng thức bánh canh giò heo, hủ tíu Mỹ Tho, nem nướng, cháo lòng hoặc bún chả Hà Nội với rau sống thoải mái.

Nhìn chung quanh những quốc gia Hồi giáo ngày hôm nay: đa số dân Hồi giáo có trình độ văn minh vào hạng thấp kém nhất trên quả đất (chủ yếu căn cứ trên tỉ lệ dân chúng bị mù chữ và điều kiện sinh sống). Họ thiếu hệ thống giáo dục hữu hiệu, liên tục phải đối phó với vấn đề nội chiến, chiến tranh khủng bố, chết chóc, nghèo nàn. Rõ ràng là sự lạc hậu và trình độ dân trí thấp kém của họ (dân Hồi giáo) một phần là do sự ăn uống, dinh dưỡng của họ đã thiếu mất món thịt heo, một món đầy đủ đạm tố (protein rất cần cho sự tiến triển của não!) và bổ dưỡng từ ngàn năm nay!!! (Cũng nên biết ở đây, dân Do Thái là một trường hợp ngoại lệ! Mặc dù không ăn thịt heo, nhưng vì người Do Thái có một văn hóa và tôn giáo rất đặc biệt, họ thông minh và văn minh hơn hẳn các giống dân khác).

Những người theo đạo Thiên Chúa hôm nay được phép ăn thịt heo bởi vì họ cho rằng các điều cấm đoán ấn định từ thời Gia-Cốp (Jacob) tổ tiên của người Do Thái trong “Cựu Ước” không có ảnh hưởng đến tín đồ Thiên Chúa giáo. Đức chúa Giê-Su cũng đã có lần giảng dạy con chiên của Ngài là:

“Không có gì đi vào miệng của con người làm cho con người dơ bẩn. Chỉ có những gì đi ra từ miệng người mới có thể làm con người dơ bẩn.”

(Matthew 15:10)

Tổ tiên Việt Nam của chúng ta cũng đã đồng ý là tất cả những sinh vật (ngoại trừ con người!) đang sống chung quanh chúng ta đều là thực phẩm trời cho cả!!! Cứ việc ăn nhậu tự nhiên thả dãn. Không có gì phải bận tâm!

Thịt heo và người Việt Nam

“Heo gạo là món ăn chính của người Việt Nam.”

Đây là một câu tiếng Việt mà ông thầy dạy học lớp tư của tôi ở trường tiểu học Trần Hưng Đạo - Sài Gòn (trường tiểu học Cầu Kho cũ) đọc cho đám học trò chúng tôi viết vào giấy trong bài học về sự chăm câu và cách xử dụng dấu chấm, dấu phẩy và nộp lên cho thầy sửa. Kết quả là 100 phần trăm học sinh viết sai. Câu viết đúng phải là:

“Heo, gạo là món ăn chính của người Việt Nam.”

“Heo gạo” không có dấu phẩy ở giữa được hiểu là thịt heo bịnh: Thịt heo có “gạo (ấu trùng của sán lá).”

Tiếng Việt thật quả là tài tình!

Thật vậy! Thịt heo là món ăn chính, là một nguồn chất đạm quan trọng cho mọi tầng lớp, mọi gia đình người Việt Nam. Thịt gà và thịt vịt thường không được dùng nhiều so với thịt heo vì giá cả thịt gà, thịt vịt mắc mỏ hơn thịt heo rất nhiều. Hoà hoãn vào ngày lễ lộc hay ngày trọng đại lắm người ta mới dùng thêm thịt gà thịt vịt. Lý do vì gà vịt rất khó nuôi dưới khí hậu khắc nghiệt của Việt Nam; và lợi tức đem lại cho nông dân từ việc nuôi gà vịt lại quá ít so với việc nuôi heo và bán thịt heo!

Ở Việt Nam, thịt heo là một biểu tượng không thể thiếu trong các ngày trọng đại như đám cưới, đám ma, lễ hội... Theo tập tục cổ truyền dân tộc, trong ngày cưới, đoàn tùy tùng của gia đình của chú rể đi đến nhà gái rước dâu phải được dẫn đầu bằng một con heo quay đỏ rực có hoa giấy cài hai bên tai trên một mâm đỏ (?) Con heo quay này sẽ được đưa lên cúng trên bàn thờ tổ tiên của nhà gái để tỏ sự kính trọng của nhà trai đối với gia đình nhà gái. Sau khi cúng bái xong, con heo quay được xẻ ra. Cái đầu (thủ) sẽ được đem đi biếu người được xem như quan trọng nhất trong làng hoặc trong họ nhà gái (có thể là ông Xã trưởng, hay ông cụ tiên chỉ của làng;) và cái đuôi (vĩ) được đem đi biếu người quan trọng thứ

nhì! (“Nhất Thủ Nhì Vĩ” theo quan niệm gọi là “xôi thịt” của làng nước ngày xưa!) Thịt heo còn là biểu tượng của sự phong phú, xung túc, may mắn và hạnh phúc.

Năm Con Heo và người tuổi Hợi

Theo tử vi Trung Hoa, trong 12 con giáp, người có tuổi “Hợi” là người lạc quan, nhàn hạ, không phải vội vã. Ít khi phải lo lắng về tiền bạc. Có thể là người không giàu có nhưng luôn luôn sống bằng lòng với những gì mình đang có, không bon chen mặc dù thực chất họ có rất nhiều nghị lực. Người tuổi “Hợi” rất thông minh nhưng phần lớn bị người khác hiểu lầm là hơi chậm hiểu (?) Trong trường hợp lâm vào cảnh khó khăn, cảnh khó xử, người tuổi “Hợi” mới có dịp chứng tỏ cho mọi người thấy cái tài “xử lý” độc đáo của mình. Người tuổi “Hợi” thường là người quyết tâm và ít chịu lệ thuộc vào người khác. Vì bản chất vui vẻ hoà nhã, thành thực, người tuổi “Hợi” là người bạn tốt có thể tin cậy được trong lúc lâm nguy. Về tình yêu, người tuổi “Hợi” được người khác yêu rất mau chóng vì người tuổi “Hợi” hiểu rất rõ ràng các phản ứng và ý muốn của “đối tượng!” Người tuổi “Hợi” không bao giờ phải lo là mình sẽ bị cô độc, ế chồng hay ế vợ! Người tuổi “Hợi” sướng nhì!!!

Bạn có biết Tổng Thống Tưởng Giới Thạch (Đài Loan,) Thủ Tướng Lý Quang Diệu (Tân Gia Ba) và Thống Đốc Arnold Schwarzenegger (California, USA) có cái gì giống nhau không? Không phải là họ đều làm quan lớn, mà cả 3 người đều tuổi “Hợi.” Thật lý thú.

Ngụ ngôn Năm Chuột

1- Cái bẫy Chuột – Chính bản.

Một con chuột nhìn qua vết nứt của vách tường và trông thấy bác nông dân cùng với bà vợ đang mở một cái hộp.

“Có lẽ là có đồ ăn gì đó trong hộp?” Con chuột tự hỏi.

Nhưng liền sau đó, con chuột hốt hoảng khi nó phát hiện trong hộp có một cái bẫy chuột.

Chuột ta bèn chạy ra ngoài vườn và la toáng lên:

“Có một cái bẫy chuột trong nhà! Có một cái bẫy chuột trong nhà!”

Chị Gà mái đang bới đất gần đó, cục ta cục tác, nghe vậy ngừng đầu lên nói rằng:

“Này anh Chuột. Đây quả thật là mối lo ngại ghê gớm đối với anh. Nhưng nó chẳng có phiền hà gì tới tôi. Tôi không thể nào bị vướng vào một cái bẫy chuột.”

Chuột bèn quay sang nói với anh Heo với một giọng lo âu:

“Anh Heo ơi! Có một cái bầy chuột trong nhà!”

Anh Heo ục ục tỏ ra thông cảm, trả lời:

“Tôi rất lấy làm tiếc cho cậu! Tôi cũng chẳng làm gì được; Nhưng tôi sẽ cầu nguyện cho cậu đừng bị vương bầy.”

Chuột hốt hải chạy tới bác Bò đang đứng đủng đỉnh nhai cỏ. Nó kêu lên:

“Bác Bò! Bác Bò! Có một cái bầy chuột trong nhà!”

Bác bò vừa nhai cỏ vừa từ tốn trấn an:

“Bác rất hiểu sự lo âu của em, nhưng bác cũng chẳng giúp em được gì!”

Chuột chán nản lảng lạng đi vào nhà. Lòng buồn thiu, một mình phải đối phó với cái bầy chuột tàn nhẫn của bác nông dân.

Thế rồi vào đêm kia. Có một tiếng động vang lên trong ngôi nhà của bác nông dân. Dường như đó là tiếng bầy xập. Vợ của bác nông dân vội chạy tới để xem cái bầy có bắt được con chuột nào không? Trong đêm tối, loạng choạng thế nào, bà vợ bác nông dân đã bị một con rắn độc cắn vào chân khi bà ta mon men tới gần cái bầy. Thì ra, cái bầy chuột đã xập vào đuôi một con rắn.

Bác nông dân vội vàng chở vợ vào nhà thương ở trên quận. Khi trở về nhà, bà vợ bác bị lên cơn sốt. Bác nông dân nhớ là ăn cháo có thể làm giảm cơn sốt; vì thế bác đã chạy ra vườn bắt chị Gà mái cắt tiết và mần thịt để nấu cháo nấu cho vợ ăn.

Thế nhưng bệnh tình của vợ bác vẫn không thấy thuyên giảm chút nào. Bạn bè và hàng xóm nghe tin đã tới thăm hỏi. Để thết đãi họ, bác nông dân đã chọn tiết anh Heo.

Sau nhiều ngày chống chọi với cơn bệnh, vợ bác qua đời. Vì họ hàng thân thuộc đến đưa đám rất đông, bác nông dân phải mổ thịt bác Bò để có đủ thức ăn đãi khách.

Luân lý của câu chuyện:

Một khi bạn nghe thấy ai đó đang gặp chuyện khó khăn; Mặc dù chuyện khó khăn của họ dường như chẳng “ăn nhập” gì tới bạn, thì hãy nhớ rằng khi một người trong chúng ta gặp nguy khốn, nghĩa là tất cả mọi người chúng ta đều có thể cùng gặp nguy khốn. Tất cả chúng ta đều là những người đồng hành trên chuyến hành trình mang tên “Cuộc Đời.” Hãy quan tâm đến những người sống chung quanh mình và cố gắng cùng giúp họ vượt qua cơn khốn khó. Đó cũng là tự giúp mình!

2- “Học tập cải tạo” – Bản cải biên.

Ngay sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Chính quyền CS bắt đầu kiểm điểm “ngụy quân, ngụy quyền” miền Nam và sau đó, vào tháng 6 năm 1975, CS đã bắt đầu kêu gọi “ngụy quân ngụy quyền” trình diện để đi “học tập cải tạo.” Anh Trung Úy lính “ngụy” cảm thấy lo ngại và nghi hoặc vì anh nghĩ ngay đến câu: “Đừng nghe những gì CS nói mà hãy nhìn kỹ những gì CS làm!” Tuy là lời kêu gọi “trình diện đi học tập cải tạo 10 ngày;” nhưng anh không hiểu CS đang có dự tính làm gì? Chuyện gì sẽ xảy đến cho anh trong những ngày sắp tới?

Anh lính “ngụy” lân la tìm đến nhà anh Tư xích lô, một cán bộ “30 tháng 4,” ở mãi tận cuối xóm để hỏi thăm; may ra anh Tư có thể giúp anh biết thêm điều gì đó về vấn đề đi trình diện học tập cải tạo. Bình thường thì anh Tư xích lô rất niềm nở với anh; vì gia đình anh lính “ngụy” vẫn thỉnh thoảng giúp đỡ gia đình anh Tư trong những lúc ngặt nghèo; lúc vợ con anh Tư đau ốm.

Anh lính “ngụy” nói một cách lo âu:

“Họ đang kêu gọi tôi phải đi trình diện học tập cải tạo anh Tư à! Anh có biết gì về vụ này không?”

Anh Tư tỏ vẻ không bằng lòng, lạnh lùng trả lời:

“Tôi là người của ‘cách mạng,’ không thuộc thành phần phải đi học cải tạo. Anh là sĩ quan ngụy quân, có nợ máu với nhân dân, được ‘cách mạng’ cho đi học cải tạo là may mắn lắm rồi, còn thắc mắc cái gì nữa?”

Anh lính “ngụy” cụt hứng, buồn bã đi về. Trên đường về nhà, anh lại nghĩ là có lẽ “xì thầu” chủ tiệm tạp hoá ở đầu ngõ cũng biết rõ hơn anh về việc học tập cải tạo vì cửa tiệm của anh ta thường có nhiều khách hàng ra vào. Anh sĩ quan lính “ngụy” ghé vào tiệm tạp hoá. Sau khi mua một ít tương chao, anh lính “ngụy” chào xì thầu và nói:

“Này xì thầu à! Họ đang kêu gọi đi trình diện học tập cải tạo. Xì thầu có biết gì về vụ này không?”

Xì thầu vờ giọng cười hề hề như thông lệ trả lời:

“Ngộ là người Hoa. Ngộ chỉ biết buôn bán. Việc học tập cải tạo đâu có ăn nhập gì đến ngộ. Ngộ không biết.”

Trong nỗi lo lắng hoang mang, anh lính “ngụy” chợt nghĩ đến Cha sở. Anh bèn tìm đến gặp Cha tại nhà thờ - nhà thờ mà gia đình anh vẫn đi lễ hàng tuần. Anh nói với Cha sở:

“Thưa Cha, họ đang kêu gọi con phải đi trình diện học tập cải tạo. Cha có dịp tiếp xúc với nhiều giáo dân của họ đạo. Cha có biết gì về vụ này không?”

Cha sở ôn tồn nói:

“Cha chỉ lo mục vụ, lo việc của nhà thờ, lo rao giảng phúc âm của Chúa. Cha không làm chính trị và không có dính líu gì đến quân

sự. Vì vậy Cha không quan tâm và không biết gì đến chuyện gọi đi học tập cải tạo! Tuy nhiên Cha sẽ cầu nguyện cho con đi cải tạo được suông sẻ, bình yên.”

Đến đây, anh sĩ quan lính “ngụy” đã hoàn toàn thất vọng và trở về nhà. Anh không còn có cách nào khác hơn là đi “trình diện học tập” ngày 27 tháng 6 năm 1975, chỉ đem theo người một ít quần áo đơn sơ và lương thực đủ cho “10 ngày!!!”

Mười ngày trôi qua. Rồi mười tuần lễ trôi qua... mà chưa thấy anh lính “ngụy” về nhà. Mọi người thấy có một cái gì đó không ổn đang xảy ra... Cũng vào tháng thứ ba sau khi anh lính “ngụy” đi trình diện học tập (khoảng 11 tuần lễ sau), tức là ngày thứ hai 22 tháng 9 năm 1975, CS đã thi hành chương trình rất kỳ cục nếu gọi là “chương trình bản cùng hóa nhân dân” cũng không quá đáng! Đó là chính quyền CS đã chơi một đòn ngoạn mục đầu tiên: “Ra lệnh đổi tiền (lần thứ nhất).”

Từ chiều chủ nhật 21 tháng 9 năm 1975, CS cho xe phóng thanh đi vòng vòng các khu phố yêu cầu đồng bào làm ăn buôn bán bình thường, đừng nghe “tin đồn thất thiệt;” và chờ đợi một thông cáo quan trọng của chính phủ. Ban đêm có lệnh giới nghiêm toàn thành phố và bộ đội canh giữ khắp nơi. Té ra đó là lệnh đổi tiền vào sáng ngày thứ hai cho cả miền Nam! Bỗng nhiên chỉ trong một ngày, tất cả dân miền Nam trở thành trắng tay, mất hết sự nghiệp. Chỉ có cái chính phủ kiệt xuất có một không hai trên quả đất này mới nghĩ ra được cái công thức tàn nhẫn như vậy: “Mỗi gia đình chỉ được đổi 200 đồng.” (Nên biết một đồng tiền “giải phóng” phải trị giá bằng 500 lần tiền “ngụy!”) Như vậy mỗi gia đình chỉ được đổi tối đa đến 100 ngàn đồng tiền cũ (tương đương với khoảng 100 đô la lúc bấy giờ! – một số tiền quá nhỏ cho mỗi gia đình). Chưa hết! Người đổi tiền chỉ được lãnh trước 10 ngàn đồng; số còn lại do nhà nước giữ dùm! Việc đổi tiền này được áp dụng ngay cả với các cơ sở thương mại và các hãng xưởng. Thiệt tình! Chỉ trong vài ngày (CS tưởng 1 ngày là đổi tiền xong, nhưng thực tế phải mất đến 5 ngày!) tài sản mồ hôi nước mắt của nhân dân tự nhiên không cánh mà bay mất sau lần đổi tiền tàn nhẫn vô tiền khoáng hậu này.

Anh Tư xích lô, cán bộ 30 tháng 4, vẫn cứ ngỡ là “cách mạng” sau khi thu góp tài sản của nhà giàu sẽ chia bớt cho anh một ít. Nhưng mơ tưởng đó vẫn chỉ là giấc mơ (chẳng hề thấy xảy ra). Anh chỉ thấy các cán bộ từ ngoài Bắc vào chiếm ngụ các căn nhà rộng lớn ngoài phố do người đã đi tản bỏ lại. Gia đình anh Tư vẫn sống ở trong căn nhà tôn tồi tàn trong hẻm. Hiện tại, không còn có khách khứa nào gọi anh chở xích lô đi đâu cả. Anh mất đi lợi tức nuôi sống gia đình hàng ngày, lâm vào tình trạng kinh tế rất bi đát. Anh vốn dĩ là dân vô sản, trong nhà chẳng có gì đáng giá đem ra chợ trời bán để kiếm ít tiền sống qua ngày. Gia đình anh Tư xích lô là những người đầu tiên dọn đi “vùng kinh tế mới” biệt tăm. Không ai biết số phận của gia đình anh sẽ như thế nào?

Sau vụ đòi tiền lần thứ nhất này, xì thầu với cái tài xoay sở, ngoại giao cố hữu; vẫn không giữ được của. Tài sản của xì thầu cũng mất gần hết sạch!

Cùng trong thời gian này, “cách mạng” đến thăm Cha sở tại nhà thờ. Họ nói cho Cha biết rằng “nhân dân” đã báo cáo với họ là ngoài việc Cha đã thiếu tinh thần sản xuất, Cha còn hợp tác với “giặc Mỹ xâm lược” bằng cách giảng những giáo điều “phản động,” “ru ngủ và đầu độc” tinh thần “chống Mỹ cứu nước” của nhân dân; phản bác chủ nghĩa “cộng sản vinh quang” là “vô thần, thiếu đạo đức...” Cách mạng “mời” Cha đi học tập một thời gian để cho Cha sáng mắt, sáng lòng; và ra lệnh cho Cha giao nhà thờ cho cách mạng “tạm” xử lý làm nhà kho chứa dụng cụ của các chương trình phát triển thủy lợi!

Ba năm sau, vào ngày 3 tháng 5 năm 1978, nhà nước CS làm thêm một chiêu ngoạn mục nữa: “Ra lệnh đòi tiền lần thứ hai” trước hết để vớt nốt số tiền của dân còn cất dấu được (do việc nhờ người nghèo đòi dùm lần trước), và sau đó để thống nhất tiền tệ hai miền Nam và Bắc Việt Nam (một đồng ngoài Bắc bằng một đồng thống nhất; nhưng một đồng “giải phóng” chỉ bằng 8 hào tiền thống nhất!!!) [1] Song song với các lần đòi tiền là các đợt đánh tư sản mại bản, tư sản dân tộc... đủ các trò ma mãnh để cướp, từng giai đoạn một, hết sạch tài sản sự nghiệp mồ hôi nước mắt của dân

chúng! Đến lúc này, dân đã thật sự hoàn toàn trắng tay, vô sản chuyên chính! Không có gì là lạ khi nghe nói có nhiều người mất hết của phải tự tử!

Lần lượt sau các tuyệt chiêu “đổi tiền, đánh tư sản...” này, mục tiêu “công bằng xã hội” mà đảng và nhà nước đề xướng đã tạm hoàn tất: “tất cả mọi tầng lớp nhân dân miền Nam đều trắng tay vô sản” - Kể cả xì thầu ở đầu ngõ. Câu hỏi ở đây là tất cả tài sản bị “đánh” không biết nó đi đâu? Cán bộ CS chẳng phải đổ mồ hôi lao động mà lại tự dựng giàu quá xá?!

Sau các màn đánh tư sản này, mặc dù xì thầu đã mất cửa tiệm tạp hóa, mất hết của nỏ rồi; nhưng có lẽ là xì thầu phải có của chìm? “Nhà nước” ta thật ưu việt sáng suốt đã có sẵn giải pháp lấy của chìm rồi: “Nhà nước cho phép các xì thầu được đi ra khỏi Việt Nam bằng cách đăng ký vượt biên ‘hợp lệ - chính thức’ (dĩ nhiên sau khi đã nộp hết tài sản, vàng lá...)” Xì thầu đành nộp đủ tài sản (chìm) còn lại và dẫn gia đình vượt biển “chính thức” không biết sống chết ra sao?

Luân lý của câu chuyện cải biên:

Luân lý của câu chuyện cải biên này cũng không có gì là mới mẻ. Tôi chỉ xin được phép viết lại và đồng thời thêm vài hàng kết luận:

1- Sau khi anh lính ngụy đi “học tập cải tạo” rồi, tất cả người dân ở lại đều điều đứng, khổ hơn con chó – từ chết cho đến bị thương – kể cả những anh chàng cán bộ 30/4 cho đến cán bộ mặt trơn giải phóng miền nam. Bây giờ, CS đang dự tính đổi tên đảng; vì tên “Đảng Cộng Sản” nghe như tự mình chửi bố mình: Cộng sản thì phải có đấu tranh giai cấp (?) và diệt tư sản (?) Đấu tranh giai cấp thế nào được khi xã hội Việt Nam chỉ còn có 2 giai cấp là cán bộ cộng sản (tức là bộ máy chỉ huy / chính quyền) và dân oan! Đánh tư sản thế nào được khi những người giàu có của bây giờ chính là cán bộ CS. Không lẽ tự mình đánh mình? Nghe không ổn chút nào!

2- Nhiều người tị nạn VN ở hải ngoại đang đứng đưng, thờ ơ trước những chương trình “văn hóa vận” của CS chẳng hạn như làn sóng xâm nhập của bọn CS trên các mặt trận văn nghệ, báo chí ở hải ngoại. Mọi người đang xem “cái bẫy chuột văn hóa” này là để dành cho người nhẹ dạ khác, còn mình làm sao mà vướng vào được! Hoặc họ giữ một thái độ tiêu cực là “đã có người phản đối, đi biểu tình hộ mình rồi; mình đâu có cần phải làm gì thêm!” Kết quả, càng ngày càng có nhiều chương trình văn nghệ với sự tham dự của các ca sĩ, kịch sĩ của CS tham dự; các báo chí viết bài ca tụng chế độ và lãnh tụ CS; các bài viết nghe rất quen thuộc (đã nghe, đọc nhiều lần trước năm 1975 rồi) theo kiểu “kêu gọi hoà giải dân tộc!” “Xóa bỏ hận thù...” mà các cán bộ trường kỳ mai phục của CS trước năm 1975 đã dùng!!! Cái bẫy đã xập một lần, máu đọng ở đó chưa khô mà hình như chưa đủ để thức tỉnh mọi người? Xin hỏi là phải cần bao nhiêu lần “xập” nữa mới đủ? Chúng ta chỉ sống một lần. Làm gì mà có cơ hội sống lại để học lại bài học ngu muội cay đắng đau thương của chính bản thân mình. Thiệt hết ý kiến!

3- Lại một lần nữa, “Một khi bạn nghe thấy ai đó đang gặp chuyện khó khăn; Mặc dù chuyện khó khăn của họ dường như chẳng “ăn nhập” gì tới bạn, thì hãy nhớ rằng khi một người trong chúng ta gặp nguy khốn, nghĩa là tất cả mọi người chúng ta đều có thể cùng gặp nguy khốn. Tất cả chúng ta đều là những người đồng hành trên chuyến hành trình mang tên “Cuộc Đời.” Hãy quan tâm đến những người sống chung quanh mình và cố gắng cùng giúp họ vượt qua cơn khốn khó. Đó cũng là tự giúp mình! [2])”

4- Cần ghi nhớ lại một chân lý không bao giờ thay đổi:

“Đừng nghe những gì CS nói; mà hãy nhìn kỹ những gì CS làm!”

Phụ chú:

[1] Lần đổi tiền thứ ba vào ngày 4 tháng 9 năm 1985: Đổi tiền cũ (tiền đang dùng) sang tiền mới theo giá 10 đồng tiền cũ bằng 1 đồng tiền mới!

[2] Ngày 6 tháng Giêng năm 1946, Mục sư Martin Niemoller (của đạo Tin lành - Lutheran) đã nói trong một bài diễn văn là:

“Khi Hitler tấn công người Do Thái; tôi không bận tâm vì tôi không phải là người Do Thái.

Khi Hitler tấn công người Công giáo; tôi không bận tâm vì tôi không phải là người Công giáo.

Khi Hitler tấn công người Nghiệp đoàn và Kỹ nghệ gia; tôi không bận tâm vì tôi không có chân trong Nghiệp đoàn.

Đến khi Hitler tấn công tôi và đạo Tin lành... thì không còn ai ở đó để bận tâm nữa!”

(nguyên văn)

“When Hitler Attacked”

When Hitler attacked the Jews I was not a Jew, therefore I was not concerned. And when Hitler attacked the Catholics, I was not a Catholic, and therefore, I was not concerned. And when Hitler attacked the unions and the industrialists, I was not a member of the unions and I was not concerned. Then Hitler attacked me and the Protestant church -- and there was nobody left to be concerned.

Rev. Martin Niemöller in Jan. 6, 1946 speech.

Như trâu...

Lời mở đầu:

Một quang cảnh thường thấy trong sinh thái người dân Việt là:

*“Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa”*

Trâu kéo cày dưới ruộng, trâu kéo gỗ trên rừng, trâu kéo xe trên đường lộ...

*

A- Chuyện (như) Con Trâu

Năm con trâu 2009 (“Kỷ Sửu”) sắp đến, giới viết lách (cả báo in và điện báo), theo như thông lệ, đã tốn khá nhiều giấy mực viết về con trâu... Nếu quý vị đã chán ngấy chuyện trâu thì có thể thông thả lật qua trang khác cho đỡ ngứa mắt; còn không thì... cùng nhau bàn chuyện trâu thêm một lần nữa nhé...

Con trâu đối với dân Việt, nhất là nhà nông (có đến 80% dân số), đã một thời là một thành viên của gia đình, là của cải, là kế sinh nhai, là cứu cánh, là “đầu cơ nghiệp,” là hạnh phúc, là hiện tại, là hy vọng, là tương lai... Tóm lại là tất cả những gì quý báu nhất của gia đình nhà nông. Hãy thử đọc lại cuốn “Con Trâu” của Trần Tiêu để thấy rằng gia đình nông thôn Việt Nam vật vã than khóc, xem sự việc một con trâu bị chết còn bi thảm hơn là chính bố mẹ, con cái trong gia đình bị chết... Vai trò quan trọng của con trâu đã quá rõ rệt...

Nhưng Việt Nam ở thế kỷ 21 đã bắt đầu đánh dấu sự “lúng túng,” sự “lo lắng” là đàn trâu Việt Nam giảm số lượng quá nhanh (cả tỉnh Tiền Giang bây giờ, năm 2009, chỉ còn vồn vẹn 377 con trâu?) Nguyên do của sự giảm số lượng trâu trầm trọng vì vấn đề cơ giới hóa trong việc cày cấy và việc ào ào giết trâu làm thịt nhúng dấm, tái chanh, lúc lắc... (vì thịt trâu ăn “mát” hơn thịt bò!) E rằng một ngày rất gần đây, con trâu Việt Nam sẽ biến thành loại động vật tương tự như “khủng long” của thời tiền sử và có lẽ sẽ chỉ còn thấy con trâu trong sách giáo khoa và viện bảo tàng! Bảo đảm là số lượng trâu bị biến mất dần dần sẽ xuất hiện đều đặn trong các báo cáo của ngành nông nghiệp trong các năm sắp đến! Hình ảnh quen thuộc thân yêu “con trâu đi trước cái cày” bao đời nay sẽ là hình ảnh tiêu biểu cho một nền nông nghiệp lạc hậu (!) của xứ sở nghèo đói (!)

Trước mặt chúng ta, con trâu có rất nhiều viễn ảnh “khuất bóng;” nhưng những hình ảnh và biểu tượng văn hóa mà con trâu để lại có lẽ sẽ mãi mãi trong tâm thức người dân Việt: từ tranh sơn mài đến bát phở; từ những câu ca dao mộc mạc đến bản tân nhạc giật gân được ưa chuộng, từ các địa danh “trâu” đến các chuyện huyền thoại về “trâu...”

Hình ảnh con trâu to kềnh càng, đắt giá, hiền lành, khỏe mạnh, cần cù... được dân Việt sử dụng để làm đủ loại tiêu chuẩn trong vấn đề mô tả, so sánh v.v...

Tuần tự hãy xem:

“Khỏe như trâu.” Công việc đồng áng rất nặng nhọc đâu có dễ dàng như đi “shopping.” Ở ngoài ruộng, bùn lầy hay lún, chỉ có sức trâu dẻo dai mới có thể cày được ruộng sâu (“Ruộng sâu, Trâu nái.”) Nên biết là bò cũng có sức kéo mạnh nhưng chỉ có “7 món” kéo trên mặt đất khô; còn ở ruộng có nhiều bùn lún, bò chỉ có nước rông lên không thể kéo cày được đâu đấy nhé!

“Ăn như trâu.” Trâu to lớn làm việc nặng thì phải ăn nhiều mới có sức. Mà kẻ cũng tội nghiệp! Trâu chỉ gặm cỏ dại chứ có đòi hỏi cao lương mỹ vị gì đâu mà con người phải than thở! Chưa nói đến chuyện bây giờ các đồng cỏ cho trâu gặm đã được lấy đi để xây khách sạn 5 sao, sân “golf!” Trâu muốn sống có lẽ phải ăn bo bo khoai sắn độn?

“Ngu như trâu.” Nhận định vội vàng này có vẻ lẩn sâu và thiên cận. Lẩn sâu là vì trạng thái gọi là “ngu, đần độn” người thường dùng để rủa ông Bò lảng giềng của trâu (“Ngu như bò”). Trâu là trâu; không phải là bò; cũng như người là người, không phải là khi... Thiên cận là vì người biết người mà không biết trâu. Trâu hiểu tiếng người – chẳng hạn người chăn trâu và người cày nói với trâu “hò rí,” “hò tắt,” “dí,” “thá” v.. v.. trâu đều hiểu cả. Trong khi người mù tịt chẳng hiểu tiếng trâu mà lại nói là trâu ngu. Ai ngu ở đây thì biết? Ngoài ra người cũng nên biết thêm là trâu còn có thể phân biệt cỏ non và mạ; và phân biệt được lúa (lúc chưa ra bông) và cỏ thường. Thỉnh thoảng trâu cố tình ăn mạ và lúa của người để tỏ thái độ đó thôi!

“Lỳ như trâu.” Trâu rất ghét người lảm điều. Trâu chỉ muốn nghe (“selective hearing”) vắn tắt những điều gì phải và ngay thẳng. Nhiều lúc trâu phải bỏ qua tai những chuyện trái tai gai mắt, chuyện nhảm nhí mất thời giờ nghỉ ngơi thì lại bị người gán ghép là lỳ! Bất đồng tình, bất đồng ý có đồng nghĩa với lỳ hay không? Rõ cố chấp, cực đoan!

“Béo như trâu trương.” Cái dáng kềnh càng bụng to của trâu là dáng tự nhiên trời cho lại bị người đời ví von, chê bai dè bừ! Tại sao kỳ cục vậy? Mục sư Martin Luther King đã từng nói là:

“*Đừng có phán xét con người qua hình dáng, màu da; mà phải phán xét con người qua tư cách*” mà lị. Con người hay con trâu thì cũng vậy thôi; có gì là khác biệt đâu? Nhiều người tư cách còn kém xa con trâu đã không biết ngưng lại còn bày đặt lên nước che bai trâu! Ít ra trâu cũng là con vật bình dị, mộc mạc, không bon chen đi hút mỡ bụng hay bỏ món ăn cỏ hàng ngày để đổi (“diet”) qua ăn củ xả, lá lốt, mỡ chài...!

“**Đàn gảy tai trâu.**” Rõ rệt là trâu đã bị hiểu lầm rất lớn về cái tiết mục văn nghệ văn gừng này. Chẳng qua là trình độ thưởng thức âm nhạc của trâu rất cao. Người đời đã gảy đàn dờ ọc mà lại muốn trâu khen là sao? Công lý ở đâu vậy?

“**Dai như trâu đá.**” Trâu bị bắt lao động suốt ngày không cho nghỉ ngơi; không cho đi buồng tắm thì chuyện “xả súp bắp” hơi lâu có gì mà phải ngạc nhiên. Ở Việt Nam bây giờ cứ vào làm việc cho hãng giày “Nike” là biết ngay. 8 tiếng đồng hồ làm việc mà “sếp” chỉ cho đi đi đá có một bận thì trách trâu đá dai là chuyện “phản động!”

“**Cút trâu để lâu hóa bùn.**” Câu chê bai này chứng tỏ rằng người chê chẳng những đã không hiểu tí gì về khoa học mà còn thiếu cả đạo đức (Chưa nói vội đến vấn đề chính trị rất phức tạp - bất công và kỳ thị). Khoa học đã chứng minh chăm phần chăm là bất cứ cút gì để lâu cũng dần dà hóa thành đất; hóa thành bùn cả; chả riêng gì cút trâu! “Nói đến (cút) trâu phải nghĩ đến (cút) người” chứ! Thấy một mà chẳng thấy hai!

“**Đầu trâu mặt ngựa.**” Cũng lại vấn đề chỉ xem qua nhan sắc mà đã cho điểm tư cách này coi bộ hơi tế nhị đó nghe. Đẹp hay xấu là tùy nơi người đối diện (“*Beauty is in the eye of the beholder!*”) Cứ bộ xấu trai là hồng lấy được vợ hay sao? Có người nào xấu đến nỗi phải ở giá đâu? Về khía cạnh nhan sắc, trâu không dám lên tiếng dùm cho ngựa; vì đó là đời tư riêng của ngựa. Còn về phần trâu, trâu mặc dù có cái mũi hơi to, sừng dài hơi quá khổ mà lại to to cong cong và sún vài cái răng cửa nhưng có trâu đực nào bị trâu cái chê xấu trai đâu mà con người phải cất công chê dùm... Rõ là rảnh hơi, rửng mỡ! Con người có tính tủn mủn nên cứ chê cho

được việc vậy thôi. Còn lúc ví von là “vú sừng trâu” thì là loại “vú xấu” hay “vú đẹp?” Nói sao cũng đặng. Ngoài ra, về nhan sắc, đôi khi phải nhìn lâu, nhìn kỹ mới thấy đẹp (“Trâu nhìn lâu thấy đẹp”). Thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên cũng đã đồng quan điểm với trâu trong vấn đề “nhìn” này qua bài thơ:

“... hãy nhìn anh thật rõ
trước khi nhìn đám đông
hãy nhìn sâu chút nữa
trước khi vào đám đông!...”
(Đám đông – Nguyễn Tất Nhiên)

...

B- Địa danh mang tên Trâu

1- Miền bắc:

Khoảng thế kỷ 15, Trần Thế Pháp trong sách “*Lĩnh Nam Trích Quái*” (trích lược các chuyện kỳ lạ ở đất Lĩnh Nam – Đất lập quốc nguyên thủy của dân Việt) có ghi câu chuyện cổ, huyền sử về địa danh miền Bắc Việt Nam liên quan đến con trâu như sau:

“Ngày xưa, đời thượng cổ, có Vương Chát đi đốn củi ở trong núi gặp hai tiên đồng đang đánh cờ. Hai tiên đồng cho Chát một hạt táo, Chát ăn khỏi đói rồi gác rìu mà ngồi xem đánh cờ. Tiên đồng bảo Chát: ‘Cán rìu của ngươi nát rồi.’ Chát cúi xuống, lúc ngẩng lên thì không thấy tiên đồng đâu. Kịp đến khi trở về nhà thì không còn gặp lại những người thân cũ ở trần gian nữa. Do tích đó người đời bèn gọi quả núi này là núi Lạn Kha (núi rìu nát) còn gọi là núi Tiên Du (núi chơi tiên) rồi nhân lấy tên ấy để đặt tên huyện. Ở huyện Tiên Du nay vẫn còn vết cũ. Núi Tiên Du có tinh trâu vàng nửa đêm thường tỏa ra ánh sáng. Có nhà sư lấy tích trượng yểm lên trán trâu, trâu vàng bỏ chạy húc vào đất làm sụp thành cái hồ.

Nơi này sau gọi là thôn Húc. Trâu chạy đến địa phận Văn Giang (là huyện cực Tây của tỉnh Hưng Yên), vì vậy ở đây có cái vũng

lớn gọi tên là vũng Trâu Đằm (*). Trâu chạy qua các xã Như Phượng, Như Loan, Đại Lạn, Đa Ngư. Các xã này sở dĩ tên như vậy là vì có vết chân trâu đi tới. Trâu lại từ trong bến ra sông Cái, đến Ninh Giang, đi men phủ Lý Nhân, theo ven sông Cái tới sông Tô Lịch, chỗ ấy chính là Tây Hồ. Người đời truyền tụng rằng Cao Biền giỏi thuật số, thông địa lý, thường cưỡi diều giấy bay trên không trung để yểm các nơi thắng cảnh. Biền thấy trâu đi vào hồ Dâm Đàm, nay là Hồ Tây (*), rồi thoát không thấy trâu đâu nữa. Trên đường trâu chạy, khắp nơi biến thành khe, ngòi, rãnh, lạch.”

(Thì ra cái vũng tên là “Trâu Đằm” ở tỉnh Hưng Yên có sự tích hẳn hoi chứ đâu phải là tên được phịa ra; và “Hồ Tây” rất thơ mộng ở Hà Nội còn có một cái tên nguyên thủy là “Hồ Dâm Đàm” (có nghĩa là chỗ nói chuyện dâm tâm bậy tâm bạ!) không có cái gì gọi là thơ mộng cả!*

2- Miền nam:

Có một địa danh mang tên Trâu. Đó là “Kinh Đường Trâu.” Câu chuyện sự tích như sau:

Địa phận (Huyện / Quận) Bình Minh thuộc tỉnh Vĩnh Long có một con kinh tên là “Kinh Đường Trâu.” Chuyện kể là khi xưa khu vực này có nuôi rất nhiều trâu. Trâu được lừa đi thành từng đàn cả ngàn con trên một con lộ bằng đất. Đường đất qua thời gian bị sức nặng của trâu đè xuống biến thành một con mương gọi là mương “đường trâu đi.” Dần dà, nước chảy soi mòn làm mương mở rộng lớn ra biến thành con kinh gọi là “Kinh Đường Trâu.”

C- Tuổi Sửu (Con Trâu):

Nhân dịp tết Kỷ Sửu, tôi xin ghi lại đây (bài tử vi lược trên mạng của Quý Cốc Tiên sinh) một vài đặc tính của người có tuổi con trâu. Xin mời quý vị quan tâm đọc cho biết rồi bỏ vì tôi thấy (rất chủ quan!) độ chính xác chỉ cũng chỉ tương đối khoảng 35 phần trăm thôi:

Mặc dầu chậm chạp cứng chắc như thế, tuổi Trâu không phải là con bò sữa ngoài đồng. Con vật khỏe mạnh này sinh ra đã là bậc lãnh đạo, đáng tin cậy, và có khả năng tự nhiên làm nên việc lớn.

Dầu vậy, tuổi Trâu chậm chạp và nguyên tắc - theo những dự toán từng bước một và không hề mất hướng. Thiên hạ thấy tuổi Trâu quá nghiêm khắc và khó nói nảm.

Phẩm tính bền chặt tự nhiên làm mất tình xả giao và trở thành ngưng ngập giữa đám đông. Tuổi này không màng tới người khác suy nghĩ ra sao mà chỉ thích làm điều gì họ nghĩ là tốt cho họ. Tuy làm mất lạnh nhưng tuổi Trâu cũng không tránh khỏi chịu đau lòng, cô đơn, và mất thân ái với người khác.

Bạn bè và gia đình là nguồn an ủi lớn lao cho tuổi này, ngay cả khi gia đình họ cũng không hiểu họ đã làm gì cho tuổi Trâu nổi sùng nữa.

Cứng đầu và độc đoán, tuổi Trâu có khuynh hướng càn lên, xông xáo, không biết thối lui. Nếu tuổi này bị dồn ép vào chân tường thì có nước là đất cũng phải rung chuyển theo!

Nói tóm tắt là tuổi Trâu không quan tâm đến chuyện bị dồn đẩy lắm, bởi vì tuổi này nghĩ là họ là người tốt trong thiên hạ. Lý thuyết này cũng đúng, bởi lẽ tuổi Trâu thông minh, đáng tin cậy, lo cho người, và đáng kính.

Nếu bạn cần lời khuyên chân thật, thẳng thắn và không thiên vị thì cứ hỏi tuổi Trâu.

Cái khó nhất cho tuổi Trâu là làm sao khắc phục mình khỏi phải tật thiên kiến đã khiến họ khó làm thân với người khác. Nếu tuổi này biết đánh giá những phẩm tính tốt của riêng mình, họ sẽ mở rộng tấm lòng ra để đón tha nhân vào.

Hạp: Tuổi Sửu hợp với tuổi Tỵ (con Rắn) và tuổi Dậu (con Gà).

Xung: Tuổi Sửu khắc / kỵ tuổi Thìn (con Rồng), tuổi Mùi (con Dê) và tuổi Tuất (con Chó).

(Tết Kỷ Sửu 2009)

Chuyện kinh dị đầu năm Cọp

Cao Hồ Cốt

Lời mở đầu:

*Tựa bài có lỗi chính tả? Dạ thưa quý vị, không phải đâu! Đích thị là “Cao **HỒ** Cốt” (dấu huyền) chứ không phải là “Cao **HỔ** Cốt” (dấu hỏi). Đây là câu chuyện “kinh dị” đầu năm Cọp có kèm một đề nghị về cách bảo quản xác “Bác Hồ” tiện lợi trăm bề: vừa tận dụng tinh hoa của tư tưởng và đạo đức của Bác, vừa tiết kiệm công quỹ nhà nước vừa tuân đạt theo phương châm mà Bác đã đề bạt về vấn đề sản xuất sao cho “nhanh bền tốt rẻ...”*

Trần Văn Giang

*

Không biết quý vị có để ý hay không, chứ tôi thấy, về thân thể, thành tích và tư cách đạo đức, con Cọp có rất nhiều điểm giống Bác Hồ vĩ đại của nhân dân ta; nhưng khi đem so sánh một cách kỹ lưỡng hơn thì Cọp còn kém xa Bác lắm đấy!

Cọp là con vật duy nhất được nhân dân ta gọi một cách kính cẩn là “Ông.” Tương tự như nhân dân ta dưới XHCN từ tuổi sơ sinh đến già sắp xuống huyệt đều gọi Bác Hồ kính yêu bằng “Bác” - Ngay chính bản thân Bác Hồ, khi mới từ hang Pắc Pó về thành sau “Cách mạng tháng 8” chỉ mới ngoài năm mươi tuổi đầu thôi (?) mà “Bác” đã tự ý hoan hỉ xưng “Bác” ngay cả với các cụ ông cụ bà nhân dân đáng tuổi cha chú (70-80-90 tuổi) của Bác rồi!

Về tên gọi, cũng giống như Bác, con Cọp là con vật duy nhất, tùy hoàn cảnh thời gian và không gian, có nhiều tên gọi (bí danh). Tôi đếm được trên dưới một tá tên để gọi Cọp như sau:

1. Cọp
2. Dân
3. Hồ
4. Hùm
5. Ông Hồ
6. Ông Hùm
7. Ông Mễnh / Mãnh
8. Ông Kễnh
9. Ông Mun
10. Ông “Cà Um” (gọi theo tiếng gầm của Hồ)
11. Ông Ba Mươi*...

*(*Riêng cái bí danh “Ông Ba mươi” có vẻ rất gần gũi với sự nghiệp “cắt mạng” - đồng nghĩa với “cách mạng” - của Bác vĩ đại. Tôi sẽ nói thêm chi tiết về “Ông Ba mươi” ở những dòng sau...)*

Phân tên Bác, Bác có trên 130 “Biệt hiệu,” “Bút hiệu,” “Bí danh” từ chữ Việt bình dân như “Ba bếp,” “Chín,” “Ông Lý...” đến tên chữ văn hoa như “Nguyễn Ái Quốc,” “Lê Quyết Thắng,” “Hồ Chí Minh...” đến hàng loạt tên ngoại quốc khó đọc (tên Tàu, Tây, Liên xô, Thái, Lào...) mà tôi xin lần lượt liệt kê ra đây theo từng giai đoạn lịch sử để quý vị đọc mà thấy tận thân luôn:

Ngoài 5 cái tên được nhân dân ta biết nhiều về “Bác” là:

- *Nguyễn Sinh Cung* (tên trên ghi giấy tờ hộ tịch ở làng Hoàng Trù, quận Nam Đàn, tỉnh Nghệ An)
- *Nguyễn Tất Thành* (tên gọi trong gia đình khi Bác lên 10 tuổi)
- *Anh Ba* (tên gọi của Bác lúc làm phụ bếp ở trên tàu buôn của Pháp tên “Amiral Latouch-Tréville” khi Bác ra đi tìm đường cứu nước năm 1911 ở bến Nhà rồng Sài gòn)
- *Nguyễn Ái Quốc*

- *Hồ Chí Minh.*

Sau đây là bảng tóm tắt tạm đầy đủ các tên (gọi) của Bác

Tên gọi - do gia đình đặt khi còn ở nhà (từ trước năm 1911):

1. Nguyễn Sinh Côn
2. Nguyễn Sinh Cung
3. Cậu Công
4. Nguyễn Tất Thành

Tên gọi - “Bút hiệu” trong thời gian Bác đang “đi tìm đường cứu nước?” (1919 – 1924):

5. Văn Ba
6. Paul Tất Thành
7. Nguyễn Ái Quốc
8. Nguyễn A. Q
9. Chú Nguyễn
10. N. A. Q
11. N
12. A.P
13. Ký Viễn
14. S Chon Vang
15. Cheng Vang
16. Trần Vương
17. Ai Qua Que
18. Nguyễn Hải Khách
19. Lý Thụy

Tên gọi - “Bút hiệu” trong thời gian Bác làm việc cho “Quốc tế cộng sản” đến trước khi Bác về nước (1941):

20. N. A. K
21. Ông Lý
22. L. M. Wang
23. Vichto
24. Paul

25. Nilópski
26. Ho Wang
27. Trương Nhược Tường
28. Vương Sơn Nhi
29. Vương Đạt Nhân
30. Lonis-Berlin
31. Loa Roi Ta
32. Thọ biệt hiệu là Nam Sơn
33. Chín
34. Thầu Chín
35. Chính
36. Nguyễn Lai
37. Lý Tín Tông
38. Trần
39. Lê
40. Pan
41. Lý Hồng Công
42. Tiết Nguyệt Lâm
43. Howang T.S
44. Wang
45. A.P
46. N.K
47. N. Ái Quốc
48. Nguyễn
49. H
50. T
51. Loa Shing Lan
52. Victo
53. Vector Lebm
54. K.K.V
55. Line
56. LW Vương
57. T.V.Wang
58. V
59. Quac
60. E
61. K
62. Jeng Man Huân

63. Lan
64. Thiếu tá Hồ Quang
65. Ông Trần
66. Đồng chí Vương
67. P.C.Line
68. Bình Sơn
69. Nguyễn A.Q
70. Ng A.Q
71. Ng. Ái Quốc
72. N.A.Q
73. N.
74. A.N
75. P.C. Lin
76. P.C. Line
77. Line
78. Đi Đông
79. Tống Văn Sơ

Tên gọi – “Bút hiệu” Bác dùng từ sau năm 1941:

80. Thu
81. Già Thu
82. Thu Sơn
83. Ông Ké
84. C.M Hồ
85. Bác Hồ
86. Bok Hồ
87. Cự Hồ
88. Bung Hồ (Anh Cả Hồ)
89. Q.T
90. Q.TH
91. Lê Quyết Thắng
92. A.G
93. X.Y.Z
94. G.
95. Lê Nhân
96. Lê
97. Lê Ba

98. Lê Nông
99. Lê Thanh Long
100. L.T.
101. T.L.
102. T.Lan
103. Tuyết Lan
104. Thanh Lan
105. Đin
106. Tân Trào
107. Đ.X
108. C.B
109. V.K.
110. K.C.
111. C.K.
112. Trần Lực
113. C.S
114. Chiến Sĩ
115. Chiến Đấu
116. La Lập
117. Nói Thật
118. Thu Giang
119. K.V.
120. Thu Giang
121. Trâm Lam
122. Luật sư TH. Lam
123. Nguyễn Kim
124. K.O
125. Việt Hồng
126. Bé Con
127. Xung Phong
128. X.L
129. T.L
130. Một Người An Nam
131. Một Người Bạn
132. Hy Sinh
- 133. ?**

Còn ai trồng khoai đất này! Vâng ạ. Cái tên thứ 133, cũng là tên “ăn khách” nhất, tất nhiên phải là Hồ Chí Minh, do Bác tự đặt từ sau năm 1941.

***Ghi Chú:** Bảng danh sách này được ghi chép lại theo website “Đảng cộng sản Việt Nam.”*

Nói về con đường “cách mạng” (giới bình dân vô sản đọc là “cắt mạng” - killing, murdering) thì thành tích của Bác đã trội hơn Cọp rất xa: Bác đã “Cắt” (“Cách”) không biết bao nhiêu là “Mạng” của nhân dân mông muội, vô can mà lỗ lạng quạng vô tình đứng cản bước đường “Kách mệnh” của Bác. Bác gọi cái đám đồng bào bị Bác “cắt” này là “bọn phản động.” Cọp thì ngược lại, trong suốt cuộc đời Cọp nếu may mắn chưa bị lọt bẫy đưa vào sở thú, hay bị bắt đem đi nấu “cao hổ cốt” may ra “cắt” chỉ độ vài “mạng” người là cùng (cũng chỉ tại vì săn mỗi thú rừng mãi không ra, đói quá chịu hết nổi??? Chứ liều mạng bỏ rừng rồi lân la vào làng kiếm thịt người để bị thành “cao hổ cốt” lắm!)

Về vấn đề nghề nghiệp sinh sống, nghề của Bác sáng giá hơn Cọp rất rõ ràng. Cọp chỉ có mỗi một nghề “bán thời gian” (“part-time job”) là săn mỗi ban đêm và một nghề “bán thời gian” khác là ngủ gật và ngáp vặt ban ngày. Trên đường đi “kiú” nước Bác đã từng lao động để sinh sống qua 3 món nghề:

- Nghề phụ bếp
- Nghề thợ ảnh
- “Nhân viên của đảng cộng sản quốc tế” (“International Communist Party Agent”)

Cái nghiệp “Agent” này phải kể là rất đáng đồng tiền bát gạo và mạnh giỏi nhất mà Bác đã sáng suốt lựa chọn. Xét ra, sau khi Bác nộp đơn cho Bộ Thuộc Địa Pháp xin vào học trường Hậu bổ, mà nếu nhờ ơn thầy phước chủ, được chính phủ Đại Pháp chấp thuận, và rồi đường công danh này (làm quan cho Tây) của Bác có thật hanh thông, thì may mắn lắm Bác cũng chỉ leo lên đến chức “Đốc phủ sứ” của chế độ bảo hộ là cùng; chứ làm gì mà vớ được cái

chức có một không hai “Chủ tịch nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà!”

Sống ở trời Tây, với đồng lương của cái hai nghề ngỗng rất khiêm nhường là phụ bếp và thợ ảnh, Bác không thành “ăn mày” (“homeless”) là giới rồi; nói chi đến chuyện xa xôi đi dạo vòng quanh quả đất: nay Paris, mai Luân Đôn, một New York, rồi Moscow, Quảng Châu, HongKong, Bangkok... (Hỏi có bao nhiêu dân tị nạn cộng sản sống ở hải ngoại làm nghề phụ bếp mà dám đi “world tour” dài hạn kiểu này???) Tôi ngồi quờn, làm thử một bài tính nho nhỏ cho các chi phí “du lịch - world tour” này thì tôi phải nghiệm ra là Bác Lenin vĩ đại (lãnh tụ CS nào mà chẳng vĩ đại? có lãnh tụ CS nào được gọi là lãnh tụ tí hon đâu nhê?) đã phải trả lương tháng cho Bác Hồ rất xộp... Chả thế mà trước khi chết, đang ngáp ngáp trên giường bệnh, Bác còn rảng sức thều thào bày tỏ nguyện vọng là sau khi mãn phần rồi Bác mong được gặp lại Bác Lenin - chứ chả thấy Bác nói năng gì về việc mong gặp lại tổ tiên ông bà cha mẹ của Bác... Đạo đức của Bác hơn người bình dân là ở chỗ này!

Về ngoại hình, Bác có gương mặt nhìn cũng hao hao giống Cọp: từ cặp mắt cho đến bộ râu, cái mồm... Hãy thử nhìn thẳng vào mắt Bác (trong ảnh) là thấy đủ ón da gà rồi... nhất là đối với các em bé gái mới nhớn chưa chồng. Nên biết thêm vào thập niên 1920, Phòng Nhì (Cơ quan An ninh Tình báo của Bộ Nội vụ) của Pháp thấy Bác quậy quá; đã lập một hồ sơ riêng để theo dõi các hoạt động của Bác. Trong hồ sơ này có lời phê viết tay (“hand written”) bàn qua về nhan sắc của Bác của tên trưởng Phòng Nhì ác ôn này là: “Phải coi chừng gã này! Hắn nhìn rất xấu xí với cái mồm lúc nào cũng mở.” (Nguyên văn dịch ra từ Anh ngữ: “Keep an eye on this guy. He has an awkward look with a mouth constantly open!”) Tương tự, khi phải nhìn thẳng vào mắt Cọp, ở nơi khác hơn là sở thú, thì có khác gì... hay không chừng có “khả năng” biến thành bữa lót dạ bằng “sushi” cho Cọp lắm.

Thể lực (physical strength) của Bác nếu đem so sánh với Cọp mới là chuyện đáng làm cho Cọp thấy bị mặc cảm “nhược tiểu.” Bước chân Bác tung hoành dọc ngang năm châu nhiều lần; trong khi Cọp

chỉ lạnh quanh lẩn quẩn xa lăm thì đến bìa rừng là hết phim. Bác lấy hết vợ Tây, đến vợ Liên xô, vợ Tàu, vợ Việt... mà trông Bác vẫn mạnh giỏi tráng kiện đầy sinh lực không thấy hề hấn hư hao gì (?) Tội nghiệp! Cọp cũng chỉ có cái ngữ khỏe mạnh võ biền chứ về vấn đề khả năng “giao hợp” (từ kép của XHCN cho 4 chữ “giao lưu và hợp tác”) với đám Cọp cái (female cats) thì có vẻ hơi khiêm nhường, dưới trung bình thua cả anh Dê núi (Sơn dương) cà từng...!

Ngày 30 (tháng tư năm 1975) các anh “bộ đội cụ Hồ” từ trong rừng ào ào xếp hàng một tiến về thành và tiện thể đưa cả đám cọp thành phố (quân, cán, chính VNCH cũ) vào khoảng 100 cái cũ trên toàn quốc Việt Nam nằm dài than thở ai oán:

*"Gặm một mối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua..."*
(“Hồ nhớ rừng” - Thế Lữ)

“Bộ đội” ta từ rừng về (ngày “Ba Mươi”) đã cùng nhau hát chiến thắng:

*“Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng
Lời Bác dạy thành chiến thắng huy hoàng.
Ba mươi năm đấu tranh giành toàn vẹn non sông,
Ba mươi năm dân chủ cộng hoà kháng chiến đã thành công...”*
(“Như có Bác Hồ trong...” - Phạm Tuyên**)

** Đồng chí Phạm Tuyên tài hoa này là con trai của Phạm Quỳnh –Nên biết Phạm Quỳnh là một trong những người quốc gia đầu tiên đã hân hạnh được Bác “cắt mạng” (năm 1945). Ông con trai cầu tự Phạm Tuyên phải thực sự thấm nhuần đạo đức của Bác ghê lắm mới làm ra được bài hát “chiến thắng 30 tháng 4” ca ngợi Bác thật bất hủ này!!!

Cả đám “bộ đội cụ Hồ” đã trở thành “Ông Ba mươi” (ngày và năm đều là “Ba mươi” cả?!) của thời đại; Từ năm 1975, Cọp bị tước đi mất cái danh xưng rất oai mà vua Gia long long trọng ban cho Cọp

từ thế kỷ 19. Hiển nhiên, Bác Hồ là “Bác” của tất cả các “Ông Ba Mươi” mới này, thì Bác phải oai hơn “Ông Ba Mươi” nhiều!

Thành tích của Cọp chỉ mới kể qua loa đến thế thôi mà nhân dân đã quý trọng, đã đem xương Cọp nấu cao để uống cho bồi bổ gân cốt, thể lực, chữa bá bệnh... trong khi Bác Hồ với thành tích và đạo đức to lớn hơn gấp mấy lần Cọp thế mà đồng chí Lê Duẩn và đảng ta đã làm trái lại lời di chúc của Bác, mời một toán y sĩ từ Liên xô sang “xử lý” xác Bác Hồ trong suốt 3 tháng, ngâm xác Bác trong “phọc môn” (“Formaldehyde”) cho đỡ thối, rồi đem lộng kiếng trưng bày trong lăng. Đã tốn kém vô kể mà chỉ để cho nhân dân xem xác Bác chơi cho vui thì thật phí của giờ (!) Phải chi đảng ta sáng suốt một tí, nếu đã làm trái ý di chúc của Bác rồi thì tiện thể làm cho ra trò: đưa thẳng xác của Bác cho các tay nấu cao “chui” chuyên nghiệp ở Lào cai thì thật tuyệt cú mèo.

Cũng nên biết thêm một chút về thủ tục nấu “cao.”

Một con cọp khoảng 200 kí lô sau khi “xử lý” trong 3 tuần lễ (khoảng 20 ngày) như sau:

- Róc thật kỹ cho hết phần da thịt, ruột, gân và rửa sạch xương (3 ngày)
- Phơi cho xương khô ráo (7 ngày)
- Đập cho nát bộ xương thành xương vụn (3 ngày)

(Đến giai đoạn này, trọng lượng bộ xương cân nặng độ 15 kí lô. Chủ lò nấu cao hổ cốt phải trộn thêm 15 kí lô xương Dê núi (Sơn dương) và xương khỉ cho thành ra 30 kí lô xương - Đây là công thức thương mại chung bất thành văn mà các chủ lò nấu cao phải “tuân thủ.”)

- Bây giờ xương được xếp vào nồi để nấu y như nấu nước lèo phở. Phải nấu mất 7 ngày 7 đêm thì xương HỔ mới thành “Cao Hổ Cốt” có phẩm chất. Trung bình một con HỔ cân nặng 200 kí lô (15 kí lô xương) sẽ cho khoảng chừng 6.5 kí lô cho đến 7 kí lô “cao hổ cốt.”

Giả dụ Bác Hồ cân nặng trung bình 50 kí lô (khoảng 1/4 trọng lượng Cọp) thì xương Bác có thể sản xuất được gần 2 kí lô (1.75 kí lô) “Cao **Hồ** Cốt.”

Lượng “Cao **Hồ** Cốt” quý báu này (gần 2 kí lô) nếu giao cho nhà nước bảo quản và phân phát dần dần cho các thành viên bộ chính trị để họ (pha rượu hay pha trà) uống thì tư tưởng, đạo đức và thể lực của Bác sẽ trọn vẹn đi vào thẳng trong huyết quản của các đồng chí lãnh đạo đảng và nhà nước, đỡ phải làm mất thời giờ, công quỹ học tập đi học tập lại tư tưởng, đạo đức của Bác... Đã tiện mà lại hiệu quả “đảm bảo” không rơi vãi ra ngoài đi một “gờ ram” nào. Như vậy thì tại sao trung ương đảng ta không làm, không nghĩ ra; mà lại đem xác Bác lộng kiếng thật là “linh tinh!”

Phải có “Bác” nào đó trong bộ chính trị của đảng ta đứng ra trả lời câu hỏi này cho nhân dân!!!

(Xuân Canh Dần 2010)

Sến và Mari Sến

1-"Sến? hay không sến?"

Chữ "*sến*" xuất hiện trong văn chương Việt Nam vào những năm 1960, trong thời kỳ bộc phát của trào lưu viết văn kiểu "trào phúng," "chọc quê." Tiêu biểu là Ao Thả Vịt (Chu Tử,) Thương Sinh (Duyên Anh,) Tốt Đồ (Lê Tất Điều,) Hoàng Hải Thủy, Dê Húc Càn (Dương Hùng Cường,) Minh Vô (của báo Con Ong) ...

Chữ "sến" thường được dùng thành nhiều "kiểu" (style) khác nhau cho sự vật và sự việc như: "nhạc sến," "thơ sến," "ăn mặc sến," "ăn nói sến bỏ mẹ ..." đến các chữ được áp dụng vào con người như: "liên tử (liên =sen, tử=con – con sen,)" "sến nương," v..v.. Nhưng nói chung, "sến" được áp dụng nhiều nhất vào lãnh vực đánh giá trị âm nhạc của một số bản nhạc, một số nhạc sĩ, ca sĩ ...

Đã có một thời, nhạc Việt Nam được phân chia ra một cách thật đơn giản, bình dân giáo dục thành hai dòng khác nhau. Đó là: "*nhạc sến*" và "*nhạc ... không sến.*"

Nhạc sến tiêu biểu cho dòng nhạc thường rỉ rả, đa số theo điệu Tango Habanera, Bolero, Rumba kèm theo lời nhạc được "bi thảm hóa" một cách quá đáng. Ít khi thấy có một bài theo điệu Slow, Slow Rock, Valse ...v.v... hay cả đến Boston rầu thú ruột mà bị gọi là sến. Một số bài thơ khá hay khi "được" phổ nhạc theo các điệu kiểu rỉ rả này trở thành sến. Nhiều bài thơ trữ tình của thi sĩ tài hoa Hàn Mặc Tử rơi vào thể loại này!

Nhạc (melodies) hay lời (lyrics)? Cái nào là chủ yếu làm cho một bản nhạc thành sến? Theo tôi, có lẽ chính vì lời nhạc nghe “quá xá” đau khổ, buồn thảm, tuyệt vọng... làm cho bản nhạc trở thành “sến!” Thử lấy bài “Qua Con Mê” (Nhạc: Trịnh Lâm Ngân; Lời: Nguyễn Từ Nam). Bài này là một bản nhạc sến được viết theo điệu “Bolero” vào khoảng 1971. Nhưng nếu bây giờ đưa bài này cho nhạc sĩ Trung Nghiã hoặc nhạc sĩ Vô Thường chơi theo kiểu nhạc hoà tấu (instrumental - không lời!) với một nhịp đập khác hơn là “Bolero!” thì chẳng những trở nên hết sến mà còn nghe rất “phê” nữa là đằng khác! Các cụ có đồng ý không?

Còn lại, nhạc nào không được coi là sến tức là... "nhạc không sến!" Tuy nhiên, rất nhiều bài hát không sến sẽ biến thành sến nếu được hát bởi một ca sĩ đã “bị” xếp hạng ... sến - trong đó có Thanh Tuyền, Chế Linh, Tuấn Vũ, Trường Vũ... Đồng thời cũng có rất nhiều nhạc sĩ không "được" xếp loại, hoặc không được “coi” là sến (Lam Phương, Văn Phụng, Phạm Đình Chương ... chẳng hạn!) lại có vài bài hát rất sến!!!

Thực ra, “sến hay không sến” đều tùy nơi sự cảm nhận của mỗi người. Cảm nhận có thể thay đổi theo thời gian, và không gian. Chẳng hạn như bài nhạc sau đây:

*“Con biết bây giờ mẹ chờ tin con
khi thấy mai đào nở vàng bên nương
Năm trước con hẹn đầu xuân sẽ về
nay én bay đây trước ngõ
mà tin con vẫn xa ngàn xa*

*Ôi nhớ xuân nào thuở trời yên vui
nghe pháo giao thừa rộn ràng nơi nơi
bên mái tranh nghèo ngòi quanh bếp hồng
trông bánh chưng ngòi chờ sáng
đỏ hây hây những đôi má đào...”*

(Trịnh Lâm Ngân - Xuân Này Con Không Về)

Bài này hồi xưa nằm trong dòng nhạc sến; nhưng hôm nay dân tị

nạn có bố mẹ còn sống ở Việt nam nghe bài này lại thấy thật bù ngùi cảm động. Bỗng nhiên nó trở thành hết sên! Lạ thật!

Cái đối trọng là chính mình có trung thực với cảm nhận của mình hay không? Vờ vịt, giả dối với cả cảm nhận của mình thì chính thị là sên rồi!

Có người nói rằng nhạc sên thì sên thiệt (?) nhưng nghe kỹ có những ý tưởng mà phải sên mới diễn tả nổi. Nghe qua thấy nghịch lý, kỳ cục; mà nghĩ kỹ lại cũng đúng thiệt! Chẳng hạn như:

*"Đường vào tình yêu có trăm lần vui có vạn lần buồn
Đôi khi nhâm lỡ đánh mất ân tình cũ ..."*
(Trúc Phương - Buồn Trong Kỷ Niệm)

Sên thiệt! Nhưng mà đúng ngay chóc!

Một điều nữa là lời sên khi nghe rồi, nó như chất keo cứ bám chặt vào trong đầu gỡ không ra. Xin nghe thử những câu sau:

*"Chiều nay thấy hoa cười chợt nhớ một người
Chạnh lòng tôi khơi . . . bao niềm nhớ
Người nơi xa xăm phương trời ấy
Người còn buồn còn thương còn nhớ
Nắng phai rồi . . . em ơi !"*
(Nguyễn Văn Đông – Nhớ Một Chiều Xuân)

Giống như đọc những câu thơ sau đây của Nguyên Sa (mà nhiều người đồng ý là không sên!) Nó cứ bám chặt vào trí:

*"Áo nàng vàng tôi về yêu hoa cúc
Áo nàng xanh tôi mến lá sân trường.
Sợ thư tình không đủ nghĩa yêu đương
Tôi thay mực cho vừa màu áo tím...."*
(Nguyên Sa – Tuổi Mười Ba)

Sên hay không sên? "No star where!!! – 'Không sao đâu' " Vấn đề là nó có đúng hay không? và nó có bám vào đầu mình như keo hay

không? Có những câu không sến nhưng lâu dần trở thành sến.
Chẳng hạn:

*"Đời một người con gái, ước mơ đã nhiều,
Trời cho không được mấy, đến khi lấy chồng
Chỉ còn mối tình mang theo."*

(Vũ Thành An – Bài Không Tên Số 2)

Ai bảo là không sến???!!!

Cô gắng diễn tả để không sến coi chừng rơi vào sáo ngữ, gương ép
(các bài nhạc mới của Diệu Hương đều rơi vào thể loại này!)

Như vậy, chữ sến chỉ để phân loại một kiểu thương thức, một kiểu
chơi, một “xì tin” thôi. Sến không có nghĩa là “xấu” (mặc dù có
thể là xem là “bad taste?”)

Về mục “nhạc nhẽo,” vì mục đích tránh chuyện sứt mẻ tình “đồng
đội,” người ta không kêu là nhạc sến nữa; mà kêu là nhạc “đại
chúng” - nhạc chiều theo thị hiếu đại chúng, hay nói cách khác là
“nhạc thương mại.” Ngay chính một số nhạc sĩ khi được phỏng vấn
trên các chương trình truyền hình, video, đã thừa nhận rằng một số
các tác phẩm của họ viết ra vì mục đích thương mại, và chiều theo
thị hiếu quần chúng. Mà "đại chúng" là cái gì khô dzì dzậy? Đó
chính là cái đám đông dễ cười, dễ khóc, dễ hoà đồng với những bài
hát dễ hò, dễ hát của trường phái ca nhạc sến. Không lấy gì làm lạ
khi thấy các video, vcd, dvd, karaoke ... ăn khách nhất hiện nay
thuộc loại ca nhạc này!

Thành ra khi quý cụ vẫn còn tâm hồn, có nghĩa là vẫn thấy lòng
còn rạo rục khi nhìn thấy có người nào đó có bộ vó “nóng bỏng” đi
ngang qua mặt; hoặc con tim của cụ vẫn còn sẵn sàng mở rộng
chào đón thêm một người nào đó, nghĩa là vẫn còn khả năng làm
tình yêu thành hiện thực ... thì tất cả các bài nhạc nói về tình yêu
cho dù là loại tình yêu tan vỡ, dang dở, nát con tim, đau thương,
một cái gì tím ngắt, giỗ hờn, hận căm v.v.. đều là những bài nhạc
không sến.

Tất cả những bài ca về tình yêu đều có thể coi là không sến; nhưng cũng có thể coi là sến. Tất cả đều tùy vào tâm tình đón nhận của người nghe.

Có cụ hỏi tôi bài "Lan và Điệp" là sến? hay không sến?

Khổ lắm! Đã nói rồi. Câu trả lời cũng còn tùy nơi khả năng yêu đương hiện tại của cụ thôi! Còn sức yêu đương được thì cụ cứ an tâm yêu thích những bài hát về tình yêu, không có chi là sến hết mà phải sợ! Bởi vậy, hãy nhìn cái "Chiêng Tình Lan và Điệp." Mặc dù bên ngành cải lương đã có vở ca kịch dài trên 2 tiếng đồng hồ vừa ca, vừa khóc, vừa cười, vừa nói mùi mẫn không chụi nổi. Thế mà bên tân nhạc cũng không chịu thua kém. Nhạc sĩ Mạc Phong Linh - Mai Thiết Lĩnh tiện thể chơi luôn một lúc 4 bài: "Chuyện Tình Lan và Điệp," "Chuyện Tình Lan và Điệp bis (2)," "Chuyện Tình Lan và Điệp bis bis (3)," rồi "Chuyện Tình Lan và Điệp bis bis bis (4)."

Mời quý cụ nghe thử một vài đoạn của từng bài xem nó "sến" đến cỡ nào:

*"Tôi kể người nghe đời Lan và Điệp, một chuyện tình cay đắng
Lúc tuổi còn thơ tôi vẫn thường mộng mơ đem viết thành bài ca
Thuở ấy Điệp vui như bướm trắng, say đắm bên Lan
Lan như bông hoa ngàn, thương yêu vô vàn,
nguyện thề non nước sẽ không hề lìa tan "*

(Mạc Phong Linh-Mai Thiết Lĩnh --- Chuyện Tình Lan và Điệp)

*"Tôi viết vào đây, chuyện nối tiếp tình yêu hai mái đầu
Ước mộng đẹp tươi, thuở được thương mà sao chia lìa đôi
Từng đêm Lan khóc thầm trong cay đắng
Xót xa vì duyên kiếp dở dang, hoa thơm mau tàn,
ai hay cho nàng, cánh chim lìa đàn ... "*

(Chuyện Tình Lan và Điệp bis)

"... Đòi Lan khác chi, như một cành hoa xuân hương sắc sớm phai mau

*Một đêm gió mưa bên ngọn đèn quạnh hiu Lan đã cướp linh hồn
Ngoài xa từng tiếng cú kêu sương nghe thê lương
Gió than nã nề trong màn đêm nghe đau thương
Từng hồi chuông ngao ngán ngân dài như khóc than,
tiễn một linh hồn."*

(Chuyện Tình Lan và Điệp bis bis)

"... Mộng tình đã vỡ, thương tiếc cánh hoa lan

*Nụ cười đã tắt, có ai khóc cho nàng
Nàng lia trần gian, những câu chuyện Điệp và Lan
Thương mãi vô vàn!"*

(Chuyện Tình Lan và Điệp bis-bis-bis)

Sau 1975, chỉ vì bị bắt đi lao động “vinh quang” mệt nghỉ, mà nhạc sĩ Mạc Phong Linh - Mai Thiết Lĩnh, tác giả của cái “chuyện dài” “Lan và Điệp,” mất đi nguồn hưng phấn yêu đương, cho nên trường ca “Chiêng Tình Lan và Điệp” đành bị đứt ngang y như giây chuông chùa bị em Lan cắt đứt mất một cái "rụp!" Nếu không, biết đâu cuộc đời sẽ còn những bài “Lan và Điệp” mãi mãi và mãi mãi! [Giống hệt như nhạc sĩ Vũ Thành An, nghe nói, đã sáng tác đến “Bài Không Tên số 56!"] Nói ra nghe sến thiệt! Nhưng phải nói nhạc dù “sến hay không sến,” cũng xin thành thật cảm ơn những ca sĩ, nhạc sĩ đã tô điểm cho cuộc đời ngán ngủi bề dẫu tang thương này với những dòng nhạc, những lời ca về tình ái thật bình dân nhưng lại đượm đà “lãng mạn.”

2- “Mari Sến”

Ngày xưa, vào thời Pháp thuộc, những người giúp việc trong nhà thường được gọi nôm na là "thằng nhỏ," "con sen." Rồi có một vài nhà văn, nhà báo muốn chơi chữ, nên có đưa ra thêm danh từ "liên tử." Về sau này, chữ "sen" được đọc trại ra thành chữ "sến," cũng là để chỉ các “chị” giúp việc trong nhà.

Có một dạo khi quân “đồng minh” đến Việt Nam hơi nhiều (!), các chị đi giúp việc nhà cho các gia đình Tây, gia đình Mỹ, hoặc đi bán “ba” nên có nhiều tiền, nhiều của hơn lúc trước, bắt đầu chung diện phấn son, tóc “phi dê (uốn tóc,)” mặc đồ đầm, đi guốc cao gót. Nhưng các “chị” vẫn còn một vài vẻ quê mùa nào đó? Các ông nhà báo, nhà văn lại đặt thêm cho các “chị” ấy một cái tên rất Tây, đó là "Mari Sến! (Có lẽ tên “Mari Sến” được Việt hóa từ tên gọi “Mariselle (?) Hoặc Mary Shella (?)” Dàn dả về sau này, "Mari Sến" được dùng rộng rãi hơn, để chỉ thêm những bà giàu có mau chóng, bất ngờ, rồi lại học đòi chung diện nhưng vẫn còn nét quê mùa, nửa tây nửa ta.

Vào những mùa hè nắng hạn, Sài Gòn thiếu nước dùng, nên các “chị” ấy thường tụ họp tại các vòi nước công cộng để hứng nước rồi gánh về dùng, hoặc gánh nước tưới. Vòi nước công cộng từ đó đã vĩnh viễn trở thành một nơi tụ họp rất lý tưởng của quý “chị,” để hàn huyên tâm sự với nhau qua vô số tình cảm vụn vặt trời ơi đất hỡi không tên không tuổi! Trao đổi thông tin đứng đắn cũng có, thất thiệt vô căn cứ nhảm nhí cũng có! Văn hóa tào lao thiên địa; Chuyện ruồi bu! Tin thời tiết mưa nắng vô thưởng vô phạt!... và rồi cuối cùng để cùng nhau ca hát cho dzui dzẻ “yêu người, yêu đời!”

Từ đó, các chị "Mari Sến" còn được thêm một tên mới nữa là "Mari Phong Tên" (Phong Tên = Vòi nước máy, theo âm tiếng Pháp của chữ ‘fontaine!’) Các bài nhạc mà các “chị” thích hát thì thường có tên là "Nhạc Sến," “Nhạc Nước Máy," "Nhạc Phong Tên," v..v..

Hay dở thế nào thì tôi không dám phê bình thêm, bởi vì đây chỉ là những ý kiến rất chủ quan, nông cạn và thiên kiến của tôi. Tất cả mọi thẩm định còn tùy thuộc rất nhiều vào thị hiếu riêng của mỗi cá nhân. Có nhiều “cao nhân (!)” cho là sự việc gọi, đánh giá những cái của người khác là “sến” đều bắt nguồn từ bản tính hẹp hòi của con người thích “hạ giá” người khác để tự cảm thấy “giá” của mình ở trình độ “cao cấp” hơn. Ý kiến của “cao nhân” cũng có

giá trị tương đối và cũng lại “chủ quan!” Chỉ mong quý cụ xem cái thiên kiến mà tôi thu góp ở đây là một “ngoại lệ” không ngoài mục đích thêm một chút màu sắc vào cuộc sống cho nó bớt nhạt nhẽo vô duyên! Tạm thấy kệ các lời khen, lời chê bai là “hẹp hòi, đầy ác ý!!!”

Con Số 13

Người tây phương thường sợ con số 13. Ngành Y khoa có một danh từ riêng để gọi căn bệnh “sợ số 13.” Đó là “*Triskedekaphobia.*” Một loại bệnh tâm lý tương tự như sợ chiều cao, sợ bóng tối...

Mặc dầu ngày nay đã có nhiều người bắt đầu cho rằng đây chỉ là vấn đề dị đoan vô căn cứ; tuy nhiên chúng ta vẫn còn thấy là có rất nhiều cao ốc, khách sạn ở Hoa Kỳ không có ghi “tầng thứ 13” trong thang máy cũng như trong sổ sách. Nhiều hãng hàng không dân sự không có ghi hàng ghế số 13 trên máy bay chuyên chở người. Sự kiện dị đoan “sợ số 13” bắt đầu từ lâu lắm rồi. Trong thời Trung cổ, các nhà giàu người Anh mở tiệc đãi khách, không cho 13 người ngồi chung 1 bàn. Các bình hoa trang trí trong nhà không cắm 13 nhánh. Họ tin là số 13 sẽ mang lại sự bất hạnh cho gia chủ. (Tuy nhiên, người Anh lại cho việc gà mái ấp 13 trứng sẽ mang lại may mắn (?). Cũng ở Anh, các tiệm bánh bán một tá là 13 chứ không phải là 12. Họ gọi là “một tá của hàng bánh - Baker’s dozen.”). Ngày hôm nay, chúng ta vẫn thường nghe thấy nói về “Thứ Sáu 13” như là một ngày, một điều xui xẻo đặc biệt (?).

Khởi thủy số 13 được dùng rộng rãi, bình thường như những con số khác. Vào thời cổ La Mã, lễ hôn phối (đám cưới) của quý tộc phải có đủ 13 người (cô dâu, chú rể, 10 nhân chứng và một chủ tế gọi là Pontifex Maximus) thì hôn nhân mới được xem là hợp pháp. Ngày 13 tháng Hai (February 13th) là ngày lễ về tình yêu rất long trọng của người cổ La Mã (cũng được gọi là ngày thánh Valentine – “Saint Valentine Day”). Sau này, ngày “Valentine Day” bị dời lại thành ngày 14 tháng Hai (February 14th!) Ở Âu Châu (và nay

ở Hoa Kỳ!) người ta có lễ ăn mừng 12 ngày trước ngày Chúa giáng sinh. Ngày này được gọi là “Epiphany Eve.” Ngày “Epiphany” để kỷ niệm và đánh dấu ngày mà một số rất lớn người Âu Châu bắt đầu theo đạo thiên chúa. Ngay chính cái ngày “Epiphany” này là ngày thứ 13 trước ngày Thiên Chúa giáng sinh (Christmas day!) Thật là lạ! Riêng ở Thụy Điển và Áo, ngày 13 tháng 12 (December 13th) được xem là ngày của nữ thánh “Ánh Sáng (Saint Lucia)”. Ngày 13 tháng 12 là ngày ngắn nhất trong năm ở phía Tây Âu châu. Ngày 13 tháng 12, nữ thánh “Lucia” đem ánh sáng đến để đuổi các “tà ma (evils)” đi!

Vấn đề người tây phương sợ và loại bỏ “số 13” diễn tiến từ nhiều hoàn cảnh (ngẫu nhiên) bất hạnh có liên can đến “số 13.” Chẳng hạn, người tây phương bỏ không dùng âm lịch (đây là âm lịch của tây phương – không phải âm lịch của Trung Hoa). Loại lịch này căn cứ theo sự di chuyển của mặt trăng. Dần dà người tây phương thấy âm lịch đã không được chính xác cho lắm mà còn phức tạp nữa. Họ bắt đầu chuyển qua dùng dương lịch (lịch tính theo sự di chuyển của quả đất theo mặt trời). Chu kỳ của mặt trăng là 354 ngày – tức là 11 ngày ngắn hơn dương lịch. Ngày thứ 355 là ngày đầu tiên của tháng thứ 13. Tính như vậy, âm lịch của tây phương hồi đó có 13 tháng và mỗi tháng có 28 ngày và còn dư 1 ngày lẽ không biết để vào đâu? Người ta còn gọi loại “âm lịch (tây phương!)” này là “lịch 1 năm và 1 ngày!!!” King Arthur, một vị vua trong huyền thoại của lịch sử Anh Quốc, đánh thắng người “Saxons” liên tiếp 12 trận, nhưng đến trận thứ 13 thì bị người “Saxons” giết chết. Một vị vua khác của Anh Quốc là King William Rufus bị giết vào năm 1100, sau khi trị vì nước Anh đúng 13 năm.

Các điều xấu về “số 13” cũng bắt đầu từ các bài phúc âm được ghi chép trong thánh kinh, trong truyện cổ tích và trong huyền thoại của người tây phương. Judas, người phản chúa Giê-Su và cuối cùng đưa đến sự việc Chúa Giê-Su bị đóng đinh trên cây thánh giá, là tông đồ thứ 13 của Chúa Giê-Su. Trong “Genesis” chương 13 có bài giảng về việc Đức Chúa Trời đã tiêu hủy 2 thành phố của những người “tội lỗi” (là “Sodom” và “Gomorrah”). Người Thiên Chúa giáo tin là hai thành phố này đã bị lún chìm xuống sâu và bị

bao phủ bởi một hồ nước mênh mông, nay gọi là “Biển chết” (“Dead Sea” ở Trung Đông).

Cũng theo tài liệu được ghi chép lại từ các nhà truyền giáo của đạo Thiên Chúa ở Âu châu trong đó có nhiều huyền thoại về người “Pagan Vikings” – những người Vikings không tin và quyết không theo đạo thiên chúa – Họ thờ một vị nữ thần tình yêu (“Goddess of Love”) gọi là “Freyja.” “Freyja” là thủ lĩnh của 12 “ác thần” khác làm thành một nhóm 13 vị “ác thần.” Đối với mà nữ thần “Freyja,” ngày trong tuần được xem là ngày may mắn là ngày thứ sáu. Người Vikings thường làm hôn lễ vào ngày thứ sáu. Về sau này những người Anh chống đạo thiên chúa cũng chọn ngày thứ sáu để làm lễ thành hôn thay vì thứ bảy hay chúa nhật trong tuần. Tục truyền trong các ngày “thứ sáu 13,” “Freyja” sẽ đi tìm và tiêu diệt những người “Pagan Vikings” đã bỏ “Freyja” đi theo đạo Thiên Chúa giáo (?)

Văn hóa cổ Ai Cập và Hi Lạp cũng có để lại nhiều giai thoại về “số 13.” Lịch cổ của người Ai Cập có 13 tháng: 12 tháng dài và 1 tháng ngắn. Người Ai Cập tin là thượng đế được sinh ra trong tháng ngắn thứ 13 này. Trong loại bói bài “Tarot” Ai Cập, lá bài thứ 13 được gọi là “lá bài về sự chết (Death Card!)” Vị thần tối cao của cổ Hi Lạp là “Zeus – King of God” có 12 vị thần phụ tá. Thần lực sĩ “Hercules,” là con trai của “Zeus,” dùng sức mạnh của mình để tiêu diệt 12 quái thần; nhưng lại bị giết bởi quái thần thứ 13.

Môn bói toán “Zodiac” của người tây phương có 12 con giáp. Nguyên thủy, Zodiac có 13 con giáp: con giáp thứ 13 sau này bị bỏ tên là “Ophiuchus Serpentarius” (hình thể một người cầm con rắn). Ở thế kỷ thứ 16, “Ophiuchus” cũng còn được người Hi Lạp gọi là “Alpheichius” (có nghĩa là thần sáng tạo), tên được gọi theo một tên của một thầy thuốc trong huyền thoại Hi Lạp có khả năng làm người chết sống lại. Hai con rắn mà “Ophiuchus” cầm ở tay sau này được ngành y khoa dùng tiêu biểu cho ngành bào chế thuốc tây để chữa bệnh (hình 2 con rắn quấn chung quanh cái ly!) Pluto gọi con giáp thứ 13 này là “thần chết!” (God of the Underworld). Tuy nhiên, giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã vì đã bị ám ảnh bởi số 13, đầu tiên ra lệnh đổi hình ảnh của “Ophiuchus”

cầm hai con rắn thành hình thánh Phao Lô (Saint Paul) cầm một con rắn nhỏ (gọi là “viper”) rồi sau đó giáo hội lại quyết định bỏ hẳn con giáp thứ 13 này ra khỏi “Zodiac.”

Con số 13 bắt đầu như mọi con số khác, là một con số hiền lành, dễ thương liên quan đến tình yêu, hôn nhân, ánh sáng và sự sáng tạo dần dà bị bỏ rơi và lãng quên vì những dị đoan vớ vẩn cay nghiệt đầy ác ý; bị hiểu lầm, bị kỳ thị bởi những sự trùng hợp ngẫu nhiên hoặc vô căn cứ.

Đã đến lúc chúng ta nên đem con số 13 trở lại với đời sống. Bởi vì con số 13 này đã có số phận thật hẩm hiu, thiệt thòi, bị điều đứng bầm dập hàng thế kỷ y hệt như hoàn cảnh của dân tộc và đất nước Việt Nam chúng ta.

Nguồn gốc danh từ Sài gòn

Lời mở đầu:

Sài gòn là thành phố lớn nhất Việt Nam, nằm cạnh sông Sài gòn ở toạ độ 110°45' Bắc, 106°40' Đông (hay là 10.75, 106.667); và cách Hà nội 1760 cây số về phía Nam.

Trước khi “bị” người Việt chiếm ngụ vào thế kỷ 16, Sài gòn có tên là “Prey Nokor,” là một hải cảng chính của Cam Bốt. Sài gòn từng là thủ đô của chính quyền thực dân Pháp ở Đông dương, và sau đó cũng là thủ đô của chính thể Cộng hoà miền Nam Việt Nam từ năm 1954 cho đến năm 1975. Sau năm 1975, Sài gòn được đổi tên là Thành Phố Hồ Chí Minh (?)

TVG

*

Tên nguyên thủy theo tiếng Khmer

Tên nguyên thủy của Sài gon là “Prey Nokor” và là lãnh thổ của người Khmer (Cam bốt). Theo tiếng Phạn (“Sanskrit nagara”), Prey Nokor có nghĩa là “thành phố rừng,” hoặc “thành phố giữa rừng” (Prey = rừng; Nokor = đất, thành phố). Ngày nay nhiều người Khmer ở Cam bốt và cả dân sắc tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu long nhiều khi vẫn còn gọi Sài gòn là Prey Nokor.

Sài gòn tên nguyên thủy theo tiếng Việt

Ngay sau khi người Việt ồ ạt đến mở mang và định cư tại Prey Nokor, thành phố này đã được người Việt gọi là “Sài gòn.” Có rất nhiều giả thuyết, tranh luận về nguồn gốc tên thành phố bằng chữ Việt (Sài gòn). Các tranh luận về lịch sử của danh từ “Sài gòn” sẽ được bàn thêm ở phần dưới đây.

Trước khi thực dân Pháp đến Việt Nam, triều đình Huế dùng tên chính thức của Sài gòn là “Gia định.” Năm 1862, người Pháp bỏ chữ “Gia định” và thay vào đó bằng chữ “Sài gòn.”

Trên sử liệu lưu lại, người Việt đọc và viết chữ “Sài gòn” thành 2 chữ và 2 âm rõ rệt; tuy nhiên Pháp (và người tây phương) đã “tây phương hóa” 2 chữ “Sài gòn” thành một chữ “Saigon” để cho họ dễ đọc và dễ viết.

Sài gòn theo quan điểm Việt Nam – Trung Hoa

Có người cho rằng chữ “Sài” được mượn từ tiếng Trung hoa (Tiếng Quan thoại đọc là “Chái”) có nghĩa là “củi, cành cây – firewood, twigs...” còn chữ “Gòn” (tiếng Quan thoại đọc là “Gùn”) có nghĩa là “cọc, cây gậy – stick, pole, boles...” Chữ “Gùn” bị chuyển hóa dần thành ra “Gòn” tương tự như “bông gòn – cotton stick, cotton plant.”

Có người lại cho rằng tên “Sài gòn” phát nguyên từ các cây bông gòn người Khmer trồng chung quanh Prey Nokor mà ngày nay chúng ta vẫn còn thấy rất nhiều ở quanh vùng Cây mai, Trương Vĩnh Ký...

Một điểm lạ lùng là người Hoa sống ở Việt Nam cũng như ở Trung quốc không dùng tên gọi “Sài gòn” (tiếng Quảng đông đọc là “Chai-Gwan; tiếng Quan thoại đọc là “CháiGùn”) để gọi “Sài gòn” (mặc dù, như đã nói ở trên, nhiều sử liệu có ghi là người Việt

mượn tiếng Trung hoa để đặt tên cho Sài gòn). Chính người Hoa lại gọi “Sài gòn” là “Sai-Gung” (tiếng Quảng đông) và “XĩGòn” (tiếng Quan thoại).

Sài gòn theo quan điểm của người Khmer

Có một số tài liệu của Cam bốt cho là chữ “Saigon” chuyển hóa từ “Sai Con;” Và Chữ “Sai Con” đã chuyển hóa từ tiếng 2 chữ Khmer “Prey Kor” có nghĩa là “Rừng cây Kapok” (prey = rừng; kor = cây kapok). Nên để ý và đừng lầm lẫn chữ “Prey Nokor” và “Prey Ko” (Ko = rừng cây kapok; Nokor = thành phố, đất).

Quan điểm của người Khmer ẩn tàng một ý có mục đích giải thích là họ đã có mặt ở đó (Sài gòn) trước khi người Việt đến định cư; tuy nhiên quan điểm này không giải thích được là tại sao chữ Khmer “prey” lại đổi thành chữ “Sài.” Bởi vì, hiển nhiên, cách đọc của hai chữ này hoàn toàn khác biệt với nhau!

Sài gòn theo quan điểm của người Quảng đông

Một giả thuyết đưa ra bởi học giả Vương Hồng Sển, một người Việt gốc Hoa ở Sài gòn, là nguồn gốc từ tiếng Quảng đông của danh từ “Sài gòn” lấy từ chữ “Chợ lớn” mà người Quảng đông đọc là “Tai-Ngon” có nghĩa là “bến tàu, cảng” (?)

Tên hiện nay của Sài gòn

Sau khi miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng sản (30 tháng 4 năm 1975), chính quyền CS đổi tên thành phố Sài gòn là Thành Phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) (?) Tuy nhiên, đa số người dân Sài gòn vẫn gọi tên thành phố với cái tên quen thuộc cũ: “Sài gòn.” Ngoài ra, hiện nay, tên “Sài gòn / Saigon” còn được dùng rất nhiều trong sách vở; được dùng cho các tên tựa sách, được dùng đặt tên cho các công ty thương mại.

Lịch sử đất (lãnh thổ) Sài gòn

Khởi đầu Sài gòn chỉ là một làng đánh cá rất nhỏ của người Khmer. Người Khmer đã sống ở đó nhiều thế kỷ trước khi có người Việt đặt chân đến mở mang và định cư. Người Khmer dùng “Prey Nokor” như một hải cảng thuộc về vương quốc Cam bốt.

Năm 1623, vua Cam bốt Chey Chetta II (1618-1628), vợ vua này là Công nữ Ngọc Vạn - con gái Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, đã cho phép những người Việt chạy lánh nạn “Trịnh Nguyễn phân tranh” đến tạm trú và định cư quanh vùng Prey Nokor. Từ sau khi đó, có rất nhiều đợt di cư rất lớn của người Việt đến vùng Prey Nokor mà vương quốc Cam bốt không đủ mạnh để ngăn chặn họ. Dần dà, Prey Nokor bị biến thành đất đai của người Việt; và sau cùng “Prey Nokor” biến thành “Sài gòn!”

Năm 1698, triều đình Huế (Chúa Minh - Nguyễn Phúc Chu) sai tướng Nguyễn Hữu Cảnh vào trấn nhậm vùng đất Sài Gòn - Gia Định. Kể từ thời điểm đó, miền đất này chính thức trở thành một đơn vị hành chính thuộc lãnh thổ Việt Nam. Nguyễn Hữu Cảnh tách vùng đất Sài Gòn - Gia Định (và sau đó là vùng đồng bằng sông Cửu long) ra khỏi vương quốc Cam bốt. Cam bốt vì quá yếu nên không có một kháng cự nào. Nguyễn Hữu Cảnh được xem như những người đi tiên phong trong giai đoạn bành trướng lãnh thổ của Việt nam về phía nam và tây nam.

Năm 1859, thành phố Sài gòn bị người Pháp chiếm đóng lần đầu tiên. Cũng bắt đầu từ giai đoạn thực dân, người Pháp đã xây dựng nhiều cơ sở, dinh thự theo cấu trúc của văn minh tây phương. Vì vậy Sài gòn còn được gọi là “Hòn Ngọc Viễn Đông,” (*the Pearl of the Far East*) và “Tiểu Paris” (*Little Paris*).

Năm 1954, quân Pháp bị Việt Minh đánh bại ở trận Điện Biên Phủ và họ rút lui khỏi Việt Nam. Từ trước đó (năm 1950), thay vì công nhận chính quyền CS, người Pháp ngầm ủng hộ Bảo Đại lập chính phủ và chọn Sài gòn là thủ đô. Kể từ năm 1950 Sài gòn và vùng

Chợ lớn (nơi có số rất đông người Hoa tập trung) được gộp chung lại thành một đơn vị hành chính gọi là “Đô thành Sài Gòn.”

Sau khi Việt Nam chính thức được chia làm 2: Bắc Việt (Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà) và Nam Việt (Việt Nam Cộng Hoà). Sài Gòn là thủ đô của miền nam Việt Nam dưới chính phủ Ngô Đình Diệm.

Sau khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt năm 1975, thành phố Sài Gòn đặt dưới sự kiểm soát của CS Bắc Việt.

Năm 1976, sau khi thống nhất quốc gia Việt Nam xong, CS đổi tên chính thể của nước Việt Nam là “Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam” và đổi tên thành phố Sài Gòn thành Thành Phố Hồ Chí Minh. Thực ra, sau 30 tháng 4 năm 1975, thành phố Sài Gòn (và Chợ lớn), tỉnh Gia định và 2 quận ở ngoại ô Sài Gòn (thuộc 2 tỉnh khác nhau nằm sát Sài Gòn) đã được gộp chung lại thành TP HCM. TP HCM rộng 809 dặm vuông (hay là 2,095 cây số vuông) trải dài từ Củ Chi (cách biên giới Việt Miên 20 Km) cho đến Cần Giờ gần biển Nam Hải. Khoảng cách từ điểm cực bắc (Phú Mỹ Hưng, quận Củ Chi) cho đến điểm cực nam (Long Hoa, quận Cần Giờ) là 120 cây số; và từ điểm cực đông (Long Bình, quận 9) đến điểm cực tây (Bình Chánh, Quận Bình Chánh) là 46 cây số. Mặc dù TP HCM là tên gọi chính thức trên giấy tờ hành chính, nhưng đại đa số người dân sống ở Sài Gòn vẫn gọi thành phố qua cái tên quen thuộc là Sài Gòn. Chữ “Sài Gòn” còn thấy trên bảng hiệu của các cửa tiệm thương mại, ngay cả tại Hà Nội, thí dụ như “Saigon thời trang,” “Kiểu Sài Gòn...” bởi vì người Việt trong nước hiện nay nghĩ về chữ “Sài Gòn” như là một cái gì tượng trưng cho “văn minh, thời thượng...”

Ngày hôm nay, trung tâm thành phố Sài Gòn vẫn còn vẻ giữ tráng lệ với các đại lộ có những hàng cây xanh rợp bóng, thanh lịch, với nhiều dinh thự cơ sở có di tích lịch sử được xây dựng từ thời các đời vua Nguyễn, thời thực dân và thời VNCH như Đền Cây Mai (do danh tướng Nguyễn Tri Phương xây dựng), nhà thờ Đức Bà và Dinh Độc lập (tên mới là Dinh Thống Nhất)...

Cười Ra Nước Mắt!

Lời mở đầu:

- Tại Việt Nam, ở bậc học phổ thông, các môn khoa học xã hội, nhất là môn (Việt) văn đã và đang bị xem nhẹ, thậm chí xem thường. Các môn khác như nhạc, họa, thể dục càng không được coi trọng. Cho nên, số đông học sinh ngày nay còn mơ hồ, ấu trĩ về nhân sinh quan, về lẽ sống, nhiều em rất ngô nghê, ngớ ngẩn về cách suy luận và khả năng sử dụng tiếng Việt.

- Xin nêu dưới đây một số dẫn chứng về “kết quả trông người” (qua việc dạy và học môn Việt văn) hiện nay dưới sự lãnh đạo của CSVN.

TVG.

*

1- Đọc văn học trò viết mà muốn khóc!

Đề 1: Em hãy tường thuật lại diễn biến chiến dịch Điện biên phủ.

Bài làm của 1 học sinh lớp 9 trường PTCS cấp 2:

“... Quân địch đánh ra, quân ta đánh vào ào ào như lá tre rụng, đồng chí phe ta đánh thẳng cha phe nó ghê hết sức... Kết quả: Sau 55 ngày đêm chiến đấu oai hùng, ngày 7-1-1991, phe ta thắng phe nó, chúng ta đã giết sống được 16,200 chúng nó, phanh thây 62 máy bay (em quên mất tên của máy bay, xin cô thông cảm).”

Đề 2: *Sau khi đọc tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố, em có suy nghĩ gì về nhân vật chị Dậu?*

Bài làm của bạn NHT lớp 10B, viết:

“Sau khi chiêu xong tác phẩm Tắt đèn của Ngô Tất Tố, em có suy nghĩ như sau: Chị Dậu là một nàng con gái có bộ lòng yêu chồng, thương con cực đại. Nàng ta rất chi dũng cảm, không sợ roi vọt. Chẳng hạn, khi thấy chồng bị đánh đập, nàng hùng dũng chường lại bằng mấy cú ca-ra-tê hết sức đẹp mắt...”

Đề 3: *Trong bài “Bình Ngô Đại cáo” của Nguyễn Trãi, đoạn thơ nào đã nói lên sức mạnh và khí thế dũng mãnh của quân ta trong cuộc kháng chiến?*

Một nam học sinh đã viết:

“Đoạn thơ sau nói lên sức mạnh và khí thế dũng mãnh của cha ông ta:

Đánh 1 trận giặc không kinh ngạc,
Đánh 2 trận tan tác quân ta. ”

Đề 4: *Anh chị hãy phân tích hình ảnh người lính Việt Nam qua thơ ca kháng chiến chống Mỹ (điển hình như bài thơ “Dáng đứng Việt Nam” của Lê Anh Xuân)*

Trong bài viết của một trò lớp 12A3 PTHH Phụng Hiệp, Cai Lậy có đoạn:

“Người lính của Lê Anh Xuân là một nét đẹp trong muôn vàn cái

đẹp của người lính. Tuy đã gục ngã, nhưng anh cố bò mà ngồi dậy... Anh ngã xuống đường băng Tân Sơn Nhất, Anh xỉu rồi anh giải phóng quân ơi, Nhưng anh gượng ngồi trên xác trực thăng và chết đứng trong khi đang đứng bắn.”

Bài làm của một trò khác cũng lớp 12 ở Bến tre, viết:

“ ... Trên đường băng Tân Sơn Nhất, một anh giải phóng tự nhiên nằm đó. Một chị đi ngang thấy anh tự nhiên nằm nên lại rờ vào mình anh và lắc lắc mấy cái, chị thấy anh nằm im nên nghĩ anh đã chết... Anh giải phóng quân mất đi trong mình không có một thứ giấy tờ, một tấm ảnh nào, kể cả giấy chứng minh nhân dân cũng không có...”

Đề 5: *Em hãy cho biết ý nghĩa của câu thơ*

*“Bàn tay ta làm nên tất cả,
có sức người sỏi đá cũng thành cơm.”*

“... Theo em nghĩ thì nếu hiểu suông thì câu này rất tối ưu là vô nghĩa vì sỏi đá thì khó có thể biến thành cơm được trừ phi các nhà khoa học VN đã chế tạo ra một chất hóa học nào mà có thể biến được sỏi và đá thành thực phẩm. Còn nếu đi sâu vào ý nghĩa của câu thơ này, chúng ta phải thấy ngay là đây không phải là những sỏi đá bình thường mà theo em nghĩ thì tác giả muốn đề cập tới các mỏ đá quý của đất nước ta. Vì chỉ có đào mỏ lấy đá quý thì mới có giá trị và có thể bán để mua cơm ăn mà thôi. Và chẳng những đào được đá quý có cơm ăn mà còn dư tiền mua mấy trăm gram thịt xào lên làm món mặn và có một tô canh nóng hổi nữa.”

Đề 6: *Em hãy ghi lại sự giằng xé, quằn quại trong nội tâm của văn sĩ Hộ trong tác phẩm “Đời thừa” của nhà văn Nam Cao.*

“...Văn Sĩ Hộ sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống thể thao, các anh em của Văn Sĩ Hộ đều là những cầu thủ xuất sắc trong đội hình đội tuyển Sông Lam - Nghệ An. Đặc biệt là người anh cả Văn Sĩ Hùng- người đã ghi nhiều bàn thắng quan trọng cho đội tuyển Việt Nam tại Seagames 19 và Tiger Cup 98... Thử hỏi

con người ‘tài không cao, phận thấp, chí khí uất’ sống trong một gia đình toàn những người nổi tiếng và tài năng như vậy thì làm sao Văn Sĩ Hộ có thể thoát khỏi sự giằng xé, quằn quại trong nội tâm - không ‘Đời thừa’ sao được?”

Đề 7: *Em hãy phân tích tâm lòng người mẹ của bà cụ Tứ trong chuyện “Vợ nhặt” của nhà văn Kim Lân.*

“...Trong cuộc sống sinh hoạt đời thường, hàng ngày chúng ta đã từng được thưởng thức rất nhiều loại lòng, như lòng lợn, lòng chó, lòng gà, lòng vịt... chúng đều rất ngon và có vị riêng biệt khác nhau, nhưng tất cả đều không thể bằng lòng... mẹ.”

Đề 8: *Em hãy phát biểu cảm nghĩ của mình về việc Nguyễn Du đã để lại cho chúng ta tác phẩm “Truyện Kiều.”*

Một em học sinh lớp 11, PTTH Cái Bè đã viết:

“... Nguyễn Du là lão tiên bói của chúng ta. Mặc dù, tiên bói đã sớm ra đi vào một chiều gió lạnh, nhưng vẫn làm chấn động cả giới hậu bói của chúng ta, qua bí kíp võ công ‘Vương Thúy Liễu’ hay còn gọi là ‘Đoạn trường thất thanh.’ Bằng chứng là qua các kỳ thi, pho bí kíp này lại xuất hiện và làm thất điên bát đảo cả giới hậu bói chúng ta...” (!!!)

Đề 9: *Trong các tác phẩm em đã học và đã đọc thêm, em thích tác phẩm nào nhất? Vì sao? Hãy chứng minh?*

Bài làm của em N.A.T lớp 10, PTTH viết:

“... Trong kho tàng văn học Việt Nam, ca dao dân ca rất giàu tình nghĩa... Trong các tác phẩm đó, em thích nhất là tác phẩm ‘Tắt đèn.’ Vì nó đã thể hiện tinh thần chống lại sự bóc lột phụ nữ của chế độ phong kiến. Chứng tỏ chị đã bán con và chó để thể hiện tinh thần kiên quyết đó...”

Đề 10: *Em hãy phân tích trình tự diễn biến tâm trạng nàng Kiều trong đoạn trích “Những nổi lòng tê tái.”*

Bài làm của em C.V.T lớp 10, PTTTH P.N. có đoạn viết:

“... ‘Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng.’ Qua đó ta thấy tên khách họ Hoàng thật là tàn nhẫn, hấn hôn Thúy Kiều đã rồi lại bắt Kiều hôn lại làm cho Kiều ngày càng biến thành gái lầu xanh chuyên nghiệp muốn ngóc đầu lên cũng không nổi.”

Và một em học sinh lớp 9, PTCS T.A, Huế đã viết:

“... Thúy Kiều là người con gái tài sắc vẹn toàn, song nàng đã bị chế độ phong kiến vùi dập vào chôn bùn như. Đến nỗi nàng đã nhảy xuống sông Tiền Giang tự vẫn, may thay lúc đó có một bà đảng viên đi công tác về, bà liền nhảy xuống sông cứu nàng. Sau đó Kiều giác ngộ và đi theo con đường cách mạng.” (!!!)

Đề 11: Em hãy cho biết bất công của phụ nữ dưới chế độ phong kiến. Bằng các tác phẩm đã học của Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, hãy chứng minh.

Một em tên Hoàn Nhân, lớp 9, TPCS viết:

“... Sự bất công của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến đó là: Họ không được tham dự bóng đá quốc tế, họ không được lái xe nhất là các loại xe con, xe gắn máy (!) Ngày nay quyền giải phóng phụ nữ đã được củng cố. Hàng năm người ta lấy ngày 8-3 làm ngày quốc khánh phụ nữ...”

Đề 12: Em hãy tả con gà trống nhà em.

“Chú trống choai nhà em lớn nhanh như thổi, càng lớn chú càng giống gà mái.” (!?)

Đề 13: Em hãy tả hình dáng và tính tình một cụ già mà em rất kính yêu.

(Đề 13 là đề tập làm văn trong kỳ thi tốt nghiệp tiểu học).

Xin trích nguyên văn từ bài làm của một số học sinh:

“Hình dáng của bà nội rất là thấp được hai mét rưỡi dáng đi rất chậm chạp, mắt thì lờ đờ ít thấy gì nữa... Tính tình cụ già rất là bực bội... Khi bà nội cười liền nhe hàm răng ra còn được ba bốn cái gì mà thôi.”

“Con mắt của bà tròn như hòn bi, mũi có hai cái lỗ, cụ già có hai cái tai, tóc của bà đã bạc phơ. Cổ ngắn gọn, thân của bà 2, 3 thước, bà có hai cái tay, có hai cái chân.”

“Bà cụ ngoài 40 tuổi. Hình dáng bình thường, chiều rộng ba mươi, chiều cao một mét sáu.”

“Khi cười miệng bà em móm mém như miệng cái hổ.”

“Khuôn mặt ông bầu bĩnh; đôi mắt ông như mắt bò câu trắng; dáng đi của ông rất hoang thai và cái miệng của ông như trái tim rất mảnh liệt.”

“Ông của em dài thì bằng 1 mét và không mập.”

....

2- Thi Văn cười ra nước mắt!

Có một thí sinh viết:

“Tố Hữu được giải Nobel (1960)” (???)

“Chế Lan Viên là một nhà văn, nhà thơ rất nổi tiếng trong thời phong kiến...” (!!!)

Đó là những nhận định lạ lùng trong một số bài thi Đại Học môn văn trong kỳ thi vừa qua, khiến nhiều giám khảo phải giật mình.

Có thí sinh khác viết:

"Những tác phẩm của người (Chế Lan Viên) luôn bộc lộ nỗi thống khổ và những tình cảm sâu nặng của những con người phải xa quê hương, đất nước để tìm sự thanh bình cho tổ quốc."

"Chí Phèo là một thanh niên khỏe mạnh, giỏi giang, ai lấy được nó như có một con trâu trong nhà." Còn Thị Nở "là một người con gái trông chẳng có gì để có thể nói là đẹp nhưng cô ấy lại là một người tốt bụng, làm công cho nhà tên thống lý."

Bài thơ "Tiếng hát con tàu" của Chế Lan Viên cũng có xuất xứ "phong phú" chẳng kém:

"Rút ra từ tập thơ 'Mặt đường khát vọng,' "

"Được in trong tập thơ 'Những vùng trời khác nhau,' "

"Được trích từ tập thơ 'Ánh sáng và phù du' "...

Giám khảo chấm vài chục bài, thấy phần lớn các ý đều na ná nhau thì tập trung, chú ý hơn đến câu chữ, lối hành văn để đánh giá, phân loại. Và ở đây giám khảo vẫn thấy sự lặp lại gần như y nguyên những lỗi cách đây hơn một tháng đã có người chỉ ra. Chỉ viết lại hai dòng thơ mà thí sinh mắc đến bốn lỗi chính tả:

*"Cô em sớm núi say ngô tới
Say hết lò thang đã rục hồng."*

Dùng từ sai cũng là căn bệnh trầm trọng của nhiều thí sinh. Nhiều em đã viết:

"Dưới ngòi bút của Tố Hữu là con dao đâm chết kẻ thù."

"Chí Phèo trở thành con quái vật để không bị người ta ăn hiếp."

"Đứa con của bác Xẩm thì ngủ lăn ra đất trở thành bò sát quả là một cuộc sống tàn tạ."

Không ít thí sinh còn lẫn lộn giữa văn viết và văn nói, nên khi đọc lên nghe ngọng nghịu, ngây ngô:

“Chí Phèo đã rời khỏi tù vừa về đến làng thì Chí Phèo đã ra quán nhậu, nhậu cho say sưa, nhậu từ sáng đến tối. Đôi khi nhậu xong Chí Phèo còn đòi bắt diêm chia vào mái tranh để tống tiền. Thật khủng khiếp, Chí sống chỉ có nhậu và làm cái nghề rạch mặt ăn vạ để kiếm tiền nhậu.”

“Có đời nào con gái con đũa (chỉ Thị Nở) lại nằm thẳng ra đất mà ngủ không, lại còn dơ bụng ra nữa chứ, mà nhìn thị có khác nào một khối vuông bất động, bề ngang và chiều dài thân hình có kém gì nhau?”...

Sáng tạo là điều cần được khuyến khích đối với thí sinh trong quá trình làm bài. Nhưng sáng tạo mà là phía ra những điều không có thật, không có “cơ sở” từ tác phẩm thì giám khảo đầu thương học trò đến mấy cũng phải chào thua.

Có thí sinh đã biến “Thị Nở” thành cô tiên năm 2000:

“Đối với tôi thì tôi thấy Thị Nở đẹp, tuy cô xấu đau xấu đớn nhưng mà hỏi thử có ai mà toàn mỹ không? Thị Nở cũng vậy, cô xuất hiện như một nàng tiên mang lại bao ước mơ cho những em nghèo không tình thương mái ấm gia đình.”

Cuộc gặp gỡ giữa “Chí Phèo” và “Thị Nở” càng hiện đại và ly kỳ:

“Chí Phèo gặp Thị Nở vào buổi sáng, anh buông lời trêu ghẹo, chọc phá. Thật ra anh thấy Thị Nở quá xấu nên chọc cho vui và cười một cách khoái trá, còn Thị Nở thì ngoe nguẩy bỏ về... Tối đó Chí Phèo mò đến chỗ Thị Nở đang ngủ ở bờ sông. Chí Phèo lấy tay bịt miệng Thị Nở. Thị định la lên nhưng Chí bịt miệng chặt quá, vả lại ở đây cũng thanh vắng. Thị thôi, mặc kệ nó!”

“... và sau khi quay trở về nhà nấu cháo cho Chí Phèo, Thị Nở đã trở lại, trên tay cầm một tô cháo ngùn ngụt khói thơm ngào ngạt. Một tô cháo chỉ rất thêm chút hành thối mà Chí Phèo ăn lại thấy ngon đến lạ lùng.”

Còn “Đứa Em Liên Lạc” trong thơ Chế Lan Viên thì:

“... không chỉ dừng cảm mà còn say mê và có tinh thần trách nhiệm. ‘Mười năm tròn’ thời gian khá dài thế mà ‘chưa mất một phong thư.’ Thời đại ngày nay với nhiều kỹ thuật hiện đại mà đôi khi còn mất thư, thế mà trong hoàn cảnh ấy chưa mất một phong thư nào. Điều này cho thấy được tinh thần trách nhiệm cao độ của người làm công tác liên lạc...”

Trong phần phân tích bài "Giải Đi Sớm" của Hồ Chí Minh, một thí sinh viết:

“Trên đường đi cơ cực nhưng người vẫn quan sát khung cảnh chung quanh; vẫn thưởng thức cảnh thiên nhiên như không có gì xảy ra đối với mình.”

Diễn giải câu “Lom khom dưới núi tiêu vài chú” là:

“Bác đứng trên núi nhìn xuống dưới núi có một vài chú tiêu đang lom khom mặc dù Bác chưa có thể khẳng định là các chú tiêu ấy đang làm gì, nhưng Bác thấy những hoạt động lom khom của các chú tiêu cũng có thể là đang đón củi.”

Nhan đề của bài "Chiếc Lư Đồng Mất Cua" của Nguyễn Tuân, cứ 10 bài thì có đến 7 bài viết thành:

"Chiếc lư đồng mất cua."

Hoặc:

"Chiếc lư đồng bắt cua."

Thậm chí là:

"Chiếc lư đồng mất kẹt..."

Lần khác, một học sinh “miêu tả hình dáng cô giáo em” như sau:

“*Cô giáo em hiền, nhưng hơi mập, tóc cô ngắn được buộc gọn ra đằng sau, khi đi tóc cô ve vẩy ngo ngoe như cái đuôi con lợn con khi em ra cho nó ăn cám. Cô có đôi chân vòng kiềng, có lần em nghe mẹ em bảo với mẹ thằng Hà, chân như vậy sau này cô sẽ dễ đẻ... (?!)”*

3- Chuyện khó tin... nhưng có thật!

Một vài bài thi tuyển sinh đại học Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh năm 2004:

1- Bác Hồ là một hột giống tốt cần được bảo quản.

2- Bài thơ "Chiều tối" của Bác Hồ làm ta nhớ đến câu thơ của Nguyễn Du: "Chim hôm thoi thóp về rừng," hay câu thơ "ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi" của Bà huyện Thanh Quan.

Nhưng so sánh, ta thấy rõ chim Bác Hồ khác hẳn chim Nguyễn Du, và càng khác hơn chim Bà huyện Thanh Quan. Chim Bà huyện thì tự nhiên mỏi, còn chim Bác Hồ là con chim phi thường, nó mỏi có mục đích "chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ."

3- Qua bài thơ "Chiều tối," ta thấy Bác Hồ đã dùng chim để mô tả nội tâm.

Làm sao Bác biết chim mỏi, nó nói với Bác chẳng? Không, nó không nói với Bác, mà chỉ cần nhìn Bác cũng biết nó mỏi.

4- Vào cái đêm trăng sáng, Chí Phèo đi gặp Thị Nở trong vườn chuối. Chí ôm chặt Thị và định giở trò. Lúc đầu Thị Nở cũng định phản ứng, nhưng rồi thấy xung quanh vắng vẻ, mà Chí lại ôm chặt quá, nên rồi Thị cũng... mặc kệ.

4- Thêm những bài văn khác cũng có thể làm cười đến vãi ra nước..!

Trong khi chấm thi tốt nghiệp THPT năm nay, các giáo viên lại bắt gặp rất nhiều bài làm văn học sinh viết rất ngây ngô, tréo ngoe. Những bài văn chương “rợn tóc gáy” này cứ tái diễn hằng năm.

Đây là nguyên văn một bài làm của học sinh:

"Mẹ và A Phủ là một đôi thanh mai trúc mã, họ thực lòng thực dạ yêu nhau quên trời quên đất, mặt dù quá xá người cản trở nhưng họ cũng lấy được nhau bằng cách dắt nhau đi vô rừng. Gia đình nhà thông lý bá tra là chồng trước của Mẹ đã kéo đến, Mẹ dung cùi chỏ lên, đánh cho bọn nó tang tát hết trơn, Mẹ lại giữ A phủ vô nhà, miệng của Mẹ rỉ rỉ mấy giọt máu. Nhà Tô Hoài đã đề cao giá trị nhân đạo bằng cách cho cô Mẹ đánh bọn cường hào ác bá kia đề dành lấy tự do và tình yêu chung thủy. (Kính thưa thầy cô, em sắp bị không rồi, lạy thầy cô chấm nương tay cho em nhờ cậy, để thấy cô tích đức, em cảm ơn)"

Những bài văn như thế này không thiếu.

Có em chỉ cọ quẹt đôi ba dòng, viết lại cái đề rồi bỏ luôn phần còn lại. Bài làm văn được 1 hay 1,5 điểm phần lớn đều rơi vào trường hợp này. Các em cứ viết linh tinh, “quên trời quên đất,” được chăng hay chớ, miễn là có Mẹ và A Phủ mà chăng cần biết mình viết gì.

Giáo viên chấm bài thi mà cứ tức anh ách. Không biết trong số mấy nghìn bài ở đây, có bài nào của học trò trong lớp mình dạy không. Điều mà mình dạy với điều mà học trò học chưa chắc đã giống nhau, bởi thế mới có mấy đoạn văn “đi mây về gió” như thế này:

- “Tây Tiến là một địa danh nổi tiếng ở miền tây, Quang Dũng đi bộ đội vào miền Nam, sau đó ra miền bắc rồi về miền tây nam bộ rồi lại ra miền tây. Quang Dũng kêu gọi các học sinh sinh viên Hà Nội lên đường đánh giặc và bản thân ông làm tướng công công đồn dưng sĩ giết sạch bọn giặc giả mang tàn nhẫn, quét sạch luôn bọn phong kiến ác ôn.”

- *“Mỵ đi ngay ra gốc cây ở ngoài rừng, ngòi phịch xuống cái gốc cây mà khóc, A Phủ trông thấy liền gọi Mỵ dậy và tặng cho Mỵ một con dao để Mỵ cắt dây trói.”*

- *“Tại sao Mỵ phải lấy A Phủ. A phủ là một thằng nhà giàu độc ác tượng trưng cho bọn thực dân dã man, chúng nó thực sự đang áp nhân dân ta đè nhân dân ta trong bể máu.”*

Khi đọc xong đoạn văn này nhiều giám khảo chấm thi cũng lắc đầu ngao ngán vì không thể hiểu nổi là thí sinh đang định diễn đạt điều gì?

“Qua một cặp vợ chồng trong đời sống hàng ngày, họ sống giản dị, trôi theo dòng sông đưa đẩy, họ được mọi người mến mộ tác phẩm làm cho nhà thơ không phải quên, không phải văn chương nào cũng có lòng nhân đạo nói lên rất u là nổi bật, đó sáng tác rất nổi bật.”

Đọc những bài thi, mới nhận ra khả năng bình luận văn chương của các nhà phê bình văn học kém hẳn so với “tài năng” của các em.

Còn đây là một kiểu suy diễn... chết người, ai mạnh nha tham vọng thành nhà thơ, đọc rồi sẽ tuyên bố bỏ nghề làm thơ:

“‘Quân xanh màu lá’ tức là màu xanh của màu huy vọng mong rằng quân ta tồn thắng;”

“‘Sông Mã gầm lên’ là vì tuy các anh đã được dùi xâu dưới lòng đất đến thiên nhiên cảnh vật cũng phải khiếp sợ huống chi là con người nên sông mã mới gầm lên um sùm như thế chứ;”

“‘Chiến trường đi không tiếc đời anh’ câu thơ thực là dí dỏm tinh nghịch quá.”

Quang Dũng mà sống lại có lẽ cũng phải... bó tay!

Còn tác giả của “Dế Mèn” yêu quý của bạn nhỏ thì không biết sẽ bình luận gì trước những nhà bình luận văn chương tài ba này:

“Mỳ và A Sử sống gần gũi thân mật nhau dần dần nảy sinh tình cảm, hạnh phúc xuất phát từ sự đau khổ xã hội phong kiến lại không chấp nhận mối nhân duyên ấy nên họ càng đau khổ càng mất hạnh phúc.”

Còn giám thị ắt hẳn sẽ kinh hoàng khi đọc thấy cái mở bài này:

“Hôm nay, bữa thi đầu tiên, thấy thầy giám thị phát đề văn, thầy đi đi lại lại, y chang mấy người lính tây tiến nên em có cảm hứng phân tích một đoạn bài Tây Tiến.”

5- Một vài nhận định [của người trong cuộc trông người!] về cái văn hóa “hết thuốc chữa???”

a- Tổ trưởng tổ chấm văn của một trường cấp 3 nói nửa đùa nửa thật:

“Các thầy cô đừng có bắt lỗi chính tả làm gì, bắt lỗi chính tả thì không còn thời gian để chấm bài nữa. Kệ! Miễn học sinh viết được tiếng Việt thì thôi, mình đọc hiểu là được rồi, đừng có viết thành tiếng Tây tiếng Tàu là được. Một mắt nhắm, một mắt mở mà chấm, chấm mà mở hai mắt thì tối ngủ gặp ác mộng đó. Tụi nó tưởng tượng khiếp quá mà!”

b- Bộ Giáo dục – Về đào tạo đã có quá nhiều cải biên, cải cách về nội dung và phương pháp giảng dạy môn văn, thay cả sách giáo khoa, cho ra đời hàng loạt sách tham khảo, thực hiện nhiều cuộc hội thảo, tập huấn về thay sách trên phạm vi cả nước, tốn kém bạc tỷ.

Tuy nhiên, Bộ lại quên rằng: dạy văn là dạy người, dạy cái phần hồn tinh túy, cao đẹp của con người thông qua các hình tượng văn học. Muốn thế, trước hết và rất cơ bản là tâm hồn người thầy phải

thật trong sáng, nhạy cảm và giàu tính yêu thương. Nếu cứ xem nhẹ đặc trưng bộ môn văn, quá thiên về cải cách phương pháp dạy và học, e rằng học sinh càng sợ học văn.

Dạy các môn xã hội, nhất là môn văn là nhằm hình thành nhân cách cho học sinh, giúp các em tích lũy hiểu biết, từng bước làm giàu tình yêu gia đình, quê hương, đất nước và con người. Vậy mà bây giờ có không ít học sinh không thích học văn, thậm chí rất sợ học văn. Lỗi ấy đâu chỉ thuộc về các em?!

Lời kết của người sưu tập bài này:

“Than ôi! thời oanh liệt nay còn đâu?”
(Thế Lữ - Nhớ Rừng)

(TVG đọc và ghi lại từ một số điện báo trong nước)

Bảng Đối Chiếu Từ Ngữ...

Lời giới thiệu:

Có những từ ngữ của miền Nam và miền Bắc trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 viết và cách dùng giống nhau; nhưng đồng thời cũng có rất nhiều chữ viết giống như nhau nhưng ý nghĩa (hoàn toàn khác biệt) dễ dàng gây “hoang mang” (confused) nếu người đọc (hoặc người nghe) không biết trước.

Sau 1975, vì nhiều lý do, một số từ ngữ của miền Nam (VNCH) đã bị thay thế hẳn. Tuy nhiên văn hóa và truyền thống của cộng đồng người Việt tị nạn CS ở hải ngoại vẫn tiếp tục duy trì các từ ngữ VNCH.

Đã có một số tác giả hiện đang sống ở hải ngoại viết về vấn đề gọi là “cái chết của ngôn ngữ Sài Gòn cũ.” Cá nhân tôi không đồng ý với quan điểm là tiếng Sài Gòn cũ (VNCH) đã hoặc sẽ chết. Thực tế cho thấy dân số tị nạn CS tại hải ngoại gần 3 triệu người hàng ngày vẫn dùng và bảo tồn chữ Sài Gòn cũ trong gia đình, trong thánh lễ nhà thờ, trong kinh lễ thuyết pháp Phật giáo, trong các

sinh hoạt thiếu nhi thánh thể cũng như gia đình phật tử... Hiện nhiên chữ Sài gòn cũ luôn luôn có sẵn và không hề thiếu thì hà có gì chúng ta phải dùng đến chữ của vi xi (riêng sự việc người dân Việt đang sống trong nước phải dùng từ ngữ CS trong mọi liên lạc, văn hóa là chuyện cũng dễ hiểu thôi...) Người Do thái sau khi tan hàng ở Trung đông vì có thể bị diệt chủng (bởi áp lực của Hồi giáo và dân Ả rập) cả chục thế kỷ rồi. Họ cũng sống lưu vong khắp nơi trên thế giới giống như dân Việt tị nạn CS; Vậy mà khi vừa mới tái lập quốc gia Do thái ở khoảng năm 1948 là họ khai sinh ngay trở lại một từ ngữ (dead language) đã “chết” hẳn từ vài thế kỷ trước của họ, đó là tiếng “Hebrew,” thành một sinh ngữ (living language). Với cái đà xuống dốc tệ hại của chủ nghĩa CS hiện nay ở Việt Nam thì cơ hội phục hưng của người quốc gia và sự trở lại tiếng Sài gòn cũ không phải chỉ có trong ước mơ. Bây giờ chúng ta cứ vô tình dùng chữ ngây ngô của vi xi thì chẳng khác gì như vô hình chung chúng ta chấp nhận CS (tương tự như trang điện báo của đảng CSVN hoan hỉ phổ biến sự thao dượt hải quân của Trung cộng trên quần đảo Trường sa và Hoàng sa của Việt Nam).

Tôi cố gắng thu góp lại, từ nhiều bài viết của nhiều tác giả khác nhau và cũng từ kinh nghiệm cá nhân (chủ quan) của tôi, một số từ ngữ (của VC và VNCH) thuộc loại “dễ dàng gây hoang mang” này; và tạm xếp vào một bảng đối chiếu dưới đây để quý vị rộng đường tham khảo; tùy ý sử dụng; và để may ra giúp quý vị tránh các trường hợp đáng tiếc (bị đồng bào chung quanh hiểu lầm “địa chỉ” của mình).

TVG.

*

TỪ NGỮ VC - TỪ NGỮ VNCH

Ấn tượng - Đáng ghi nhớ, đáng nhớ

Bác sỹ / Ca sỹ - Bác sĩ / Ca sĩ

Bang - Tiểu bang (State)

Bắc bộ / Trung bộ / Nam bộ - Bắc phần / Trung phần / Nam phần

Báo cáo - Thưa trình, nói, kể

Bảo quản - Che chở, giữ gìn, bảo vệ

Bài nói - Diễn văn

Bảo hiểm (mũ) - An toàn (mũ)

Bèo - Rẻ (tiền)

Bị (đẹp) - Không dùng động từ “bị;” chỉ dùng tĩnh từ (đẹp)

Bồi dưỡng (hồi lộ?) - Nghỉ ngơi, tâm bổ, săn sóc, chăm nom, ăn uống đầy đủ

Bóng đá - Túc cầu

Bức xúc - Dồn nén, bực tức

Bất ngờ - Ngạc nhiên (surprised)

Bổ sung - Thêm, bổ túc

Cách ly - Cô lập

Cảnh báo - Báo động, phải chú ý

Cái A-lô - Cái điện thoại (telephone receiver)

Cái đài - Radio, máy phát thanh

Căn hộ - Căn nhà

Căng (lắm) - Căng thẳng (intense)

Cầu lông - Vĩ cầu

Chảnh - Kiêu ngạo, làm tàng

Chánh qui – Hợp lệ, hợp pháp

Chất lượng - Phẩm chất tốt (chỉ đề cập phẩm “quality,” không đề cập lượng “quantity”)

Chất xám - Trí tuệ, sự thông minh

Chế độ - Quy chế

Chỉ đạo - Chỉ thị, ra lệnh

Chỉ tiêu - Định suất

Chủ nhiệm – Trưởng ban, Khoa trưởng

Chủ trì - Chủ tọa

Chữa cháy - Cứu hỏa

Chiêu đãi - Thết đãi
Chui - Lén lút
Chuyên chở - Nói lên, nêu ra
Chuyên ngữ - Dịch
Chứng minh nhân dân - Thẻ Căn cước
Chủ đạo - Chính
Co cụm - Thu hẹp
Công đoàn - Nghiệp đoàn
Công nghiệp - Kỹ nghệ
Công trình - Công tác
Cơ bản - Căn bản
Cơ ngơi - Chương trình, dự án
Cơ khí (tĩnh từ!) - Cầu kỳ, phức tạp
Cơ sở - Căn bản, nguồn gốc
Cửa khẩu - Phi cảng, Hải cảng
Cụm từ - Nhóm chữ
Cứu hộ - Cứu cấp

Diện - Thành phần
Dự kiến - Phỏng định

Đại học mở - ???
Đào tị - Tị nạn
Đầu ra / Đầu vào - Xuất lượng / Nhập lượng
Đại táo / Tiểu táo - Nấu ăn chung, ăn tập thể / Nấu ăn riêng, ăn gia đình
Đại trà - Quy mô, cỡ lớn
Đảm bảo - Bảo đảm
Đăng ký - Ghi danh, ghi tên
Đáp án - Kết quả, trả lời
Đề xuất - Đề nghị
Đội ngũ - Hàng ngũ
Động não - Vận dụng trí óc, suy luận, suy nghĩ
Đồng bào dân tộc - Đồng bào sắc tộc
Động thái - Động lực
Động viên - Khuyến khích
Đột xuất - Bất ngờ
Đường băng - Phi đạo

Đường cao tốc - Xa lộ

Gia công - Làm ăn công

Giải phóng - Lầy lội, đem đi... (riêng chữ này bị VC lạm dụng rất nhiều)

Giải phóng mặt bằng - Ủi cho đất bằng

Giản đơn - Đơn giản

Giao lưu - Giao thiệp, trao đổi

Hạch toán - Kế toán

Hải quan - Quan Thuế

Hàng không dân dụng - Hàng không dân sự

Hát đôi - Song ca

Hát tập - Hợp ca

Hạt nhân (vũ khí) - Nguyên tử

Hậu cần - Tiếp liệu

Học vị - Bằng cấp

Hệ quả - Hậu quả

Hiện đại - Tối tân

Hộ Nhà - Gia đình

Hộ chiếu - Sổ Thông hành

Hồ hỏi - Phấn khởi

Hộ khẩu - Tờ khai gia đình

Hội chữ thập đỏ - Hội Hồng Thập Tự

Hoành tráng - Nguy nga, tráng lệ, đồ sộ

Hung phấn - Kích động, vui sướng

Hữu hảo - Tốt đẹp

Hữu nghị - Thân hữu

Huyện - Quận

Kênh - Băng tần (Channel)

Khả năng (có) - Có thể xảy ra (possible)

Khẩn trương - Nhanh lên

Khâu - Bộ phận, nhóm, ngành, ban, khoa

Kiều hởi - Ngoại tệ

Kiệt suất - Giỏi, xuất sắc

Kinh qua - Trải qua

Làm gái - Làm điếm
Làm việc - Thăm vấn, điều tra
Lầu năm góc / Nhà trắng - Ngũ Giác Đài / Toà Bạch Ốc
Liên hoan - Đại hội, ăn mừng
Liên hệ - Liên lạc (contact)
Linh tinh - Vớ vẩn
Lính gái - Nữ quân nhân
Lính thủy đánh bộ - Thủy quân lục chiến
Lợi nhuận - Lợi tức
Lũ - Lụt
Lược tóm - Tóm lược
Lý giải - Giải thích (explain)

Máy bay lên thẳng - Trực thăng
Múa đôi - Khiêu vũ
Mĩ – Mỹ (Hoa kỳ -USA)

Nắm bắt - Nắm vững
Nâng cấp - Nâng, hoặc đưa giá trị lên
Năng nổ - Siêng năng, tháo vát
Nghệ nhân - Thợ, nghệ sĩ
Nghệ danh - Tên (nghệ sĩ - stage name) dùng ngoài tên thật
Nghĩa vụ quân sự - Đi quân dịch
Nghiêm túc - Nghiêm chỉnh
Nghịệp dư - Đi làm thêm (2nd job / nghề phụ, nghề tay trái)
Nhà khách - Khách sạn
Nhất trí - Đồng lòng, đồng ý
Nhất quán - Luôn luôn, trước sau như một
Người nước ngoài - Ngoại kiều
Nổi niềm (tĩnh từ!) - Về suy tư

Phần cứng - Cương liệu
Phần mềm - Nhu liệu
Phản ánh - Phản ảnh
Phản hồi - Trả lời, hồi âm
Phát sóng - Phát thanh
Phó Tiến Sĩ - Cao Học
Phi khẩu - Phi trường, phi cảng

Phi vụ - Một vụ trao đổi thương mại (a business deal - thương vụ)
 Phục hồi nhân phẩm - Hoàn lương
 Phương án - Kế hoạch

Quá tải - Quá sức, quá mức
 Quán triệt - Hiểu rõ
 Quản lý - Quản trị
 Quảng trường - Công trường
 Quân hàm - Cấp bậc
 Quy hoạch - Kế hoạch
 Quy trình - Tiến trình

Sốc (“shocked”) - Kinh hoàng, kinh ngạc, ngạc nhiên
 Sơ tán - Tản cư
 Sư - Sư đoàn
 Sức khỏe công dân – Y tế công cộng
 Sự cố - Trở ngại

Tập đoàn / Doanh nghiệp - Công ty
 Tên lửa - Hỏa tiễn
 Tham gia lưu thông (xe cộ) - Lưu hành
 Tham quan - Thăm viếng
 Thanh lý - Thanh toán, chứng minh
 Thân thương - Thân mến
 Thi công - Làm
 Thị phần - Thị trường
 Thu nhập - Lợi tức
 Thư giãn - Tinh tảo, giải trí
 Thuyết phục (tính) - Có lý (makes sense), hợp lý, tin được
 Tiên tiến - Xuất sắc
 Tiến công - Tấn công
 Tiếp thu - Tiếp nhận, thấu nhận, lãnh hội
 Tiêu dùng - Tiêu thụ
 Tổ lái - Phi hành đoàn
 Tờ rơi - Truyền đơn
 Tranh thủ - Cố gắng
 Trí tuệ - Kiến thức
 Triển khai - Khai triển

Tư duy - Suy nghĩ

Tư liệu - Tài liệu

Từ - Tiếng, chữ

Ùn tắc - Tắc nghẽn

Vấn nạn - Vấn đề

Vận động viên - Lục sĩ

Viện Ung Bướu – Viện Ung Thư

Vô tư - Tự nhiên

Xác tín - Chính xác

Xe con - Xe du lịch

Xe khách - Xe đò

Xử lý - Giải quyết, thi hành

(... còn tiếp)

** Kính xin quý vị thấy có thêm những chữ loại này ở đâu đó (?) hoặc thấy sự đối chiếu chưa đúng (!) thì xin vui lòng mách dùm để cùng bổ túc (không phải bổ sung) và sửa đổi cho đúng (không phải là hoàn chỉnh) và cũng để mọi người cùng phấn khởi (không phải là hồ hởi) tham khảo - Đa tạ...*

Phụ Đính

Phụ đính 1

Ngày Về Thăm Quê Hương

Từ khi xa cách quê nhà
 Thoi đưa thắm thoát đã bao thu tròn
 Tháng ngày đếm bóng hoàng hôn
 Tấm thân lặn đạn cô đơn quê người
 Ra đi tôi vẫn nhớ lời
 Dẫu rằng tóc trắng da môi dám quên!
 Công ơn cha mẹ chưa đền
 Thì cho ba vạn sáu nghìn mà chi?

Kể từ hôm ấy ra đi
 Ngày vui càng vắng, tuổi tôi thêm già
 Dịp may tôi trở lại nhà
 Đặt chân vào đất quê cha tôi buồn
 Chợ kia ai kẻ bán buôn?
 Cống kia ai lập để tuôn mạch sâu?

Hỏi thăm Chú, Bác ở đâu?
 Vườn cau để héo, giàn trầu để khô
 Ghé vào hỏi Cậu, thăm Cô
 - “Đi kinh tế mới” - “Tản cư!” phương nào?
 Lòng tôi cảm thấy nghẹn ngào
 Không còn ai để hỏi chào... đành thôi!

Tôi tìm về đến nhà tôi
 Ô kìa! Phong cảnh tưởng chơi hay đùa
 Nhà tôi sao giống cảnh chùa
 “Bà Đanh” ngày trước tiếng chua hầy còn

*Đâu còn những tiếng chim non
Hót ca mỗi sớm sương còn mờ bay
Nhìn qua ngọn cỏ lá cây
Cảnh kia có nhớ người này năm xưa?*

*Anh tôi chết tự bao giờ!
Còn thằng em nhỏ ngây thơ, quê mùa
Mẹ già chiều nắng mai mưa
Tháng ngày tàn tảo từ xưa vẫn nghèo
Không ao cá, chẳng chuồng heo
Vườn hoang giậu đổ, cỏ bèo nắng phơi
Kìa đàn em bé biếng chơi
Không nô đùa giống khi tôi ở nhà*

*Tôi ra viếng lại cảnh Chùa
Tưởng rằng nghe tiếng “Nam Mô” ồn ào
Than ôi! Nhưng có đâu nào!
Ai khua mõ sớm? Ai rao chuông chiều?
Từ đầu đến cuối quạnh hiu
Lò hương đổ nát, tháp rêu phong đầy
Người xưa cảnh cũ có hay?
Mắt bưng bưng mở tưởng rầy chiêm bao*

*Ngập ngừng không biết tính sao!
Lòng toan ở lại, chân chào bước đi.*

Trần Văn Giang
(Viết sau chuyến về thăm nhà lần đầu)

Phụ đính 2

Giấy Chứng Nhận “Người.”

Trên đoàn tàu, cô soát vé hết sức xinh đẹp cứ nhìn chăm chăm vào người đàn ông lớn tuổi áng chừng đi làm thuê, hạc sách:

- Vé tàu!

Người đàn ông lớn tuổi lục khắp người từ trên xuống dưới một thôi một hồi, cuối cùng tìm thấy vé, nhưng cứ cầm trong tay không muốn chìa ra.

Cô soát vé liếc nhìn vào tay anh, cười trách móc:

- Đây là vé trẻ em.

Người đàn ông đứng tuổi đỏ bừng mặt, nhỏ nhẹ đáp:

- Vé trẻ em chẳng phải ngang giá vé người tàn tật hay sao?

Giá vé trẻ em và người tàn tật đều bằng một nửa vé, đương nhiên cô soát vé biết. Cô nhìn kỹ người đàn ông một lúc rồi hỏi:

- Anh là người tàn tật?

- Vâng, tôi là người tàn tật.

- Vậy anh cho tôi xem giấy chứng nhận tàn tật.

Người đàn ông tỏ ra căng thẳng. Anh đáp:

- Tôi... không có giấy tờ. Khi mua vé cô bán vé bảo tôi đưa giấy chứng nhận tàn tật, không biết làm thế nào, tôi đã mua vé trẻ em.

Cô soát vé cười gằn:

- Không có giấy chứng nhận tàn tật, làm sao chứng minh được anh là người tàn tật?

Người đàn ông đứng tuổi im lặng, khe khẽ tháo giày, rồi vén ống quần lên (Anh chỉ còn một nửa bàn chân).

Cô soát vé liếc nhìn, bảo:

- Tôi cần xem chứng từ, tức là quyền sở hữu có in mấy chữ “Giấy chứng nhận tàn tật,” có đóng con dấu của “Hội người tàn tật!”

Với khuôn mặt như quả dưa đắng, người đàn ông đứng tuổi cố giải thích:

- Tôi không có “hộ khẩu” của địa phương, người ta không cấp sổ tàn tật cho tôi. Hơn nữa, tôi làm việc trên công trường của tư nhân. Sau khi tai nạn xảy ra ông chủ bỏ chạy, tôi cũng không có tiền đến bệnh viện giám định...

Trưởng tàu nghe chuyện ồn ào, đến hỏi tình hình.

Người đàn ông đứng tuổi một lần nữa trình bày với trưởng tàu, mình là người tàn tật, đã mua một chiếc vé có giá trị bằng vé của người tàn tật...

Trưởng tàu cũng hỏi:

- “Giấy chứng nhận tàn tật” của anh đâu?

Người đàn ông đứng tuổi trả lời là anh không có “giấy chứng nhận tàn tật,” sau đó anh cũng cho trưởng tàu xem nửa bàn chân của mình.

Trưởng tàu không thèm nhìn bàn chân của người đàn ông, cứ nhất quyết nói:

- Chúng tôi chỉ xem giấy chứng nhận, không xem người. Có giấy chứng nhận tàn tật chính là người tàn tật, có giấy chứng nhận tàn tật mới được hưởng chế độ ưu đãi vé người tàn tật. Anh mau mau mua “vé bổ sung.”

Người đứng tuổi bồng thần thờ. Anh lục khắp lượt các túi trên người và hành lý, chỉ có hơn 50 ngàn đồng, hoàn toàn không đủ mua “vé bổ sung.” Anh nhăn nhó và nói với trưởng tàu như khóc:

- Sau khi bàn chân tôi bị máy cán đứt một nửa, không bao giờ còn đi làm được nữa. Không có tiền, ngay đến về quê cũng không về nổi. Nửa vé này cũng do bà con đồng hương góp mỗi người một ít để mua giùm, xin ông mở lượng hải hà, giơ cao đánh khế, nương bàn tay cao quý, tha cho tôi.

Trưởng tàu nói cương quyết:

- Không được.

Thừa dịp, cô soát vé nói với trưởng tàu:

- Hay là bắt anh ta lên đầu tàu xúc than, coi như làm lao động để bù cho vé tiền.

Nghĩ một lát, trưởng tàu đồng ý:

- Cũng được.

Một ông lão ngồi đối diện với người đàn ông đứng tuổi tỏ ra chướng tai gai mắt, đứng phất lên nhìn chăm chăm vào mắt vị trưởng tàu, hỏi:

- Anh có phải đàn ông không?

Vị trưởng tàu không hiểu, hỏi lại:

- Chuyện này có liên quan gì đến tôi có là đàn ông hay không?

- Anh hãy trả lời tôi, anh có phải đàn ông hay không?

- Đương nhiên tôi là đàn ông!

- Anh dùng cái gì để chứng minh anh là đàn ông? Anh đưa “giấy chứng nhận đàn ông” của mình cho mọi người xem xem?

Mọi người chung quanh cười rộ lên.

Thừ người ra một lát, vị trưởng tàu nói:

- Một người đàn ông to lớn như tôi đang đứng đây, lẽ nào lại là đàn ông giả?

Ông lão lắc lắc đầu, nói:

- Tôi cũng giống anh chị, chỉ xem chứng từ, không xem người, có giấy chứng nhận đàn ông sẽ là đàn ông, không có giấy chứng nhận đàn ông không phải đàn ông.

Vị trưởng tàu tịt ngóp, ngay một lúc không biết ứng phó ra sao. Cô soát vé đứng ra giải vây cho Trưởng tàu. Cô nói với ông lão:

- Tôi không phải đàn ông, có chuyện gì ông cứ nói với tôi.

Ông lão chỉ vào mặt chị ta, nói thẳng thừng:

- Cô hoàn toàn không phải người!

Cô soát vé bồng nỏ cơn tam bành, nói the thé:

- Ông ăn nói sạch sẽ một chút. Tôi không là người thì là gì?

Ông lão vẫn bình tĩnh, cười ranh mãnh, ông nói:

- Cô là người ư? Cô đưa “giấy chứng nhận người” của cô ra xem nào...

Mọi hành khách chung quanh lại cười ầm lên một lần nữa.

Chỉ có một người không cười. Đó là người đàn ông trung niên bị cụt chân. Anh cứ nhìn trân trân vào mọi thứ trước mặt. Không biết tự bao giờ, mắt anh đăm lẹ, không rõ anh tủi thân, xúc động, hay thù hận...

Khuyết danh

Trần Văn Giang (st)

Phụ đính 3

Lưng Em Sau Làn Áo Mỏng...

Mộng Nga gieo mình đánh phịch xuống ghế đệm, chiếc váy mỏng gấp lại phía sau tấm mông tròn, khiến vạt váy đũng trước co cao, để lộ mảnh đùi trắng trên đầu gối chân. Nở nụ cười làn môi mỏng tô lên lớp son tươi doi doi, Mộng Nga tình tứ nhìn San:

- Tôi đã lùng được món hàng cho chú.

San ngạc nhiên:

- Hàng gì chị?

Vươn người lại gần San, mùi nước hoa ngào ngạt xối theo hơi thở, Mộng Nga ghé sát tai San:

- Một cô gái đúng như chú muốn, rất đứng đắn!

San phì cười vì món hàng "đứng đắn," nhưng San chột rùng mình, người râm ran như bị kiến cào đốt lưng. Mộng Nga tiếp tục rỉ tai San, hơi thở gấp hơn, dưới mái tóc búi cao, chiếc cổ trắng tròn, cúc áo đầu ngực không cài, để mở rung rung... San nắm chặt hai bàn tay, các đốt ngón co rụm lại với nhau.

Mộng Nga bảo San, Hà Nội có đủ một ăn chơi, gái trẻ và đẹp, lại rẻ nhất thế giới. Từ loại "phong ba bão táp" tới loại "chưa cùng ai." Giả nhời bằng câu tếu, San nói đùa, San thích loại "đứng đắn."

Không ngờ, Mộng Nga tưởng thật. San đã phóng bậy tia lửa; bây giờ nó bốc cháy sém mặt, “tội làm mà thân chịu!”

San đứng dậy, cố sức trấn tĩnh.

- Cứ thế nhá! Chú San, chị đã trả tiền trước cho họ rồi, dắt một tí đây ... Chị coi đây là món à tặng em trai mà! Việt Kiều lâu năm trở về thăm gia đình, thanh niên chưa vợ đi ... “tươi mát” đôi chút ... ha ha ha! Người ta mở sẵn cửa chờ chú tới đây!

San mím môi, thở dài. Nhà đột từ nóc đột xuống ...

Người con gái kia là ai? Một món hàng hoá sống! Bị đem ra đem bán, một phương tiện kiếm ăn cho một đám người thời kỳ đổi mới. Giống như San, một con người không được nơi đây thừa nhận, buộc lòng phải ra đi; họ không cần biết nỗi tủ nhục nào San đã đang nếm trải, thoáng bóng đồng “đô la” trong túi San; họ níu lấy gạ bán “thịt người” kiếm lời... Nó là chuỗi mắt xích liên kết cho một nỗi đau "tươi mát." Một nỗi đau ê ẩm của những kẻ khốn nạn nhất trong thời đại khốn nạn. Lòng San nổi dậy xót thương, đồng cảm, xen lẫn với sự phẫn nộ đầy khó chịu...

Cuối cùng, San nhảy lên chiếc xích lô đi hun hút xuống cuối phố Hàng Bài, lăn vào giữa đám người đông nghìn nghịt.

Mấy đứa cháu từng cảnh giác San:

- Chú đừng bao giờ đi một mình, Hà Nội bây giờ chỗ nào cũng “A-li ba-ba!”

- “A-li ba-ba” là cái gì?

- Tụi trộm cướp thành “Bát Đa!”

Mặc! San vẫn cứ đi một mình.

Qua Hàm Long, rẽ vào Lò Đúc, cuối phố, máy nước công cộng, là đầu nguồn tụ hội của khối dân văn minh thành thị, cầm đầu những vùng làng quê xa vắng. Một đám đông người xúm quanh vòi nước. Những chiếc thùng tôn, móc sắt, va đập nhau xúng xoảng. Cảnh tranh dành nhau vì nước. Những cái lưng trần trụi và nhầy nhụa mồ hôi của mọi hạng người nhảy qua nhảy lại, dành dật lấn át đám trẻ con, ông bà già, con gái. Tiếng kêu, tiếng nói, tiếng chửi đủ mọi thứ giọng của kẻ giữ nước, chiếm nước, bán loạn với những kẻ khốn khổ tìm nước cho sự sống, nổi lên những thằng mạnh ăn hiếp kẻ yếu...

San đi xuyên qua đám người đang vật lộn nhau với nước. San nhảm thảm: “giấy nhà lán đơn sơ, nó chính là cái ngõ bị lấn chiếm.” Đi vào ngõ, cái ngõ sâu thẳm, lần mò tới hơn một trăm bước chân. Những mảnh tôn, thanh gỗ chấp vá chằng chống nhau tạo thành chỗ ở tạm bợ cho đời này sang đời khác, không có vẻ thay đổi. Đi 75 bước nữa, phía tay trái có cây si, tạm đánh dấu cho một khúc ngoặt bất ngờ. 92, 93 bước... Để ý cầu thang gỗ chắn ngang. San thấy rồi: cái cầu thang gỗ. San dẫm chân lên, ván gỗ long lênh ọp ẹp, mỗi bước chân dẫm lên tạo thành một tiếng động nhẹ nhẹ, như nhảy trên chiếc đàn “piano” khổng lồ với những nốt nhạc trầm buồn.

Vào một hành lang hẹp và tối, San đi tới buồng cuối. Một cô gái đang ngồi quay lưng hí hoáy biên chép. Cô gái này chẳng? San trầm ngâm suy nghĩ cho những điều mình sẽ nói, sẽ làm.

Hai phút sau, San gõ nhẹ lên cánh cửa. Cô gái quay mặt lại. San vẫn nhìn qua khe cửa, thấy rõ mọi cử chỉ của cô gái. Cô gái có khuôn mặt đẹp một cách không ngờ, đôi mắt đen lay láy và sáng nhánh hạt na. San giật mình, lúng túng ra mặt. Bên những cô gái quá đẹp, tàu hoả có khi chạy còn trật bánh ra ngoài đường rầy.

Cô gái cỡ tuổi trạc độ 21, 22 gì đó, kém San hàng chục tuổi. Mái tóc cô gái rất dài, vắt qua cổ lên mặt bàn còn chảy xuống một đoạn lưng lẳng. Cô chải đầu gọn ghẽ, khuôn mặt trắng mịn, tuy hơi tai tái nhưng rất ưa nhìn, nét hình cô cân đối, với tám lưng thon thon

vặn chéo sau làn áo trắng mỏng. Cô gái gây cho San cảm giác nao nao về sự mềm mại của tuổi xuân dậy thì.

Nghe tiếng gõ, cô gái quay mặt về phía cửa, đôi lông mày cô hơi cong và nhíu lại. Cô có vẻ như chờ người bên ngoài lên tiếng. Im lặng. Cô dóng tai nghe ngóng. Thấy vẫn im lặng, cô gái toan quay lưng đi... San gõ tiếp khe khẽ lên cánh cửa hai tiếng nữa...

- Ai đấy?

Cô gái nhỏ nhẹ hỏi và đứng dậy ra mở to cánh cửa.

- Xin lỗi. Cô là Oanh?

Nhìn dáng ăn mặc sang trọng của San, Oanh - tức cô gái - gật đầu chào San bằng câu bông thông, chẳng vồ vập, cũng chẳng ra vẻ khó chịu:

- Chào anh.

San ngượng nghịu, cười gượng bước vào. San không quen, chính thế, lần đầu tiên... San tự trấn mình bằng những ý nghĩ rất nghiêm túc của lý trí. Khi tới, lòng San tạo được sự bình thản như đi làm một sự vụ. Giờ đây, trước mặt cô gái đẹp thùy mị, San chợt thấy mình khó mở mồm nói những gì dự định trước. San lúng túng thực sự.

Phòng ngủ nhỏ, vừa kê hai giường đơn, giữa dành một lối đi. Đuôi giường kê tám ván dài làm bàn viết lách. Sách vở học sinh để chồng đống trên bàn. San ngồi đối diện với Oanh, mỗi người một giường. Cả hai đều lặng lẽ, thủ miếng kỹ càng như hai đầu vật ra bãi dò hỏi nhau.

Hồi lâu như vậy, không khí trở nên nhạt nhẽo. Oanh cúi đầu xuống hí hoáy viết tiếp. San nhặt quyển sách gần đó lên xem. Sách giáo khoa cho học sinh lớp ba, chữ nghĩa trong trang sách nhảy múa bài “Vũ Điệu Trong Bóng Mờ!” Đọc không hiểu. Mặc cảm tội lỗi mơ hồ đến với San, mỗi lúc một đậm rõ. San toan tính đứng

dậy chào Oanh. San dự định sẽ nói câu như thế này: "Tôi...chào cô giáo, tôi... đi về. Tôi xin phép được đóng cửa hộ... bạn."

Nhưng San chưa lấy được can đảm đứng dậy chào từ biệt, trước mặt cô gái đẹp bất ngờ, phải nói đúng hơn là cái đẹp đã khiến San bối rối, làm cho San mất hết tự chủ, San "linh cảm" như có "chuyện gì" sắp xảy ra, rất là an trọng! San dần lòng mình chờ đợi cố chờ thêm ít phút, San nghĩ thầm, năm phút nữa thôi, nếu không có "chuyện gì" xảy ra, lúc ấy, San sẽ... "Bye-bye"...

Oanh thỉnh thoảng ngẩng đầu, cau mặt kín đáo nhìn trộm San, rồi vội vã cúi gầm mặt xuống. San cũng vậy, ngồi đọc sách giáo khoa chỉ là cái có nhìn trộm Oanh... Vô tình ... Bôn mắt gặp nhau. Oanh phá lên cười, lấy sách che miệng, chỉ để hở đôi mắt sáng đen trên khuôn mặt xoay nghiêng, mớ tóc vương bông trên vàng trán trắng rung rinh. San cũng cười, lấy thuốc lá trong túi ra, tay run bắn, lật đật mãi không châm xong điều thuốc.

Oanh nhú đôi lông mày, nghiêm giọng:

- Sao anh không nói?
- Còn em?
- Em ngồi đây là để nghe chứ không phải để nói.
- Thế... nói dối có được không?
- Không được! Em không thích nói dối.
- Tiếc thật!
- Sao kia anh?
- Người nói dối, sẽ nói được nhiều. Người nói thật sẽ ít nói, thậm chí không biết nói, như người thời đại bị bịt miệng.
- Ai dậy anh cái triết lý ấy?

- Cuộc đời.

- Cuộc đời nào?

- Cuộc đời của... em!

- Khiếp! Anh nói em phát sợ run lên được.

- Sự thật như vậy, trong đôi mắt em, từ lúc anh bước chân vào đây, anh thấy em hoang mang hoảng hốt, em sợ mà em không dám nói ra, vì vậy em không nói gì hết, đúng không em?

- Anh hơi có lý.

- Có lý quá đi chứ ly. Anh định...

- Anh định nói gì?

- Anh định nói “Chào em - cô giáo, anh đi về.”

- Chỉ thế thôi ư?

- Còn, “Anh xin đóng cửa hộ... bạn!”

- Lạ quá nhỉ? Anh đến chỉ để chào em rồi đi về?

- Không! Anh vừa nói, còn câu “Anh xin đóng cửa hộ... ‘bạn!’”

- Nghĩa là gì hở anh? Tại sao anh lại phải đóng cửa hộ em? Em không thể đóng lấy hay sao?

- Bởi vì khi anh đến đây, cửa em mở hé, em chờ anh tới, vì sự bắt buộc. Mà anh thì, tới đây chỉ để nói với em, anh không phải là người bắt buộc em mở cửa, nên anh xin phép em đóng hộ cách cửa lại. Rồi anh đi về.

(--- Im lặng. ---)

- Anh không biết nói văn hoa, sự thật là như vậy.

- Anh có phải là Việt Kiều hay không?

- Anh không giải thích được.

- Tại sao thế anh?

- Giấy tờ của anh, họ ghi là Việt Kiều, anh là người sinh ra và lớn lên trên mảnh đất này. Anh yêu nó tha thiết. Anh không muốn người ta nhìn anh tựa du khách. Anh không xa lạ với Hà Nội.

- Anh có biết không? Khi người ta gọi anh là Việt Kiều, nó mang cái nghĩa ngưỡng mộ anh đây. Thực sự thì, Việt Kiều là tiền “đô la.” Dân ở đây nghèo túng, một cái hỷ tay của các anh Việt Kiều chút tiền lẻ đủ cho một gia đình qua được cơn hoạn nạn.

- Riêng em thì sao?

- Em ghét tụi Việt Kiều. Chúng nó hợm mình hợm của... Nhưng em nhỏ nhen quá, chuyện yêu hay ghét ấy chẳng bận gì đến mình.

- Anh muốn hỏi riêng em, em có gọi anh là Việt Kiều không?

- Anh tên là gì nhỉ?

- À! Xin lỗi em. Anh quên chưa giới thiệu tên. Anh tên là San, tên cũ là Cu Tý.

- Anh San ở ở đâu?

- Nhà quê.

- Giống em, em cũng ở ở nhà quê anh San ạ!

Bức rào ngăn cách giữa hai người vì sự ngỡ ngàng lúc ban đầu đã bị rách. Câu chuyện giữa San và Oanh tự nhiên cởi mở dần.

Tuổi trẻ kỳ lạ thật! Cảm xúc nhạy bén, niềm tin chính xác, bằng trực an không thể giải thích, họ biết dành cho nhau một chỗ chứa đúng lúc cho những tình cảm mạnh mẽ và chân thành.

Nghe Oanh nói, và nàng nói rất say sưa, như nói với người bạn tri kỷ quen lâu năm. San thấy lòng mình nhẹ nhõm, như được thả lỏng như đang bay bổng, chơi vui với những kỷ niệm đẹp tuyệt vời của Oanh.

Oanh kể chuyện. Câu chuyện dẫn San đi về vùng biển quê xa. Bãi biển cát trắng phau phau, có nhiều cây màu sắc đẹp rực rỡ, anh nàng bắt cá rất giỏi. Nàng bắt cá rất kém, cá chạy nhanh như gió, cả ngày chỉ bắt được vài con. Sức nàng yếu, bố mẹ sợ nàng bị chết đuối, cấm nàng ra bãi một mình. Nàng thích tắm biển, hay trốn nhà ra bãi, hay bị mắng. Nàng rất... như con cá! Nàng sợ ma, sợ chuột, sợ bóng tối, đêm ngủ, nàng trùm chăn kín đầu, cho dù vẫn thắp sáng đèn...

Oanh dẫn San đi tiếp, chỉ cho San thấy ngôi trường, lớp học Oanh đến thực tập nghề nhà giáo. San nhìn thấy một đám đông các em học sinh, nghe tin cô giáo chuyển trường, chạy theo đòi cô giáo ở lại. Các em mến cô giáo, không muốn xa cô. San thú vị, cười tủm tỉm, thích thoảng lại xen vào những nhận xét pha trò vui vui, chăm chú nghe chuyện Oanh, như được khích lệ.

Oanh không ngừng kể tiếp:

- Trong nghề dạy học anh ạ! Nhà giáo phải biết tự kiềm chế tình cảm, không được quá hiền với học sinh. Hiền, dễ bị học sinh coi thường, bắt nạt, không hoàn thành nghiệp vụ. Vẫn biết thế, em không làm được. Nghề của em còn non lắm. Anh San biết không, có lần em mắng một học sinh hay ngủ gật trong lớp. Học sinh này bị em phạt đứng khoanh tay. Nó xin lỗi em và nói, bố nó bị xử bắn vì tội ăn cướp, mẹ nó đi tù vì tội buôn lậu, bà nó mù loà. Đi học về, nó phải dẫn bà nó ra ga ăn xin. Em nghe nói, tự nhiên nước mắt

em chảy tràn rồi khóc hưng hức. Thế là cả cô và trò đều khóc, không thành buổi học. Lại một lần nữa, giảng bài, em nói: "Cô có 7 gói xôi, nếu bán cho 7 em, hỏi cô còn thừa mấy gói?" trong lớp nhiều em giơ tay, em nghe thấy cuối bàn có hai em học sinh bảo nhau: "Nhẫn thín mày ạ!" Em buồn cười vì hai chữ "nhẫn thín," cười rũ ra làm cả lớp cười theo, tiếng cười cứ thế lan ran mãi không chấm dứt. Em bé học sinh trưởng lớp đề nghị: "Thưa cô! xin cô đừng cười nữa ạ! Cô cười làm các bạn ấy tưởng cô đùa, không chịu yên lặng." Em bèn giả bộ nghiêm mặt mắng các em: "Các em tưởng cô nhờn với các em đấy phỏng? Cô cười là cái 'khác kia' chứ không phải cái các em đang cười!" Khi cả lớp đã im lặng rồi, em quay lên bảng viết. Nghĩ thế nào, em lại cười rũ ra, làm cả lớp cười theo. Sao em không nhịn được cười nhỉ? Nhịn cười dễ lắm kia mà!

San và Oanh cùng phá lên cười như nắc nẻ. San trêu chọc Oanh:

- Sao không ví dụ' "7 gói xôi của em 'CHO' học sinh mà lại 'BÁN' cho học sinh?"

Oanh nói giọng buồn buồn:

- Lương của em có 70,000 đồng, không đủ sống. Em vẫn phải kiếm thêm bằng nghề bán xôi. Anh tính, một đôi guốc cao gót, một cái nón quang dầu đội đầu, cả tháng lương mua không nổi. Muốn đi thăm học sinh, chả biết ăn mặc thế nào nữa! Làm nghề giáo ăn mặc luộm thuộm... Nhưng chẳng còn biết làm gì hơn. Nhiều khi tiền mua cái bút, cặp giấy còn không có.

San lắc đầu đồng tình:

- Thật thế à? Mỗi ngày em bán xôi như vậy kiếm thêm được bao nhiêu?

Oanh thật thà như nói với người anh ruột thịt:

- Có ngày vài 100, có ngày vài 1,000 có ngày ế, ăn xôi trừ bữa lại còn nợ tiền đi vay vốn.

- Bây giờ còn nợ không?

- Em còn nợ bà Bí 80,000 đồng.

Đang vui cười, giọng nói Oanh nhỏ và chậm dần lại, có vẻ như ngần ngại muốn chấm dứt câu chuyện. San cúi đầu chằm thuốc lá hút, San thở nhẹ cuộn khói mỏng qua cánh mũi. Sau một hồi im lặng, San dục Oanh nói tiếp:

- Em có gặp nhiều khó khăn lắm không?

- Em vay vốn bà Bí, phải trả lãi, không có tiền, bà dọa ra giữa sân trường chửi em cho học sinh nghe. Em van lạy bà. Bà giới thiệu em đến vay chị Mộng Nga... Chị Mộng Nga bắt em phải ngồi nói chuyện với anh, thì chị ấy trừ nợ cho. Em sợ quá ...

- À! Ra thế... !!!

- Anh tên là gì nhỉ?

- À! Xin lỗi em. Anh quên chưa giới thiệu tên. Anh tên là San, tên cũ là Cu Tý.

- Anh San để ở đâu?

- Nhà quê.

- Giống em, em cũng để ở nhà quê anh San ạ!

...

Khuyết danh

Trần Văn Giang (st)

Phụ đính 4

Đảng ta đang loay hoay với XHCN (!)

Ông anh tôi chót đại vênh váo vì mua được với giá “cực rẻ” một chiếc máy vi tính (“computer”) ở hiệu đồ cũ. Hồi đó, ai có cái máy vi tính là oai lắm, nhưng anh tôi chỉ vênh váo được một thời gian ngắn, rồi chán ngán ngay. Bỏ thì thương, vương thì tội. Bởi vì nó cứ hỏng lên, hỏng xuống, tiền sửa chữa và “nâng cấp” còn tốn hơn cả số tiền có thể mua cái máy mới. Lại còn chuyện mất “dữ liệu” nữa chứ!

Nhưng tự thú nhận trước đây mình đại dột, dốt nát, thì ngượng với bàn dân thiên hạ. Định quảng cái máy cũ, lạc hậu đi, rước cái mới về... thì chưa có lý do chính đáng để xin tiền cha mẹ. Thế là... “anh chàng ta đang loay hoay với cái máy tính lạc hậu, phản chủ.” Đó là nguyên văn câu của bà chị dâu tương lai của tôi chế nhạo ông anh tôi.

Tôi xin mượn ý của câu này để nói rằng: “đảng ta” đang loay hoay với cái “Xã Hội Chủ Nghĩa (XHCN) tai họa.” Tôi thấy có nhiều điều rất tương đồng, chỉ khác ở mức độ “vi mô” và “vĩ mô” mà thôi. Một bên là nỗi ngượng nhỏ, thiệt hại nhỏ, cái máy vi tính chẳng đáng là bao; còn một bên là biển khổ cho toàn dân, tồn vong của đất nước và nỗi nhục muôn đời cho những người có quyền lực đưa dân vào con đường sai trái trầm luân...

Loay hoay sửa chữa cái chủ nghĩa có hại và phản chủ.

Thế hệ cha mẹ tôi nói:

Phải từ bỏ “thị trường có tổ chức, Xã Hội Chủ Nghĩa” (để sẽ tiến tới “xoá bỏ” nó) chuyển sang công nhận “thị trường tự do, Tư Bản Chủ Nghĩa” là điều rất đau đớn, bẽ mặt của “đảng ta.”

Thế hệ sinh ra chúng tôi đã suốt ngày đêm được nghe đảng ta lên án, kết tội thị trường tự do vì nó gắn liền với bản chất của chủ nghĩa tư bản, do đó là kẻ thù của XHCN.

Thế hệ sinh ra chúng tôi đã suốt ngày đêm được nghe đảng ta lên án, kết tội thị trường tự do vì nó gắn liền với bản chất của chủ nghĩa tư bản, do đó là kẻ thù của XHCN.

Thời các cụ, những người đi buôn bán thương mại bị đảng nói thẳng vào mặt là “không có tương lai.” Thế mà tới lúc “đảng ta” đành công nhận thị trường, đành muối mặt giải thích cho những người (như cha mẹ chúng tôi) đã được học chính trị Mác-Lênin quá kỹ rằng (thì là)...

“Thị trường là thành quả của tiến bộ nhân loại, xã hội nào cũng có thể sử dụng (?)”

Các bạn nghĩ gì khi nghe nói “cơ chế thị trường định hướng XHCN?” Gắn cái đuôi XHCN vào cơ chế thị trường chẳng qua chỉ là sự vót vát cho đỡ bẽ mặt mà thôi. Xin các bạn hãy chịu khó quan sát: khi nước ta vào WTO thì cái đuôi “XHCN” gắn vào cơ chế thị trường sẽ teo dần và sẽ cụt hẳn. Đố “đảng ta” cưỡng nổi.

Mới ngoài 20 tuổi, chúng ta có đủ thời gian để chứng kiến điều này.

Vậy XHCN ở Việt Nam còn lại cái gì?

Cùng với sự vứt bỏ “thị trường có tổ chức, XHCN” (do đảng giám sát, quản lý), đảng đã vứt nốt cái xương sống của chủ nghĩa Mác-

Lênin mà cha mẹ chúng ta đã học quá kỹ. Nay đảng muốn thể hệ này quên đi mà họ không quên nổi; và họ cứ nhè vào chỗ này mà mĩa mai “đảng ta.” Đó là cái nguyên tắc “công hữu hoá tư liệu sản xuất.”

Thế hệ chúng ta không còn phải nghe đến “công hữu hoá tư liệu sản xuất” nữa, hoặc nghe dưới dạng khác, mang nặng tính chất thanh minh, chữa thẹn. Ngược lại, chúng ta được nghe “cắt nghĩa” và nhìn tận mắt về chuyện các đồng chí đảng viên có quyền “tiến lên” thành nhà tư bản, lớn mọi cỡ.

Đảng vẫn loay hoay sửa chữa XHCN.

Xin kể vài điều dễ thấy.

Trước hết, đó là đưa đất đai thành “sở hữu toàn dân, do nhà nước của đảng thống nhất quản lý,” thể hiện ở “Luật Đất Đai.”

Đây là cái bộ Luật mà nhóm Thảo – Xuân (?) gọi thẳng là sản phẩm của “tư duy phản động.” Chúng ta thấy luật này chống lại tình hình thực tiễn ở đất nước ta, gây đảo lộn cuộc sống bình thường, làm đau khổ oan ức hàng chục triệu dân, thiệt hại nhiều mặt và vô kể cho đất nước, nuôi béo bọn tham nhũng... Có lẽ dùng từ “phản động” là không oan.

Các bạn có đề ý không? Cái gọi là “Luật Đất Đai” này đã được sửa chữa năm lần bày lượm, nói lên “đảng ta” đang loay hoay sửa chữa một chủ nghĩa mà lịch sử đã phế bỏ, trên thế giới chỉ còn 4 nước theo đuổi và đều là những nước độc đảng, độc tài...

Tiếp theo nữa, đó là chủ trương “quốc doanh giữ vai trò chủ đạo” trong nền kinh tế. Loay hoay cách nào thì quốc doanh dù được mọi ưu tiên vẫn cứ thua lỗ triền miên. Nếu có lãi, xin hãy coi chừng đó là “lãi giả,” hoặc lãi do được ưu tiên độc quyền. Các con số do kiểm toán nêu ra (dù chỉ được phép nêu một phần) khiến dân ta phẫn nộ với cái “quốc doanh” này. Rốt cuộc, vẫn là dân chịu hậu quả.

Đi ngược lại cuộc sống bình thường như vậy liệu có nên gọi cái chủ trương “quốc doanh chủ đạo” là “phản động?” Xin các bạn tìm cho một tính từ khác, nhẹ hơn.

Tôi còn có thể kể thêm những chuyện đảng ta “loay hoay” trong văn nghệ, giáo dục, khoa học... sao cho chúng khỏi mất đặc trưng XHCN, nhưng sợ rằng sẽ quá dài, và bị rửa là “lắm chuyện” và “phản động!”

Loay hoay sửa chữa như vậy để làm gì?

Ban đầu, loay hoay sửa chữa để mong XHCN thoát cơn khủng hoảng chết người. Sau 20 năm “đổi mới” dần dần “đảng ta” (cũng như ông anh khôn khổ của tôi với cái máy vi tính) nhận ra cái XHCN này quá cở lổ, lạc hậu; đáng vứt đi, phải thay thế vì không thể nào sửa chữa được nữa,,. Nhưng vứt ngay thì ngược. Đến nay, “đảng ta” rút cuộc cũng loay hoay chuẩn bị dư luận và điều kiện để vứt bỏ hẳn XHCN.

Đảng cộng sản sẽ chuyển thành một đảng hữu sản, tư bản. Con cháu cán bộ cao cấp đang tư bản hoá, ví dụ bác Lê Kiên Thành (con cụ Lê Duẩn) đã thành nhà tư bản từ khuya rồi... Thêm nữa, nhiều người chuẩn bị cho con cái thành những chính khách lớn trong tương lai. Bất tài như anh Nông Quốc Tuấn cũng đã có hàm thứ trưởng (phó trưởng ban Dân Tộc của chính phủ)... Khi nước ta thành nước tư bản, con cháu các đảng viên cao cấp hiện nay vẫn chiếm địa vị ăn trên ngồi trốc trong xã hội tương lai... dân đen thì chỉ có nước tiếp tục quét lá đa...

Tôi xin hỏi các bạn: “Chúng ta thảo luận có nên theo đảng “kiên trì” XHCN hay không?... để làm gì, trong khi “đảng ta” loay hoay quẳng bỏ cái XHCN này đi?

Dân Việt Nam 8X

Trần Văn Giang (st)

Phụ đính 5

Tổng cựa, nghinh tân!

(từ biệt cái cũ, đón chào cái mới)

Cứ vào những ngày “tổng cựa nghinh tân” là người Việt lại muốn biết năm mới thế nào: làm ăn có phát đạt không? Sức khỏe ra sao? Rộng hơn nữa thì muốn biết nước nhà có những biến độ gì.

Chính vì muốn biết tương lai nên xưa nay người Việt thường hay thích xem Tử Vi, bói toán và những đọc những Sấm Ký của tiên nhân để lại.

Ai cũng biết những câu Sấm của trạng Trình (Nguyễn Bình Khiêm) như:

“Cao Bằng tuy thiếu, khả niên số thể” dành cho nhà Mạc (Cao Bằng tuy nhỏ nhưng lên đó cũng giữ được vài đời)

“Hoành Sơn nhất đái, vạn đại (khả dĩ) dung thân” dành cho nhà Nguyễn. (giữ miền đất từ núi Hoành Sơn thì dung thân được)

“Tìm giống cũ mà gieo mạ,” “Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản” dành cho họ Trịnh...

Hoặc:

*“Đụn Sơn phân giải,
Bò Đái thất thanh,
Nam Đàn sinh Thánh.”*

Kể cũng lấy làm lạ, câu Sấm này toàn thấy phân, giải, bò đái... thiết tưởng điềm báo “sinh Thánh“ của ruồi bọ, có phải vậy không? Lúc đó thời tiết bất thường, núi Đụn bị lở (phân giải), khe suối Bò Đái cạn kiệt (thất thanh) và tại Nam Đàn, Bác Hồ đã ra đời.

Ngoài ra còn có những câu khác cũng khá phổ biến:

*Bao giờ Thạch nổi, Mao chìm
Đồng khô Hồ cạn búa liềm ra tro*

Thạch (đá) nặng thế mà sao lại nổi? Mao (lông) nhẹ thế sao lại chìm? Hóa ra Thạch là Tướng Giới Thạch, chạy ra đảo Đài Loan, chẳng nổi là gì. Sau này cũng chết trên đảo coi như là chết nổi vậy. Mao là Mao Trạch Đông, cũng chìm dưới ba thước đất rồi. Hồ Chủ Tịch mất (cạn) đã lâu. Bác Phạm Văn Đồng ra đi (khô) vào 29/4/2000. Lúc đó đảng viên làm kinh tế tư nhân rất nhiều, vậy quả thật búa liềm (đảng kỳ) đã ra tro ?

Một câu khác cũng tương tự như vậy nhưng mang nhiều hoài vọng hơn:

*Bao giờ Hồ cạn, Đồng khô
Chinh rơi, Giáp rách, cơ đồ mới yên*

Bác Trường Chinh ngã (rơi) đập đầu trong phòng tắm, xuất huyết não qua đời. Tướng Giáp thật thượng thọ (chưa rách) nên cơ đồ chưa yên. Mưa đá ở Hà Nội, bão lũ quét khắp nơi, gà mái gáy, đồng bằng sông Cửu Long mất mùa vì sâu bệnh, cúm gia cầm cúm lợn tái phát, tham nhũng càng đẹp càng nhiều, giáo dục suy đồi, đạo đức tha hóa...

Hà Nội là nơi địa linh nhân kiệt nên chẳng thể nào thiếu được những câu vè, câu đồng dao, hay sấm. Các vị lão niên Hà Thành từng lắm nhảm (nói to thì phiền lắm!):

*Giàu như Đôn - Phú
Lú lẫn như Trọng
Lật lọng như Nghiên
Ăn tiền như Triệu*

- *Lê Quý Đôn*: Phó chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (cướp đất của dân trên đường Nguyễn Quý Đức...)

- *Phùng Hữu Phú*: thôi chức Phó bí thư thường trực Thành uỷ Hà Nội để nhận nhiệm vụ Phó ban thường trực Ban Tư tưởng Văn hoá TƯ.

- *Nguyễn Phú Trọng*: thôi làm Bí thư Thành uỷ Hà Nội. 26/6/2006 đảm nhận chức vụ Chủ tịch Quốc Hội.

- *Hoàng Văn Nghiên*: Cựu chủ tịch UBND TP. Hà Nội (nhà công biến thành nhà tư).

- *Nguyễn Quốc Triệu*: Chủ tịch uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Dân cả nước thì lại nói:

*Phá như Hùng
Khùng như Tuyên
Ứng khuyến như Hợp
Hay đọp như Thắng*

- *Hồ Xuân Hùng*: nguyên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Hiện nay là Phó trưởng ban Ban Đối mới và Phát triển Doanh nghiệp Nhà nước.

- *Trương Đình Tuyên*: Bộ trưởng Bộ Thương mại (ví việc vào WTO như lấy vợ).

- *Lê Doãn Hợp*: Phó ban Tư tưởng Văn hoá Trung ương (“góm quân ung khuyến, ghê bày Sở Khanh” - Truyện Kiều, Nguyễn Du)

- *Hoàng Tất Thắng*: Phó Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.

Nhưng đặc biệt nổi bật nhất là bài sấm ký sau:

*Con Hoa, thằng Duyệt phiêu diêu
Thằng Long vẫn hiển tiêu điều xác xơ
Triết, An, Hoan, Trọng, Khoa, Diêm
Nông, Lương, Khải, Diễm, Được Trà, Sang, Anh
Non sông tổ quốc tan tành
Buôn dân bán nước Đảng thành thây ma.*

Chắc hẳn những ai quan tâm đến vận mệnh nước nhà đều biết các nhân vật được nêu danh ở trên. Hy vọng năm mới sẽ có những bài sấm ký khác được giải mã hoặc truyền miệng để nhân dân biết đường mà tiên liệu.

“*Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách,*” mong lắm thay đất Việt năm mới sẽ xuất hiện nhiều Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Văn Đài, Phạm Hồng Sơn, Đỗ Nam Hải, Trương Quốc Huy, Nguyễn Ngọc Quang, Vũ Hoàng Hải, Phạm Bá Hải, Lê Công Định... cả những nữ nhi con cháu bà Trưng bà Triệu như: Lê Thị Công Nhân, Trần Khải Thanh Thủy, Dương Thị Xuân... và nhiều người Việt sẽ lại truyền miệng những câu sấm ký về những con người dũng cảm này, những bài sấm ký hào hùng mang niềm tin vào một ngày mai sang lạn hơn của đất nước.

Khuyết danh

Trần Văn Giang (st)

Sơ Lược Tiểu Sử Tác giả



1- Cá nhân

- Tên thật: **Trần Văn Giang**.
- Ngày và nơi sinh: Sinh năm 1950 tại Hải Phòng.
- Tình trạng gia đình: Vợ và 2 con.
- Tình trạng cư trú: Nguyên là “thuyền nhân (boat people). Hiện đang định cư tại Hoa Kỳ (Orange County, California - USA).

2- Học vấn:

- Tiểu Học Cầu Kho (sau đổi tên là trường Tiểu Học Trần Hưng Đạo) - Sài Gòn, 1961.
- Trung Học Mạc Đĩnh Chi - Sài Gòn, 1968.
- **Kỹ Sư Canh Nông**, Khóa 10, Cao Đẳng Canh Nông - Sài Gòn, 1968-1972.
- Tu Nghiệp về Biện Chế Thực Phẩm (Food Processing) và Đa Canh (Multiple Croppings) tại Đài Loan, 1974.

- **Kỹ Sư Điện Tử** (BSEE), University of California at Los Angeles (**UCLA**) 1979-1983.
- Certified Computer Network Technician (Cisco - 2001)
- Certified Computer Hardware Technician (CompTia A+ PC- 2001)

3- Kinh nghiệm:

- **Chuyên Viên Nông Nghiệp**: Bộ Canh Nông VNCH, 1972-1975.
- Rửa chén và phụ bếp, 1975-1979.
- **Senior Radar Systems Designer / Engineer**:
 - o Shipboard Radar systems - Làm việc cho hãng ITT (Engineer, designing Radar systems dùng trên tàu chiến – Shipboard Radar), 1983-1985;
 - o Airborn Radar systems - Làm việc cho hãng Westinghouse (Engineer, designing Radar systems dùng trên phản lực chiến đấu – Jet Fighters Radar), 1985-1991.
- Nhiều nghề vặt (Odd Jobs) để đi học lại Computer Networking (1991-2002)
- **Systems Analyst / Application Developer / IT Tech**: Hiện đang làm việc cho Los Angeles County, từ năm 2002 cho đến nay.
- **Hợp tác với các báo**:
 - o Nhật báo: Việt Báo, Sài Gòn Nhỏ (Orange County - California);
 - o Nguyệt báo: Hồn-Việt, Nguyệt San KBC (Orange County - California); Việt Báo Carolina (North Carolina); Nguyệt San Viên Giác (Đức).
 - o Tuần báo: Saigon Times (Úc), Nam Úc Tuần Báo (Úc).
 - o và một số trang điện báo Việt ngữ toàn cầu.

Xin mời đọc các tựa sách khác cùng một tác giả đã phát hành:

- *Đất Lạ* (2010).
- *Ruột Đau Chín Chiều* (2010).

Địa chỉ email / liên lạc của tác giả: tranvangiang17@yahoo.com